

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Công Vụ

Các Sứ Đồ

13-28

Warren W.
Wiersbe

Công Vụ

Các Sứ Đồ

13-28

Warren W. Wiersbe

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

văn phẩm nguồn sống

Cong Vu

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

LỜI MỞ ĐẦU

Tâm lý gia Williams James từng nói: “Đời sống có gian nguy thì mới đáng gọi là đời sống.” Earl Nightingale, một người thích phiêu lưu mạo hiểm, nói thêm: “Nơi đâu có nguy hiểm, nơi ấy có cơ hội; nơi nào có cơ hội, tất có nguy hiểm rình rập.”

Sứ đồ Phao-lô và các đồng sự của ông chắc phải tán thành các phát biểu trên đây vì đời sống của chính các ngài đã chứng tỏ như thế. Trong thời kỳ Hội Thánh đầu tiên, các ngài đã thi gan với biết bao khó khăn, nguy hiểm chỉ vì danh của Đức Chúa Giê-xu Christ (15:26).

Chính vì thế tôi muốn đặt tên cho tập chú giải này là “Hãy Can Đảm”. Nửa phần đầu của sách *Công Vụ* (chương 1-12) cổ vũ ta phải “Sống Động”. Mà muốn Sống Động, chúng ta phải Can Đảm. Xin Chúa đặt để chúng ta tại nơi cần có hành động và chúng ta cũng cầu xin Ngài ban cho đủ can đảm để hành động. Xin đừng thụ động ngồi yên làm khách bàng quan, mặc cho tình thế diễn biến.

Nhà danh họa Vincent van Gogh bảo rằng “Các ngư phủ thừa biết rằng biển cả đầy nguy hiểm và bão tố rất khủng khiếp nhưng đó không phải là lý do để họ không căng buồm ra khơi.” Các ngư phủ chỉ vì bát cơm mà bất chấp biển cả cùng giông tố, còn các tay “đánh lưới linh hồn” lại nề hà gian khổ hay sao?

Đây là lúc chúng ta phải tiến lên, phải CAN ĐẢM!

Warren W. Wiesbe

Mục Lục

1. Đức Chúa Trời Mở Các Cửa	11
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 13-14</i>)	
2. Đứng Đóng Các Cửa	30
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 15:1-35</i>)	
3. Thêm Nhiều Cơ Hội	46
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 15:36-16:40</i>)	
4. Đáp Ứng Lời Đức Chúa Trời	60
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 17</i>)	
5. Đứng Vội Bỏ Cuộc	76
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 18:1-22</i>)	
6. Phúc Âm Tại Ê-phê-sô	91
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 18:23-19:41</i>)	
7. Lời Tạm Biệt	107
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 20</i>)	
8. Bị Hiếu Lâm	123
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 21:1-22:29</i>)	
9. Tù Nhân Phao-lô	141
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 22:30-23:35</i>)	
10. Chứng Nhân Phao-lô	155
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 24</i>)	
11. Phao-lô Biện Hộ	171
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 25-26</i>)	
12. Phao-lô Đến La Mã	188
(<i>Công Vụ Các Sứ Đồ 27-28</i>)	

DÀN BÀI

SÁCH CÔNG VỤ CÁC SỨ ĐỒ

Chủ đề: Sự phát triển của Hội Thánh

Câu Kinh Thánh Chủ Đề: Công Vụ Các Sứ Đồ 1:8.

I. MỤC VỤ CỦA SỨ ĐỒ PHI-E-RƠ (1-12)

Giê-ru-sa-lem trung tâm điểm

Mục vụ cho dân Y-sơ-ra-ên

1. Phi-e-rơ và người Do Thái (1-7)
2. Phi-e-rơ và người Sa-ma-ri (8)
3. Sự cải đạo của Phao-lô (9)
4. Phi-e-rơ và dân ngoại (10-11)
5. Phi-e-rơ bị bắt và được giải thoát (12)

II. MỤC VỤ CỦA SỨ ĐỒ PHAO-LÔ (13-28)

An-ti-ốt trung tâm điểm

Mục vụ cho dân Ngoại

1. Hành trình truyền giáo lần thứ nhất của Phao-lô (13-14)
2. Hội nghị tại Giê-ru-sa-lem (15)
3. Hành trình truyền giáo lần thứ hai của Phao-lô (16:1-18:22)
4. Hành trình truyền giáo lần thứ ba của Phao-lô (18:23-21:17).
5. Phao-lô bị bắt, chuyển đến Rô-ma (21:18-28:31).

ĐỨC CHÚA TRỜI MỞ CÁC CỬA

Công Vụ Các Sứ Đồ 13-14

Chúng ta thường thấy việc truyền giảng Phúc Âm diễn ra tại những nông thôn yên tĩnh của xứ Palestine nơi Chúa Giê-xu đã thi hành chức vụ. Đến khi đọc sách *Công Vụ Các Sứ Đồ* ta ngạc nhiên thấy các hoạt động của Hội Thánh hầu hết nằm trong các vùng đô thị. Sử gia Wayne A. Meeks viết rằng "Trong vòng mười năm sau khi Chúa Giê-xu bị đóng đinh, văn hóa nông thôn Palestine đã bị xóa mờ, và các đô thị kiểu La Mã - Hy Lạp đã trở thành môi trường thuận lợi cho phong trào Cơ Đốc" (*The First Urban Christians*, trang 11 - Những Cơ Đốc Nhân Thành Thị Đầu Tiên).

Hội Thánh khởi đầu ở Giê-ru-sa-lem, rồi lan đến các thành phố khác, kể cả Sa-ma-ri, Đa-mách, Sê-sa-rê và An-ti-ốt ở xứ Sy-ri. Có ít nhất 40 thành phố khác nhau được kể tên trong *Công Vụ Các Sứ Đồ*. Từ An-ti-ốt, Phao-lô và những phụ tá của ông đã đem Phúc Âm đến khắp thế giới được biết lúc bấy giờ. Những ký lục trong *Công Vụ 13:28* hầu như là một bài địa lý cổ. Khoảng năm 56, Sứ đồ Phao-lô viết: "Vì vậy từ thành Giê-ru-sa-lem và các miền chung quanh cho đến xứ I-ly-ri, tôi đã truyền giảng Phúc Âm của Đấng Christ một cách đầy đủ!" (*Rô-ma 15:19*).

Qua hai chương này, Bác sĩ Lu-ca mô tả chức vụ của Phao-lô ở sáu thành phố, khởi đầu và kết thúc tại thành An-ti-ốt.

1. Thành An-ti-ốt Ở Xứ Sy-ri – Sự Quyết Định

Công Vụ Các Sứ Đồ 13:1-5

¹Trong Hội Thánh tại thành An-ti-ốt có mấy người tiên tri và mấy thầy giáo sư, tức là: Ba-na-ba, Si-mê-ôn gọi là Ni-giê, Lu-si-út người Sy-ren, Ma-na-hem là người đồng đương với vua chư hầu Hê-rốt, cùng Sau-lơ. ²Đương khi môn đồ thờ phượng Chúa và kiêng ăn, thì Đức Thánh Linh phán rằng: Hãy để riêng Ba-na-ba và Sau-lơ đứng làm công việc ta đã gọi làm. ³Đã kiêng ăn và cầu nguyện xong, môn đồ bèn đặt tay trên hai người, rồi để cho đi.

Phao-lô và Ba-na-ba tại đảo Chíp-rơ. – Sê-giút Phaulút trở lại đạo.

⁴Vậy, Sau-lơ và Ba-na-ba đã chịu Đức Thánh Linh sai đi, bèn xuống thành Sê-lơ-xi, rồi từ đó đi thuyền đến đảo Chíp-rơ.

⁵Đến thành Sa-la-min, hai người giảng đạo Đức Chúa Trời trong các nhà hội của người Giu-đa; cũng có Giảng cùng đi để giúp cho.

Nhà truyền giáo thánh thiện ở xứ Ấn Độ và Ba Tư, Henry Martyn có lần đã nói: “Thần linh của Đấng Christ là tinh thần của sự truyền giáo và càng đến gần Ngài, chúng ta càng phải trở thành giáo sĩ nhiệt thành hơn.” Phao-lô (Sau-lơ) và Ba-na-ba đã có cảm nhận đó khi thi hành chức vụ ở An-ti-ốt và được Thánh Linh kêu gọi để đem Phúc Âm đến thế giới La Mã.

Cho đến lúc này, Giê-ru-sa-lem vẫn là trung tâm của sự mục vụ, và Phi-e-rơ là sứ đồ chủ chốt. Nhưng từ thời điểm này trở đi, An-ti-ốt xứ Sy-ri sẽ trở thành trung tâm mới (*Công Vụ 11:19*) và Phao-lô là nhà lãnh đạo mới.

Lu-ca liệt kê năm người khác nhau thi hành chức vụ trong Hội Thánh: *Ba-na-ba*, người chúng ta đã gặp (*Công Vụ 4:36-37; 9:27; 11:22-26*); *Si-mê-ôn*, có lẽ xuất thân từ Phi Châu vì ông có biệt danh “Đen”; *Lu-si-út*, đến từ Sy-ren và có lẽ là một trong những người thành lập Hội Thánh ở An-ti-ốt (*Công Vụ 11:20*); *Ma-na-hem*, là bạn thân (hoặc có lẽ là một anh em nuôi) của vua Hê-rốt

Antipas, người đã giết Giăng Báp-tít, và *Sau-lơ* (Phao-lô), người cuối cùng trong danh sách nhưng về sau trở thành người đứng đầu.

Những người này phục vụ như “những tiên tri và thầy giáo” trong một Hội Thánh địa phương. Các tiên tri đã giúp đặt nền cho Hội Thánh khi họ rao ra Lời Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 2:20; *I Cô-rinh-tô* 14:29-32). Các “thầy giáo” giúp những người qui đạo vững vàng trong niềm tin (*II Ti-mô-thê* 2:2).

Đức Chúa Trời đã kêu gọi Phao-lô dạy dỗ cho dân ngoại (*Công Vụ* 9:15; 21:17-21), và giờ đây ông mời Ba-na-ba hợp tác với ông. Hội Thánh đã xác nhận sự kêu gọi của hai ông và giao nhiệm vụ cho. Đó là chức vụ của Thánh Linh, hành động qua Hội Thánh địa phương để trang bị và chọn những tín hữu đi ra phục vụ. Ngày nay các tổ chức truyền giáo chuyên lo gửi người đi các nơi để thực hiện các công tác do các Hội Thánh địa phương ủy nhiệm.

Ba-na-ba và Phao-lô đã đem Giăng Mác theo làm phụ tá. Ông là bà con của Ba-na-ba (*Công Vụ* 4:10) và nhà mẹ ông ở Giê-ru-sa-lem là một nơi hội họp cho các tín hữu (*Công Vụ* 12:12). Có thể chính Phi-e-rô đã dẫn dắt Giăng Mác đến với đức tin trong Đấng Christ (*I Phi-e-rô* 5:13). Giăng Mác chắc đã giúp đỡ Ba-na-ba và Phao-lô trong nhiều phương diện, để hai vị này dành thì giờ tập trung vào nhiệm vụ chính yếu là truyền giáo.

2. Thành Ba-phô – Sự Đối Trá

Công Vụ Các Sứ Đồ 13:6-12

⁶Trải qua cả đảo cho đến thành Ba-phô rồi, gặp một người Giu-đa kia, là tay thuật sĩ và tiên tri giả, tên là Ba-Giê-su, ⁷vốn ở với quan trấn thủ tên là Sê-giút Phau-lút là người khôn ngoan. Người này đã sai mời Ba-na-ba và Sau-lơ đến, và xin nghe đạo Đức Chúa Trời. ⁸Nhưng Ê-ly-ma, tức là thuật sĩ (ấy là ý nghĩa tên người), ngăn hai người đó, ráng sức tìm phương làm cho quan trấn thủ không tin. ⁹Bấy giờ, Sau-lơ cũng gọi là Phao-lô,

14 / Công Vụ Các Sứ Đồ

đây đây Đức Thánh Linh, đối mặt nhìn người, nói rằng: ¹⁰Hỡi người đây mọi thứ gian trá và hung ác, con của ma quỷ, thù nghịch cùng cả sự công bình, người cứ làm hư đường thẳng của Chúa không thôi sao? ¹¹Này, bây giờ tay Chúa giá trên người; người sẽ bị mù, không thấy mặt trời trong ít lâu. Chính lúc đó, có sự mù mịt tối tăm phủ trên người, người xây quanh bốn phía, tìm kẻ để dắt mình. ¹²Quan trấn thủ thấy sự đã xảy đến, bèn tin, lấy làm lạ về đạo Chúa.

Phao-lô và Ba-na-ba đến Chíp-rơ trước là phải lẽ, vì đây là quê hương của Ba-na-ba (*Công Vụ* 4:36). Lu-ca không cho chúng ta chi tiết nào về mục vụ ở Sa-la-mi, trung tâm thương mại lớn ở mũi đông của hòn đảo. Chúng ta tin rằng một số người đã thật tin Phúc Âm và một hội chúng địa phương được thành hình. Lúc đó hai nhà truyền giáo đã đi 90 dặm đến thành Ba-phô ở mũi tây của hòn đảo, và ở đó họ gặp sự chống đối đầu tiên.

Ba-phô là thủ phủ của Chíp-rơ, và quan trấn thủ La Mã ở đó là Sê-giút Phau-lút, “một người hiểu biết”, muốn nghe đạo Đức Chúa Trời. Ông đã bị một tiên tri giả người Do Thái tên là “Con của Giê-xu (Joshua)” chống đối. Đây là một việc bất thường vì dân Do Thái theo truyền thống không được làm phù phép, thuật sĩ. Tên Ê-ly-ma nghĩa là “thuật sĩ” hoặc “người khôn ngoan.”

Sự kiện này giải thích thêm bài học Chúa Giê-xu đã dạy trong câu chuyện về cỏ lùng (*Ma-thi-ơ* 13:24-30, 36-43). Bất cứ nơi đâu Chúa gieo con cái thật của Ngài (lúa mì), Sa-tan cũng đến và gieo sự giả mạo (cỏ lùng), những đứa con của ma quỷ. Phao-lô đã nhận ra Ê-ly-ma là con cái ma quỷ (*Giăng* 8:44), nên ông đã giáng sự mù lòa trên tiên tri giả để đoán phạt. Phép lạ này cũng là chứng cứ cho Sê-giút Phau-lút tin rằng Phao-lô và Ba-na-ba là tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật và đã truyền rao sứ điệp cứu rỗi thật (*Hê-bơ-rơ* 2:4). Vị quan La Mã tin và được cứu.

Công Vụ 13:9 là nơi đầu tiên bạn tìm thấy danh xưng Phao-lô rất quen thuộc trong Tân Ước. Là một công dân

La Mã gốc Do Thái, tên đầy đủ của vị sứ đồ này có thể là “Sau-lơ Phao-lô”, vì nhiều người Do Thái có cả tên Do Thái lẫn tên La Mã.

3. Thành Bệ-t-giê - Đào Ngũ

Công Vụ Các Sứ Đồ 13:13

¹³Phao-lô với đồng bạn mình xuống thuyền tại Ba-phô, sang thành Bệ-t-giê trong xứ Bam-phi-ly. Nhưng Giăng lia hai người, trở về thành Giê-ru-sa-lem.

Tại sao Giăng Mác bỏ những người bạn của mình và trở về Giê-ru-sa-lem? Có lẽ chỉ đơn giản là nhớ nhà, hoặc có thể ông phật ý vì Phao-lô đã đoạt quyền lãnh đạo từ tay Ba-na-ba là bà con của ông. Mác là một người Do Thái tận tụy, và ông có thể cảm thấy không thoải mái khi thấy người ngoại được cứu. Một số người nghiên cứu Kinh Thánh nghĩ rằng sự trở về Giê-ru-sa-lem của Giăng Mác đã khiến dấy lên sự chống đối của những người Do Thái bảo thủ chủ trương bảo vệ luật pháp và chống đối Phao-lô (xem *Công Vụ 15* và thư tín *Ga-la-ti*).

Có thể còn một lý do nữa là Mác e ngại nguy hiểm khi đoàn truyền giáo đến những khu vực lạ và khó khăn. Nhưng vì lý do gì đi nữa, việc bỏ cuộc của Giăng Mác gây ra nhiều khó khăn đến nỗi Phao-lô phải chọn Ti-mô-thê thế vào (*Công Vụ 16:1-5*). Giăng Mác đã chuộc lỗi và cuối cùng được Phao-lô nhận lại (*II Ti-mô-thê 4:11*).

Suốt những năm chức vụ của tôi với tư cách một mục sư và là một thành viên của nhiều ủy ban truyền giáo, tôi đã chứng kiến nhiều giáo sĩ tận tụy đã hành động tương tự như Giăng Mác. Tôi cũng chứng kiến một số người được phục hồi cho công việc truyền giáo, nhờ những sự cầu nguyện và khích lệ của dân Đức Chúa Trời. A.T. Robertson đã nói rằng: Mác “đã leo lét trong cơn khủng hoảng” nhưng dần dần ngọn lửa lại bùng lên. Đây là một sự khích lệ đối với tất cả chúng ta.

4. Thành An-ti-ốt Ở Bi-si-đi - Tranh Luận

Công Vụ Các Sứ Đồ 13:14-52

¹⁴Về phần hai người, thì lia thành Bết-giê, cứ đi đường đến thành An-ti-ốt xứ Bi-si-đi; rồi nhằm ngày Sa-bát, vào trong nhà hội mà ngồi. ¹⁵Vừa đọc sách luật và sách các tiên tri xong, các chủ nhà hội sai sứ nói cùng hai người rằng: Hỡi anh em, nếu có mấy lời khuyên bảo dân chúng, hãy giảng đi.

¹⁶Phao-lô bèn đứng dậy, lấy tay làm hiệu, rồi nói rằng: Hỡi người Y-sơ-ra-ên và các người kính sợ Đức Chúa Trời, hãy nghe: ¹⁷Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên này đã chọn tổ phụ chúng ta; làm cho dân ấy thịnh vượng lúc ở ngụ nơi ngoại quốc, tức là trong xứ Ê-díp-tô, và Ngài dùng cánh tay cao dẫn họ ra khỏi xứ đó. ¹⁸Ước chừng bốn mươi năm, Ngài chịu tánh nét họ trong nơi đồng vắng. ¹⁹Lại khi đã phá bầy dân trong xứ Ca-na-an, Ngài khiến họ nhận lấy đất của các dân đó, ²⁰Độ trong bốn trăm năm mươi năm; kể đó Ngài lập cho họ các quan đoán xét cho đến đời tiên tri Sa-mu-ên. ²¹Bấy giờ, dân đó xin một vị vua, nên Đức Chúa Trời ban Sau-lơ, con của Ki-sơ, về chi phái Bê-ni-min, trị họ trong bốn mươi năm; ²²đoạn, Ngài bỏ vua đó, lại lập Đa-vít làm vua, mà làm chứng về người rằng: Ta đã tìm thấy Đa-vít con của Gie-sê, là người vừa lòng ta, người sẽ tuân theo mọi ý chỉ ta. ²³Theo lời hứa, Đức Chúa Trời bèn bởi dòng dõi người mà dấy lên cho dân Y-sơ-ra-ên một Cứu Chúa, tức là Đức Chúa Giê-xu. ²⁴Trước khi Đức Chúa Giê-xu chưa đến, Giăng đã giảng dạy phép báp-tem về sự ăn năn cho cả dân Y-sơ-ra-ên. ²⁵Giăng đang lo làm trọn công việc mình, thì nói rằng: Ta chẳng phải là Đấng mà các người tưởng; nhưng có Đấng đến sau ta, ta chẳng xứng đáng mở dây giày Ngài.

²⁶Hỡi anh em, là con cháu dòng Áp-ra-ham, và kẻ kính sợ Đức Chúa Trời, lời rao truyền sự cứu chuộc này đã phán cho chúng ta vậy. ²⁷Vì dân và các quan ở thành Giê-ru-sa-lem chẳng nhìn biết Đức Chúa Giê-xu này, nên lúc xử tội Ngài, chúng đã ứng nghiệm lời của các đấng tiên tri mà người ta thường đọc trong mỗi ngày Sa-bát. ²⁸Dù trong Ngài chẳng tìm thấy cơ gì đáng chết, họ cứ xin Phi-lát giết Ngài đi. ²⁹Họ đã làm cho ứng nghiệm mọi điều chép về Ngài rồi, thì hạ Ngài xuống khỏi thập tự giá mà chôn trong mồ. ³⁰Song Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài từ kẻ chết sống lại. ³¹Những kẻ theo Ngài từ xứ Ga-li-lê lên thành Giê-ru-sa-lem đã được thấy Ngài lâu ngày, và hiện

nay đều làm chứng về Ngài giữa dân chúng. ³²Còn chúng tôi, thì rao truyền cho các anh em tin lành này về lời hứa ban cho tổ phụ chúng ta, ³³rằng Đức Chúa Trời bởi khiến Đức Chúa Giê-xu sống lại thì đã làm ứng nghiệm lời hứa đó cho chúng ta là con cháu của tổ phụ, y như đã chép trong sách Thi Thiên chương thứ hai rằng: Con là Con trai ta, ngày nay ta đã sinh Con. ³⁴Ngài đã làm cho Đức Chúa Giê-xu sống lại, đặng nay khỏi trở về sự hư nát nữa, ấy về điều đó mà Ngài đã phán rằng: Ta sẽ thành tín giữ cùng các người lời hứa thánh đã phán với Đa-vít. ³⁵Lại trong câu khác, cũng có phán rằng: Chúa chẳng cho Đấng Thánh Ngài thấy sự hư nát đâu. ³⁶Vả, vua Đa-vít lúc còn sống, làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời, đoạn qua đời; người đã được trở về cùng các tổ phụ mình, và đã thấy sự hư nát; ³⁷nhưng Đấng mà Đức Chúa Trời đã khiến sống lại, chẳng có thấy sự hư nát đâu. ³⁸Vậy, hỡi anh em, khá biết rằng nhờ Đấng đó mà sự tha tội được rao truyền cho anh em; ³⁹lại nhờ Ngài mà hễ ai tin thì được xưng công bình về mọi điều theo luật pháp Môi-se chẳng có thể được xưng công bình. ⁴⁰Nên, hãy giữ lấy cho khỏi mắc điều đã chép trong sách tiên tri rằng:

⁴¹Hỡi kẻ hay khinh dể kia, khá xem xét, sợ hãi và biến mất đi;

Vì trong đời các người, ta sẽ làm một việc,

Nếu có ai thuật lại cho, các người cũng chẳng tin.

⁴²Khi hai người bước ra, chúng xin đến ngày Sa-bát sau cũng giảng luận các lời đó. ⁴³Lúc hội đã tan, có nhiều người Giu-đa và người mới theo đạo Giu-đa, đi theo Phao-lô và Ba-na-ba, hai người nói chuyện với họ và khuyên cứ vững lòng theo ơn Đức Chúa Trời.

⁴⁴Ngày Sa-bát sau, gần hết cả thành đều nhóm lại để nghe đạo Chúa. ⁴⁵Song những người Giu-đa thấy đoàn dân đó thì đầy lòng ghen ghét, nghịch cùng lời Phao-lô nói và mắng nhiếc người. ⁴⁶Phao-lô và Ba-na-ba bèn nói cùng họ cách dạn dĩ rằng: Ấy cần phải truyền đạo Đức Chúa Trời trước nhứt cho các người; nhưng vì các người đã từ chối, và tự xét mình không xứng đáng nhận sự sống đời đời, nên đây này, chúng ta mới xây qua người ngoại. ⁴⁷Vì Chúa có phán dặn chúng ta như vậy:

Ta lập người lên đặng làm sự sáng cho các dân,

Hầu cho người đem sự cứu rỗi cho đến cùng cõi đất.

⁴⁸Những người ngoại nghe lời đó thì vui mừng, ngợi khen đạo Chúa, và phàm những kẻ đã được định sẵn cho sự sống đời đời, đều tin theo.

18 / Công Vụ Các Sứ Đồ

⁴⁹Đạo Chúa tràn ra khắp trong xứ đó. ⁵⁰Nhưng các người Giu-đa xui giục những đàn bà sang trọng sốt sắng và dân đàn anh trong thành; gây sự bất bớ Phao-lô và Ba-na-ba, mà đuổi ra khỏi phần đất mình. ⁵¹Hai người đối cùng họ phải bụi nơi chân mình, rồi đi đến thành Y-cô-ni. ⁵²Còn các môn đồ thì được đầy dẫy sự vui vẻ và Đức Thánh Linh vậy.

Phao-lô và Ba-na-ba đã ra đi 100 dặm về hướng Bắc để đến An-ti-ốt, một đô thị ở cao độ 3600 bộ trên mực biển. Sứ đồ Phao-lô thường chọn những thành phố chiến lược để lập Hội Thánh, và từ đó tiếp tục công tác truyền giảng Phúc Âm trong những khu vực lân cận. Ta cũng để ý rằng, nơi đâu ông cũng khởi đầu công tác trong nhà hội địa phương nếu điều kiện cho phép, vì ông có một gánh nặng lớn đối với dân mình (*Rô-ma* 9:1-5; 10:1), mà trong các nhà hội cả người Do Thái lẫn người ngoại sẵn sàng nghe đạo Đức Chúa Trời.

Đây là bài giảng đầu tiên trong số những bài giảng của Phao-lô được chép trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*. Bài này có thể được chia thành ba phần, mỗi phần được bắt đầu bởi nhóm từ “Hỡi anh em.”

Chuẩn bị (*Công Vụ* 13:16-25). Trong phần này, Phao-lô đã điếm qua lịch sử Y-sơ-ra-ên, cao điểm với chức vụ của Giăng Báp-tít và sự giáng lâm của Đấng Mết-si-a. Ông cho biết chính Đức Chúa Trời là Đấng đã hành động vì Y-sơ-ra-ên, dọn đường cho sự giáng lâm của Đấng Mết-si-a đã được hứa. Ông cũng nhắc nhở rằng dân tộc này lúc nào cũng không trung tín với Chúa, với giao ước, và thường chống nghịch. Mọi người Do Thái mộ đạo đều biết rằng Đấng Mết-si-a sẽ đến từ dòng dõi Đa-vít, và một tiên tri sẽ loan báo sự giáng lâm của Ngài trước. Giăng Báp-tít là tiên tri đó.

Công bố (*Công Vụ* 13:26-37). Khi Phao-lô nói với người Do Thái lẫn người ngoại “kính sợ Đức Chúa Trời” trong giáo đoàn, ông thay đổi cách xưng hô, đổi từ ngôi thứ ba (“họ”) sang ngôi thứ hai (“anh em”). Ông giải

thích lý do những lãnh đạo của họ ở Giê-ru-sa-lem đã chối bỏ và đóng đinh Đấng Mết-si-a. Không phải vì họ đã không đọc hay nghe sứ điệp của các tiên tri, nhưng vì họ đã không hiểu sứ điệp. Mà sự đóng đinh Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét đã được báo trước qua các tiên tri rồi.

Chính sự phục sinh của Chúa Giê-xu là sự kiện quyết định: “Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại” (*Công Vụ* 13:30) (xem các câu 33-34 và 37). Phao-lô đã công bố Phúc Âm cho họ, “lời của sự cứu rỗi này” (*Công Vụ* 13:26) và “tin mừng này” (*Công Vụ* 13:32). Đấng Christ đã chết, Ngài đã bị chôn, và Ngài đã sống lại!

Vì Phao-lô nói với một hội chúng trong nhà hội nên ông sử dụng Kinh Thánh Cựu Ước để hỗ trợ cho lý lẽ của mình. *Thi Thiên* 2:7 được trích dẫn trong câu *Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:33 chủ ý nói về sự phục sinh chứ không phải sự giáng sinh của Đấng Christ. “Các huyết mới” (*Giăng* 19:41) giống như một “dạ con” từ đó Chúa Giê-xu ra đời trong vinh hiển phục sinh.

Sau đó ông đã trích dẫn *Ê-sai* 55:3 chỉ về giao ước Đức Chúa Trời đã lập cùng Đa-vít, “những ân huệ chắc chắn của Đa-vít.” Đức Chúa Trời đã hứa với Đa-vít rằng Đấng Mết-si-a sẽ đến từ dòng dõi ông (*II Sa-mu-ên* 7:12-17). Đây là một “giao ước đời đời” với một ngôi được lập đời đời (*II Sa-mu-ên* 7:13, 16). Nếu Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a, và Ngài đã chết và chết vĩnh viễn thì giao ước này không bao giờ có thể được thực hiện. Vì vậy, Chúa Giê-xu phải được khiến sống lại từ cõi chết, nếu không thì giao ước chỉ là hư không.

Trích dẫn thứ ba của ông từ *Thi Thiên* 16:10 giống như phân đoạn Phi-e-rơ đã trích dẫn trong sứ điệp của ông tại lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ* 2:24-28). Người Do Thái xem *Thi Thiên* 16:1-11 nói về Đấng Mết-si-a, rõ ràng lời hứa này không áp dụng cho Đa-vít, một người quá cố, mà chỉ có thể áp dụng cho Chúa Giê-xu, Đấng Mết-si-a.

Ứng dụng (*Công Vụ* 13:38-41). Phao-lô đã công bố tin

tức tốt lành cho họ (*Công Vụ* 13:32), mọi việc còn lại là nhận lãnh và rao truyền Phúc Âm. Ông cho họ biết nhờ đức tin nơi Chúa Giê-xu, họ có thể được hai phước hạnh mà luật pháp không bao giờ có thể cung ứng: sự tha thứ tội lỗi và sự xưng công bình trước ngai Đức Chúa Trời.

Sự xưng công bình là việc Đức Chúa Trời công bố tội nhân tin nhận là công bình trong Chúa Giê-xu. Dân Do Thái đã được dạy rằng Đức Chúa Trời xưng công bình cho người công bình và đoán phạt kẻ ác (*II Sử Ký* 6:22-23). Nhưng Đức Chúa Trời lại xưng công bình cho những người bất thánh nếu họ đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu (*Rô-ma* 4:1-8).

Luật pháp không thể xưng công bình cho tội nhân, luật pháp chỉ kết án tội nhân (*Ga-la-ti* 2:16; *Rô-ma* 3:19-20). Đức Chúa Trời không chỉ tha thứ tội lỗi chúng ta, Ngài còn ban cho chúng ta chính sự công bình của Đấng Christ. Đây hẳn là tin mừng được Phao-lô rao ra cho giáo đoàn Do Thái và dân ngoại đang khao khát bình an dù họ vốn là người có đạo.

Phao-lô kết thúc sứ điệp bằng một lời cảnh cáo trích từ *Ha-ba-cúc* 1:5 (và xem *Ê-sai* 29:14). Vào thời của *Ha-ba-cúc* “việc khó tin” Đức Chúa Trời đã làm là việc người Canh-dê dấy lên trừng phạt dân Ngài, một việc quá đặc biệt không ai ngờ đến. Tại sao Đức Chúa Trời dùng một dân tộc ngoại đạo gian ác để sửa phạt tuyển dân của Ngài? Còn trong thời Phao-lô thì Đức Chúa Trời lại sử dụng dân Do Thái để cứu dân ngoại!

Kết quả ra sao? Nhiều người Do Thái và người ngoại mới theo đạo đã tin và hiệp với Phao-lô cùng Ba-na-ba. Người ngoại đặc biệt đã rất phấn khởi về sứ điệp của Phao-lô và muốn ông nói cho họ biết nhiều hơn. Những người này đã sốt sắng loan truyền tin tức, nên có một đám đông lớn tụ tập. Trong số này người ngoại chiếm đa số, làm cho người Do Thái ghen tị và tức giận.

Sứ điệp cuối cùng của Phao-lô trong nhà hội công bố rằng Đức Chúa Trời đã ban đạo cho dân Do Thái trước

(*Công Vụ* 3:26; *Rô-ma* 1:16), nhưng họ đã chối bỏ đạo. Vì vậy, Phao-lô đem Phúc Âm đến cho dân ngoại, và ông trích dẫn *Ê-sai* 49:6 để hỗ trợ cho quyết định của mình (cũng hãy chú ý *Lu-ca* 2:29-32). Ông sẵn sàng đi đến tận cùng trái đất để thu phục linh hồn cho Đấng Christ!

Công Vụ 13:48 cho chúng ta mặt thiên thượng của sự rao giảng Phúc Âm, vì Đức Chúa Trời có tuyển dân của Ngài (*Ê-phê-sô* 1:4). Từ được dịch là “*được định sẵn*” nghĩa là “*được tuyển*” và cho biết rằng dân Đức Chúa Trời đã được ghi trong thiên thư của Đức Chúa Trời (*Lu-ca* 10:20; *Phi-líp* 4:3). Nhưng *Công Vụ* 13:49 là mặt nhân thế của sự rao giảng Phúc Âm. Nếu chúng ta không giảng đạo thì làm sao cứu người. Cần có cả hai mặt (xem *II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:13-14 và *Rô-ma* 10:13-15).

Những người Do Thái vô tín không ngồi yên để cho Phao-lô với Ba-na-ba làm việc. Trước tiên, họ tranh cãi với hai người, rồi kiện tụng và đuổi hai ông ra khỏi biên giới mình. Những nhà truyền giáo không nản lòng: họ phủi bụi nơi chân mình (*Lu-ca* 9:5 và 10:11) và đi đến thành kế tiếp và ở thành nào cũng đào tạo được một số môn đệ trung thành.

5. Thành Y-cô-ni – Sự Chia Rẽ

Công Vụ Các Sứ Đồ 14:1-7

¹Tại Thành Y-cô-ni, Phao-lô và Ba-na-ba cùng vào nhà hội của người Giu-đa, và giảng một cách đến nỗi có rất nhiều người Giu-đa và người Gô-réc tin theo. ²Song những người Giu-đa chưa chịu tin thì xui giục và khêu chọc lòng người ngoại nghịch cùng anh em. ³Dù vậy, Phao-lô và Ba-na-ba ở lại đó cũng khá lâu, đầy dẫy sự bạo dạn và đức tin trong Chúa, và Chúa dùng tay của hai sứ đồ làm những phép lạ dấu kỳ, mà chúng về đạo ân điển của Ngài. ⁴Nhưng dân chúng trong thành chia phe ra: Kẻ thì theo bên Giu-đa, người thì theo bên hai sứ đồ. ⁵Lại khi những người ngoại và người Giu-đa cùng các quan mình nổi lên đặng hà hiếp và ném đá hai sứ đồ, ⁶thì hai sứ đồ đã biết trước, bèn trốn tránh trong các thành xứ Ly-ca-ô-ni, là thành Lít-tơ,

22 / Công Vụ Các Sứ Đồ

thành Đẹt-bơ, và miền chung quanh đó, ⁷mà giảng Tin Lành.

Thành phố này có đặc tính Hy Lạp hơn là La Mã, nằm trong tỉnh Ga-la-ti thuộc La Mã. Chức vụ của Phao-lô trong nhà hội được ban phước cách đặc biệt và nhiều người Do Thái và người ngoại tin theo. Một lần nữa, những người Do Thái vô tín đã khuấy lên sự căm thù và chống đối, còn các nhà truyền giáo thì kiên trì và dạn dĩ làm chứng cho Đấng Christ (chú ý mấy chữ “Bởi vậy” trong *Công Vụ* 14:3).

Đức Chúa Trời cũng khiến các ông làm dấu lạ để chứng tỏ rằng họ thật sự là tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật (xem 15:12; *Hê-bơ-rơ* 2:4; *Ga-la-ti* 3:5). Đức tin không dựa trên phép lạ (*Lu-ca* 16:27-31; *Giăng* 2:23-25), nhưng đức tin có thể được củng cố bằng phép lạ. Điều quan trọng là “lời của ân sủng Ngài” thực hiện công việc của ân sủng Ngài (*Công Vụ* 14:26).

Kết quả? Thành đã bị chia rẽ, các Cơ Đốc nhân bị đe dọa, bị hạ nhục, bị ném đá. Vâng theo lời khuyên của Chúa trong *Ma-thi-ơ* 10:23 họ đã lánh khỏi khu vực đó đến một nơi khác và tiếp tục giảng đạo Đức Chúa Trời.

6. Thành Lít-tơ - Sự Lừa Đối

Công Vụ Các Sứ Đồ 14:8-20

⁸Nơi thành Lít-tơ có một người liệt chân, què từ lúc mới sinh ra, chẳng hề đi được. ⁹Người ngồi và nghe Phao-lô giảng. Phao-lô chăm mắt trên người, thấy có đức tin để chữa lành được, ¹⁰bèn nói lớn tiếng rằng: Người hãy chờ dậy, đứng thẳng chân lên. Người nhảy một cái, rồi đi.

¹¹Dân chúng thấy sự Phao-lô đã làm, thì kêu lên bằng tiếng Li-cao-ni rằng: Các thần đã lấy hình loài người mà xuống cùng chúng ta. ¹²Chúng bèn xưng Ba-na-ba là thần Giu-bi-tê, còn Phao-lô là thần Mẹt-cu-rơ, vì là người đứng đầu giảng đạo.

¹³Thầy cả của thần Giu-bi-tê có miếu nơi cửa thành, đem bò đực và tràng hoa đến trước cửa, muốn đồng lòng với đoàn dân dâng một tế lễ. ¹⁴Nhưng hai sứ đồ là Ba-na-ba và Phao-lô hay điều

đó, bèn xé áo mình, sấn vào giữa đám đông, mà kêu lên rằng: ¹⁵Hỡi các bạn, sao làm điều đó? Chúng ta chỉ là loài người, giống như các người; chúng ta giảng Phúc Âm cho các người, hầu cho xây bỏ các thần hư không kia, mà trở về cùng Đức Chúa Trời hằng sống, là Đấng đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật trong đó. ¹⁶Trong các đời trước đây, Ngài để cho mọi dân theo đường riêng mình, ¹⁷dù vậy, Ngài cứ làm chứng luôn về mình, tức là giáng phước cho, làm mưa từ trời xuống, ban cho các người mùa màng nhiều hoa quả, đồ ăn dư dật, và lòng đầy vui mừng. ¹⁸Tuy sứ đồ nói như vậy, chỉ vừa đủ ngăn trở dân chúng dăng cho mình một tế lễ.

¹⁹Bấy giờ có mấy người Giu-đa từ thành An-ti-ốt và thành Y-cô-ni đến dỗ dành dân chúng; chúng ném đá Phao-lô, tưởng người đã chết, nên kéo ra ngoài thành. ²⁰Nhưng các môn đồ đương tụ họp chung quanh người, thì người vùng đứng dậy và vào trong thành. Bữa sau, người đi với Ba-na-ba đến thành Đet-bơ.

Thành Lít-tơ thuộc tỉnh Ga-la-ti của La Mã, cách Y-cô-ni khoảng 18 dặm về hướng Tây Nam. Đây là chuyến viếng thăm đầu tiên trong ba chuyến viếng thăm Phao-lô thực hiện ở thành này. Chuyến viếng thăm này thật rất đáng ghi nhớ. Trong hành trình truyền giáo thứ hai, Phao-lô chọn Ti-mô-thê quê ở Lít-tơ (*Công Vụ* 16:1-5). Trong chuyến viếng thăm Lít-tơ ông đem Ti-mô-thê theo. Chúng ta nên chú ý bốn đáp ứng khác nhau trong chuyến thăm viếng này.

Đáp ứng của người què đối với đạo (Công Vụ 14:8-10). Cả Phi-e-rơ và Phao-lô đã chữa lành những người què từ lúc sơ sinh (*Công Vụ* 3). Nếu sự tàn tật của họ do bệnh hoạn hoặc tai nạn gây ra, thì việc họ không còn bị tật nữa có thể được xem là do sức khỏe cải tiến nên tật bệnh lui đi; đàng này họ bị tật từ sơ sinh nên việc họ được chữa lành đúng là một phép lạ.

Phao-lô nói chuyện với một số người trong nơi họp chợ, cho họ biết về Chúa Giê-xu. Người què đã nghe lóm được điều ông nói. Lời Chúa sinh ra đức tin (*Rô-ma* 10:17) và đức tin chữa lành người bệnh tật.

24 / Công Vụ Các Sứ Đồ

Đáp ứng của đoàn dân đông đối với người què (Công Vụ 14:11-13). Phép lạ tự nó không sinh ra sự nhận thức hoặc đức tin. Chúng phải được Lời Chúa kèm theo (Công Vụ 14:3). Đây là một đám đông mê tín đã giải thích những sự kiện xảy ra theo tư tưởng huyền hoặc của họ. Họ xem Ba-na-ba như thần Giu-bi-tê (Zeus), đầu của các thần; và Phao-lô thì được xem là thần Mệt-cu-rơ (Hermes), sứ giả của các thần. Giu-bi-tê là vị thần bảo hộ của thành phố, nên đây là một cơ hội lớn cho thầy tế lễ Giu-bi-tê được tôn trọng, do đó có thể khuyến giục dân chúng tôn trọng Giu-bi-tê hơn.

Đáp ứng của các sứ đồ đối với đám đông (Công Vụ 14:14-19). Nếu lợi dụng tâm lý của quần chúng để thu hút đám đông thì dễ lắm nhưng Đức Chúa Trời không để cho tôi tớ Ngài hành đạo theo cách đó (II Cô-rinh-tô 4:1-2; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-5). Phao-lô và Ba-na-ba mạnh mẽ cải chính và dạy dỗ cho dân chúng biết rằng các thần của Lít-tơ là “những thần hư không.”

Sứ điệp của Phao-lô không dựa trên Cựu Ước, vì đây là đám khán giả người ngoại không tin. Ông bắt đầu làm chứng về Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo (xem Công Vụ 17:22). Ông cho biết rõ rằng chỉ có một Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời hằng sống, Đức Chúa Trời tha thứ. Và Ngài đã kiên nhẫn với những dân tộc phạm tội (Công Vụ 17:30) và không đoán phạt họ về tội lỗi của họ như họ đáng phải chịu.

Đoàn dân đông lắng xuống, nhưng khi một số người Do Thái gây rối đến từ thành An-ti-ốt và Y-cô-ni, đoàn dân đông đã hòa theo và ném đá Phao-lô. Phao-lô vừa được tôn là thần thì giờ đây bị xem là một tội phạm đáng chết! Emerson đã gọi đám người hỗn tạp là “một đám không có lý trí.” Trường hợp trên đây quả đúng như vậy.

Đáp ứng của các môn đệ đối với Phao-lô (Công Vụ 14:20). Có những tân tín hữu ở thành Lít-tơ, và đây là một hoàn cảnh khủng hoảng đối với họ. Họ là một thiểu số, lãnh đạo của họ đã bị ném đá, và tương lai của họ có

về rất u ám. Nhưng họ vẫn tin tưởng Phao-lô! Có thể họ đã hiệp lòng cầu nguyện cho ông, và đây là lý do Đức Chúa Trời khiến ông thêm vững vàng. Chúng ta không được biết Phao-lô bị ném đá có đến chết không, chỉ biết đây là sự ném đá duy nhất ông kinh nghiệm (*II Cô-rinh-tô* 11:25), nhưng qua việc đó đã quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Có thể sự kiện này đặc biệt cảm động Ti-mô-thê khiến ông cộng tác với Phao-lô chặt chẽ hơn (*II Ti-mô-thê* 3:10).

7. Thành An-ti-ốt trong Xứ Sy-ri

Công Vụ Các Sứ Đồ 14:21-28

²¹Khi hai sứ đồ đã rao truyền Phúc Âm trong thành đó, và làm cho khá nhiều người trở nên môn đồ, thì trở về thành Lít-tơ, thành Y-cô-ni, và thành An-ti-ốt, ²²giục các môn đồ vững lòng, khuyên phải bền đỗ trong đức tin, và bảo trước rằng phải trải qua nhiều nỗi khó khăn mới vào được nước Đức Chúa Trời. ²³Khi hai sứ đồ khiến lựa chọn những trưởng lão trong mỗi Hội Thánh, cầu nguyện và kiêng ăn xong, thì dâng các người đó cho Chúa là Đấng mình đã tin đến. ²⁴Kế đó, hai sứ đồ vượt qua đất Bi-si-đi, đến trong xứ Bam-phi-ly. ²⁵Sau khi đã truyền đạo tại thành Bết-giê-rô, thì xuống thành Át-ta-li. ²⁶Từ nơi đó, hai người chạy buồm về thành An-ti-ốt, là chỗ mình đã ra đi, được giao phó cho ân điển Đức Chúa Trời, để làm công việc mình vừa mới làm xong. ²⁷Hai người đến nơi, nhóm họp Hội Thánh rồi, bèn thuật lại mọi việc Đức Chúa Trời đã cậy mình làm, và Ngài mở cửa đức tin cho người ngoại là thế nào. ²⁸Hai người ở tại đó lâu ngày với các môn đồ.

Trở về An-ti-ốt, đoàn truyền giáo của Phao-lô có nhiều việc quan trọng.

Trước tiên họ giảng Phúc Âm và thu phục các môn đệ. Thật khó hiểu tại sao họ có thể trở lại những thành phố họ bị trục xuất. Nhưng Chúa đã mở các cửa.

Thứ hai, họ đã làm cho các tín hữu mạnh mẽ trong Đấng Christ và khích lệ anh chị em này tiếp tục trong đức tin. Sự tiếp tục là một chứng cứ của đức tin thật trong

Chúa Giê-xu (*Giăng* 8:31-32; *Công Vụ* 2:42). Phao-lô nói rõ rằng sống đời sống Cơ Đốc không phải là một việc dễ vì thường phải gặp thử thách và hoạn nạn trước khi có thể thấy Chúa trong vinh hiển.

Thứ ba, họ đã tổ chức các Hội Thánh (*Công Vụ* 14:23-25). Hội Thánh địa phương vừa là một cơ thể, vừa là một tổ chức, vì nếu một cơ thể không được tổ chức sắp xếp, nó sẽ chết! Phao-lô và Ba-na-ba đã phong chức những lãnh đạo thuộc linh và giao cho họ trách nhiệm chăn bầy. Nếu so sánh *Tít* 1:5, với *Tít* 1:7 ta sẽ thấy rằng “trưởng lão” và “giám mục” (giám sát) chỉ cùng một chức vụ, và cả hai tương đương với “mục sư” (người chăn chiên).

Từ được dịch là “*phong chức*” nghĩa là “lựa chọn bằng sự đưa tay.” Có thể Phao-lô chọn những người này và hội chúng tán thành hoặc dân chúng đã chọn họ bằng cách bỏ phiếu rồi Phao-lô phong chức cho họ (xem *Công Vụ* 6:1-6).

Sau cùng, họ tường trình công việc Đức Chúa Trời đã làm cho Hội Thánh nhà biết (*Công Vụ* 14:26-28). Hai nhà truyền giáo đã đi ít nhất một năm, và nay trở về, chắc bản thân các ông và cả Hội Thánh đều rất vui mừng. Bởi ân sủng Đức Chúa Trời, họ đã hoàn thành công việc Đức Chúa Trời giao, và họ vui mừng thuật lại những phước hạnh cho Hội Thánh.

Đây có lẽ là “hội nghị truyền giáo” đầu tiên trong lịch sử Hội Thánh. Một chức viên Hội Thánh có lần đã nói với tôi: “Tôi không quan tâm mấy về việc ông cần bao nhiêu tiền cho công tác truyền giáo. Tôi sẽ lo đủ; *xin đừng bắt tôi nghe những nhà truyền giáo nói!*” Tôi thấy tiếc cho ông ta vì mức độ thuộc linh quá thấp đến nỗi ông không thể lắng nghe những báo cáo về công việc Đức Chúa Trời đã làm trong những vùng xa xôi khó khăn của đồng ruộng thuộc linh.

Khi nhìn lại hành trình truyền giáo đầu tiên của Phao-lô, ta thấy những nguyên tắc ông đã vận dụng,

những nguyên tắc ấy hôm nay vẫn có thể ứng dụng được.

Ông đã làm việc chủ yếu trong những thành phố then chốt và đã yêu cầu các tín hữu đem sứ điệp đến với nhiều vùng xa hơn. Phúc Âm phát triển trong những trung tâm dân cư. Chúng ta phải đem Phúc Âm đến đó.

Với hội chúng nhà hội ông theo phương pháp này, với người ngoại ông lại dùng phương pháp khác. Với dân Do Thái và những người Do Thái mới theo đạo ông giảng về Kinh Thánh Cựu Ước, nhưng khi rao giảng cho dân ngoại, ông nói đến sự sáng tạo và sự nhân lành của Thượng Đế đối với các dân tộc. Điểm khởi đầu của ông khác nhau, nhưng cuối cùng đều quy về một mối: Đức tin trong Chúa Giê-xu.

Ông chuyên gây dựng và tổ chức các Hội Thánh địa phương. Chúa Giê-xu ban “Đại Nhiệm Mạng” cho các Hội Thánh địa phương (*Ma-thi-ơ* 28:19-20). Sau khi thu phục môn đệ, phải làm báp-tem cho họ (trách nhiệm chủ yếu của một Hội Thánh địa phương) và sau đó dạy họ Lời Đức Chúa Trời. Chỉ thu phục người cho Đấng Christ không thôi thì chưa đủ! Cần có hội chúng địa phương hỗ trợ chúng ta mới có thể thực hiện mọi điều Chúa Giê-xu đã ra lệnh chúng ta làm.

Ông đã dạy cho các tín hữu vững vàng trong Lời Đức Chúa Trời. Đây là nguồn sức mạnh duy nhất khi cơn bách hại nhất định sẽ đến. Phao-lô không rao giảng một “Phúc Âm dễ dàng,” không vẽ ra một đời sống Cơ Đốc nhưng lựa.

Điều đáng ngạc nhiên là Phao-lô và các cộng sự của ông đã làm mọi việc này mà không có phương tiện giao thông và liên lạc tân tiến chúng ta có ngày nay. Tiến sĩ Bob Pierce thường nói với chúng tôi trong buổi nói chuyện “Tuổi Trẻ cho Đấng Christ” rằng: “Những người khác đã làm quá nhiều với phương tiện chẳng bao nhiêu, trong khi chúng ta làm chẳng bao nhiêu với quá nhiều phương tiện!” Nếu đầu tư của cải lãng phí của các tín hữu người Mỹ trong việc rao giảng Phúc Âm cho thế giới, có

thể giúp hàng triệu người hư mất được cứu.

Phao-lô và Ba-na-ba đã công bố rằng “cửa đức tin” đã được mở cho dân ngoại.

Cửa ấy vẫn mở, cho dân Do Thái và cả dân ngoại, cho toàn thế giới! Hãy bước qua cánh cửa mở đó và giúp đem Phúc Âm đến cho người khác được.

Bạn dám thực hiện chứ!

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1

Công Vụ Các Sứ Đồ 13, 14

1. Kể ra 4 nguyên tắc chính trong cuộc hành trình thứ nhất của Phao-lô.
2. Những nguyên tắc ấy giúp mở các cửa truyền giáo như thế nào?
3. Cho biết ý nghĩa của 3 phần trong bài giảng của Phao-lô trong *Công Vụ 13:16-42*.
4. Cho biết 4 mục vụ quan trọng của Phao-lô trên đường về An-ti-ốt?
5. Bạn có tự cảm thấy khi gần Chúa hơn thì càng phải truyền giáo nhiều hơn không?
6. Ban điều hành công tác truyền giáo ngày nay phải có những nhiệm vụ nào?
7. Khi học về đời sống của Giăng Mác, bạn thấy được những khích lệ nào?
8. Khi truyền giáo ở những vùng đất mới, Phao-lô có những chiến lược nào? Khi thay đổi vùng truyền giáo, hay làm việc với những người mới bạn thấy giống hay khác nhau?
9. Việc đề cử và nhu cầu truyền giảng Phúc Âm có đi đôi với nhau không?
10. Đức Chúa Trời sử dụng phép lạ trong sự giảng dạy của Phao-lô như thế nào?

ĐỪNG ĐÓNG CÁC CỬA!

Công Vụ Các Sứ Đồ 15:1-35

Sự phát triển của Phúc Âm thường bị những người có đầu óc hẹp hòi ngăn trở.

Năm 1786, trong một buổi thuyết giảng dành cho mục sư truyền đạo ở Northampton, Anh quốc, ông William Carey than thở về gánh nặng truyền giáo cho toàn thế giới, Tiến sĩ Ryland nói với ông, "Hỡi người trẻ tuổi, hãy ngồi xuống! Khi Đức Chúa Trời muốn biến cải người ngoại, Ngài chỉ cần phán một tiếng mà không cần sự giúp đỡ của anh hoặc của tôi!" Nhiều tôi tớ Đức Chúa Trời được đầy dẫy Đức Thánh Linh đã bước vào những cánh cửa dịp tiện rộng mở mà không hề nhận được sự giúp đỡ của các Hội Thánh.

Phao-lô và các cộng sự của ông đã gặp phải thử thách như trên tại hội nghị Giê-ru-sa-lem khoảng 20 năm sau lễ Ngũ Tuần. Can đảm, họ bảo vệ chân lý Phúc Âm và hô hào Hội Thánh phải có nhiệm vụ truyền giáo. Có ba giai đoạn trong sự kiện này.

1. Cuộc Tranh Cãi

Công Vụ Các Sứ Đồ 15:1-5

¹Vả, có mấy người từ xứ Giu-đê đến, dạy các anh em rằng: Nếu các người chẳng chịu phép cắt bì theo lễ Môi-se, thì không thể được cứu rỗi. ²Nhân đó, có sự khác ý và cuộc cãi lẽ dữ dội giữa Phao-lô và Ba-na-ba với mấy người đó, người ta như định Phao-lô và Ba-na-ba với mấy người trong bọn kia đi lên thành Giê-ru-sa-lem, đến cùng các sứ đồ và trưởng lão đặng hỏi về việc này. ³Vậy, sau khi các người ấy được Hội Thánh đưa đường rỗi, thì trải qua xứ Phê-ni-xi và xứ Sa-ma-ri, thuật lại sự người

ngoại trở về đạo, và như vậy làm cho anh em thay thấy được vui mừng lắm. ⁴Vừa tới thành Giê-ru-sa-lem, được Hội Thánh, các sứ đồ và trưởng lão tiếp rước, rồi thuật lại mọi điều Đức Chúa Trời đã cậy mình làm. ⁵Nhưng có mấy kẻ về đảng Pha-ri-si đã tin đạo, đứng dậy nói rằng phải làm phép cắt bì cho những người ngoại, và truyền họ phải tuân theo luật pháp Môi-se.

Khởi đầu, một số giáo sư Do Thái đến thành An-ti-ốt và dạy rằng dân ngoại, muốn được cứu, phải chịu cắt bì và vâng theo luật Môi-se. Những người này có liên hệ với hội chúng Giê-ru-sa-lem nhưng không được hội chúng ủy quyền (*Công Vụ* 15:24). Giống như những người Pha-ri-si (*Công Vụ* 15:5), các thầy giáo này là những “anh em giả” chỉ làm cho tín hữu Do Thái và người ngoại mất đi sự tự do trong Đấng Christ (*Ga-la-ti* 2:1-10; 5:1).

Không lạ gì trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem có nhiều người tuân giữ luật Môi-se nhưng chẳng biết gì về mối liên hệ giữa luật pháp và ân sủng. Những người này là dân Do Thái đã được dạy phải tôn trọng và vâng theo luật Môi-se; lúc ấy thư *Rô-ma*, *Ga-la-ti* và *Hê-bơ-rơ* chưa được viết ra! Có một nhóm đông các thầy tế lễ trong hội chúng Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ* 6:7), cũng như dân chúng vẫn còn theo tập tục Cựu Ước (xem *Công Vụ* 21:20-26). Đây là thời kỳ chuyển tiếp, mà thời kỳ chuyển tiếp thì luôn khó khăn.

Những người theo luật pháp đang làm gì và tại sao họ quá nguy hiểm? Họ cố gắng pha trộn luật pháp với ân sủng và đổ rượu mới vào bầu da cũ dễ vỡ (*Lu-ca* 5:36-39). Họ vá lại bức màn rách (*Lu-ca* 23:45) và làm tắc nghẽn con đường dẫn đến Đức Chúa Trời mà Chúa Giê-xu đã mở ra khi Ngài chết trên thập tự giá (*Hê-bơ-rơ* 10:19-25). Họ xây lại bức tường giữa dân Do Thái và dân ngoại mà Chúa Giê-xu đã phá sập trên thập tự giá (*Ê-phê-sô* 2:14-16). Họ đặt cái ách nặng nề của dân Do Thái lên vai dân ngoại (*Ga-la-ti* 5:1; *Công Vụ* 15:10) và không muốn Hội Thánh hưởng ánh sáng mặt trời mà chui vào bóng tối

(*Hê-bơ-rơ* 10:1; *Cô-lô-se* 2:16-17). Họ chủ trương “người ngoại trước tiên phải trở thành người Do Thái rồi mới có thể trở thành Cơ Đốc nhân! Chỉ tin Chúa Giê-xu thì chưa đủ, mà phải vâng theo luật Môi-se!”

Một vài vấn đề quan trọng nảy sinh, nhất là công việc của Đấng Christ trên thập tự giá được công bố trong sứ điệp Phúc Âm (*I Cô-rinh-tô* 15:1-8; *Hê-bơ-rơ* 10:1-8). Đức Chúa Trời rửa sạch bất cứ ai rao giảng Phúc Âm nào khác hơn Phúc Âm ân sủng của Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu Christ Con Ngài (*Ga-la-ti* 1:1-9). Khi bất cứ lãnh đạo tôn giáo nào nói rằng “Nếu bạn không thuộc về nhóm chúng tôi thì bạn không thể được cứu!” hay “nếu bạn không tham dự những nghi lễ của chúng tôi và không giữ những luật lệ của chúng tôi thì bạn không thể được cứu!” tức là người ấy tạo thêm một Phúc Âm và phủ nhận công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu. Phao-lô viết thư tín *Ga-la-ti* để làm rõ ràng sự cứu rỗi hoàn toàn do ân sủng của Đức Chúa Trời, nhờ đức tin trong Đấng Christ, *không cộng thêm điều gì cả!*

Vấn đề khác là chương trình truyền giáo của Hội Thánh. Nếu những người theo luật pháp này (chúng ta gọi họ là “những giáo sư Do Thái”) là đúng, thì Phao-lô và Ba-na-ba sai. Cùng với việc rao giảng Phúc Âm, lẽ ra họ phải dạy dân ngoại cách sống như những người Do Thái tốt lành. Chắc hẳn Phao-lô và Ba-na-ba đã bàn luận và tranh cãi với những giáo sư giả này! (*Công Vụ* 15:2, 7). Các tín hữu An-ti-ốt đang bị “khuấy rối” và “biến loạn”, chính sự lộn xộn và chia rẽ này sẽ chóng lan đến các Hội Thánh người ngoại mà Phao-lô và Ba-na-ba đã thành lập. Đây là một sự khiêu chiến mà Phao-lô và Ba-na-ba không thể bỏ qua.

Đức Chúa Trời đã ban một mặc khải chỉ dẫn Phao-lô đem toàn bộ vấn đề đến các lãnh đạo Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem (*Ga-la-ti* 2:2), và hội chúng An-ti-ốt đã đồng ý với điều này. Buổi họp không phải là một “hội đồng Hội Thánh” theo nghĩa tôn giáo, nhưng đúng hơn là buổi họp

của các lãnh đạo để nghe các nhóm khác nhau thảo luận rồi quyết định. Mặc dù "Hội Thánh mẹ" ở Giê-ru-sa-lem có ảnh hưởng lớn, mỗi Hội Thánh địa phương đều tự lo lấy công việc của mình.

2. Biện Hộ

Công Vụ Các Sứ Đồ 15:6-18

⁶Các sứ đồ và các trưởng lão bèn họp lại để xem xét về việc đó.

⁷Sau một cuộc bàn luận dài rồi, Phi-e-rơ đứng dậy nói cùng chúng rằng: Hỡi anh em, hãy biết rằng từ lúc ban đầu, Đức Chúa Trời đã chọn tôi trong các anh em, để cho người ngoại được nghe Tin Lành bởi miệng tôi và tin theo. ⁸Đức Chúa Trời là Đấng biết lòng người, đã làm chứng cho người ngoại, mà ban Đức Thánh Linh cho họ cũng như cho chúng ta; ⁹Ngài chẳng phân biệt chúng ta với người ngoại đâu, vì đã lấy đức tin khiến cho lòng họ tinh sạch. ¹⁰Vậy bây giờ, cứ sao anh em thử Đức Chúa Trời, gán cho môn đồ một cái ách mà tổ phụ chúng ta hoặc chính chúng ta cũng chưa từng mang nổi? ¹¹Trái lại, chúng ta tin rằng nhờ ơn Đức Chúa Giê-xu, chúng ta được cứu cũng như người ngoại vậy.

¹²Cả hội đồng đều lắng lặng, nghe Ba-na-ba và Phao-lô thuật lại những phép lạ dấu kỳ mà Đức Chúa Trời đã cậy mình làm ra giữa người ngoại. ¹³Nói xong, Gia-cơ cất tiếng lên rằng: Hỡi anh em, hãy nghe tôi! ¹⁴Si-môn có thuật thế nào lần thứ nhất, Đức Chúa Trời đã đoái thương người ngoại, đặt từ đó lấy ra một dân để dâng cho danh Ngài. ¹⁵Điều đó phù hiệp với lời các đấng tiên tri, vì có chép rằng:

¹⁶Rồi đó, ta sẽ trở lại,

 Dựng lại đền tạm của vua Đa-vít bị đổ nát;

 Ta sẽ sửa sự hư nát đền đó lại

 Mà gây dựng lên;

¹⁷Hầu cho những người sót lại

 Và mọi dân cầu khẩn danh ta đều tìm Chúa.

 Chúa là Đấng làm nên những việc này có phán như vậy;

¹⁸từ trước vô cùng Ngài đã thông biết những việc đó.

Có ít nhất bốn buổi họp khác nhau trong hội nghị chiến lược này: (1) Buổi họp tiếp đón Phao-lô và các cộng sự của ông (*Công Vụ 15:4*). (2) Một buổi họp riêng của Phao-lô

và các lãnh đạo chủ chốt, (*Ga-la-ti* 2:2). (3) Một buổi họp công khai thứ hai mà tại đó những giáo sư Do Thái trình bày lý lẽ của họ, (*Công Vụ* 15:5-6 và *Ga-la-ti* 2:3-5) và (4) Buổi thảo luận chung được mô tả trong *Công Vụ Các Sứ Đồ* 15:6. Trong buổi thảo luận chung này bốn lãnh đạo chủ chốt đã trình bày việc tiếp tục mở các cửa ân sủng cho dân ngoại hư mất.

Phi-e-rơ ôn lại quá khứ (*Công Vụ* 15:6-11). Chúng ta có cảm tưởng rằng Phi-e-rơ đã kiên nhẫn ngồi nghe sự tranh cãi đang diễn ra, và chờ đợi Chúa Thánh Linh hướng dẫn ông. “Trả lời trước khi nghe, ấy là sự điên dại và hổ thẹn cho ai làm vậy” (*Châm Ngôn* 18:13). Phi-e-rơ đã nhắc nhở Hội Thánh bốn chức vụ quan trọng mà Đức Chúa Trời đã thực hiện cho dân ngoại, những chức vụ mà trong đó ông đã đóng một vai trò quan trọng.

Trước tiên, Đức Chúa Trời chọn và truyền bảo Phi-e-rơ phải rao giảng Phúc Âm cho dân ngoại (*Công Vụ* 15:7). Chúa Giê-xu đã ban các chìa khóa của Nước Trời cho Phi-e-rơ (*Ma-thi-ơ* 16:19), và ông đã sử dụng chúng để mở các cửa đức tin cho dân Do Thái (*Công Vụ* 2:1-47), dân Sa-ma-ri (*Công Vụ* 8:14-17) và dân ngoại (*Công Vụ* 10:1-48). Các sứ đồ và anh em xứ Giu-đê đã chỉ trích Phi-e-rơ về việc viếng thăm dân ngoại và ăn chung với họ, nhưng ông đã tự biện hộ một cách thỏa đáng (*Công Vụ* 11:1-18). Hãy chú ý rằng Phi-e-rơ đã cho biết rõ Cột-nây và người nhà ông đã được cứu bởi nghe và tin, không phải bởi vâng theo luật Môi-se.

Thứ hai, Đức Chúa Trời đã ban Thánh Linh cho những người ngoại để làm chứng rằng họ thật sự được tái sinh (*Công Vụ* 15:8). Chỉ Đức Chúa Trời mới nhìn thấy lòng người. Vì vậy, nếu những người này không được cứu, Đức Chúa Trời sẽ chẳng bao giờ ban Thánh Linh cho họ (*Rô-ma* 8:9). Họ đã không nhận Đức Thánh Linh bằng cách giữ luật pháp, mà bởi tin Lời Đức Chúa Trời (*Công Vụ* 10:43-46 và xem *Ga-la-ti* 3:2). Sứ điệp của Phi-e-rơ là “Hễ ai tin Ngài thì sẽ được sự tha tội” (*Công Vụ* 10:43),

chứ không phải “Hễ ai tin và vâng theo luật Môi-se.”

Thứ ba, Đức Chúa Trời xóa bỏ sự phân biệt (*Công Vụ* 15:9, 11). Qua bao thế kỷ Đức Chúa Trời đã đặt một sự khác biệt giữa dân Do Thái và dân ngoại, nhiệm vụ của các lãnh đạo tôn giáo là bảo vệ và duy trì sự phân biệt đó (*Lê-vi Ký* 10:10; *Ê-xê-chi-ên* 22:26; 44:23). Chúa Giê-xu đã dạy rằng các luật ăn kiêng cũ Do Thái không liên quan gì với sự thánh khiết bên trong (*Mác* 7:1-23), và Phi-e-rơ đã học bài học đó lần nữa khi ông có khả năng ấy trên mái nhà trong thành Gióp-bê (*Công Vụ* 10:1-48).

Từ công tác của Đấng Christ tại đồi Gô-gô-tha, Đức Chúa Trời đã không phân biệt giữa người Do Thái và người ngoại về tội lỗi (*Rô-ma* 3:9, 22) hoặc sự cứu rỗi (*Rô-ma* 10:9-13). Tội nhân có thể được tinh sạch chỉ bởi đức tin nơi Đấng Christ; sự cứu rỗi không do việc giữ luật pháp (*Công Vụ* 15:9). Chúng ta tưởng Phi-e-rơ sẽ nói với đồng bào ông rằng “Họ (dân ngoại) sẽ được cứu như người Do Thái chúng ta”, nhưng ông lại nói: “Chúng ta (dân Do Thái) sẽ được cứu như họ.”

Thứ tư, công tác của Đức Chúa Trời – và đây là nhận định mạnh mẽ nhất của Phi-e-rơ – là cất bỏ ách của luật pháp (*Công Vụ* 15:10). Luật pháp thật sự là một cái ách đè nặng trên dân tộc Do Thái, nhưng ách đó đã được Chúa Giê-xu cất bỏ (xem *Ga-la-ti* 5:1; *Cô-lô-se* 2:14-17; *Ma-thi-ơ* 11:28-30). Luật pháp đã được ban ra cho dân tộc Do Thái để bảo vệ họ khỏi những điều ác của thế giới người ngoại và chuẩn bị cho họ để đem Đấng Mết-si-a vào trong thế gian (*Ga-la-ti* 4:1-7). Luật pháp không thể tẩy sạch lòng tội nhân (*Ga-la-ti* 2:21), bày tỏ sự ban cho của Thánh Linh (*Ga-la-ti* 3:2) hay ban cho sự sống đời đời (*Ga-la-ti* 3:21). Điều mà luật pháp đã không thể làm được thì Đức Chúa Trời đã làm qua chính Con Ngài (*Rô-ma* 8:1-4). Những ai đã tin nhận Đấng Christ đều có sự công bình của luật pháp Đức Chúa Trời trong lòng mình và vâng theo ý muốn Ngài bởi Đức Thánh Linh. Họ được thôi thúc không bởi sợ hãi, nhưng bởi tình yêu, vì “tình

yêu là sự làm trọn luật pháp” (Rô-ma 13:8-10).

Phao-lô và Ba-na-ba thuật lại những việc hiện tại (Công Vụ 15:12). Lời chứng của Phi-e-rô đã tạo một tác động lớn trên hội chúng vì họ đã ngồi yên lặng sau khi ông chấm dứt. Khi ấy Phao-lô và Ba-na-ba đứng lên và cho cả hội nghị biết điều Đức Chúa Trời đã làm giữa vòng dân ngoại qua sự làm chứng của họ. Bác sĩ Lu-ca chỉ dành một câu tóm tắt cho sự tường thuật của họ, vì ông đã trình bày chi tiết trong Công Vụ 13:1-14:28. Phao-lô và Ba-na-ba đã được Hội Thánh hết sức tôn trọng (xem Công Vụ 15:25-26) và lời chứng của họ có tác dụng.

Hai nhà truyền giáo luôn nói về những phép lạ Đức Chúa Trời đã giúp họ thực hiện giữa vòng dân ngoại. Những phép lạ này là bằng chứng Đức Chúa Trời đang đồng công với họ (Mác 16:20; Công Vụ 15:4) và họ là những sứ giả được chọn của Đức Chúa Trời (Rô-ma 15:18-19; Hê-bơ-rơ 2:2-4). “Đức Chúa Trời ban Thánh Linh cho anh em và làm phép lạ giữa anh em vì anh em tuân giữ luật pháp, hay vì anh em tin điều mình đã nghe?” (Ga-la-ti 3:5). Họ đã rao giảng ân sủng, không phải luật pháp, và Đức Chúa Trời đã ban vinh dự cho sứ điệp này.

Nếu bạn nhìn lại hành trình truyền giáo thứ nhất (Công Vụ 13:1-14:28), bạn sẽ thấy điều cốt yếu là việc Đức Chúa Trời đã làm vì đức tin của con người. Xem Công Vụ 13:8, 12, 39, 41, 48; 14:1, 22, 23, 27. Cũng hãy để ý rằng Phao-lô nhấn mạnh đến ân sủng (Công Vụ 13:43; 14:3, 26). Đức Chúa Trời đã mở cho dân ngoại “cửa đức tin” không phải “cửa luật pháp.” Vì vấn đề đó mà những người “tin và trở lại cùng Chúa” (Công Vụ 11:21) kinh nghiệm ân sủng của Đức Chúa Trời (Công Vụ 11:23) đứng ra thành lập Hội Thánh An-ti-ốt là Hội Thánh đã ủy nhiệm Phao-lô và Ba-na-ba ra đi truyền giảng Phúc Âm. Họ đã được cứu cùng một cách tội nhân được cứu hôm nay, “nhờ ân sủng, bởi đức tin” (Ê-phê-sô 2:8-9).

Cả Phi-e-rô và Phao-lô đã nhận từ Đức Chúa Trời những khả năng đặc biệt để đến với dân ngoại (Công

Vụ 10:1; 22:21). Tuy nhiên, Phao-lô chính là người Đức Chúa Trời đã biệt riêng làm sứ đồ cho dân ngoại (*Ê-phê-sô* 3:1-12; *Rô-ma* 11:13; *Ga-la-ti* 2:6-10). Nếu tội nhân dân ngoại phải vâng theo luật Môi-se để được cứu, tại sao Đức Chúa Trời ban Phúc Âm của ân sủng cho Phao-lô và sai ông đến với dân ngoại? Đức Chúa Trời sai một mình Sứ đồ Phi-e-rơ cũng đủ chứ!

Phi-e-rơ ôn lại những công việc của Đức Chúa Trời đối với dân ngoại trong quá khứ, còn Phao-lô và Ba-na-ba thuật lại công việc của Đức Chúa Trời giữa vòng dân ngoại đương thời. Gia-cơ là người nói cuối cùng và ông nói về tương lai.

Gia-cơ hướng đến tương lai (*Công Vụ* 15:13-18). Gia-cơ là em của Chúa Giê-xu (*Ga-la-ti* 1:19; *Ma-thi-ơ* 13:55) và là người viết thư tín Gia-cơ. Ông và các anh em của ông không tin Đấng Christ mãi đến sau sự Phục Sinh của Chúa (*Giăng* 7:5; *I Cô-rinh-tô* 15:7; *Công Vụ* 1:14). Gia-cơ đã có khuynh hướng chủ luật mạnh mẽ (có ít nhất mười chi tiết đề cập đến luật pháp trong thư tín của ông), vì vậy ông được nhóm luật pháp trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem có cảm tình.

Ý chính trong bài nói chuyện của Gia-cơ là *sự đồng ý*. Trước hết, ông bày tỏ sự đồng ý hoàn toàn của mình với Phi-e-rơ rằng Đức Chúa Trời đang cứu dân ngoại bởi ân sủng. Điều này chắc đã làm những người theo Do Thái giáo giật mình khi Gia-cơ gọi những người ngoại được cứu này là “một dân cho danh Ngài” vì bao thế kỷ qua, dân Do Thái đã mang danh hiệu vinh dự ấy (xem *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 7:6; 14:2; 28:10). Ngày nay, Đức Chúa Trời đang nhân từ kêu gọi một dân, tức một Hội Thánh từ dân Do Thái và dân ngoại. Thật ra, từ Hy Lạp dành cho “Hội Thánh” (ekklesia) nghĩa là “một hội chúng được kêu gọi ra” (kaleo: gọi ek:ra). Nhưng nếu họ được kêu gọi thì có nghĩa là sự cứu rỗi hoàn toàn là ân sủng chứ không phải nhờ giữ luật pháp!

Những Giáo sư Do Thái đã không hiểu cách dân ngoại

và dân Do Thái liên hệ nhau trong Hội Thánh ra sao, cũng không hiểu Hội Thánh, đúng theo lời hứa của Đức Chúa Trời, thiết lập một vương quốc cho Y-sơ-ra-ên thế nào. Kinh Thánh Cựu Ước đã tuyên bố cả sự cứu rỗi dân ngoại (*Ê-sai* 2:2; 11:10) và sự thiết lập một vương quốc vinh hiển cho Y-sơ-ra-ên trong tương lai (*Ê-sai* 11:1-12:6; 35:1-10; 60:1-22), nhưng không giải thích chúng liên hệ với nhau ra sao. Những người chủ luật trong Hội Thánh luôn ganh tị với vinh hiển của Y-sơ-ra-ên trong tương lai lẫn vinh hiển của Môi-se và luật pháp trong quá khứ. Dường như đối với họ thì sự chấp nhận người ngoại như “những người ngang hàng về thuộc linh” sẽ gây nguy hại cho tương lai của Y-sơ-ra-ên.

Ngày nay chúng ta hiểu biết chân lý này sâu sắc hơn vì Phao-lô đã giải thích trong *Ê-phê-sô* 2:1-3:21 và *Rô-ma* 9:1-11:36. Dân Do Thái và dân ngoại được cứu đều là những chi thể của cùng một thân và là “một trong Chúa Giê-xu” (*Ga-la-ti* 3:28). Chân lý về Hội Thánh, thân thể Đấng Christ, là một “sự mầu nhiệm” (một bí mật thiêng liêng) đã bị giấu kín trong những thời đại quá khứ và đã được Thánh Linh bày tỏ cho Hội Thánh. “Chương trình mầu nhiệm” của Đức Chúa Trời cho Hội Thánh không xóa bỏ “chương trình tiên tri” lớn của Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên. Phao-lô cho biết rõ trong *Rô-ma* 9:1-11:36 rằng có một tương lai cho Y-sơ-ra-ên và Đức Chúa Trời sẽ giữ “những lời hứa về vương quốc” của Ngài với dân Ngài.

Gia-cơ cũng nhận định rằng các tiên tri cũng đã đồng ý với kết luận này, và ông trích dẫn *A-mốt* 9:11-12; để chứng minh luận điểm của mình. Hãy chú ý rằng ông đã không nhận định điều Phi-e-rơ, Phao-lô và Ba-na-ba đã nói là một *ứng nghiệm* của lời tiên tri này. Ông nói rằng điều *A-mốt* đã viết *phù hợp với lời chứng của họ*. Đọc kỹ *A-mốt* 9:8-15 sẽ thấy rằng tiên tri này mô tả những sự kiện trong kỳ sau rốt, khi Đức Chúa Trời nhóm dân Y-sơ-ra-ên của Ngài về đất họ và chúc phước dồi dào cho họ. Nếu chúng ta “thuộc linh hóa” những lời hứa này, thì

sẽ bỏ mất ý nghĩa đơn giản rõ ràng của chúng và lý lẽ của Gia-cơ sẽ vỡ vụn.

A-mốt cũng tiên tri rằng ngôi nhà đổ (“trại”) của Đa-vít sẽ được xây lên và Đức Chúa Trời sẽ làm trọn giao ước Ngài với Đa-vít rằng một vua sẽ ngự trên ngai (*II Sa-mu-ên* 7:25-29). Dĩ nhiên, vị vua tương lai này sẽ là Chúa Giê-xu, con cháu Đa-vít (*Lu-ca* 1:32; *II Sa-mu-ên* 7:13,16; *Ê-sai* 9:6-7). Vua này sẽ trị vì Y-sơ-ra-ên suốt cả thời gian vương quốc còn tồn tại. Người Do Thái duy nhất còn sống ngày nay có thể chứng minh gia phả mình và bảo vệ vương quyền của mình là Chúa Giê-xu.

Đức Chúa Trời đã bày tỏ những chân lý này từng bước một cho dân Ngài, nhưng kế hoạch của Ngài đã được định hình từ ban đầu. Thập tự giá hay Hội Thánh đều đã định từ trước (*Công Vụ* 2:23; 4:27-28; *Ê-phê-sô* 1:4). Những giáo sư Do Thái nghĩ rằng Y-sơ-ra-ên phải “đấy lên” trong vương quốc vinh hiển của họ trước khi dân ngoại được cứu, nhưng Đức Chúa Trời đã bày tỏ rằng chính bởi sự “sa ngã” của Y-sơ-ra-ên mà dân ngoại được cứu rồi (*Rô-ma* 11:11-16). Vào thời gian hội nghị ở Giê-ru-sa-lem, nhà và ngôi Đa-vít đã sụp đổ, nhưng chúng sẽ được phục hồi một ngày nào đó và vương quốc sẽ được thiết lập.

3. Quyết Định

Công Vụ Các Sứ Đồ 15:19-35

¹⁹Vậy, theo ý tôi, thật chẳng nên khuấy rối những người ngoại trở về cùng Đức Chúa Trời; ²⁰song khá viết thư dặn họ kiêng giữ cho khỏi sự ô uế của thần tượng, sự tà dâm, sự ăn thịt thú vật chết ngọt và huyết. ²¹Vì trải bao nhiêu đời nay, trong mỗi thành vẫn có người giảng luật pháp Môi-se, bởi mọi ngày Sa-bát, trong các nhà hội người ta có đọc luật ấy.

²²Kế đó, các sứ đồ và trưởng lão cùng cả Hội Thánh bèn quyết định sai những người được chọn ở nơi mình đi với Phao-lô và Ba-na-ba đến thành An-ti-ốt. Ấy là Giu-đe, cũng gọi là Ba-sa-ba, và Si-la, là hai người đứng đầu trong hàng anh em; ²³rồi

giao cho hai người bức thư như sau này:

Các sứ đồ, trưởng lão và anh em gửi lời chào thăm anh em trong những người ngoại tại thành An-ti-ốt, trong xứ Sy-ri và xứ Si-li-si! ²⁴Bởi từng nghe có một vài người trong vòng chúng ta, chẳng lãnh mạng lệnh nào nơi chúng ta, tự lấy lời mình khuấy rối, và biến loạn lòng các người nữa, ²⁵nên chúng ta đồng lòng quyết ý chọn những người thay mặt sai đi cùng kẻ rất yêu dấu của chúng ta là Ba-na-ba và Phao-lô, mà đến nơi các người; ²⁶hai người này vốn đã liễu thân vì danh Đức Chúa Giê-xu Christ là Chúa chúng ta. ²⁷Vậy chúng ta đã sai Giu-đe và Si-la đến, để nói miệng với anh em về việc đó: ²⁸Ấy là Đức Thánh Linh và chúng ta đã ưng rằng chẳng gán gánh nặng nào khác cho anh em ngoài những điều cần dùng, ²⁹tức là anh em phải kiêng ăn của cúng thần tượng, huyết, thú vật chết ngột, và chớ tà dâm; ấy là mọi điều mà anh em khá kiêng giữ lấy vậy. Kính chúc bình an!

³⁰Vậy, khi các người đó đã từ giả Hội Thánh, xuống thành An-ti-ốt, nhóm hết thấy anh em lại, và trao thư cho. ³¹Người ta đọc thư, thấy đều mừng rỡ vì được lời yên ủi. ³²Giu-đe và Si-la chính là kẻ tiên tri, cũng lấy nhiều lời giảng mà khuyên bảo, và giục lòng anh em mạnh mẽ. ³³Khỏi ít lâu, anh em chúc các người đó bình an mà cho về cùng những người đã sai đến. (Có mấy bản thêm câu ³⁴ rằng: Nhưng mà Si-la thì quyết ở lại thành An-ti-ốt.)

Phao-lô và Ba-na-ba phân rẽ nhau

³⁵Nhưng Phao-lô và Ba-na-ba ở lại tại thành An-ti-ốt, giảng Tin Lành và dạy đạo Chúa với nhiều người khác.

Các lãnh đạo và toàn Hội Thánh (*Công Vụ* 15:22) được Chúa Thánh Linh hướng dẫn (*Công Vụ* 15:28), đi đến hai kết luận. Kết luận thứ nhất thuộc phạm vi giáo lý: Đấng Christ là Đấng Cứu Rỗi chúng ta. Kết luận thứ hai thuộc phạm vi đời sống bình thường: chúng ta phải sống đời sống Cơ Đốc đúng đắn.

Quyết định giáo lý thì chúng ta đã xem xét. Hội Thánh đã kết luận rằng dân Do Thái và dân ngoại đều là những tội nhân trước mặt Đức Chúa Trời và chỉ có thể được cứu bởi đức tin trong Chúa Giê-xu. Có một nhu cầu, và chỉ có một Phúc Âm để đáp ứng nhu cầu đó (*Ga-la-ti* 1:6-12). Ngày nay Đức Chúa Trời chỉ có một chương

trình: Ngài kêu gọi một dân cho danh Ngài. Y-sơ-ra-ên bị để qua một bên nhưng không bị bỏ (*Rô-ma* 11:1-36) và khi chương trình của Đức Chúa Trời cho Hội Thánh được hoàn tất, Ngài sẽ bắt đầu thực hiện những lời hứa về vương quốc Ngài đối với dân Do Thái.

Nhưng giáo lý phải hướng dẫn trong trách nhiệm. Gia-cơ nhấn mạnh điều này trong thư tín của ông (*Gia-cơ* 2:14-16), và Phao-lô cũng làm vậy trong các bức thư của mình, chúng ta phải áp dụng nó trong đời sống thường nhật. Những vấn đề Hội Thánh được giải quyết không phải bằng cách thông qua những giải pháp, nhưng bằng cách thực hành những sự soi sáng Đức Chúa Trời ban cho ta từ Lời Ngài.

Gia-cơ khuyên Hội Thánh viết thư cho các tín hữu ở ngoài Do Thái để phổ biến các quyết định của hội nghị. Bức thư này yêu cầu họ phải tuân hành hai mệnh lệnh và giữ đúng hai *điều cấm kỵ*. Hai mệnh lệnh phải tuân hành là không được thờ hình tượng và tránh các hành vi vô luân. Đây là những tội lỗi rất thường thấy tại các xứ ngoài Do Thái (xem *I Cô-rinh-tô* 8-10). Còn hai điều cấm kỵ là kiêng ăn huyết và thịt súc vật chết ngạt. Hai mệnh lệnh không có gì tranh cãi vì cả dân Do Thái lẫn người ngoài Do Thái đều nhận rằng thờ hình tượng và hành động vô luân đều là tội lỗi trước mặt Đức Chúa Trời. Nhưng còn hai điều cấm kỵ thì sao? Xưa, bên xứ Do Thái, dân chúng thường có thói quen tổ chức các bữa ăn chung với nhau; hội chúng thường hội họp tại các tư gia nên các lễ tiệc thánh kết hợp với các bữa ăn thân mật tập thể. Nếu trong các bữa ăn này mà tín hữu gốc Do Thái thấy tín hữu gốc ngoại bang ăn huyết và thịt thú vật chết ngạt (là những thức ăn họ cho là ô uế) thì sẽ có sự phê phán lẫn nhau khiến Hội Thánh chia rẽ. Sứ đồ Phao-lô đề cập đến vấn đề này trong thư tín *Rô-ma* chương 14-15.

Việc cấm ăn huyết do Đức Chúa Trời ban ra trước thời luật pháp (*Sáng Thế Ký* 9:4) và được Môi-se nhắc lại (*Lê-*

vi Ký 17:11-14; Phục Truyền Luật Lệ Ký 12:23). Nếu một thú vật bị chết ngạt, máu sẽ đọng lại trong thân và khiến cho thịt không thích hợp cho người Do Thái ăn. Do đó mà có lời khuyên chống lại sự bóp nghẹt. Thịt “thích hợp” là thịt từ những thú vật sạch bị giết cách thích hợp để huyết hoàn toàn được rút khỏi thân.

Thư này bày tỏ sự đoàn kết thân ái của những người đã có lần tranh cãi với nhau và bảo vệ những quan điểm đối lập. Những người Do Thái theo luật pháp sẵn sàng từ bỏ sự khăng khăng cho rằng dân ngoại phải chịu cắt bì mới được cứu, và dân ngoại phải chấp nhận qui tắc ăn uống của người Do Thái. Đó là một thỏa hiệp không ảnh hưởng đến chân lý của Phúc Âm trong bất cứ phương diện nào. Ta đều biết rằng trong gia đình có những lúc sự thoả hiệp là sai trật, nhưng có những lúc sự thoả hiệp là cần thiết. Samuel Johnson đã nói: “Cuộc sống không thể tồn tại trong xã hội nếu không nhượng bộ lẫn nhau.” Người luôn cho mình đúng và cứ khăng khăng theo ý mình thì khó mà sống hạnh phúc được.

Quyết định này có lợi gì? Ít nhất là ba điều. Thứ nhất, nó củng cố sự hiệp nhất của Hội Thánh và giữ Hội Thánh không bị tẻ tách thành hai nhóm cực đoan “luật pháp” và “ân sủng”. Tổng thống Eisenhower đã gọi loại thỏa hiệp đúng đắn là “trung dung. Sự cực đoan phải bỏ đi.” Một lần nữa, đây không phải là sự thỏa hiệp về *giáo lý* vì điều đó luôn sai trật (*Giu-đe* 1:3). Phải học cách cho và nhận cách hài hòa thực tiễn để con người có thể sống và làm việc với nhau trong tình yêu thương và sự hòa thuận.

Thứ hai, quyết định này khiến Hội Thánh có thể làm chứng cho người Do Thái hư mất (*Công Vụ* 15:21). Đa phần, Hội Thánh vẫn gắn bó với nhà hội Do Thái, và có thể trong một số thành phố toàn bộ các hội chúng, nhà hội, người Do Thái, người mới theo đạo Do Thái, cùng những người dân ngoại “kính sợ Đức Chúa Trời” đều đã tin Chúa Giê-xu. Nếu các tín hữu người ngoại lạm dụng

sự tự do của họ trong Đấng Christ và ăn huyết động lại thì sẽ làm xúc phạm những người Do Thái được cứu và những bằng hữu chưa được cứu của họ là những người họ đang tìm cách thu phục cho Đấng Christ. Vấn đề là đừng làm chướng ngại vật gây vấp ngã cho người yếu đuối và kẻ hư mất (*Rô-ma* 14:13-21).

Thứ ba, quyết định này đem đến phước hạnh khi bức thư được chia sẻ với các hội chúng người ngoại khác. Phao-lô và Ba-na-ba cùng với Giu-đe và Si-la đã đem tin tức tốt lành đến An-ti-ốt, Hội Thánh đã vui mừng và được khích lệ bởi họ không phải mang ách nặng nề của luật pháp (*Công Vụ* 15:30-31). Trong hành trình truyền giáo thứ hai, Phao-lô chia sẻ bức thư này với các Hội Thánh ông đã thành lập trong hành trình truyền giáo thứ nhất của mình. Kết quả là đức tin của các Hội Thánh được củng cố và số người trong Hội Thánh được gia tăng (16:5).

Ngày nay chúng ta có thể học được khá nhiều kinh nghiệm khó khăn này của Hội Thánh đầu tiên. Các Hội Thánh cần đồng công với nhau và phải lắng nghe nhau, yêu thương và tìm hiểu nhau. Biết bao sự tranh chiến và chia rẽ gây tổn thương lẽ ra có thể tránh được giá như một số dân Đức Chúa Trời biết lắng nghe Chúa Thánh Linh.

Đa số những sự chia rẽ đều do “các môn đệ” và “các lãnh đạo” gây ra. Một người lãnh đạo uy quyền được một số người đi theo, không chịu nhượng bộ cả vấn đề nhỏ nhặt nhất, gây ra rạn nứt. Đa số các vấn nạn Hội Thánh phát sinh không bởi những khác biệt về giáo lý, nhưng bởi những quan điểm khác nhau về những vấn đề thực hiện. Chúng ta sẽ sơn phòng học của Hội Thánh màu gì? Chúng ta có thể thay đổi lễ nghi thờ phượng không? Tôi đã nghe về một Hội Thánh hầu như đã rạn nứt về việc chiếc đàn organ hoặc piano nên đặt bên phải hay bên trái của tòa giảng. Cơ Đốc nhân cần học nghệ thuật hòa hiệp. Họ cần có những ưu tiên để biết khi nào phải đấu

tranh cho điều thật sự quan trọng trong Hội Thánh. Thật tội lỗi khi hòa theo một thuộc viên quyền thế nào đó của Hội Thánh để dành phần thắng về một vấn đề chẳng đáng phải tranh đấu. Mỗi hội chúng cần sống với tình yêu được mô tả trong *I Cô-rinh-tô* 13 để ngăn chặn những mối bất hòa.

Khi chúng ta giải quyết những khác biệt, chúng ta phải tự hỏi: “Quyết định của chúng ta sẽ ảnh hưởng ra sao đến sự làm chứng của Hội Thánh cho người hư mất?” Chúa Giê-xu đã cầu nguyện để những người thuộc về Ngài có thể hòa hợp với thế gian, giúp thế gian tin Ngài (*Giăng* 17:20-21). Hòa hợp không phải là bất chước theo vì sự hòa hợp dựa trên tình yêu chứ không phải luật pháp. Hội Thánh rất cần sự đa dạng (*Ê-phê-sô* 4:1-17); vì đa dạng là điều kiện thiết yếu để trưởng thành và để làm trọn công tác của mình trên cõi đời này.

Đức Chúa Trời đã mở ra cơ hội kỳ diệu để chúng ta đem Phúc Âm ân sủng của Đức Chúa Trời đến với thế giới lầm lạc. Nhưng trong Hội Thánh, xưa cũng như nay, có những người muốn dập tắt cơ hội ấy. Có những người đi rao giảng “Phúc Âm khác,” không phải là Phúc Âm của Chúa Giê-xu.

Hãy nắm lấy cơ hội. Hãy sốt sắng truyền bá Phúc Âm, và chỉ truyền bá Phúc Âm của Đức Chúa Trời mà thôi.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 2

Công Vụ Các Sứ Đồ 15:1-35

1. Trong chương 15 có sự tranh cãi về vấn đề gì?
2. Trong giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem làm sao để đến quyết định chung?
3. Giáo hội nghị đã quyết định về ba vấn đề gì?
4. Tại sao sự dạy dỗ của Phao-lô về lẽ thật Cứu Rỗi bởi ân sủng qua đức tin lại gây nhiều tranh cãi?
5. Tại sao phái chủ luật rất nguy hiểm?
6. Cho biết điểm cốt yếu duy nhất của Phúc Âm ân sủng?
7. Cho biết những mục vụ quan trọng mà Đức Chúa Trời thi thố cho dân ngoại (Phi-e-rơ lãnh trách nhiệm)?
8. Luật pháp có mục đích gì? Luật pháp không làm được những gì?
9. Trong giáo lý cứu rỗi, sức riêng của người tin có giúp ích gì không?
10. Chúng ta học được gì qua các thách thức nghiêm trọng của Hội Thánh đầu tiên?

THÊM NHIỀU CƠ HỘI

Công Vụ Các Sứ Đồ 15:36-16:40

Đối với Sứ đồ Phao-lô, Hội Thánh tại An-ti-ốt không phải là một bãi đậu xe mà là một bộ phóng. Ông chưa bao giờ dừng lại để nghỉ ngơi. Hễ cánh cửa cơ hội còn mở, ông còn phải xông xáo truyền bá Phúc Âm.

Nếu Sứ đồ Phao-lô được đọc tác phẩm *"The Great Omission" (Sự Thiếu Sót Lớn)* của Robertson McQuilken thì hẳn ông sẽ đồng ý rằng: "Hội Thánh đã làm ngơ trước một xã hội mà mười người thì đến chín hư mất, bốn người thì ba chẳng bao giờ nghe đến Phúc Âm, và nếu có hai người nghe thì chỉ một làm theo. Có cách gì thay đổi được không? Hay chúng ta bình chân như vại!" Sứ đồ Phao-lô thật sự bận tâm đến tình trạng đau thương này. Chúng ta hãy học tinh thần phục vụ của Sứ đồ Phao-lô.

Có nhiều yếu tố mới trong hành trình thứ hai này cho thấy rằng Đức Chúa Trời vẫn hành động, bất kể trở ngại có thể xảy ra và những khó khăn riêng phát sinh.

1. Một Đồng Bạn Mới

Công Vụ Các Sứ Đồ 15:36-41

³⁶Sau ít lâu, Phao-lô nói với Ba-na-ba rằng: Chúng ta hãy trở lại thăm hết thầy anh em trong các thành mà chúng ta trước đã giảng đạo Chúa, xem thử ra thế nào. ³⁷Ba-na-ba muốn đem theo Giảng cũng gọi là Mác. ³⁸Nhưng Phao-lô không có ý đem Mác đi với, vì người đã lừa hai người trong xứ Bam-phi-ly, chẳng cùng đi làm việc với. ³⁹Nhân đó có sự cãi lầy nhau dữ dội, đến nỗi hai người phân rẽ nhau, và Ba-na-ba đem Mác cùng xuống thuyền vượt qua đảo Chíp-rơ. ⁴⁰Còn Phao-lô, sau khi đã chọn Si-la, và nhờ anh em giao phó mình cho ân điển Chúa, thì khởi đi. ⁴¹Người trải qua xứ Sy-ri và xứ Si-li-si, làm cho các Hội Thánh được vững bền.

Phao-lô và Ba-na-ba đồng ý về tầm quan trọng của chuyến đi, nhưng không đồng ý về việc nên đem ai đi cùng. Đây là hai người tiên phong vừa giúp đem lại sự hiệp nhất cho Hội Thánh, nhưng không thể dàn xếp những bất đồng với nhau! Những xung đột như thế gây bối rối và đau đớn, thường được thấy trong lịch sử Hội Thánh, nhưng Đức Chúa Trời vẫn tế trị và hoàn thành mục đích của Ngài.

Việc Ba-na-ba bênh vực Giăng Mác không có gì lạ. Ông và Mác là bà con (*Cô-lô-se* 4:10). Ba-na-ba nhiệt tình, luôn tìm cách giúp người khác nên Hội Thánh đầu tiên đặt tên cho ông là “con trai của sự yên ủi” (*Công Vụ* 4:36). Ông sẵn sàng cho Giăng Mác cơ hội để phục vụ Chúa và để chứng minh lòng trung trực của mình. Ba-na-ba “nhất định” (*Wuest, bản dịch thoát*) phải đem Mác đi.

Nhưng Phao-lô *không chịu*. Trong hành trình truyền giáo thứ nhất, Giăng Mác lìa bỏ họ để trở về nhà (*Công Vụ* 13:13). Đây là một biểu hiện của sự yếu đuối. Công việc truyền giáo đòi hỏi nhiều nghị lực, nên không thể chọn người tỏ ra không đáng tin cậy.

Sự thảo luận tiếp tục và trở thành một cuộc tranh cãi thật sự. Đường như giải pháp duy nhất là chia tay nhau, mỗi người phục vụ ở một khu vực riêng. Ba-na-ba đem Mác theo và đi đến Chíp-rơ quê của ông, còn Phao-lô đem Si-la theo và thẳng đến xứ Sy-ri và xứ Si-li-si (chú ý *Công Vụ* 15:23).

Ai đúng? Điều đó không có gì quan trọng. Có lẽ hai người vừa đúng vừa sai. Chúng ta biết rằng cuối cùng Giăng Mác đã thành công trong chức vụ và Phao-lô đem lòng yêu mến và cảm kích ông (xem *Phi-lê-môn* 1:23-24; *Cô-lô-se* 4:10 và *II Ti-mô-thê* 4:11). Những con người tốt lành và tin kính trong Hội Thánh có khi cũng bất đồng nhau; đây là một trong những thực tế đau buồn chúng ta phải chấp nhận. Nhìn vào người nào đó, Phao-lô hỏi: “Họ có thể làm được gì cho công việc của Đức Chúa Trời?” Ba-na-ba thì hỏi: “Công việc của Đức Chúa Trời có thể làm

gì cho họ?" Cả hai câu hỏi đều quan trọng đối với công việc của Đức Chúa Trời, và đôi khi khó mà giữ cho mọi sự được quân bình.

Phao-lô đã chọn một đồng bạn mới, Si-la, một người đứng đầu trong Hội Thánh, một tiên tri (*Công Vụ* 15:22, 32) và là người đem các sắc luật của hội nghị Giê-ru-sa-lem đến các Hội Thánh (*Công Vụ* 15:27). Si-la là đồng tác giả với Phao-lô về hai thư tín *Tê-sa-lô-ni-ca*, ông cũng là thư ký chép thư tín thứ nhất của Phi-e-rơ (5:12). Cũng như Phao-lô, ông là một công dân Rô-ma.

Đức Chúa Trời thay đổi người giúp việc của Ngài, nhưng công việc Ngài vẫn tiến hành tốt đẹp. Giờ đây đã có hai nhóm truyền giáo thay vì một! Nếu Đức Chúa Trời phải nhờ vào những con người toàn hảo để hoàn thành công việc Ngài, thì chắc không có kết quả gì. Những hạn chế và bất toàn của chúng ta là những lý do đích đáng để chúng ta phải tùy thuộc vào ân sủng Đức Chúa Trời, vì khả năng của chúng ta chỉ có từ Ngài (*II Cô-rinh-tô* 3:5).

2. Một Người Giúp Việc Mới

Công Vụ Các Sứ Đồ 16:1-5

¹Phao-lô tới thành Đệ-tơ và thành Lít-trơ. Nơi đó, có một môn đồ tên là Ti-mô-thê, con của một người đàn bà Giu-đa đã tin, còn cha thì người Gờ-réc. ²Anh em ở thành Lít-trơ và thành Y-cô-ni đều làm chứng tốt về người. ³Phao-lô muốn đem người theo; bởi có những người Giu-đa ở trong các nơi đó, nên Phao-lô lấy người và làm phép cắt bì cho, vì hết thấy đều biết cha Ti-mô-thê là người Gờ-réc. ⁴Hễ ghé qua thành nào, hai người cũng dặn biểu phải giữ mấy lệ luật mà sứ đồ và trưởng lão tại thành Giê-ru-sa-lem lập ra. ⁵Ấy vậy, các Hội Thánh được vững vàng trong đức tin, và số người càng ngày càng thêm lên.

Phao-lô và Si-la đến từ hướng đông, nên họ đến thành Đệ-tơ trước và sau đó đến thành Lít-trơ, ngược với hành trình thứ nhất (*Công Vụ* 14:6-20). Hai nhà truyền giáo này đi từ Hội Thánh này đến Hội Thánh khác, giúp gây

dựng các tín hữu trong đức tin. Sự làm chứng của các tín hữu đã có kết quả vì vậy các Hội Thánh đã gia tăng số lượng hàng ngày (xem *Công Vụ* 2:47). Chắc chắn đó là cuộc hành trình thành công, nhưng tôi chẳng biết liệu có ai trong các tín hữu hỏi về Ba-na-ba hay không? Và Phao-lô đã cho họ biết điều gì?

Có lẽ điều tốt nhất đã xảy ra tại thành Lít-tơ là việc chọn Ti-mô-thê thay thế cho Giăng Mác làm phụ tá đặc biệt của Phao-lô. Có lẽ Ti-mô-thê đã qui đạo qua sự dẫn dắt của Phao-lô khi vị sứ đồ này viếng thăm Lít-tơ lần đầu tiên, vì Phao-lô đã gọi ông là “con yêu dấu của tôi” (*I Cô-rinh-tô* 4:17) và “con của ta trong đức tin” (*I Ti-mô-thê* 1:2). Mẹ và bà ngoại của Ti-mô-thê đã dọn đường cho quyết định của ông do việc các bà là những người đầu tiên trong gia đình tin nhận Đấng Christ (*II Ti-mô-thê* 1:5). Ti-mô-thê còn trẻ, chắc chắn đã chứng kiến những hoạn nạn của Phao-lô trong thành Lít-tơ (*Công Vụ* 14:19-20; *II Ti-mô-thê* 3:10-11) và đã được Chúa kéo đến gần vị sứ đồ này. Ti-mô-thê bạn đồng hành và người cộng tác tâm đắc của Phao-lô (*Phi-líp* 2:19-23), có lẽ là đứa con Phao-lô luôn luôn cần đến.

Vì có thành tích tốt đẹp từ các Hội Thánh (*I Ti-mô-thê* 3:7), Ti-mô-thê được Phao-lô phong chức và cho gia nhập vào “nhóm” của ông (*I Ti-mô-thê* 4:14; *II Ti-mô-thê* 1:6). Bước kế tiếp của Phao-lô là để cho Ti-mô-thê chịu cắt bì, một hành động dường như mâu thuẫn với quyết định của hội nghị Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, có một nguyên tắc thuộc linh quan trọng phía sau quyết định của Phao-lô.

Quyết định tại hội đồng Giê-ru-sa-lem là không cần phải chịu cắt bì mới được cứu. Phao-lô đã không để cho Tít chịu cắt bì hầu tránh cho kẻ thù xuyên tạc. (*Ga-la-ti* 2:1-5). Chiến trận ở Giê-ru-sa-lem là về chân lý của Phúc Âm, không phải về điều kiện của người phục vụ. Còn mối quan tâm của Phao-lô về Ti-mô-thê không phải là sự cứu rỗi của ông, nhưng để sự phục vụ của ông không gặp trở

ngại với Hội Thánh.

Ti-mô-thê sẽ làm việc với cả người Do Thái và người ngoại trong các Hội Thánh, vậy nên phải cho ông khỏi bị các bên xoi mói. Đó là lý do Phao-lô để Ti-mô-thê chịu cắt bì (xem *I Cô-rinh-tô* 9:19-23). Một lần nữa, đó không phải là vấn đề về sự cứu rỗi, nhưng để tránh những nan đề nghiêm trọng chắc chắn sẽ trở thành những chứng ngại vật gây vấp ngã (*Rô-ma* 14:13-15). Lãnh đạo thuộc linh khôn ngoan là người biết cách nào và khi nào phải áp dụng những nguyên tắc của Lời Đức Chúa Trời, và khi nào phải nhượng bộ.

Ít năm sau, Ti-mô-thê đã đóng một phần quan trọng trong sự phát triển và củng cố các Hội Thánh. Ông đã đồng ra đi với Phao-lô và thường làm đặc sứ của người tại “những nơi rắc rối” trong công tác, chẳng hạn như tại Cô-rinh-tô. Ông đã trở thành người chăn Hội Thánh tại Ê-phen-sô (*I Ti-mô-thê* 1:3) và có thể đã gặp lại Phao-lô tại Rô-ma thời gian ngắn trước khi vị sứ đồ này tử đạo (*II Ti-mô-thê* 4:21).

3. Một Khái Tượng Mới

Công Vụ Các Sứ Đồ 16:6-40

⁶Đoạn, trải qua xứ Phi-ri-gi và đất Ga-la-ti, vì Đức Thánh Linh đã cấm truyền đạo trong cõi A-si. ⁷Tới gần xứ My-si rồi, hai người sắm sửa vào xứ Bi-thi-ni; nhưng Thánh Linh của Đức Chúa Giê-xu không cho phép, ⁸bèn kíp qua khỏi xứ My-si, và xuống thành Trô-ách.

Phao-lô qua xứ Ma-xê-đoan

⁹Đương ban đêm, Phao-lô thấy sự hiện thấy; có một người Ma-xê-đoan đứng trước mặt mình, nài xin rằng: Hãy qua xứ Ma-xê-đoan, mà cứu giúp chúng tôi. ¹⁰Phao-lô vừa thấy sự hiện thấy đó rồi, chúng ta liền tìm cách qua xứ Ma-xê-đoan, vì đã định rằng Đức Chúa Trời gọi chúng ta rao truyền Tin lành ở đó.

Ở tại thành Phi-líp. — Ly-đi trở về đạo.

¹¹Vậy, chúng ta từ thành Trô-ách đi thuyền thẳng đến đảo Sa-mô-tra-xơ; bữa sau, đến thành Nê-a-bô-li; ¹²từ nơi đó, chúng ta tới thành Phi-líp, là thành thứ nhứt của tỉnh Ma-xê-đoan, và là thuộc địa nước Rô-ma. Chúng ta ở tạm đó vài ngày. ¹³Đến ngày Sa-bát, chúng ta ra ngoài cửa thành, đến gần bên sông, là nơi

chúng ta tưởng rằng người ta nhóm lại đặng cầu nguyện; chúng ta ngồi xong, giảng cho những đàn bà đã nhóm lại. ¹⁴Có một người trong bọn đó nghe chúng ta, tên là Ly-di, quê ở thành Thi-a-ti-rơ, làm nghề buôn hàng sắc tía, vẫn kính sợ Đức Chúa Trời. Chúa mở lòng cho người, đặng chăm chỉ nghe lời Phao-lô nói. ¹⁵Khi người đã chịu phép báp-tem với người nhà mình rồi, thì xin chúng ta rằng: Nếu các ông đã đoán tôi là trung thành với Chúa, thì hãy vào nhà tôi, mà ở lại đó; rồi người ép mời vào. Phao-lô và Si-la bị bỏ tù. – Người đề lao trở về đạo.

¹⁶Một ngày kia, chúng ta đi cầu nguyện, gặp một đứa đầy tớ gái bị quỷ Phi-tôn ám vào, hay bói khoa, làm lợi lớn cho chủ nó.

¹⁷Nó theo Phao-lô và chúng ta, mà kêu la rằng: Những người đó là đầy tớ của Đức Chúa Trời Rất Cao, rao truyền cho các người đạo cứu rỗi. ¹⁸Trong nhiều ngày nó cứ làm vậy, nhưng Phao-lô lấy làm cực lòng, xây lại nói cùng quỷ rằng: Ta nhân danh Đức Chúa Giê-xu Christ mà truyền mây ra khỏi người đàn bà này. Chính giờ đó, quỷ liền ra khỏi.

¹⁹Nhưng các chủ nàng thấy mình chẳng còn trông được lợi lộc nữa, bèn bắt Phao-lô và Si-la, kéo đến nơi công sở, trước mặt các quan, ²⁰rồi điệu đến các thượng quan, mà thưa rằng: Những người này làm rối loạn thành ta; ấy là người Giu-đa, ²¹dạy dỗ các thói tục mà chúng ta chẳng nên nhận lấy, hoặc vâng theo, vì chúng ta là người Rô-ma. ²²Đoàn dân cũng nổi lên nghịch cùng hai người, và khi các thượng quan khiến xé áo hai người ra rồi, bèn truyền đánh đòn. ²³Sau khi người ta đánh nhiều đòn rồi, thì bỏ vào ngục, dặng người đề lao phải canh giữ cho nghiêm nhặt. ²⁴Được lệnh đó, đề lao bỏ hai người vào ngục tối và tra chân vào cùm.

²⁵Lối nửa đêm, Phao-lô và Si-la đương cầu nguyện, hát ngợi khen Đức Chúa Trời; và những tù phạm đều nghe. ²⁶Thình lình, có cơn động đất rất lớn, đến nổi nền ngục rung động; cùng một lúc, các cửa mở ra, xiềng tù phạm thấy đều tháo cả. ²⁷Người đề lao giật mình thức dậy, thấy các cửa ngục đều mở, tưởng tù đã trốn hết, bèn rút gươm, toan giết mình. ²⁸Nhưng Phao-lô kêu người lớn tiếng rằng: Chớ làm hại mình: Chúng ta đều còn cả đây. ²⁹Người đề lao bèn kêu lấy đèn, chạy lại, run sợ lắm, gieo mình nơi chân Phao-lô và Si-la. ³⁰Đoạn, đưa hai người ra ngoài, mà hỏi rằng: Các chúa ơi, tôi phải làm chi cho được cứu rỗi?

³¹Hai người trả lời rằng: Hãy tin Đức Chúa Giê-xu, thì người và cả nhà đều sẽ được cứu rỗi. ³²Hai người truyền đạo Đức Chúa Trời cho người, và cho những kẻ ở nhà người nữa. ³³Trong ban đêm, chính giờ đó, người đề lao đem hai người ra rửa các thương tích cho; rồi tức thì người và mọi kẻ thuộc về mình đều chịu phép báp-tem. ³⁴Đoạn, người đề lao mời hai người lên nhà mình, đặt bàn, và người với cả nhà mình đều mừng rỡ vì đã tin Đức Chúa Trời.

³⁵Đến sáng, thượng quan sai lính nói cùng người đê lao rằng: Hãy thả các người ấy đi. ³⁶Người trình lời đó cùng Phao-lô rằng: Các thượng quan đã khiến truyền cho tôi thả các ông; vậy, hãy ra, và xin đi cho bình yên. ³⁷Nhưng Phao-lô nói cùng lính rằng: Chúng ta vốn là quốc dân Rô-ma, khi chưa định tội, họ đã đánh đòn chúng ta giữa thiên hạ, rồi bỏ vào ngục; nay họ lại thả lén chúng ta ư! Điều đó không được. Chính các quan phải tới đây mà thả chúng ta mới phải! ³⁸Các thượng quan nghe lính trình lại bấy nhiêu lời, biết hai người đó là người Rô-ma, thì sợ hãi. ³⁹Họ bèn đến nói với hai người, thả đi, và xin lia khỏi thành. ⁴⁰Khi ra ngục rồi, hai sứ đồ vào nhà Ly-di, thăm và khuyên bảo anh em, rồi đi.

Trong phân đoạn này chúng ta thấy Đức Chúa Trời mở đường truyền giáo trong ba lần khác nhau cách kỳ diệu.

Đức Chúa Trời mở đường (Công Vụ 16:6-12). Sau khi thăm viếng các Hội Thánh mình đã thành lập, Phao-lô tìm cách đi vào các xứ mới để phục vụ Chúa, về hướng đông vào cõi A-si và Bi-thi-ni, nhưng Chúa đã đóng cửa. Chúng ta không biết Đức Chúa Trời đã bày tỏ ý muốn Ngài về vấn đề này ra sao, nhưng chúng ta có thể dễ dàng hình dung được rằng Phao-lô đã thất vọng và có lẽ hơi nản lòng. Mọi sự trôi chảy ở hành trình thứ hai này nên khi bị ngăn trở, Phao-lô thấy rất ngỡ ngàng. Tuy nhiên, ngay cả các sứ đồ không phải lúc nào cũng biết rõ ý muốn của Đức Chúa Trời cho chức vụ mình! Đức Chúa Trời đã trù tính để sứ điệp được đem đến đó vào lúc khác (18:19-19:41 và xem *I Phi-e-rơ* 1:1).

Trong ơn tể trị của Ngài, Đức Chúa Trời đã dẫn Phao-lô đi hướng tây vào Châu Âu chứ không phải hướng đông vào cõi A-si. Lịch sử thế giới sẽ khác xa nếu Phao-lô được sai đến cõi A-si thay vì đến Âu châu. Tại thành Trô-ách, trong khải tượng ban đêm Phao-lô thấy một người yêu cầu ông đi đến Ma-xê-đoan. George Mac Donald đã viết: “Khi có người cầu xin giúp đỡ thì ta thấy mạnh mẽ lên” và Phao-lô đã nhanh chóng đáp ứng khải tượng (so sánh 26:19).

Cần lưu ý rằng trong câu 10, tác giả Lu-ca dùng chữ

chúng tôi vì ngoài ông ra còn có cả Phao-lô và đoàn tùy tùng từ Trô-ách đến nữa. Sách *Công Vụ* có ba phân đoạn có chữ “chúng tôi” như thế. Ba phân đoạn ấy là: *Công Vụ* 16:10-17; 20:5-15; và 27:1-28:16. Trong *Công Vụ* 17:1 thì tác giả đổi “chúng tôi” thành “họ” vì ông phải ở lại Phi-líp để cai quản Hội Thánh do Phao-lô để lại. Câu 20:5 là câu chuyển tiếp với cuộc hành trình của Phao-lô từ Ma-xê-doan. Tác giả Lu-ca dành một đoạn dài để nói về mục vụ của Phao-lô tại thành Phi-líp; do đó ta có thể đoán rằng ông từng là công dân của thành này. Có người nghĩ rằng Lu-ca là người mà Phao-lô đã thấy trong khải tượng trước kia.

Từ thành Trô-ách đến thành Nê-a-bô-li, bên cảng của thành Phi-líp, cách nhau chừng 150 dặm, và họ đã mất hai ngày đường. Sau đó, chuyến đi biển ngược trở về lại mất năm ngày, vì những cơn gió ngược (*Công Vụ* 20:6). Thành Phi-líp nằm trong đất liền cách thành Nê-ô-bô-li mười dặm, và cách Lu-ca mô tả thành này cho thấy ông thật sự là một trong những công dân đáng tự hào nhất của thành.

Thành Phi-líp là một thuộc địa của La Mã, tên nó có nghĩa là “Rô-ma ngoài Rô-ma.” Hoàng đế đã tạo ra “các thuộc địa” bằng cách ra lệnh các công dân Rô-ma, đặc biệt là những quân nhân về hưu phải sống trong những nơi định sẵn, để tạo thành những thành phố thân Rô-ma trong những vùng chiến lược này. Dù sống trên đất lạ, các công dân vẫn bị đòi hỏi phải trung thành với Rô-ma, vâng phục luật pháp Rô-ma, và dành vinh dự cho hoàng đế Rô-ma. Bù lại, họ được ban cho những đặc quyền chính trị nào đó, đáng kể nhất là được miễn thuế. Đó là phần thưởng cho sự xa quê hương Y-ta-ly.

Đức Chúa Trời đã mở lòng Ly-đi (Công Vụ 16:13-15). Phao-lô và các bạn ông đã không lao ngay vào việc giảng Phúc Âm cho thành này, dù họ biết Đức Chúa Trời đã gọi họ đến đó. Chắc chắn họ cần nghỉ ngơi, cầu nguyện và cùng nhau lập chương trình truyền giảng. Biết nơi Đức

Chúa Trời muốn chúng ta làm việc thì chưa đủ, chúng ta còn phải biết *khi* nào và *cách* Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm việc.

Dân số Do Thái trong thành Phi-líp chắc rất ít vì ở đó không có nhà hội, chỉ có một nơi cầu nguyện gần con sông bên ngoài thành. (Phải ít nhất mười người mới được lập một nhà hội). Phao-lô đã thấy một người đàn ông trong khải tượng tại thành Trô-ách, nhưng ở đây ông lại giảng dạy cho một nhóm *phụ nữ*! Các ra-bi đã nói: “Thà đốt sách Luật Pháp chứ đừng rao giảng cho đàn bà!”, nhưng Phao-lô không còn suy nghĩ như vậy. Ông đã đầu phục và Chúa đã đi trước để dọn đường.

Ly-đi là một nữ thương gia thành công từ thành Thi-a-ti-rơ, một thành phố có tiếng về thuốc nhuộm màu tía. Có thể bà làm chủ một chi nhánh thuộc phường hội của bà trong thành Phi-líp. Đức Chúa Trời đã đưa bà suốt đường đến Hy Lạp để bà có thể nghe Phúc Âm và được thay đổi. Bà là một “người thờ phượng Đức Chúa Trời”, một người ngoại chứ không phải là người theo đạo Do Thái. Bà đang tìm kiếm chân lý.

Phao-lô đã chia sẻ đạo (*Công Vụ* 16:14). Đức Chúa Trời đã mở lòng bà trước lễ thật, bà đã tin và được cứu. Bà dạn dĩ đứng về phía Đấng Christ bằng cách chịu báp-tem, và bà đã cố nài để những nhà truyền giáo ở lại nhà bà. Tất cả người nhà của bà đã được biến đổi, vì vậy đây là một dịp tiện tốt để Phao-lô cùng các bạn ông dạy đạo cho họ và thành lập một Hội Thánh địa phương (chúng ta sẽ đề cập về “sự cứu rỗi người nhà” khi chúng ta học đến *Công Vụ* 16:31).

Chúng ta đừng kết luận rằng vì Đức Chúa Trời đã mở lòng Ly-đi, nên phần của Ly-đi trong sự qui đạo là hoàn toàn thụ động. Bà đã chăm chú nghe Đạo, và chính Đạo ấy đã đem tội nhân đến với Đấng Christ (*Giăng* 5:24). Đức Chúa Trời đã định rằng bà Ly-đi được cứu rỗi thì Ngài cũng *liệu mọi phương tiện* cho Phao-lô đến làm chứng cho bà. Đây là một chứng minh rõ ràng cho *II Tê*

-sa-lô-ni ca 2:13-14.

Đức Chúa Trời đã mở các cửa ngục (*Công Vụ* 16:16-40). Những người hư mất được cứu chẳng bao lâu thì Sa-tan bắt đầu ngăn trở công việc. Trong trường hợp này, nó sử dụng một cô gái bị quỷ ám là người đã làm cho các chủ mình được giàu có bằng cách bói khoa. Khi Phao-lô và “nhóm” của ông theo thường lệ đến nơi cầu nguyện, vẫn làm chứng cho người hư mất, cô gái này cứ liên tục la hét “những người này là đày tớ của Đức Chúa Trời tối cao, Đấng bày tỏ cho chúng ta con đường cứu rỗi!” Phao-lô không muốn Phúc Âm hoặc danh Đức Chúa Trời được “đề cao” bởi một trong số tội mọi của Sa-tan, vì vậy ông đuổi quỷ ra. Lý do là Sa-tan có thể nói lẽ thật phứt trước, phứt sau đã nói dối rồi, và những người không được cứu sẽ không nhận ra chân giả.

Các chủ của cô gái đã không quan tâm gì đến cô, họ chỉ quan tâm về lợi nhuận cô đem lại, và giờ đây lợi nhuận ấy đã hết. (Sự xung đột giữa tiền bạc và chức vụ thường xuất hiện trong *Công Vụ* 5:1-11; 8:18-24; 19:23-28; 20:33-34). Sự trung cậy duy nhất của họ là luật pháp Rô-ma, và họ nghĩ họ có lý do thắng kiện vì các nhà truyền giáo là người Do Thái đang truyền bá một tôn giáo không được Rô-ma chấp thuận. Bị lung lạc bởi những thành kiến tôn giáo và chủng tộc, các quan tòa đã hành động hấp tấp và không điều tra vấn đề đầy đủ. Sự xao lãng nhiệm vụ của họ khiến họ phải bối rối sau này.

Tại sao Phao-lô và Si-la không biện hộ cho quyền công dân Rô-ma của mình? (xem 22:25-29; 25:11-12). Có lẽ vì không có thời gian hoặc có lẽ Phao-lô để dành vũ khí đó sử dụng sau này. Ông với Si-la đều bị lột trần và bị đánh (xem *II Cô-rinh-tô* 11:23, 25) và bị giam trong thành. Việc làm chứng trong thành Phi-líp dường như phải tàn lụi, nhưng Đức Chúa Trời có kế hoạch khác.

Thay vì phàn nàn hoặc cầu xin Đức Chúa Trời đoán phạt kẻ thù mình, hai nhà truyền giáo cầu nguyện và ngợi khen Đức Chúa Trời. Khi gặp đau buồn, ta khó mà

ca hát tôn vinh Chúa, nhất là lúc ban đêm, nhưng *Gióp* 35:10 mạnh mẽ bảo rằng “Ngài khiến cho người ta hát vui mừng trong ban đêm” (cũng xem *Thi Thiên* 42:8). Charles Haddon Spurgeon thì bảo rằng “Ban ngày thì ai cũng hát được vì có ánh sáng, ta đọc được nốt nhạc và lời ca. Còn trong đêm tối thì chỉ những ai rành rẽ âm nhạc mới ca hát được. Vậy nên những lời ngợi ca trong đêm tối là ân tứ Chúa ban chứ không phải nhờ sức người mà có được.”

Sự cầu nguyện và ngợi khen là những vũ khí mạnh mẽ (*II Sứ ký* 20:1-22; *Công Vụ* 4:23-27). Đức Chúa Trời đáp ứng bằng cách làm rung động các nền ngục, mở mọi cửa, và tháo các xiềng của tù nhân. Phao-lô và Si-la không nhân cơ hội này chạy trốn mà vẫn ở nguyên tại chỗ. Phao-lô vẫn bình tĩnh, còn các người ngoại đạo thì đâm ra kính sợ Đức Chúa Trời và nhận ra rằng biến động này là do Chúa của hai nhà truyền đạo Do Thái kia gây ra!

Phao-lô nghĩ ngay đến người đề lao và muốn cứu ông ta. Luật Rô-ma định rằng nếu lính gác nào làm mất một tù nhân thì phải gánh lấy hình phạt của tù nhân ấy. Người quản lý nhà lao toan tự sát vì thấy tội mình quá nặng. Nếu Phao-lô là một người chai đá thì ông cứ để cho người cai tù tự rước lấy cái chết. Nhưng không, ông bằng lòng ở lại cứu người cai tù kia. Hơn thế nữa, ông lại còn chỉ dạy cho anh ta con đường đi đến cõi sống vĩnh hằng trong Đấng Christ.

Ta thấy khắp nơi trên thế giới, những người hư mất tuyệt vọng hô to: “Tôi phải làm cách nào để được cứu đây?” Bốn phạm chúng ta là phải giúp họ tìm được câu trả lời đúng đắn. Giới chủ luật thì bảo phải cắt bì, phải theo đúng luật Môi-se. Nhưng Phao-lô cho lời khuyên đúng đắn: Hãy tin Đấng Christ thì được cứu! Sách *Công Vụ* luôn kêu gọi ta chỉ tin vào Đấng Christ mà thôi (2:38-39; 4:12; 8:12, 37; 10:10-43; 13:38-39).

Nhóm từ “và cả nhà người” không có nghĩa là đức tin của người quản lý nhà lao sẽ tự động đem sự cứu rỗi đến

cho gia đình ông. Mỗi tội nhân phải tin nhận Đấng Christ cách cá nhân để được tái sinh, vì chúng ta không thể được cứu nhờ người khác. Nhóm từ này có nghĩa là “và người nhà người sẽ được cứu nếu họ cũng tin.” Chúng ta không nên ứng dụng câu này cho trẻ con, dù đã hoặc chưa chịu phép báp-tem, vì rõ ràng là Phao-lô nói đến những người đủ lớn để nghe đạo (*Công Vụ* 16:32) để tin và để vui mừng (*Công Vụ* 16:34).

Điều gọi là “sự cứu rỗi người nhà” không có cơ sở gì trong Lời Đức Chúa Trời. Đó là quyết định của người chủ gia đình đem đến sự cứu rỗi cho những thành viên của gia đình. Những người trong gia đình của Cọt-nây đủ lớn để đáp ứng sự kêu gọi của ông (10:24) và tin nhận (10:44; 11:15-17; 15:7-9). Người nhà của Cơ-rít-bu gồm những người đủ lớn để nghe và tin Lời Đức Chúa Trời (18:8). Không có gợi ý nào ở đây cho thấy những người lớn đã quyết định cho những trẻ vị thành niên hay trẻ con.

Thật cảm động khi thấy sự thay đổi trong thái độ của người đề lao khi ông rửa vết thương của hai tù nhân mà giờ đây là anh em của ông trong Đấng Christ. Một chứng cứ của sự ăn năn thật là một sự khao khát đầy yêu thương muốn đền bù và chuộc lỗi mỗi khi ta làm tổn thương người khác. Chúng ta không chỉ nên rửa chân người khác (*Giăng* 13:14-15) mà còn phải rửa sạch những vết thương mình đã gây cho người khác nữa. Còn những tù nhân khác thì sao? Lu-ca không cho chúng ta chi tiết, nhưng có thể một số người cũng đã được tái sinh qua sự làm chứng của Phao-lô, Si-la và người quản lý nhà lao. Một số trong những tù nhân này có thể đang chờ đợi sự hành quyết, vì vậy hãy hình dung sự vui mừng của họ khi nghe sứ điệp về sự cứu rỗi! Phao-lô và Si-la không quên nỗi đau đớn của mình đã chịu trong lúc ở tù mà vui mừng về điều Đức Chúa Trời đã làm trong người quản lý nhà lao thành Phi-líp! Chắc hẳn sau đó người quản lý nhà lao đã cùng với Ly-đi gia nhập Hội Thánh.

Các quan chức trong thành biết rằng họ không gán

cho Phao-lô và Si-la tội trạng nào được nên đã nhấn người quản lý nhà lao thả hai người ra. Tuy nhiên, Phao-lô không muốn lạng lẽ rời nhà tù vì như vậy sẽ để lại cho Hội Thánh mới một đám mây ngờ vực. Người ta sẽ hỏi: “Những người này là ai?”, “Tại sao họ ra đi nhanh như vậy? Những người theo họ tin điều gì?” Phao-lô và các cộng sự của ông muốn để lại phía sau một chứng cứ mạnh mẽ về tính chính trực cũng như một lời chứng tốt cho Hội Thánh sơ khai trong thành Phi-líp.

Chính lúc đó Phao-lô sử dụng quyền công dân Rô-ma của mình và gián tiếp cảnh cáo các quan chức về cách họ đối xử. Đây không phải là sự trả thù cá nhân mà để bảo vệ và tôn trọng Hội Thánh. Mặc dù sách không nói rằng các quan toà đã xin lỗi, ta chỉ thấy rằng họ đã đến với Phao-lô và Si-la cách tôn trọng, hộ tống họ ra khỏi ngục, và lịch sự yêu cầu họ lìa khỏi thành. Phao-lô và Si-la đã ở lại trong thành Phi-líp đủ lâu để thăm viếng các tân tín hữu và khích lệ họ trong Chúa.

Khi ôn lại chương này, bạn có thể thấy rằng công việc của Chúa tiến triển qua những khó khăn và thử thách. Đôi khi những người cộng sự có vấn đề với nhau, và đôi lúc những vấn đề đến từ bên ngoài. Cũng đáng chú ý là, không phải mọi tội nhân đều đến với Đấng Christ theo cùng một cách y như nhau. Ti-mô-thê đã được cứu phần nào nhờ ảnh hưởng của một người mẹ và người bà tin kính. Ly-đi đã được biến đổi nhờ một cuộc nói chuyện yên lặng với Phao-lô tại một buổi cầu nguyện của người Do Thái, trong khi sự qui đạo của người đề lao rất hấp dẫn. Phút trước ông toan tự sát, phút sau ông là con cái Đức Chúa Trời!

Người ta có những kinh nghiệm khác nhau, nhưng tất cả đều cùng được thay đổi bởi ân sủng Đức Chúa Trời.

Biết bao người trong hoàn cảnh tương tự cần được biết kế hoạch cứu rỗi giản đơn của Đức Chúa Trời.

Bạn sẵn sàng giúp họ chứ!

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 3

Công Vụ Các Sứ Đồ 15:36-16:40

1. Những khó khăn nào xảy ra khi Phao-lô khởi sự cuộc hành trình thứ hai ?
2. Đức Chúa Trời sử dụng sự phân rẽ này vào việc gì?
3. Tại sao gặp nhiều trở ngại mà Phao-lô cứ ra đi?
4. Những mâu thuẫn rất đau đớn của Hội Thánh có khiến bạn suy nghĩ gì không?
5. Tại sao Phao-lô cho Ti-mô-thê cắt bì?
6. Trong chương 16, Đức Chúa Trời mở ra ba lối thoát nào?
7. Phao-lô đối phó với những cánh cửa mở lẫn đóng. Còn chúng ta sẽ gặp những gì khi tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời để dẫn thân vào chức vụ?
8. Phao-lô và Si-la phản ứng ra sao sau khi bị đòn và bị tù tại thành Phi-líp? Làm sao họ có thể xử sự được như vậy?
9. Thay vì tìm cách trả thù quản ngục, Phao-lô làm gì?
10. Cho biết các bằng chứng của sự ăn năn thật?

ĐÁP ỨNG LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI

Công Vụ Các Sứ Đồ 17

Chương này mô tả chức vụ của Phao-lô ở ba thành phố và cách một số dân chúng trong những thành ấy đáp ứng Lời Đức Chúa Trời. Bác sĩ Lu-ca không cho chúng ta nhiều chi tiết. Tuy nhiên, khi nghiên cứu ba đáp ứng khác nhau này, chúng ta có thể thấy thế giới hiện đại của chúng ta rõ hơn và học biết cách làm chứng cho Đấng Christ hôm nay.

1. Thành Tê-sa-lô-ni-ca: Chống Lại Đạo

Công Vụ Các Sứ Đồ 17:1-9

¹Phao-lô và Si-la đi ngang qua thành Am-phi-bô-lít và thành A-bô-lô-ni, rồi tới thành Tê-sa-lô-ni-ca; ở đó người Giu-đa có một nhà hội. ²Phao-lô tới nhà hội theo thói quen mình, và trong ba ngày Sa-bát biện luận với họ, ³lấy Kinh thánh cắt nghĩa và giải tỏ tường về Đấng Christ phải chịu thương khó, rồi từ kẻ chết sống lại. Người nói rằng Đấng Christ này, tức là Đức Chúa Giê-xu mà ta rao truyền cho các người. ⁴Trong bọn họ có một vài người được khuyên dỗ nối theo Phao-lô và Si-la, lại cũng có rất nhiều người Gờ-réc vẫn kính sợ Đức Chúa Trời, và mấy người đàn bà sang trọng trong thành nữa. ⁵Nhưng người Giu-đa đầy lòng ghen ghét, rủ mấy đứa hoang đàng nơi đường phố, xui giục đoàn dân gây loạn trong thành. Chúng nó xông vào nhà của Gia-sôn, tìm bắt Phao-lô và Si-la đặng điệu đến cho dân chúng. ⁶Tim không được, bèn kéo Gia-sôn và mấy người anh em đến trước mặt các quan án trong thành mà la lên rằng: Kia những tên này đã gây thiên hạ nên loạn lạc, nay có đây, ⁷và Gia-sôn đã chứa chúng! Chúng nó hết thấy đều là đồ nghịch mạng Sê-sa, vì nói rằng có một vua khác, là Giê-xu. ⁸Bấy nhiêu lời đó làm rối động đoàn dân và các quan án. ⁹Song khi các quan án đòi Gia-sôn và các người khác bảo lãnh rồi, thì tha cho ra.

Theo con đường Egnatian nổi tiếng, Phao-lô và Si-la đi một trăm dặm từ thành Phi-líp đến thành Tê-sa-lô-ni-ca (Ti-mô-thê không được đề cập lại cho đến *Công Vụ* 17:14 có thể là ông đã ở lại thành Phi-líp). Chúng ta có thể cho rằng họ đã không dừng lại để thi hành chức vụ trong thành Am-phi-bô-lít hay thành A-bô-lô-ni. Có lẽ không có nhà hội trong các thành đó, và chắc chắn Phao-lô mong muốn những tân tín hữu trong thành Phi-líp đem sứ điệp đến những người lân cận của họ. Đó là chủ trương của Phao-lô khi thi hành chức vụ trong những thành phố lớn hơn và khiến chúng trở thành những trung tâm để truyền Phúc Âm cho cả một khu vực (xem *Công Vụ* 19:10, 26 và *I Tê-sa-lô-ni-ca* 1:8).

Phao-lô biết rằng Tê-sa-lô-ni-ca (Sa-lô-ni-ca ngày nay) là một thành chiến lược cho công việc của Chúa. Nó không chỉ là thủ phủ của xứ Ma-xê-đoan, mà còn là một trung tâm thương mại lớn, chỉ kém thành Cô-rinh-tô thôi. Nó nằm trên nhiều tuyến đường mậu dịch với một bến cảng nổi tiếng. Thành phố mang nặng sắc thái Hy Lạp, mặc dù nó được Rô-ma điều khiển. Tê-sa-lô-ni-ca là một “thành phố tự do”, có một hội đồng lập pháp gồm các thành viên do dân cử, phát hành tiền tệ riêng, và không có một đơn vị đồn trú nào của La Mã.

Phao-lô sống bằng nghề may trại (*Công Vụ* 18:3; *I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:9; *II Tê-sa-lô-ni-ca* 3:7-10), nhưng vào ngày Sa-bát thi hành chức vụ trong nhà hội Do Thái vì nơi đó có nhiều người Do Thái lẫn dân ngoại mộ đạo, “những người tìm kiếm Đức Chúa Trời” và những người mới theo đạo Do Thái. Sự làm chứng này chỉ được ba kỳ lễ Sa-bát; sau đó ông phải thi hành chức vụ bên ngoài nhà hội. Chúng ta không biết chính xác Phao-lô đã ở lại trong thành Tê-sa-lô-ni-ca bao lâu, nhưng sự kiện ông nhận sự giúp đỡ tài chính hai lần từ Hội Thánh tại thành Phi-líp cho thấy ông lưu lại đó khá lâu (*Phi-líp* 4:15-16). Hãy đọc *I Tê-sa-lô-ni-ca* 1:1-10 để học biết cách Đức Chúa Trời ban phước cho chức vụ của Phao-lô và cách sứ điệp đã lan

ra từ thành Tê-sa-lô-ni-ca đến những nơi khác. Đó không phải là một chức vụ lâu dài, nhưng là một chức vụ có hiệu quả cao.

Công Vụ 17:2-3 mô tả cách Phao-lô tiếp cận hội chúng nhà hội. Trước hết, ông *biện luận*, nghĩa là ông đối thoại với họ theo cách vấn đáp. Ông *giải thích* Kinh Thánh và *chứng minh* rằng Chúa Giê-xu thật sự là Đấng Mết-si-a. Vị sứ đồ đưa hết bằng chứng này đến bằng chứng khác trong Cựu Ước để tỏ rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét là Đấng Mết-si-a.

Phao-lô *tuyên bố* sự chết và sự phục sinh của Chúa Giê-xu là sứ điệp của Phúc Âm (*I Cô-rinh-tô 15:1*). Những bài giảng trong *Công Vụ*, ta thấy sự phục sinh được nhấn mạnh, vì các tín hữu đã được kêu gọi để làm chứng nhân về sự phục sinh của Ngài (*Công Vụ 1:21-22; 2:32; 3:15; 5:32*). Tiến sĩ John R.W. Stott nói rằng: “Thực chất của Cơ Đốc giáo là một tôn giáo về sự phục sinh. Trung tâm của Cơ Đốc giáo là sự phục sinh. Nếu bạn bỏ sự phục sinh đi, Cơ Đốc giáo bị tiêu diệt.”

Trong ba tuần, Phao-lô thu hút một số đông người tin, đặc biệt là những người Hy Lạp mới theo đạo và những phụ nữ có uy thế. Trong số này có hai ông A-ri-tạc và Sê-cun-đu, sau này ra đi với Phao-lô (*Công Vụ 20:4*). Câu 4 và 12, Lu-ca dùng nhóm từ “trong bọn họ” là cách nói về “đám đông người”

Nhưng những kết quả này đã không đem lại sự vui mừng cho mọi người. Những người Do Thái không tin đã ghen ghét sự thành công của Phao-lô, họ không muốn thấy người ngoại và phụ nữ có uy thế trong nhà hội. Phao-lô hy vọng rằng sự cứu rỗi người ngoại sẽ “kích thích” dân Do Thái nghiên cứu Kinh Thánh và khám phá Đấng Mết-si-a đã hứa của họ (*Rô-ma 11:13-14*), nhưng trong trường hợp này, việc người ngoại bang được cứu chỉ khiến họ đàn áp Hội Thánh còn non trẻ.

Người Do Thái muốn giải những nhà truyền giáo đến trước hội đồng thành phố của họ (*Công Vụ 17:5* và

19:30), vì vậy họ tạo ra một cuộc nổi loạn để gây sự chú ý của các quan tòa. Không thấy các nhà truyền giáo, nên đám đông bèn giáng họa cho Gia-sôn, chủ nhà của Phao-lô và các bạn ông cùng một số tín hữu khác. Những lời kiện cáo của dân Do Thái giống như những lời kiện cáo đã được sử dụng ở cuộc xét xử Chúa Giê-xu: tội náo động và xúi giục phản nghịch (*Lu-ca* 23:2). Tội lỗi của họ là tội “nói rằng có một vua khác, một Giê-xu”.

Trong tiếng Hy Lạp chữ “*khác*” có nghĩa là khác loại, ở đây có nghĩa là một vua khác với Sê-sa. Khi đọc hai bức thư Tê-sa-lô-ni-ca, ta thấy ông nhấn mạnh về vương quyền của Đấng Christ và lời hứa về sự tái lâm của Ngài cách rõ ràng. Dĩ nhiên, vương quốc của Chúa không mang tính chất chính trị, cũng không “thuộc thế gian này” (*Giăng* 18:36-37), chúng ta không đòi hỏi người ngoại đạo hiểu lẽ đạo này.

Vương quyền của Chúa Giê-xu không giống vương quyền của những người thống trị thế gian này. Ngài chinh phục bằng sứ giả, không phải bằng quân đội, vũ khí Ngài là chân lý và tình yêu. Ngài đem đến cho con người sự bình an bằng cách làm xáo trộn sự hòa bình và đảo ngược mọi sự! Ngài chiến thắng nhờ thập tự giá, nơi Ngài chết cho những tội nhân hư mất trong thế gian, thậm chí Ngài chết thay cho kẻ thù (*Rô-ma* 5:6-10).

Đám đông bức tức vì không tìm thấy Phao-lô và Si-la, nên họ đành phải để Gia-sôn nộp tiền và bảo đảm rằng Phao-lô với Si-la rời thành và không trở lại. Có thể Gia-sôn là một người bà con của Phao-lô, và nếu vậy thì sự kiện này càng có ý nghĩa hơn (*Rô-ma* 16:21). Phao-lô xem sự cấm đoán này là một phương kế của Sa-tan để ngăn trở công việc (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:18) nhưng chắc chắn không ngăn trở Hội Thánh Tê-sa-lô-ni-ca phát triển và chinh phục người hư mất (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 1:6-9).

2. Thành Bê-rê: Tiếp Nhận Đạo

Công Vụ Các Sứ Đồ 17:10-15

¹⁰Tức thì, trong ban đêm, anh em khiến Phao-lô và Si-la đi đến thành Bê-rê. Đến nơi rồi, thì vào nhà hội người Giu-đa. ¹¹Những người này có ý hằn hoi hơn người Tê-sa-lô-ni-ca, đều sẵn lòng chịu lấy đạo, ngày nào cũng tra xem Kinh Thánh, để xét lời giảng có thật chăng. ¹²Trong bọn họ có nhiều người tin theo, với mấy người đàn bà Gờ-réc sang trọng, và đàn ông cũng khá đông. ¹³Nhưng khi người Giu-đa ở thành Tê-sa-lô-ni-ca hay Phao-lô cũng truyền đạo Đức Chúa Trời tại thành Bê-rê, bèn đến đó để rải sự xao xuyến rối loạn trong dân chúng. ¹⁴Tức thì, anh em khiến Phao-lô đi phía biển, còn Si-la với Ti-mô-thê ở lại thành Bê-rê. ¹⁵Những người dẫn Phao-lô đưa người đến thành A-thên; rồi trở về, đem lệnh cho Si-la và Ti-mô-thê phải đến cùng người cho gặp.

Dưới màn đêm, Phao-lô và Si-la rời thành và thẳng đến Bê-rê, cách đó khoảng bốn mươi dặm. Đường như Ti-mô-thê không cùng đi theo, ông đang làm việc trong thành Phi-líp. Sau đó, ông gặp Phao-lô ở A-thên (*Công Vụ 17:15*) và được sai đến Tê-sa-lô-ni-ca để khích lệ Hội Thánh trong thời gian bị bách hại (*I Tê-sa-lô-ni-ca 3:1*). Vì Ti-mô-thê là người ngoại bang, và không hiện diện khi sự khó khăn khởi phát, nên ông thi hành chức vụ trong thành cách tự do. Lệnh tòa chỉ áp dụng cho Phao-lô chứ không áp dụng cho người phụ tá trẻ tuổi.

Phao-lô đã vào trong nhà hội và phát hiện một nhóm người thiết tha quan tâm đến việc nghiên cứu Kinh Thánh Cựu Ước. Thật ra, họ đã họp lại *hằng ngày* để nghiên cứu Kinh Thánh nhằm xác định điều Phao-lô nói có đúng hay không. Phao-lô vui mừng về cách dân chúng trong thành Tê-sa-lô-ni-ca tiếp nhận Lời Chúa (*I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13*), dù vậy “những người Bê-rê cao quý” này đã thật sự khích lệ lòng ông. Tất cả chúng ta nên bắt chước những người Bê-rê này bằng cách trung tín học Lời Đức Chúa Trời hằng ngày, thảo luận, và kiểm nghiệm những sứ điệp mình đã nghe.

Đức Chúa Trời dùng Lời Ngài để khiến người ta tin nhận Đấng Christ. Một trong những người qui đạo là Sô-ba-tê, về sau giúp đỡ Phao-lô (*Công Vụ* 20:4). Có thể chính ông sau đó đã gửi lời chào thăm đến các Cơ Đốc nhân trong thành Rô-ma (*Rô-ma* 16:21).

Một lần nữa, Sa-tan đã đem kẻ thù và những người Do Thái không tin từ thành Tê-sa-lô-ni-ca đến thành Bê-rê để khuấy động dân chúng (chú ý *I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:13-20). Làm sao những người này biết Phao-lô và Si-la đang thi hành chức vụ trong thành Bê-rê? Có lẽ sự làm chứng của các tín hữu Bê-rê đã lan đến Tê-sa-lô-ni-ca, hoặc có thể kẻ gây rối nào đó đã đem tin đến các đồng bạn trong thành Tê-sa-lô-ni-ca. Sa-tan cũng có những “nhà truyền giáo” đặc lực của nó (*I Cô-rinh-tô* 11:13-15)!

Các tín hữu thành Bê-rê đã thắng Sa-tan bằng cách đem Phao-lô ra biển và đưa ông lên một con tàu hướng đến thành A-thên. Một lần nữa, Phao-lô phải rời khỏi một nơi rất tốt cho chức vụ và bỏ lại những người thân ông thương mến. Si-la và Ti-mô-thê sau đó gặp lại Phao-lô ở A-thên, và Ti-mô-thê được cử đến thành Tê-sa-lô-ni-ca để giúp các thánh đồ ở đó (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 3:1-6). Si-la cũng được cử đi với nhiệm vụ đặc biệt ở nơi nào đó trong xứ Ma-xê-đoan (thành Phi-líp?) và sau đó cả hai người đã gặp lại Phao-lô ở thành Cô-rinh-tô (*Công Vụ* 18:1-5).

3. Thành A-thên: Nhạo Báng Đạo

Công Vụ Các Sứ Đồ 17:16-34

¹⁶Phao-lô đương đợi hai người tại thành A-thên, động lòng tức giận, vì thấy thành đều đầy những thần tượng. ¹⁷Vậy, người biện luận trong nhà hội với người Giu-đa và người mới theo đạo Giu-đa; lại mỗi ngày, với những kẻ nào mình gặp tại nơi chợ. ¹⁸Có mấy nhà triết học về phái Epicuriens và phái Stociens cũng cãi lẽ với người. Kẻ thì hỏi: Người già mếp này muốn nói gì đó? Người thì nói: Người dường như giảng về các thần ngoại quốc (vì Phao-lô truyền cho chúng về Đức Chúa Giê-xu và sự

sống lại). ¹⁹Chúng bắt người, đem đến nơi A-rê-ô-ba, mà hỏi rằng: Chúng tôi có thể biết được đạo mới nào mà ông dạy đó chăng? ²⁰Vì chúng ông giảng cho chúng tôi nghe sự lạ. Chúng tôi muốn biết ý nghĩa điều đó là gì. ²¹Vả, hết thấy người A-thên và người ngoại quốc ngụ tại thành A-thên chỉ lo nói và nghe việc mới lạ mà thôi.

²²Bấy giờ, Phao-lô đứng giữa A-rê-ô-ba, nói rằng: Hỡi người A-thên, phạm việc gì ta cũng thấy các người sốt sắng quá chừng. ²³Vì khi ta trải khắp thành các người, xem xét khí vật các người dùng thờ phượng, thì thấy một bàn thờ có chạm chữ rằng: THỜ CHÚA KHÔNG BIẾT. Vậy, Đấng các người thờ mà không biết đó, là Đấng ta đương rao truyền cho. ²⁴Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó, là Chúa của trời đất, chẳng ngụ tại đền thờ bởi tay người ta dựng nên đâu. ²⁵Ngài cũng chẳng dùng tay người ta hầu việc Ngài dường như có cần đến sự gì, vì Ngài là Đấng ban sự sống, hơi sống, muôn vật cho mọi loài. ²⁶Ngài đã làm cho muôn dân sinh ra bởi chỉ một người và khiến ở khắp trên mặt đất, định trước thì giờ đời người ta cùng giới hạn chỗ ở, ²⁷hầu cho tìm kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm cho được, dẫu Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta. ²⁸Vì tại trong Ngài, chúng ta được sống, động, và có, y như xưa một vài thi nhân của các người có nói rằng: Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài. ²⁹Vậy, bởi chúng ta là dòng dõi Đức Chúa Trời, thì chớ nên ngỡ rằng Chúa giống như vàng, bạc, hay là đá, bởi công nghệ và tài xảo của người ta chạm trở nên. ³⁰Vậy thì, Đức Chúa Trời đã bỏ qua các đời ngu muội đó, mà nay biểu hết thấy các người trong mọi nơi đều phải ăn năn, ³¹vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời đã khiến Người từ kẻ chết sống lại, để làm chứng chắc về điều đó cho thiên hạ

³²Khi chúng nghe nói về sự sống lại của kẻ chết, kẻ thì nhạo báng, người thì nói rằng: Lúc khác chúng ta sẽ nghe người nói về việc đó. ³³Vì vậy, Phao-lô từ giữa đám họ bước ra. ³⁴Nhưng có mấy kẻ theo người và tin; trong số đó, có Ê-đê-ni, là một quan tòa nơi A-rê-ô-ba, và một người đàn bà tên là Đa-ma-ri, cùng các người khác.

Phao-lô đến A-thên, không như một khách du lịch, nhưng với tư cách một người chinh phục linh hồn. Ông Noel O. Lyons, nhiều năm là hội trưởng của hội Truyền

Giáo Châu Âu, thường nói, “Châu Âu được hằng triệu du khách đến thăm nhưng lại bị hằng triệu Cơ Đốc nhân bỏ qua.” Ngày nay Châu Âu cần Phúc Âm cũng như đã cần trong thời Phao-lô, và chúng ta không được bỏ lỡ cơ hội. Như Phao-lô, chúng ta phải mở to đôi mắt và tấm lòng tan vỡ về vùng đất đó.

Thành phố: A-thên đang trong thời kỳ xuống dốc vào lúc này dù vẫn được xem là một trung tâm văn hóa và giáo dục. Vinh quang về chính trị và thương mại của thành đã biến mất dần kể từ đó. Thành có một trường đại học nổi tiếng và nhiều toà nhà lộng lẫy, nhưng không phải là một thành phố có ảnh hưởng như trước. A-thên bị tràn ngập “văn hoá đa thần”, sùng bái thần tượng, sẵn sàng thu nhận những cái mới lạ (*Công Vụ 17:21*) và triết học.

Conybeare và Howson đã viết trong tác phẩm “*Đời Sống và Những Thư Tín của Phao-lô*” rằng: “Tôn giáo Hy Lạp chỉ là một sự thần hóa con người và sức mạnh thiên nhiên. Đó là một tôn giáo phục vụ nghệ thuật và sự giải trí, và hoàn toàn thiếu sức mạnh đạo đức.” Những chuyện thần thoại nói về các thần và các nữ thần tranh tài nhau, đã hành động giống con người hơn là các thần; và có nhiều vị thần để người phàm chọn mà tôn thờ. Một người dí dỏm đã nói đùa rằng đi tìm một vị thần trong thành A-thên dễ hơn tìm một người. Phao-lô cho rằng thành này “hoàn toàn được dành cho sự thờ thần tượng”, và điều đó làm lòng ông tan vỡ.

Ngày nay chúng ta khâm phục điêu khắc và kiến trúc Hy Lạp, nhưng trong thời Phao-lô, các công trình này gắn liền với tôn giáo của họ. Phao-lô biết rằng sự thờ thần tượng thuộc ma quỷ (*I Cô-rinh-tô 10:14-23*) và nhiều thần của người Hy Lạp chỉ là những nhân vật tiểu thuyết hư cấu, (*I Cô-rinh-tô 8:1-6*). Với tất cả văn hóa và sự khôn ngoan của mình, dân Hy Lạp đã không biết Đức Chúa Trời chân thật (*I Cô-rinh-tô 1:18-25*).

Cả dân địa phương A-thên lẫn khách tham quan đều

muốn đeo đuổi những cái mới lạ (*Công Vụ* 17:21). Họ rất ham cái mới. Ai không hay biết chuyện gì đã xảy ra trong mọi lãnh vực, văn chương, triết học v.v... thì bị chê cười. Eric Hoffer đã viết rằng: Nhưng bỏ hết những cái cũ để đi tìm cái mới thì chẳng khác nào dứt hết rễ cũ đi khi rễ mới chưa mọc ra. Kinh Thánh bảo rằng “chẳng có gì mới lạ dưới mặt trời” mà! (*Truyền Đạo* 1:8-11).

Thành này cũng được dành cho triết học. Khi bạn nghĩ đến Hy Lạp tự nhiên bạn nghĩ đến Socrates và Aristotle cùng vô số những nhà tư tưởng khác có những tác phẩm vẫn được người ta đọc và nghiên cứu ngày nay. Bình luận viên báo chí Franklin P. Adams có lần định nghĩa “triết học là những sự trả lời khó hiểu đối với những vấn đề không thể giải quyết được” nhưng người Hy Lạp sẽ không đồng ý với ông. Họ vẫn tin theo Aristotle, người đã gọi triết học là “môn học tìm kiếm chân lý.”

Phao-lô phải đối đầu với hai triết lý đối lập khi ông làm chứng trong thành A-thên: Phái Epicure chủ trương hưởng lạc và phái Stoics chủ trương khắc khổ. Phái Epicurian thực ra là những nhà “hiện sinh” đi tìm chân lý bằng kinh nghiệm thực tiễn chứ không qua lý luận. Những người theo phái Epicurean là những người duy vật và vô thần, mục tiêu của họ trong đời sống là lạc thú. Đối với một số người, “lạc thú” nghĩa là điều hết sức thuộc thể, nhưng đối với một số khác, nó có nghĩa là một đời sống thanh bình tao nhã, thoát khỏi đau khổ và lo âu. Người theo phái Epicurean thật thường tránh những thái cực và tìm cách hưởng cuộc đời bằng việc giữ cho mọi sự được quân bình, nhưng lạc thú vẫn là mục tiêu số một của người ấy.

Những người phái Stoics loại bỏ sự sùng bái thờ phượng của người tà giáo và dạy rằng có một “Đức Chúa Trời Hoàn Vũ.” Họ coi trọng kỷ luật cá nhân và đức tự chủ. Lạc thú không tốt và đau khổ không hẳn là xấu. Điều quan trọng nhất trong đời sống là đi theo lý trí của

mình và tự lo liệu, không bị lay động bởi những cảm xúc bên trong hay những hoàn cảnh bên ngoài. Dĩ nhiên, một triết lý như vậy chỉ thổi bùng ngọn lửa kiêu ngạo và dạy con người rằng họ không cần sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời. Đáng để ý là hai lãnh đạo đầu tiên của trường phái khắc khổ đã tự sát.

Những người phái Epicurean nói “Hãy hưởng cuộc sống!” và những người phái Stoics nói: “hãy chịu đựng cuộc sống!” Nhưng ta để Phao-lô giải thích cách họ có thể hưởng cuộc sống nhờ đức tin nơi Con Đức Chúa Trời phục sinh.

Sự làm chứng. “Ở lại một mình tại A-thên” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:1) Phao-lô thấy thành phố đầy thần tượng và tâm trí ông “bị khuấy động.” Vì vậy, ông lợi dụng cơ hội để chia sẻ tin tức tốt lành về Phúc Âm. Theo như thông lệ, ông đã “đối thoại” trong nhà hội với người Do Thái, nhưng ông cũng làm chứng trong nơi họp chợ của người Hy Lạp. Bất cứ ai sẵn sàng nghe chuyện đều được Phao-lô tiếp đón vào “các lớp học” hằng ngày của ông.

Chỉ bao lâu các nhà triết học nghe nói có người lạ đến giảng một học thuyết mới tại các phố chợ nên tò mò đến nghe thử. Thế là họ gặp Phao-lô và cũng đã tranh luận với ông. Khi lắng nghe, họ đã bày tỏ hai đáp ứng khác nhau. Một nhóm người chế nhạo Phao-lô và gọi ông là “kẻ nói nhảm.” Từ này có nghĩa đen là “những con chim nhặt hạt”, chê cười Phao-lô đã cóp nhặt tư tưởng người khác lấy làm của mình rồi đem ra dạy đời. Thật là một sự phi báng sỗ sàng đối với nhà truyền giáo và nhà thần học vĩ đại nhất của Hội Thánh.

Nhóm thứ hai cho rằng Phao-lô tin như chính họ đã tin nơi nhiều thần, vì ông đang rao giảng “Chúa Giê-xu và Anatasít” (từ Hy Lạp về “sự phục sinh”). Từ được dịch là “rao giảng” trong *Công Vụ* 17:18 nghĩa là “rao giảng Phúc Âm.” Có người nói rằng Phao-lô đã thay đổi chiến thuật giảng Phúc Âm ở A-thên hy vọng lôi cuốn giới trí thức là không hiểu vấn đề. Ông dạn dĩ rao giảng Phúc

Âm ở A-thên cùng một cung cách như ông đã làm ở thành Bê-rê và sẽ làm trong thành Cô-rinh-tô.

Sự bảo vệ. Hội đồng ở A-rê-ô-pa chịu trách nhiệm giám sát tôn giáo và giáo dục trong thành, vì vậy điều tra “học thuyết mới” Phao-lô đang dạy là điều tự nhiên đối với họ. Họ lịch sự mời Phao-lô trình bày học thuyết của ông tại một buổi họp không chính thức của hội đồng trên đồi Mars. Phao-lô không bị xét xử, các thành viên hội đồng chỉ muốn ông giải thích điều ông đã nói cho dân chúng. Vì truyền thống ở A-thên ham chuộng những điều mới, mà Phao-lô thì có nhiều điều mới mẻ để nói!

Sứ điệp của Phao-lô là một kiệt tác về sự truyền thông. Ông bắt đầu ngay tại chỗ dân chúng tụ tập bằng cách chỉ bàn thờ của họ được dâng cho một Chúa không biết. Khởi dậy được sự chú ý của họ, Phao-lô bắt đầu giải thích Đức Chúa Trời là ai và Ngài như thế nào. Ông kết thúc bằng một ứng dụng cá nhân và để mỗi thành viên của hội đồng đối diện tự quyết định; một số đã quyết định chọn Chúa Giê-xu Christ.

Phao-lô đã mở lời bằng một lời khen: “Ta thấy rằng trong mọi phương diện quý vị rất mộ đạo.” Thật ra, mộ đạo đến nỗi họ có cả một bàn thờ cho “Chúa không biết”, để tránh có vị phúc thần nào đó bị bỏ sót. Nếu họ không biết vị thần này, làm sao họ có thể thờ được? Hoặc làm sao thần có thể giúp họ? Vị thần họ không biết chính là Đức Chúa Trời mà Phao-lô công bố.

Trong sứ điệp này, tương tự bài giảng của ông tại thành Lít-tơ (*Công Vụ* 14:15-17), Phao-lô đã chia sẻ bốn chân lý cơ bản về Đức Chúa Trời.

(1). *Sự vĩ đại của Đức Chúa Trời: Ngài là Đấng Tạo Hóa* (*Công Vụ* 17:24). Mọi người có suy nghĩ đều hỏi: “Tôi từ đâu đến? Tại sao tôi có mặt ở đây? Tôi sẽ đi đâu?” Khoa học cố gắng trả lời câu hỏi thứ nhất, và triết học vật lộn với câu hỏi thứ hai, nhưng chỉ Cơ Đốc giáo có một sự trả lời thoả đáng cho cả ba câu hỏi. Những người phái Epicureans, là những người vô thần, đã nói rằng tất cả

là vật chất và vật chất chỉ là vật chất. Những người phái Stoics cho rằng mọi sự đều là thần, thần linh của vũ trụ. Đức Chúa Trời chẳng tạo ra bất cứ điều mà chỉ xếp đặt vật chất và đặt nó dưới sự điều động của một định luật nào đó.

Nhưng Phao-lô đã dạn dĩ khẳng định: “Từ ban đầu, Đức Chúa Trời!” Đức Chúa Trời đã tạo nên thế giới và mọi vật trong đó, và Ngài là Chúa của tất cả những gì Ngài dựng nên. Ngài không phải là một Đức Chúa Trời xa lạ, tách rời khỏi tạo vật của Ngài. Ngài cũng không phải là một Đức Chúa Trời bị giam cầm, bị bao bọc giữa sự sáng tạo. Ngài quá vĩ đại nên không thể thu gọn trong những đền thờ do con người tạo ra (*I Các Vua* 8:27; *Ê-sai* 66:1-2; *Công Vụ* 7:48-50), nhưng Ngài vẫn quan tâm đến những nhu cầu của con người (*Công Vụ* 17:25). Chúng ta không biết các thành viên hội đồng phản ứng ra sao đối với nhận định của Phao-lô về các đền thờ, vì ngay tại Acropolis có nhiều điện thờ dành cho thần Athena.

(2). *Sự nhân lành của Đức Chúa Trời, Ngài là Đấng Chu Cấp* (*Công Vụ* 17:25). Con người có thể tự hào trong sự phục vụ Đức Chúa Trời, nhưng chính Đức Chúa Trời là Đấng chăm sóc con người. Nếu Đức Chúa Trời thật là Thượng Đế, vậy Ngài tự lo liệu và không cần đến con người. Những đền thờ không những không chứa được Đức Chúa Trời, mà những lễ nghi trong các đền thờ cũng không thêm gì cho Đức Chúa Trời! Trong hai nhận định ngắn gọn, Phao-lô đã hoàn toàn xóa sạch cả hệ thống tôn giáo của Hy Lạp!

Chính Đức Chúa Trời là Đấng ban cho chúng ta điều chúng ta cần, “...sự sống, hơi thở và mọi sự.” Đức Chúa Trời là nguồn của mọi sự ban cho tốt lành và trọn vẹn (*Gia-cơ* 1:17). Ngài ban cho chúng ta sự sống và Ngài duy trì sự sống đó bằng sự nhân lành của Ngài (*Ma-thi-ơ* 5:45). Chính sự nhân lành của Đức Chúa Trời phải dẫn con người đến sự ăn năn (*Rô-ma* 2:4). Nhưng thay vì thờ phượng Đấng Tạo Hóa và làm vinh hiển Ngài, con người

lại thờ phượng tạo vật của Ngài làm ra và làm vinh hiển chính mình (Rô-ma 1:18-25).

(3). *Sự cai trị của Đức Chúa Trời: Ngài là Đấng Thống Trị* (Công Vụ 17:26-29). Các thần của người Hy Lạp là những con người ở xa không hề quan tâm đến những vấn đề và nhu cầu của con người. Nhưng Đức Chúa Trời của sự sáng tạo cũng là Đức Chúa Trời của lịch sử và địa lý! Ngài đã tạo nên loài người “từ một người” (Công Vụ 17:26) để mọi dân tộc được tạo ra từ cùng một chất và cùng một huyết. Người Hy Lạp cảm thấy rằng họ là một chủng tộc đặc biệt, khác với các dân tộc khác. Nhưng Phao-lô đã khẳng định ngược lại. Ngay cả xứ sở quý báu mà họ tôn kính chỉ là một sự ban cho từ Đức Chúa Trời. Không phải là quyền năng của con người mà là sự tế trị của Đức Chúa Trời mới quyết định sự hưng vong của các dân tộc (Đa-ni-ên 4:35).

Đức Chúa Trời không phải là một vị thần xa lạ; “Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta” (Công Vụ 17:27). Vì vậy con người phải tìm kiếm Đức Chúa Trời và nhận biết Ngài trong chân lý. Ở đây Phao-lô đã trích dẫn thi sĩ Epimenides “vì trong Ngài, chúng ta được sống, năng động và hiện hữu.” Rồi ông thêm vào một trích dẫn của hai thi sĩ Aratus và Cleanthes “vì chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài.” Phao-lô không nói rằng mọi người trên đất đều là con cái thuộc linh của Đức Chúa Trời, vì tội nhân chỉ trở nên con cái Đức Chúa Trời bởi đức tin trong Chúa Giê-xu mà thôi (Giăng 1:11-13). Ông khẳng định “chức năng Thiên Phụ của Đức Chúa Trời” theo ý niệm *tự nhiên*, vì con người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 1:26). Trong ý nghĩa này, A-đam là “con của Đức Chúa Trời” (Lu-ca 3:38).

Điều này dẫn đến kết luận hợp lý của Phao-lô: Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta theo hình ảnh Ngài, thật đại đột khi chúng ta tạo ra các thần theo hình ảnh của chính mình! Tôn giáo Hy Lạp chỉ là sự chế tạo và thờ phượng các thần theo mẫu của con người và hành

động giống con người. Phao-lô không chỉ chứng minh sự điên rồ của những đền thờ và những lễ nghi trong đền thờ, mà còn chứng minh sự ngu xuẩn của cả sự thờ thần tượng.

(4). *Ân sủng của Đức Chúa Trời: Ngài là Chúa Cứu Thế (Công Vụ 17:30-31)*. Khi kết thúc sứ điệp, Phao-lô tóm tắt những chứng cứ rõ ràng về ân sủng của Đức Chúa Trời. Trái bao thế kỷ, Đức Chúa Trời đã kiên nhẫn với tội lỗi và sự ngu dốt của loài người (xem *Công Vụ 14:16* và *Rô-ma 3:25*). Điều này không có nghĩa là con người đã không phạm tội (*Rô-ma 1:19-20*), nhưng chỉ có nghĩa là Đức Chúa Trời đã kìm nén cơn thịnh nộ thiêng liêng của Ngài. Vào thời điểm thích hợp, Đức Chúa Trời ban Đấng Christ, và giờ đây Ngài ra lệnh mọi người phải ăn năn về những lối sống dại dột của mình. Chúa Cứu Thế này đã bị giết và rồi được khiến sống lại từ cõi chết, và một ngày nào đó, Ngài sẽ tái lâm để xét đoán thế gian. Bằng chứng Ngài sẽ xét đoán là Ngài đã được khiến sống lại từ cõi chết.

Hầu hết các thành viên Hội Đồng thấy không thể chấp nhận được giáo lý Phục Sinh. Đối với một người Hy Lạp, thân thể chỉ là một nhà tù; và một người lìa bỏ thân xác mình càng sớm, người ấy sẽ càng sung sướng hơn. Tại sao khiến một thân thể chết sống lại rồi sống trong đó lần nữa? Giáo lý này hoàn toàn không hợp với triết học Hy Lạp. Họ tin nơi sự bất tử, nhưng không tin nơi sự sống lại.

Có ba đáp ứng khác nhau đối với sứ điệp. Một số người cười cợt, chế nhạo và không nhận sứ điệp của Phao-lô cách nghiêm túc. Số khác tuy có quan tâm đến vấn đề nhưng không đi xa hơn. Một nhóm nhỏ chấp nhận điều Phao-lô rao giảng, tin nơi Chúa Giê-xu và được cứu. Chúng ta không biết những người khác đã trì hoãn quyết định cuối cùng đến bao giờ mới tin nhận Đấng Christ.

Khi đối chiếu những kết quả sơ sài ở thành A-thên với

những mùa gặt lớn ở thành Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê, bạn kết luận rằng chức vụ của Phao-lô ở đó là một thất bại thảm thương. Nhưng nghĩ như thế thì thật là hấp tấp và sai lầm. Phao-lô không bị buộc phải rời nơi này nên chúng tôi cho rằng ông đã nấn ná trong thành A-thên và tiếp tục dạy dỗ tín hữu lẫn người không tin. A-thên vốn kiêu ngạo, học thức, khôn ngoan sẽ không dễ dàng nhận sứ điệp Phúc Âm khiêm nhường của Phao-lô, đặc biệt là khi ông tóm tắt toàn bộ lịch sử Hy Lạp bằng nhóm từ “các đời ngu muội này.” Đất ở đây không sâu và nó chứa nhiều cỏ dại, nhưng vẫn có thể gặt hái được chút đỉnh.

Chỉ một linh hồn cũng đáng giá cả thế gian!

Chúng ta vẫn cần những chứng nhân xâm nhập vào hàng ngũ trí thức và trình bày Đấng Christ cho những người khôn ngoan trong đời này nhưng ngu dốt về lẽ thật của đời sau. “Không có nhiều người khôn ngoan theo xác thật, chẳng nhiều kẻ quyền thế, chẳng nhiều kẻ sang trọng được gọi” (*I Cô-rinh-tô* 1:26), nhưng một số người được gọi, và Đức Chúa Trời có thể sử dụng bạn để gọi họ.

Hãy đem Phúc Âm đến “A-thên” của bạn. Bạn sẵn sàng chứ!

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 4

Công Vụ Các Sứ Đồ 17

1. Tại Tê-sa-lô-ni-ca, Bê-rê, và A-thên, Phao-lô nhận những đáp ứng nào?
2. Cho biết 4 chân lý căn bản về Đức Chúa Trời mà Phao-lô chia sẻ với dân chúng tại A-thên.
3. Tại sao Tê-sa-lô-ni-ca là một địa điểm chiến lược cho công việc của Đức Chúa Trời? Chiến lược ấy có còn hiệu quả và cần thiết cho ngày nay không? Tại sao?
4. Phao-lô tiếp cận với hội chúng nhà hội cách nào?
5. Sự tế trị của Đức Chúa Giê-xu khác với sự cai trị của vua chúa thế gian ra sao?
6. Chúng ta nên bắt chước các hoạt động nào của dân Bê-rê?
7. Vào lúc Phao-lô đến viếng thăm A-thên có đặc điểm gì?
8. Trong văn hóa ngày nay người ta thường “chạy theo cái mới”. Xin cho ví dụ.
9. Những ai thuộc về hai nhóm triết học đối lập? Họ tin gì?
10. Điều gì trong bài giảng của Phao-lô tại giữa A-rê-ô-ba khiến cho nó thành một kiệt tác về môn biện luận?

ĐỪNG BỎ CUỘC

Công Vụ Các Sứ Đồ 18:1-22

Một người đàn ông đang xúc tuyết trước nhà, hai cậu bé mang xẻng đến.

Một cậu bé hỏi: “Thưa ông, có cần người xúc tuyết không? Chỉ hai đô-la thôi!”

Người đàn ông đáp: “Cậu không thấy tôi đang tự làm đó sao?”

Cậu bé mạnh dạn nói: “Thưa ông, có chứ! nhưng các thân chủ của chúng tôi đều bỏ cuộc nửa chừng và phải thuê chúng tôi làm tiếp.”

Tiến sĩ V. Raymond Edman thường nói với các sinh viên tại Đại học Wheaton (Illinois), “đừng bỏ cuộc sớm quá!” Và Charles Spurgeon đã nhắc nhở hội chúng Luân-đôn của ông, “Nhờ kiên trì, con ốc sên đã đến được chiếc tàu (Nô-ê).”

Cô-rinh-tô với 200.000 dân, không phải là địa điểm dễ dàng nhất để khởi đầu một Hội Thánh, nhưng đó là nơi Phao-lô đến sau khi rời A-thên. Ông chỉ đi một mình! Thật khó khăn, nhưng vị sứ đồ không bỏ cuộc.

Cô-rinh-tô gian ác thế nào khắp đế quốc La Mã đều biết (*Rô-ma 1:18-32* đã được viết tại Cô-rinh-tô!). Nhờ vào vị trí của nó, thành phố này là một trung tâm thương mại lẫn du lịch. Tiền bạc và sự truy lạc, cùng với những triết lý lạ và những tôn giáo mới, đã được du nhập vào Cô-rinh-tô và phát triển mạnh. Cô-rinh-tô là thủ phủ của xứ A-chai và là một trong những thành phố quan trọng nhất Phao-lô đã thăm viếng. Thứ đến mới là Ê-phê-sô.

Khi Đức Chúa Trời mở các cửa thì kẻ thù tìm cách đóng lại, và có những lúc chính chúng ta đóng cửa vì ngã

lòng và bỏ cuộc. Khi Phao-lô thi hành chức vụ ở Cô-rinh-tô, Chúa ban những sự khích lệ ông cần để giúp ông tiếp tục, và chính những sự khích lệ này cũng đang chờ đợi ban cho chúng ta hôm nay.

1. Những Người Giúp Việc Tận Tụy

Công Vụ Các Sứ Đồ 18:1-5

¹Rồi đó, Phao-lô đi khỏi thành A-thên, mà tới thành Cô-rinh-tô. ²Tại đó, người gặp một người Giu-đa, tên là A-qui-la, quê ở xứ Bông, mới từ nước Y-ta-li đến đây với vợ mình là Bê-rít-sin, bởi vì vua Cê-lốt có chỉ truyền mọi người Giu-đa phải lánh khỏi thành Rô-ma; Phao-lô bèn hiệp với hai người. ³Vì đồng nghề, nên Phao-lô ở nhà hai người mà làm việc chung nhau; vả, nghề các người đó là may trại. ⁴Hễ đến ngày Sa-bát, thì Phao-lô giảng luận trong nhà hội, khuyên dỗ người Giu-đa và người Gê-réc.

⁵Khi Si-la và Ti-mô-thê từ xứ Ma-xê-đoan đến, thì Phao-lô hết lòng chuyên lo về sự giảng dạy, làm chứng với người Giu-đa rằng Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ.

Phao-lô đã đến thành Cô-rinh-tô sau thời gian ông thảo luận với các triết gia ở Hy Lạp. Tại Cô-rinh-tô ông nhờ cậy Chúa Thánh Linh ngợi khen Chúa Giê-xu cùng thập tự giá, và trình bày Phúc Âm cách đơn giản (*I Cô-rinh-tô 2:1-5*). Ở thành Cô-rinh-tô có nhiều triết gia và các thầy giáo lưu hành mị dân ngu dốt và mê tín, nên sứ điệp và chức vụ của Phao-lô dễ bị hiểu sai.

Để khỏi bị đồng hóa với “những kẻ buôn bán tôn giáo” Phao-lô phải tự chu cấp bằng nghề may trại. Nhờ ơn thương xót của Đức Chúa Trời, ông đã gặp một cặp vợ chồng Do Thái, A-qui-la và Bê-rít-sin (*Bơ-rít-ca, II Ti-mô-thê 4:19*), là những người thợ làm da như Phao-lô. Các ra-bi Do Thái không nhận học phí của học trò nhưng kiếm sống bằng một nghề nào đó. Tất cả con trai Do Thái đều phải học một nghề. Các ra-bi đã nói: “Ai không dạy con trai mình làm việc là dạy nó ăn cắp!” Vì vậy Sau-lơ ở Tạt-sơ đã học may lều da và tự túc trong chức vụ

(xem *Công Vụ* 18:3; *I Cô-rinh-tô* 9:6-15; *II Cô-rinh-tô* 11:6-10).

A-qui-la và Bê-rít-sin có phải là những tín hữu Cơ Đốc lúc bấy giờ? Chúng ta không biết chắc, nhưng có thể như vậy. Có lẽ họ còn là những thành viên sáng lập Hội Thánh ở Rô-ma nữa. Chúng ta biết rằng đôi vợ chồng tận tụy này đã phục vụ trung tín nhất và có lần đã liều mình cứu Sứ đồ Phao-lô (*Rô-ma* 16:3-4). Họ đã giúp đỡ ông trong thành Ê-phê-sô (*Công Vụ* 18:18-28) là nơi họ đã tiếp một Hội Thánh trong nhà mình (*I Cô-rinh-tô* 16:19). A-qui-la và Bê-rít-sin giúp Phao-lô rất nhiều việc. Họ là một tấm gương tốt cho “những người thi hành chức vụ tình nguyện” giúp đẩy mạnh công việc của Chúa. Mỗi mục sư và giáo sĩ hãy cảm tạ Đức Chúa Trời về những người như A-qui-la và Bê-rít-sin, những người đã dâng đôi tay, tấm lòng và nhà cửa cho công việc của Chúa. Phao-lô đã sống và làm việc với A-qui-la cùng Bê-rít-sin, nhưng vào những ngày Sa-bát thì dạn dĩ làm chứng trong nhà hội. Đó là lý do ông đã đến thành Cô-rinh-tô. Khi Si-la và Ti-mô-thê từ xứ Ma-xê-đoan đến (*Công Vụ* 17:14-15; 18:5), họ đã đem viện trợ về tài chính (*II Cô-rinh-tô* 11:9), nhờ đó mà Phao-lô có thể dành trọn thời gian cho việc rao giảng Phúc Âm. Phao-lô rất đổi vui mừng khi được các bạn của mình cho biết về những sự tiến bộ và vững vàng của các Hội Thánh mà họ đã cố công vun trồng (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 3:1-13).

Mọi người đồng ý rằng Phao-lô là một Cơ Đốc nhân và một nhà truyền giảng Phúc Âm vĩ đại, nhưng *một mình* Phao-lô thì làm bao nhiêu? Những người bạn như A-qui-la và Bê-rít-sin, Si-la và Ti-mô-thê, cùng những tín hữu rộng rãi của xứ Ma-xê-đoan, đã khiến Phao-lô phục vụ Chúa cách hiệu quả. Các bạn Cơ Đốc của ông, mới và cũ, đã khích lệ ông vào thời điểm ông cần nhất.

Dĩ nhiên, điều này nhắc nhở rằng, chúng ta nên khích lệ bạn bè mình trong công việc của Chúa. Ralph Waldo Emerson đã viết, “Rõ ràng Đức Chúa Trời không định

cho chúng ta đều giàu có, quyền lực hay vĩ đại nhưng Ngài định cho chúng ta đều là bạn hữu của nhau.” “Hãy mang lấy gánh nặng cho nhau, như vậy anh em sẽ làm trọn luật pháp của Đấng Christ” (*Ga-la-ti* 6:2). Nói một cách khiêm tốn, không phải chỉ riêng Hội Thánh tại Cô-rinh-tô mới cần sự tận hiến và phục vụ của nhiều người khác nhau.

2. Sự Chống Đối

Công Vụ Các Sứ Đồ 18:6-8

⁶Nhưng, vì chúng chống cự và khinh dể người, nên người giữ áo mình mà nói rằng: Ước gì máu các người đổ lại trên đầu các người! Còn ta thì tinh sạch; từ đây, ta sẽ đi đến cùng người ngoại. ⁷Phao-lô ra khỏi đó, vào nhà một người tên là Ti-ti-u Giút-tu, là kẻ kính sợ Đức Chúa Trời, nhà người giáp với nhà hội. ⁸Bấy giờ Cơ-rít-bu, chủ nhà hội, với cả nhà mình đều tin Chúa; lại có nhiều người Cô-rinh-tô từng nghe Phao-lô giảng, cũng tin và chịu phép báp-tem

Mỗi khi Đức Chúa Trời ban phước cho một mục vụ, thì sự chống đối gia tăng mà các dịp tiện cũng gia tăng. “Vị tại đó có một cái cửa lớn mở toang ra cho công việc tôi, lại có nhiều kẻ đối địch” (*I Cô-rinh-tô* 16:9). Kẻ thù nổi giận khi chúng ta xâm nhập lãnh địa của nó và giải phóng những nô lệ của nó. Như ở thành Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê (*Công Vụ* 17:5-13), những người Do Thái không tin, chối bỏ đạo, đã gây rắc rối cho Phao-lô và các bạn ông (xem *I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:14-16). Sự chống đối như vậy thường là bằng chứng Đức Chúa Trời đang hành động, và điều này phải khích lệ chúng ta. Spurgeon thường nói rằng ma quỷ không bao giờ đá một con ngựa chết!

Sự chống đối của người Do Thái đã buộc Phao-lô rời Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê, nhưng trong thành Cô-rinh-tô, sự chống đối chỉ khiến ông cương quyết ở lại cho đến khi có kết quả. Giống như Christopher Columbus dũng cảm, Phao-lô có thể viết trong nhật ký mình, “Hôm nay,

chúng tôi vẫn tiếp tục cuộc hành trình!”

Hai hình ảnh thú vị trong Cựu Ước được tìm thấy ở câu 6: Giu áo là một hành động xét đoán rằng: “Các người đã có dịp tiện, nhưng dịp tiện qua rồi!” Hôm nay chúng ta có thể nói rằng chúng ta đang phải tay trước một hoàn cảnh (xem *Nê-hê-mi* 5:13 và so sánh *Công Vụ* 13:51 với *Ma-thi-ơ* 10:14). Mặc dù Phao-lô chưa bao giờ ngừng làm chứng cho dân Do Thái, nhưng sự kêu gọi chủ yếu của ông là truyền giảng Phúc Âm cho dân ngoại (*Công Vụ* 13:46-48; 28:28).

Dính máu trên tay mình nghĩa là phải chịu trách nhiệm về cái chết của người khác. Hình ảnh này đến từ người canh giữ những bức tường thành có nhiệm vụ cảnh giác báo động các nguy hiểm sắp đến cho dân trong thành (xem *Ê-xê-chi-ên* 3:17-21; và 33:1-9). Nhưng có *máu trên đầu mình* nghĩa là bạn đáng trách về sự xét đoán của chính mình. Bạn đã có cơ hội được cứu, nhưng bạn đã gạt bỏ (xem *Giô-suê* 2:19). Tay Phao-lô tinh sạch (*Công Vụ* 20:26), vì ông đã trung tín rao sứ điệp Phúc Âm. Dân Do Thái đã có máu họ trên đầu họ vì họ đã chối bỏ chân lý của Đức Chúa Trời.

Vào đúng lúc, Đức Chúa Trời đem một người bạn khác đến với Phao-lô —, Ti-ti-u Giút-tu, người ngoại bang kính sợ Đức Chúa Trời. Một số nhà nghiên cứu cho rằng tên đầy đủ của ông là Gai-út Ti-ti-u Giút-tu và cho rằng ông là “Gai-út người tiếp đãi tôi” được đề cập trong *Rô-ma* 16:23. Quan hệ giữa Gai-út và Cơ-rít-bu trong *Công Vụ* 18:7 và *I Cô-rinh-tô* 1:14 chắc chắn có ý nghĩa.

Phao-lô đã ra đi từ nhà hội và bắt đầu sử dụng nhà của Ti-ti-u Giút-tu làm trạm rao giảng, ngay kế bên nhà hội! Đây chắc chắn là một quyết định khôn ngoan của Phao-lô, vì tại đây ông dễ dàng tiếp xúc thường xuyên với dân Do Thái và dân ngoại mới theo đạo. Ngay cả chủ nhà hội cũng qui đạo! Công việc của chủ nhà hội là bảo đảm rằng ngôi nhà hội được bảo trì và những lễ thờ phượng được duy trì đều đặn và trật tự. Chúng ta có thêm một

dịp thấy cả một gia đình trở lại cùng Chúa (*Công Vụ* 10:24, 44; 16:15, 34). Điều đó chắc đã khuấy động dân cư Do Thái trong thành Cô-rinh-tô.

Xem xét mục vụ của Phao-lô trong thành Cô-rinh-tô, ta thấy rằng ông đang thực hiện nhiệm mạng của Chúa được trình bày trong *Ma-thi-ơ* 28:19-20. Phao-lô đã đến Cô-rinh-tô thu phục tội nhân cho Đấng Christ, làm phép báp-tem, và dạy dỗ họ (chú ý *Công Vụ* 18:11). Ông kinh nghiệm lời hứa chắc chắn của Chúa "Này, ta ở cùng người luôn!" (*Công Vụ* 18:9-10).

Các cộng sự của Phao-lô đã làm báp-tem cho hầu hết những người mới qui đạo (*I Cô-rinh-tô* 1:11-17), giống như các môn đệ Chúa đã làm khi Ngài thi hành chức vụ trên đất (*Giăng* 4:1-2 và chú ý *Công Vụ* 10:46-48). Điều quan trọng là sự vâng lời Chúa của tín hữu chứ không phải cá nhân tôi tớ Chúa, người làm báp-tem. Tôi nhớ có một thuộc viên lớn tuổi kiêu hãnh nói với tôi: "Tôi đã được Tiến sĩ Ironside làm phép báp-tem!" Ông ta ngạc nhiên là tôi đã không cảm kích. Tôi chắc rằng Tiến sĩ Ironside sẽ quở trách ông cách yêu thương về lời nói đó, vì Tiến sĩ Ironside là một người khiêm nhường muốn danh Đấng Christ được tôn cao, không phải danh của ông.

Bước đi bằng đức tin nghĩa là lấy sự chống đối làm dịp tiện. Người bi quan nhìn vào vấn đề, người lạc quan nhìn vào tiềm lực, nhưng người thực tế thấy tiềm lực trong những vấn đề. Phao-lô không nhắm mắt trước nguy hiểm và khó khăn trong hoàn cảnh ở Cô-rinh-tô. Ông nhìn thẳng vào vấn đề theo quan điểm thiêng liêng.

Đức tin đơn giản nghĩa là vâng theo ý chỉ của Đức Chúa Trời bất chấp những xúc cảm, hoàn cảnh hay hậu quả. Không thể tìm được một nơi dễ chịu để phục vụ Đức Chúa Trời, và nếu có một nơi như thế thì, có thể là có gì sai trật. Phao-lô đã nhắc nhở Ti-mô-thê: "Vả lại, hết thảy mọi người muốn sống cách nhân đức trong Đức Chúa Giê-xu, thì sẽ bị bắt bớ" (*II Ti-mô-thê* 3:12).

Francis Bacon đã viết: “Sự thịnh vượng là phước hạnh của Cựu Ước, nghịch cảnh là phước hạnh của Tân Ước.” Phao-lô đã không để cho nghịch cảnh cản trở ông phục vụ Đức Chúa Trời.

3. Lời Bảo Đảm

Công Vụ Các Sứ Đồ 18:9-17

⁹Ban đêm, Chúa phán cùng Phao-lô trong sự hiện thấy rằng: Đừng sợ chi; song hãy nói và chớ làm thinh; ¹⁰ta ở cùng ngươi, chẳng ai tra tay trên ngươi đặng làm hại đâu; vì ta có nhiều người trong thành này. ¹¹Phao-lô ở lại đó một năm sáu tháng, dạy đạo Đức Chúa Trời trong đám họ.

¹²Lúc Ga-li-ôn đang làm quan trấn thủ xứ A-chai, người Giu-đa đồng lòng nổi lên nghịch cùng Phao-lô và kéo người đến tòa án, ¹³mà nói rằng: Người này xui dân thờ Đức Chúa Trời một cách trái luật pháp. ¹⁴Phao-lô vừa toan mở miệng trả lời, thì Ga-li-ôn nói cùng dân Giu-đa rằng: Hỡi người Giu-đa, giá như về nổi trái phép hay tội lỗi gì, thì theo lẽ phải ta nên nhịn nhục nghe các ngươi. ¹⁵Song nếu biện luận về đạo lý, danh hiệu, hay là luật pháp riêng của các ngươi, thì hãy tự xử lý; ta chẳng khứng xử đoán những việc đó đâu. ¹⁶Người bèn đuổi chúng ra khỏi tòa án. ¹⁷Bấy giờ, chúng bắt Sốt-then, chủ nhà hội, đánh đòn trước tòa án, nhưng Ga-li-ôn chẳng lo đến việc đó.

Sự qui đạo của Cơ-rít-bu, một chức sắc Do Thái quan trọng, đã mở ra nhiều cơ hội hơn cho sự rao giảng Phúc Âm và cũng khiến kẻ thù chống đối nhiều hơn! Cộng đồng Do Thái ở Cô-rinh-tô chắc hẳn đã giận dữ về sự thành công của Phao-lô và làm mọi cách để khiến ông nín lặng và đuổi ông. Bác sĩ Lu-ca không cho chúng ta chi tiết, nhưng tôi có ấn tượng rằng giữa câu 8 và 9 của *Công Vụ* chương 18, tình thế đặc biệt trở nên khó khăn và nguy hiểm. Phao-lô có thể đang nghĩ đến việc rời thành thì Chúa đến với ông và ban cho ông sự bảo đảm.

Sự bảo đảm đó cũng giống như Chúa phán với chúng ta khi chúng ta cần Ngài hơn hết. Lời dụ dỗ “đừng sợ chi!” của Ngài có thể làm lặng cơn bão tố trong lòng

chúng ta bất kể mọi hoàn cảnh quanh ta. Đây là cách Ngài đã đảm bảo với Áp-ra-ham (*Sáng Thế Ký* 15:1), Y-sác (*Sáng Thế Ký* 26:24) và Gia-cốp (*Sáng Thế Ký* 46:3), cũng như Giô-sa-phát (*II Sử Ký* 20:15-17), Đa-ni-ên (*Đa-ni-ên* 10:12,19), Ma-ri (*Lu-ca* 1:30) và Phi-e-rơ (*Lu-ca* 5:10). Khi bạn cảm thấy cô đơn và chiến bại, hãy suy gẫm *Hê-bơ-rơ* 13:5 và *Ê-sai* 41:10; 43:1-7 và bằng đức tin hãy mạnh mẽ khẳng định rằng Chúa đang ở với mình!

Khi còn là một thanh niên, Mục sư Anh quốc nổi tiếng G. Campbell Morgan thường đọc Kinh Thánh mỗi tuần cho hai phụ nữ lớn tuổi. Một buổi tối nọ, khi đã đọc xong những lời cuối trong *Ma-thi-ơ* 28:1-28, Morgan đã nói với các bà: “Đó không phải là một lời hứa kỳ diệu sao!” và một người trong họ đáp: “Chàng trai trẻ ơi, đó không phải là một lời hứa – đó là một sự chắc chắn!”

Chúa Giê-xu đã hiện ra cho Phao-lô trên đường Đa-mách (*Công Vụ* 9:1-6; 26:12-18) và cũng ở trong đền thờ nữa khi ông bị cầm tù ở Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ* 23:11) và sau đó ở Rô-ma (*II Ti-mô-thê* 4:16-17). Thiên sứ của Chúa cũng hiện ra cho Phao-lô giữa cơn bão và cho ông một lời bảo đảm về những hành khách và thủy thủ đoàn (*Công Vụ* 27:23-25). Một trong những danh của Chúa chúng ta là “Em-ma-nu-ên – Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta” (*Ma-thi-ơ* 1:23), và Ngài đã sống đúng với danh của Ngài.

Phao-lô đã được khích lệ không chỉ bởi sự hiện diện của Chúa, mà còn bởi những lời hứa của Ngài. Chúa Giê-xu đã bảo đảm với Phao-lô rằng không ai sẽ làm hại ông và ông sẽ đem nhiều tội nhân đến với Cứu Chúa. Lời tuyên bố “Ta có nhiều người trong thành này” bày tỏ giáo lý về sự lựa chọn thiên thượng, vì “Chúa biết kẻ thuộc về Ngài” (*II Ti-mô-thê* 2:19). Hội Thánh của Đức Chúa Trời được lập nên từ những con người “đã được chọn... trong Ngài (Đấng Christ) trước khi sáng thế” (*Ê-phê-sô* 1:4 và xem *Công Vụ* 13:48).

Xin hãy chú ý rằng quyền tể trị thiên thượng trong sự lựa chọn không giảm bớt trách nhiệm của con người trong sự rao giảng Phúc Âm. Sự lựa chọn thiêng liêng là một trong những sự khích lệ lớn nhất cho sự rao giảng Phúc Âm. Vì Phao-lô biết rằng Đức Chúa Trời đã biệt riêng những người cho sự cứu rỗi, ông ở lại đó rao truyền Phúc Âm với đức tin và sự can đảm. Trách nhiệm của Phao-lô là hoàn thành nhiệm vụ được giao, trách nhiệm của Đức Chúa Trời là cứu tội nhân. Nếu sự cứu rỗi tùy thuộc vào con người tội lỗi, thì nỗ lực của chúng ta là vô ích, nhưng nếu “sự cứu rỗi thuộc về Chúa” (*Giô-na 2:9*), thì chúng ta có thể trông mong Ngài ban phước cho Lời Ngài và cứu các linh hồn.

Trong *God's New Society (Xã Hội Mới của Đức Chúa Trời)* (InterVarsity, trang 37) John Stott viết rằng: “Kinh Thánh không chỗ nào chối bỏ sự mầu nhiệm về lựa chọn, và chúng ta nên đề phòng kẻ nào cho rằng sự lựa chọn của Chúa theo một kế hoạch cố định và cứng ngắt. Không chắc gì chúng ta khám phá được một giải pháp đơn giản đã từng làm điên đầu những bộ óc sáng suốt nhất của giới Cơ Đốc trải bao thế kỷ” .

Điều quan trọng là chúng ta tiếp nhận chân lý của Đức Chúa Trời và hành động theo chân lý. Phao-lô đã không phí thời gian để thắc mắc về sự tể trị thiên thượng và trách nhiệm của con người theo cách mà một số Cơ Đốc nhân sống trong tháp ngà hôm nay. Ông *dành thì giờ để tìm cách chinh phục các linh hồn cho Đấng Christ!* Bạn và tôi không biết những người được chọn của Đức Chúa Trời là ai, vì vậy chúng ta đem Phúc Âm đến cho mọi người và để Đức Chúa Trời làm phần còn lại. Và chúng ta đừng bàn luận về sự lựa chọn với những người hư mất! D.L. Moody có lần bảo với một số người không qui đạo rằng: “Quý vị không thể vượt lên giáo lý về sự lựa chọn!”

Trước khi rời khỏi chủ đề này, chúng ta nên chú ý trách nhiệm riêng của chúng ta là biết chắc chắn mình

ở trong số những kẻ được chọn của Đức Chúa Trời. “VẬY, hỡi anh em hãy chú ý cho chắc chắn về sự Chúa kêu gọi và chọn lựa mình” (II Phi-e-rơ 1:10). Với những kẻ chỉ thích lý thuyết muốn biết về số người được chọn, Chúa Giê-xu đáp: “Hãy gắng sức vào cửa hẹp!” (Lu-ca 13:23-24). Nói cách khác, “Điều người cần là sự cứu rỗi cho chính người, không phải sự suy đoán về người khác! Hãy biết chắc chính mình được cứu hay chưa, còn lẽ đạo kỳ diệu này thì về sau sẽ rõ.”

Phao-lô tiếp tục ở Cô-rinh-tô, biết rằng Đức Chúa Trời ở cùng ông và dân được cứu. Suốt 18 tháng làm chứng, Phao-lô đã thu nhiều thắng lợi bất chấp sự chống đối của Sa-tan. Hội Thánh được hình thành không phải từ nhiều người mạnh mẽ và cao quý (I Cô-rinh-tô 1:26-31), nhưng từ những tội nhân có đời sống đã được biến đổi nhờ ân sủng Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 6:9-11).

Bác sĩ Lu-ca chỉ chia sẻ một điển hình về sự bảo vệ thiên thượng suốt chức vụ của Phao-lô trong thành Cô-rinh-tô (Công Vụ 18:12-17), nhưng đó là một sự bảo vệ đầy ý nghĩa. Sự bổ nhiệm một thống đốc mới khiến những người Do Thái không tin hy vọng rằng Rô-ma tuyên bố rằng “giáo phái Cơ Đốc” mới này bất hợp pháp. Bất chấp luật lệ, họ tấn công Phao-lô và dắt ông đến tòa án. Đây không phải là lần đầu tiên những người Do Thái cuồng tín tìm cách chứng minh rằng Phao-lô đã vi phạm luật pháp Rô-ma (Công Vụ 16:19-24; 17:6-7).

Là công dân Rô-ma, Phao-lô sẵn sàng tự biện hộ; nhưng vô ích vì đã có Ga-li-ôn biện hộ cho! Vị thống đốc thấy ngay rằng vấn đề thật không phải là sự ứng dụng luật pháp Rô-ma nhưng là sự lý giải về Do Thái giáo, nên ông từ chối xử kiện!

Nhưng vấn đề vẫn còn dài. Người Hy Lạp quay qua bắt Sốt-then, là người thay thế Cơ-rít-bu làm chủ nhà hội và đánh ông ngay trước mắt vị thống đốc! Một hành vi kỳ thị Do Thái thật trắng trợn nhưng Ga-li-ôn đã lờ đi. Có thể đây là Sốt-then được Phao-lô đề cập trong I Cô-

rinh-tô 1:1 và ông cũng đã tin Chúa, và dân Do Thái đã tìm một chức sắc khác làm chủ nhà hội của họ! Điều này đã xảy ra thế nào. Phải chăng Phao-lô và một số tín hữu đã thăm viếng Sốt-then và giảng dạy cho ông? Có lẽ người đi trước ông là Cơ-rít-bu đã giúp “rửa các thương tích” (*Công Vụ* 16:33) xem đây là cơ hội chia sẻ tình yêu của Đấng Christ.

Ơn thần hựu của Đức Chúa Trời lạ lùng và kỳ diệu biết bao! Dân Do Thái đã tìm cách buộc thống đốc Rô-ma tuyên bố Cơ Đốc giáo là bất hợp pháp, nhưng Ga-li-ôn cho biết rõ rằng Rô-ma sẽ không liên can vào những vụ kiện về những tranh cãi thuộc Do Thái giáo. Về phần mình, Phao-lô và các môn đệ ông đã có quyền như dân Do Thái để thực hành tôn giáo mình và chia sẻ với người khác.

Trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, Lu-ca nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa chính quyền Rô-ma và Hội Thánh Cơ Đốc. Mặc dù đúng là hội đồng Do Thái đã cấm các sứ đồ rao giảng (*Công Vụ* 4:17-21; 5:40), nhưng không có bằng chứng nào trong sách *Công Vụ* cho biết Rô-ma cũng cấm đoán như thế. Thật ra, tại thành Phi-líp (*Công Vụ* 16:35-40), Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô (*Công Vụ* 19:31), các quan chức Rô-ma đã không những khoan dung mà còn hầu như sẵn sàng cộng tác. Phao-lô biết cách sử dụng quyền công dân Rô-ma của mình một cách khôn ngoan cho nên chính quyền đã hành động giúp ông chứ không nghịch ông, và ông đã cẩn thận không tố cáo chính quyền hoặc tìm cách thoát khỏi quyền hạn của họ (25:10-12).

4. Ý Muốn của Đức Chúa Trời

Công Vụ Các Sứ Đồ 18:18-22

¹⁸Phao-lô ở lại thành Cô-rinh-tô ít lâu nữa, rồi từ già anh em, xuống thuyền đi với Bê-rít-sin và A-qui-la qua xứ Sy-ri, sau khi đã chịu cạo đầu tại thành Sen-cơ-rê, vì người có lời thề nguyện.

¹⁹Kể đó, ba người tới thành Ê-phê-sô, Phao-lô để đồng bạn mình lại đó. Còn người, thì vào nhà hội, nói chuyện với những người Giu-đa; ²⁰song khi chúng xin ở lại lâu hơn nữa, thì người chẳng khứng. ²¹Người từ giã các người đó mà rằng: Ví Đức Chúa Trời khứng, thì chuyến khác ta sẽ đến nơi các người; rồi người từ thành Ê-phê-sô mà đi. ²²Khi đổ bộ tại thành Sê-sa-rê rồi, người đi lên thành Giê-ru-sa-lem, chào mừng Hội Thánh, đoạn lại xuống thành An-ti-ốt.

“Ví Đức Chúa Trời khứng” (*Công Vụ* 18:21) còn ý nghĩa nhiều hơn là một khẩu hiệu tôn giáo đối với Phao-lô; đó là một trong những sức mạnh và sự khích lệ đời sống cùng mục vụ của ông. Biết và làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời là một trong những phước hạnh của đời sống Cơ Đốc (22:14). Trong một số thư tín, Phao-lô vẫn xem mình là “sứ đồ của Chúa Giê-xu theo ý muốn Đức Chúa Trời” (*I Cô-rinh-tô* 1:1; *II Cô-rinh-tô* 1:1; *Ê-phê-sô* 1:1; *Cô-lô-se* 1:1; *II Ti-mô-thê* 1:1). Vào một thời điểm quyết định nhất trong đời sống và chức vụ mình, Phao-lô đã can đảm khẳng định: “Xin cho ý muốn của Chúa được nên!” (*Công Vụ* 21:14).

Sau 18 tháng chức vụ, Phao-lô nghĩ rằng rời khỏi Cô-rinh-tô và trở về Hội Thánh nhà tại An-ti-ốt là ý muốn Đức Chúa Trời. Các bạn ông, Bê-rít-sin và A-qui-la, (hãy chú ý cách Lu-ca thay đổi thứ tự tên của họ) cùng đi với ông đến thành Ê-phê-sô và ở đó khi ông đến thành Sê-sa-rê. Trong *Công Vụ* 18:24, chúng ta sẽ thu thập câu chuyện về Hội Thánh ở Ê-phê-sô và vai trò quan trọng do A-qui-la và Bê-rít-sin thực hiện.

Xen-cơ-rê là cảng biển của thành Cô-rinh-tô, và ở đó đã có một hội chúng Cơ Đốc (*Rô-ma* 16:1). Ở đây Phao-lô đã chịu cạo đầu “vì ông đã có một hứa nguyện.” Điều này có thể chỉ về sự hứa nguyện Na-xi-rê được mô tả trong *Dân Số Ký* 6. Vì sự hứa nguyện Na-xi-rê hoàn toàn mang tính tự nguyện, nên Phao-lô không từ bỏ ân sủng để làm theo luật pháp khi ông thực hiện lời hứa nguyện. Sự hứa nguyện không phải là một vấn đề cứu rỗi nhưng

là sự hiến dâng cá nhân cho Chúa. Ông đã để tóc mọc một khoảng thời gian và sau đó cắt đi khi lời hứa nguyện được trọn. Ông cũng kiêng dùng trái nho ở bất cứ hình thức nào.

Chúng ta không được biết vì sao Phao-lô thực hiện hứa nguyện này. Có lẽ đó là một phần sự dâng mình đặc biệt của ông cho Đức Chúa Trời suốt những ngày khó khăn của chức vụ ban đầu tại thành Cô-rinh-tô. Hoặc có lẽ ông muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời về mọi điều Ngài đã làm cho ông và các cộng sự của ông. Theo luật Do Thái, sự hứa nguyện Na-xi-rê phải được kết thúc trong thành Giê-ru-sa-lem với việc dâng của lễ thích hợp. Khi lời thề đã hoàn tất thì mới cạo đầu chứ không cạo ngay từ đầu, vì vậy người phát lời thề không cần thiết phải ở Giê-ru-sa-lem.

Lu-ca không cho chúng ta biết Phao-lô đã ở trong thành Ê-phê-sô bao lâu, nhưng rõ ràng là thời gian rất ngắn. Người Do Thái ở đó rất dễ tiếp thu Phúc Âm và muốn Phao-lô ở lại, nhưng ông muốn đến Giê-ru-sa-lem để làm trọn hứa nguyện mình, và sau đó đến An-ti-ốt để báo cáo với Hội Thánh. Tuy nhiên, ông đã hứa trở lại và ông đã giữ lời hứa đó (*Công Vụ* 19:1).

Lời tuyên bố “bằng mọi cách tôi phải giữ lễ này nên đến Giê-ru-sa-lem” (*Công Vụ* 18:21) không nên giải thích là Phao-lô và các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã cảm thấy bị buộc phải tuân theo những kỳ lễ Do Thái (xem *Công Vụ* 20:16). Việc ở trong thành Giê-ru-sa-lem suốt những kỳ lễ quan trọng, (trong trường hợp này, lễ Vượt Qua) đã cho Phao-lô cơ hội gặp gỡ và làm chứng cho các lãnh đạo Do Thái chủ chốt từ khắp đế quốc La Mã. Ông cũng có thể dạy dỗ cho các Cơ Đốc nhân Do Thái đã hồi hương.

Phao-lô đã dạy rõ ràng rằng việc tuân theo những kỳ lễ tôn giáo không phải là cách cứu rỗi, cũng không phải là một yếu tố cần thiết cho sự thánh hóa (*Ga-la-ti* 4:1-11). Cơ Đốc nhân được tự do để đi theo lương tâm mình bao lâu họ không xét đoán người khác hoặc gây cho người

khác vấp phạm (*Rô-ma* 14:1-15:7). Cũng hãy nhớ đến các chủ trương riêng của Phao-lô đối với các tập tục này của người Do Thái (*I Cô-rinh-tô* 9:19-23).

Đến thành Sê-sa-rê rồi, Phao-lô đi lên thành Giê-ru-sa-lem và chào thăm những tín hữu ở đó. Đoạn ông đến thành An-ti-ốt và thuật cho Hội Thánh nhà mọi điều Đức Chúa Trời đã làm trong hành trình truyền giáo thứ hai của ông. Ông đã ra đi từ thành An-ti-ốt có lẽ hai năm hoặc lâu hơn, và các thánh đồ chắc hẳn đã vui mừng khôn xiết khi gặp ông và nghe về công việc của Đức Chúa Trời giữa vòng dân ngoại.

Sách vở không ghi lại, nhưng chắc là Phao-lô luôn nhắc nhở các tín hữu ở thành An-ti-ốt: “Đừng bỏ cuộc quá sớm!”

Đó là một lời nhắc nhở hữu ích để chúng ta lưu ý hôm nay.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 5

Công Vụ Các Sứ Đồ 18:1-22

1. Bước theo đức tin là gì?
2. “Được Đức Chúa Trời chọn” có phải là nguồn cảm hứng, động viên, kiên trì không?
3. Phao-lô gặp những trở lực nào? Và được những khích lệ nào từ Đức Chúa Trời?
4. A-qui-la và Bê-rít-sin làm gì? Tại sao họ là một gương tốt?
5. Bạn bè và người đồng nghiệp giữ vai trò gì trong đời sống và mục vụ của Phao-lô?
6. Người lạc quan, bi quan, thực tế là người như thế nào? Bạn là người gì?
7. Có bao giờ trong đời, bạn được Đức Chúa Trời phán “Đừng Sợ!” không?
8. “Nếu Chúa Khủng!”, câu này có ý nghĩa gì đối với Phao-lô?
9. Phao-lô “nguyện” điều gì trong *Rô-ma* 16:1?
10. Tân Ước quan niệm gì về các kỳ lễ tôn giáo?

PHÚC ÂM TẠI Ê-PHÊ-SÔ

Công Vụ Các Sứ Đồ 18:23-19:41

Chúng ta không biết Phao-lô đã ở lại thành An-ti-ốt bao lâu trước khi tiếp tục hành trình truyền giáo lần thứ ba của ông, có lẽ thời gian ở An-ti-ốt chừng một năm. Như trong hành trình thứ hai, Phao-lô đã viếng thăm các Hội Thánh và làm mạnh mẽ các tín hữu. Lu-ca không mô tả chi tiết hành trình này vì mục đích chính của ông chỉ nói đến công tác của Sứ đồ Phao-lô tại Ê-phê-sô. Ông muốn chia sẻ với độc giả của mình mục vụ tuyệt vời Đức Chúa Trời đã giao cho Phao-lô trong thành chiến lược, là thành chìm đắm trong sự thờ thần tượng và các điều huyền hoặc.

Thành Ê-phê-sô với 300.000 cư dân, là thủ phủ của xứ A-si dưới quyền đế quốc Rô-ma, và là trung tâm thương mại quan trọng. Nhờ có một bến cảng lớn, thành Ê-phê-sô rất giàu có nhờ mậu dịch. Và đền thờ thần Đi-anh đã thu hút đông đảo khách tham quan muốn xem tòa nhà này, là một trong bảy kỳ quan thế giới.

Có lẽ đền thờ đã tồn tại bốn thế kỷ rồi cho đến thời Phao-lô. Đền thờ đo được 418 bộ Anh (feet) chiều dài, 239 bộ chiều rộng, có 100 cột sừng sững cao trên 50 bộ. Trong phần đất thánh của đền thờ là “thánh tượng” Artemis (Đi-anh) được cho rằng đã từ trời xuống (*Công Vụ 19:35*). Vì Artemis là nữ thần sinh sản, nên trong sự thờ phượng thần này có chuyện hành dâm ngay tại đền thờ. Hàng trăm “nữ tế lễ” luôn túc trực trong đền thờ.

Sứ đồ Phao-lô lưu lại Ê-phê-sô 3 năm, lâu hơn bất cứ thành nào, cũng là thời gian ông thu được nhiều kết quả.

1. Một Người Có Sứ Điệp Chưa Trọn Vẹn

Công Vụ Các Sứ Đồ 18:23-28

²³Người ở đó ít lâu, rồi lại đi, trải lần lần khắp trong xứ Ga-lati và xứ Phi-ri-gi, làm cho hết thầy môn đồ đều vững lòng.

A-bô-lô tại Ê-phê-sô và trong xứ A-chai

²⁴Bấy giờ có một người Giu-đa tên là A-bô-lô, quê tại thành A-léc-xan-tri, là người khéo nói và hiểu Kinh Thánh, đến thành Ê-phê-sô. ²⁵Người đã học đạo Chúa; nên lấy lòng rất sốt sắng mà giảng và dạy kỹ càng những điều về Đức Chúa Giê-xu, dẫu người chỉ biết phép báp-tem của Giảng mà thôi. ²⁶Vậy, người khởi sự giảng cách dạn dĩ trong nhà hội. Bê-rít-sin và A-qui-la nghe giảng, bèn đem người về với mình, giải bày đạo Đức Chúa Trời cho càng kỹ lưỡng hơn nữa. ²⁷Người toan sang xứ A-chai, thì anh em giục lòng cho và viết thư gửi dặn môn đồ phải tiếp đãi người tử tế. Khi tới rồi, người được nhờ ơn Đức Chúa Trời mà bổ ích cho kẻ đã tin theo. ²⁸Vì người hết sức bẻ bác người Giu-đa giữa thiên hạ, lấy Kinh Thánh mà bày tỏ rằng Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ.

Khi Phao-lô rời Ê-phê-sô đến Giê-ru-sa-lem, ông đã để các bạn mình A-qui-la và Bê-rít-sin ở lại để làm chứng trong nhà hội. Hãy hình dung sự ngạc nhiên của họ vào ngày Sa-bát khi nghe một thầy giáo Do Thái ở xa đến tên là A-bô-lô giảng dạy nhiều chân lý mà chính họ đã tin và dạy dỗ!

A-bô-lô là một người đặc biệt trong nhiều phương diện. Ông đến từ A-léc-xan-tri, thành phố quan trọng thứ hai trong đế quốc La Mã. A-léc-xan-tri là một trung tâm giáo dục và triết học, được sáng lập do A-léc-xan-đơ đại đế. Thành phố này hãnh diện vì có một trường đại học với một thư viện khổng lồ chứa gần 700.000 sách. Dân số thành A-léc-xan-tri (khoảng 600.000), bao gồm dân Ai Cập, Rô-ma, Hy Lạp và Do Thái. Ít nhất một phần tư dân số là người Do Thái, và cộng đồng Do Thái rất có ảnh hưởng.

A-bô-lô đã biết Kinh Thánh Cựu Ước và có thể dạy môn này cách hùng biện và năng động, ông nhiệt thành

và chuyên tâm trong sự trình bày sứ điệp. Ông dạn dĩ bước vào nhà hội rao giảng cho dân Do Thái. Tiếc một điều là người nhiệt tình này công bố một Phúc Âm chưa trọn vẹn. Ông chỉ giảng đến Giăng Báp-tít rồi dừng lại! Ông không biết gì về đời Gô-gô-tha, sự phục sinh của Đấng Christ, hay sự giáng lâm của Chúa Thánh Linh vào lễ Ngũ Tuần. Ông có lòng sốt sắng, nhưng thiếu tri thức thuộc linh (Rô-ma 10:1-4).

Mục vụ của Giăng Báp-tít là một phần quan trọng thuộc kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã sai Giăng sửa soạn cho dân tộc Y-sơ-ra-ên đón tiếp Đấng Mết-si-a của họ (Giăng 1:15-34). Phép báp-tem của Giăng là phép báp-tem về sự ăn năn; những ai đã chịu báp-tem đều trông đợi Đấng Mết-si-a hầu đến (Công Vụ 19:4). Giăng cũng đã rao một phép báp-tem trong tương lai của Đức Thánh Linh (Ma-thi-ơ 3:11; Mác 1:8) xảy ra vào lễ Ngũ Tuần (Công Vụ 1:5). A-bô-lô biết về những lời hứa, nhưng ông không biết về sự ứng nghiệm của chúng.

A-bô-lô đã đem sứ điệp đến đâu trước hết? Vì A-léc-xan-tri là một trung tâm giáo dục nổi tiếng, nên có khả năng một số môn đệ của Giăng Báp-tít (Ma-thi-ơ 14:12; Lu-ca 11:1) đã đến đó trong thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất và chia sẻ với dân Do Thái. Từ "chỉ dẫn" trong Công Vụ 18:25 nghĩa là dạy đạo và ý nói rằng A-bô-lô đã có sự đào tạo chính thức về Kinh Thánh. Tuy nhiên, sự đào tạo đó bị hạn chế. Sứ điệp của A-bô-lô không phải là không chính xác hoặc thiếu chân thật mà là chưa trọn vẹn.

Khi tôi phục vụ Chúa tại các hội nghị, tôi phải nhờ vợ tôi sắp xếp đường đi. Ở một chuyến đi đặc biệt nọ, chúng tôi bối rối vì lạc đường. Lúc đó chúng tôi nhận ra rằng bản đồ chúng tôi dùng đã lỗi thời! Chúng tôi mua gấp một bản đồ mới, thế là mọi sự tốt đẹp. A-bô-lô đã có một bản đồ cũ chính xác vào thời của nó, nhưng ông rất cần có một bản đồ mới. Bản đồ mới đó đã được A-qui-la và

Bê-rít-sin cung cấp.

A-qui-la và Bê-rít-sin không sửa sai A-bô-lô trước công chúng mà chỉ lịch sự mời ông về nhà dùng bữa tối trong lễ Sa-bát rồi cho ông biết về Chúa Giê-xu cùng sự giảng lâm của Đức Thánh Linh. Họ giúp ông hiểu biết sâu sắc hơn về Đấng Christ. Ngày Sa-bát kế tiếp, A-bô-lô đã trở lại nhà hội và trình bày cho dân Do Thái phần còn lại của câu chuyện! Mục vụ của ông hiệu quả đến nỗi các tín hữu thành Ê-phê-sô làm chứng tốt về ông với các Hội Thánh trong xứ A-chai. Ở đây A-bô-lô không chỉ giúp các thánh đồ mạnh mẽ thêm, ông còn tranh luận với những người Do Thái không tin và thuyết phục nhiều người tin rằng Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a.

A-bô-lô đã giảng dạy một thời gian cho Hội Thánh ở Cô-rinh-tô (*Công Vụ 19:1*), nơi sự hiểu biết và tài hùng biện của ông đã thu hút thính giả (*I Cô-rinh-tô 1:12; 3:4-6, 22; 4:6*). Đáng tiếc rằng có một bọn người tụ tập quanh ông và khiến Hội Thánh chia rẽ. Ông đúng là một người bạn quý của Phao-lô và là một người giúp việc được tin cậy (*I Cô-rinh-tô 16:12; Tít 3:13*).

2. Mười Hai Người Làm Chứng Bất Nhất

Công Vụ Các Sứ Đồ 19:1-10

¹Trong khi A-bô-lô ở thành Cô-rinh-tô, Phao-lô đã đi khắp những miền trên, rồi xuống thành Ê-phê-sô, gặp một vài người môn đồ ở đó. ²Người hỏi rằng: Từ khi anh em tin, có lãnh được Đức Thánh Linh chăng! Trả lời rằng: Chúng tôi cũng chưa nghe có Đức Thánh Linh nào. Người lại hỏi: Vậy thì anh em đã chịu phép báp-tem nào? ³Trả lời rằng: Phép báp-tem của Giăng. ⁴Phao-lô bèn nói rằng: Giăng đã làm phép báp-tem về sự ăn năn tội, mà truyền dân phải tin Đấng sẽ đến sau mình, nghĩa là tin Đức Chúa Giê-xu. ⁵Chúng nghe bấy nhiêu lời, bèn chịu phép báp-tem nhân danh Đức Chúa Giê-xu. ⁶Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giảng trên chúng, cho nói tiếng ngoại quốc và lời tiên tri. ⁷Cộng hết thấy độ mười hai người.

⁸Phao-lô vào nhà hội, và trong ba tháng giảng luận một cách

dạn dĩ ở đó; giải bày những điều về nước Đức Chúa Trời mà khuyên dỗ các kẻ nghe mình. ⁹Song vì có mấy người cứng lòng, từ chối không tin, gièm chê đạo Chúa trước mặt dân chúng, thì người phân rẽ họ mà nhóm các môn đồ riêng ra, và dạy dỗ hằng ngày trong trường học Ti-ra-nu. ¹⁰Việc đó cứ luôn hai năm, đến nỗi mọi người ở trong cõi A-si, hoặc người Giu-đa hay là người Gờ-réc, đều nghe đạo Chúa.

Khi Phao-lô trở lại thành Ê-phê-sô, ông gặp mười hai người xưng là “môn đệ” Cơ Đốc nhưng đời sống thì chẳng có gì đẹp đẽ. Phao-lô hỏi họ: “Anh em có lãnh được Đức Thánh Linh khi anh em tin chẳng?” (*Công Vụ* 19:2). Câu hỏi này quan trọng vì sự chứng nhận của Chúa Thánh Linh là nguồn gốc thiết yếu cho một người thật sự tái sinh (*Rô-ma* 8:9, 16; *I Giăng* 5:9-13) và chúng ta nhận Chúa Thánh Linh khi tin nhận Chúa Cứu Thế Giê-xu (*Ê-phê-sô* 1:13).

Họ rất lúng túng không biết Đức Thánh Linh đã được ban cho! Là những môn đệ của Giăng Báp-tít, họ chỉ biết rằng có một Đức Thánh Linh, và ngày nào đó Đức Thánh Linh sẽ làm báp-tem cho dân Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 3:11; *Lu-ca* 3:16; *Giăng* 1:32-33). Có thể những người này là những “người qui đạo” đầu tiên của A-bô-lô và do đó đã không hiểu đầy đủ điều Đấng Christ đã làm.

Vì sao Phao-lô lại hỏi về phép báp-tem của họ? Trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, kinh nghiệm báp-tem của một người là một biểu hiện về kinh nghiệm thuộc linh của người ấy. *Công Vụ* 1:1-10:48 ghi lại một thời kỳ chuyển tiếp trong lịch sử của Hội Thánh, từ chức vụ của các sứ đồ đối với dân Do Thái cho đến chức vụ của họ đối với dân ngoại. Suốt thời kỳ chuyển tiếp này, Phi-e-rơ sử dụng “những chìa khóa Nước Trời” (*Ma-thi-ơ* 16:19) và mở cửa đức tin cho dân Do Thái (*Công Vụ* 2:1-47) dân Sa-ma-ri (*Công Vụ* 8:14) và cuối cùng cho dân ngoại (*Công Vụ* 10:1-48).

Điều quan trọng cần chú ý là trình tự của Đức Chúa Trời cho ngày nay được trình bày trong *Công Vụ* 10:43-

48: tội nhân nghe đạo, tin nơi Chúa Giê-xu, nhận lãnh Chúa Thánh Linh *ngay tức khắc*, và sau đó chịu phép báp-tem. Dân ngoại trong *Công Vụ 10* đã không nhận lãnh Thánh Linh bởi phép báp-tem bằng nước hoặc bởi phép đặt tay của các sứ đồ (*Công Vụ 8:14-17*).

Sự kiện những người này không có Thánh Linh ngự vào là bằng chứng họ chưa thật sự được tái sinh. Nhưng họ đã chịu báp-tem bởi phép báp-tem của Giảng, một thứ báp-tem mà các sứ đồ đã nhận lãnh! (xem *Công Vụ 1:21-22*). Có gì sai trật với họ?

Một số người nói rằng những người này đã được cứu, nhưng họ thiếu sự đầy dẫy của Thánh Linh trong đời sống. Vì vậy Phao-lô đã giải thích cách để “được báp-tem trong Thánh Linh”, để được một đời sống mới đắc thắng. Nhưng Phao-lô nhận thấy rằng những người này không có bằng chứng của Thánh Linh trong đời sống họ, và vì vậy họ không phải là những người đã được biến đổi. Ông không bàn luận sự đầy dẫy Thánh Linh với những người không được cứu! Không, mười hai người này đã được báp-tem trên hình thức. Hội Thánh chúng ta ngày nay cũng có nhiều người như vậy.

Phao-lô giải thích với họ rằng phép báp-tem của Giảng là phép báp-tem về sự ăn năn *trông đợi* Đấng Mê-tsi-a đã được hứa, trong khi phép báp-tem Cơ Đốc là một phép báp-tem *nhìn lại* công tác đã hoàn tất của Đấng Christ trên thập tự giá và sự phục sinh đắc thắng của Ngài. Phép báp-tem của Giảng đúng trong thời của nó, nhưng giờ đây thời ấy đã kết thúc.

Hãy nhớ rằng Giảng Báp-tít là một tiên tri thi hành chức vụ dưới một hệ thống tôn giáo cũ (*Ma-thi-ơ 11:7-14*). Giao ước cũ chấm dứt, không phải bởi Giảng tại sông Giô-đanh, nhưng bởi Chúa Giê-xu tại đồi Gô-gô-tha (*Hê-bơ-rơ 10:1-18*). Phép báp-tem, của Giảng quan trọng đối với dân Do Thái thời đó (*Ma-thi-ơ 21:23-32*) nhưng không còn hiệu lực đối với Hội Thánh ngày nay. Theo một ý nghĩa thật, 12 người này giống như “những tín hữu

Cựu Ước” chờ đợi sự đến của Đấng Mết-si-a. Chắc chắn Phao-lô đã giải thích với họ nhiều chân lý cơ bản mà Luca đã không ghi lại. Sau đó ông làm báp-tem cho họ, vì phép “báp-tem” đầu tiên của họ không thật sự là phép báp-tem Cơ Đốc.

Tại sao Phao-lô cần đặt tay trên những người này trước khi họ nhận lãnh Đức Thánh Linh? Điều này không mâu thuẫn với kinh nghiệm của Phi-e-rơ được chép trong *Công Vụ* 10:44-48 sao? Không mâu thuẫn nếu bạn nhớ rằng đây là nhóm người đặc biệt sẽ giúp hình thành những hạt nhân của một Hội Thánh lớn tại Ê-phê-sô. Bằng cách sử dụng Phao-lô để truyền đạt sự ban cho của Chúa Thánh Linh, Đức Chúa Trời đã xác nhận chức vụ sứ đồ của Phao-lô và hiệp Hội Thánh Ê-phê-sô với những Hội Thánh khác cũng như Hội Thánh “mẹ” ở Giê-ru-sa-lem. Khi Phi-e-rơ và Giăng đặt tay trên những người Sa-ma-ri tin nhận, điều đó đã hiệp họ với Hội Thánh Giê-ru-sa-lem và chữa lành một mối bất hòa giữa dân Do Thái và dân Sa-ma-ri đã tồn tại bao thế kỷ.

Điều Đức Chúa Trời đã làm qua Phao-lô cho mười hai người này không được xem như tiêu chuẩn cho Hội Thánh ngày nay vì việc này chỉ xảy ra một lần thôi. Những người đã được biến đổi dưới chức vụ của Phao-lô đều nhận lãnh sự ban cho của Thánh Linh *khi họ tin nhận Đấng Christ*. Phao-lô nói rõ như vậy trong *Ê-phê-sô* 1:13-14 và đây là một kiểu mẫu cho chúng ta ngày nay.

Trong *Công Vụ* 19:6, có trường hợp ân tứ tiếng lạ. Các tín hữu đã nói tiếng lạ vào lễ Ngũ Tuần và ngợi khen Đức Chúa Trời, và những người nghe họ đã nhận ra những thứ tiếng này là những ngôn ngữ trên đất (*Công Vụ* 2:4-11) chứ không phải “ngôn ngữ trên trời”. Những tín hữu người ngoại trong nhà Cột-nây cũng nói tiếng lạ (*Công Vụ* 10:44-46) và kinh nghiệm của họ giống với kinh nghiệm của những người Do Thái trong *Công Vụ* 2:1-47 (xem *Công Vụ* 11:15). Sự kiện này có ý nghĩa lịch

sử vì Chúa Thánh Linh đang làm báp-tem cho dân Do Thái (*Công Vụ* 2:1-47) và dân ngoại (*Công Vụ* 10:1-48) vào trong thân Đấng Christ (xem *I Cô-rinh-tô* 12:13).

Ngày nay, ân tứ tiếng lạ không phải là một bằng chứng về phép báp-tem của Đức Thánh Linh hay sự đầy dẫy Đức Thánh Linh. Phao-lô đã hỏi: “Cả thầy đều nói tiếng lạ sao?” (*I Cô-rinh-tô* 12:30) và câu hỏi ấy trong tiếng Hy Lạp chờ đợi câu trả lời “không.” Khi Phao-lô viết cho những người bạn Ê-phê-sô về sự đầy dẫy Chúa Thánh Linh, ông đã không nói gì về tiếng lạ (*Ê-phê-sô* 5:18). Không chỗ nào trong Kinh Thánh khuyên chúng ta tìm kiếm một phép báp-tem của Đức Thánh Linh. Hãy đọc thư Phao-lô gửi cho Hội Thánh Ê-phê-sô và chú ý nhiều chi tiết đề cập Thánh Linh của Đức Chúa Trời và công việc của Ngài trong tín hữu.

3. Bảy Người Với Quyền Năng Không Thỏa Đáng *Công Vụ Các Sứ Đồ* 19:11-20

¹¹Đức Chúa Trời lại dùng tay Phao-lô làm các phép lạ khác thường, ¹²đến nỗi người ta lấy khăn và áo đã bận vào mình người mà để trên các kẻ đau yếu; thì họ được lành bệnh, và được cứu khỏi quỷ dữ.

Mấy người Giu-đa là thầy trừ quỷ

¹³Bảy giờ có mấy thầy trừ quỷ là người Giu-đa đi từ nơi này sang chỗ kia, mạo kêu danh Đức Chúa Giê-xu trên những kẻ bị quỷ dữ ám, rằng: Ta nhân Đức Chúa Giê-xu này, là Đấng mà Phao-lô giảng, để truyền khiến chúng bay. ¹⁴Các kẻ làm việc đó là bảy con trai của Sê-va, tức là một người trong bọn thầy tế lễ cả Giu-đa. ¹⁵Song quỷ dữ đáp lại rằng: Ta biết Đức Chúa Giê-xu, và rõ Phao-lô là ai; nhưng các ngươi là kẻ nào? ¹⁶Người bị quỷ dữ ám bèn sấn vào chúng, thắng được hai người trong bọn và hành hạ dữ lắm, đến nỗi phải trần truồng và bị thương, trốn ra khỏi nhà. ¹⁷Phàm người Giu-đa và người Gờ-réc nào ở tại thành Ê-phê-sô đều biết việc đó, thì sợ hãi, và danh Đức Chúa Giê-xu được tôn trọng. ¹⁸Phần nhiều kẻ đã tin, đến xưng tội và tỏ ra việc mình đã làm. ¹⁹Có lắm người trước theo nghề phù phép đem sách vở mình đốt trước mặt thiên hạ; người ta tính giá sách đó, cộng là năm mươi ngàn miếng bạc. ²⁰Ấy vậy,

nhờ quyền phép của Chúa, đạo bèn đồn ra, càng ngày càng được thắng.

Phao-lô làm chứng trong nhà hội ba tháng trước khi ông ra đi. Chắc hẳn chức vụ trung tín của A-qui-la và Bê-rít-sin đã đóng một phần quan trọng trong sự thành công này. Tuy nhiên, sự cứng lòng bắt đầu (*Hê-bơ-rơ* 3:7-11), vì vậy Phao-lô đã rời nhà hội đến một phòng học, mang theo các môn đệ. Có lẽ ông đã sử dụng phòng này khi không có giờ học, lúc người ta nghỉ ngơi. Phao-lô đã dạy dỗ cách này khoảng hai năm và “mọi người trong cõi A-si, cả người Giu-đa lẫn người Gờ-réc đều nghe đạo của Chúa Giê-xu” (*Công Vụ* 19:10).

Dường như mọi người đều đã biết điều Phao-lô nói và làm! (xem *Công Vụ* 19:17 và 19:20). Thậm chí kẻ thù của Phao-lô cũng phải thừa nhận rằng đạo đang lan ra và dân chúng được cứu (*Công Vụ* 19:26). Hai yếu tố khiến Phúc Âm lan rộng là sự làm chứng của các tín hữu khi họ đi từ nơi này sang nơi khác và “những phép lạ đặc biệt” do Phao-lô thực hiện trong thành Ê-phê-sô (*Công Vụ* 19:11).

Trong lịch sử Kinh Thánh, ta thấy ba thời kỳ đặc biệt của phép lạ (1) thời Môi-se, (2) thời Ê-li và Ê-li-sê, và (3) thời Chúa Giê-xu với các sứ đồ của Ngài. Mỗi thời kỳ chưa đến một trăm năm. Tuy vào cách một số những sự kiện này được phân loại, tổng số những phép lạ đối với cả ba thời kỳ chưa đến một trăm. Dĩ nhiên, không phải mọi phép lạ đều được ghi chép (xem *Giăng* 20:30-31).

Khi Chúa Giê-xu làm phép lạ, Ngài thường nghĩ đến ba mục đích: 1) bày tỏ lòng thương xót của Ngài và đáp ứng những nhu cầu của con người; 2) dạy dỗ một chân lý thuộc linh, và 3) chứng tỏ tư cách Đấng Mết-si-a. Các sứ đồ về sau cũng theo trình tự này khi làm phép lạ. Khả năng làm phép lạ là một trong những bằng chứng về tư cách sứ đồ (*Hê-bơ-rơ* 2:1-4; *II Cô-rinh-tô* 12:12; *Mác* 16:20; *Rô-ma* 15:18-19). Những phép lạ của chính họ

không cứu được tội nhân hư mất (*Giăng 2:23-25; Lu-ca 16:27-35*);. Những phép lạ phải được gắn với sứ điệp của Lời Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đã giúp Phao-lô có thể làm “những phép lạ đặc biệt” vì Ê-phê-sô là một trung tâm của khoa huyền bí (*Công Vụ 19:18-19*) và Phao-lô đã bày tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời ngay trong lãnh địa của Sa-tan. Nhưng hãy nhớ rằng nơi đâu người Đức Chúa Trời phục vụ chân lý, thì Sa-tan cũng gửi đến đó một kẻ giả mạo để chống đối. Chúa Giê-xu đã dạy chân lý này trong ví dụ về những hạt giống của Ngài (*Ma-thi-ơ 13:24-30, 36-43*). Phi-e-rơ đã kinh nghiệm ví dụ đó ở Sa-ma-ri (*Công Vụ 8:9*), và Phao-lô đã kinh nghiệm tại Ba-phô (*13:4-12*). Sa-tan bắt chước bất cứ điều gì dân Đức Chúa Trời làm, vì nó biết rằng thế gian chưa được cứu không thể phân biệt được chân giả (*II Cô-rinh-tô 11:13-15*).

Đối với các thầy tế lễ Do Thái, việc đuổi quỷ không phải là điều lạ (*Lu-ca 11:19*), nhưng sử dụng danh Chúa Giê-xu Christ để đuổi quỷ thì họ chưa biết đến. Do những người này không có mối liên hệ cá nhân với Đấng Christ, nên họ phải mượn đến danh của Phao-lô, nhưng ý đồ họ không thành. Quỷ nói: “Chúa Giê-xu thì ta nhận biết, và Phao-lô thì ta rõ; nhưng các ngươi là kẻ nào?” (nguyên văn). Khi đó người bị quỷ ám tấn công bầy thầy tế lễ và đuổi họ ra khỏi nhà.

Nếu sự đuổi quỷ này thành công, nó sẽ làm mất uy tín danh Chúa Giê-xu và chức vụ của Hội Thánh ở Ê-phê-sô (Phao-lô đã đối diện với một hoàn cảnh tương tự ở thành Phi-líp. Xem *Công Vụ 16:16*). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã sử dụng ý đồ này để đánh bại Sa-tan và quả trách các tín hữu vẫn còn liên hệ với ma thuật. Thay vì làm sỉ nhục danh Chúa Giê-xu, sự kiện này đã tôn cao danh Ngài và khiến đạo Đức Chúa Trời lan ra nhanh chóng hơn.

Thì của những động từ trong *Công Vụ 19:18* cho thấy rằng dân chúng “vẫn đến... vẫn xưng tội... vẫn tỏ ra.” Rõ ràng những tín hữu này đã không cắt đứt hẳn với tội lỗi

và vẫn thực hành ma thuật. Tổng trị giá của những sách ma thuật và sách thần chú mà họ đã đốt tương đương với tổng tiền lương của 150 người lao động trong một năm! Những người này đã không tính đến sự thiệt hại tài chánh nhưng ăn năn và từ bỏ tội lỗi mình.

4. Đám Đông Phần Nộ

Công Vụ Các Sứ Đồ 19:21-41

²¹Các việc đó rồi, Phao-lô dự định đi ngang qua xứ Ma-xê-đoan và xứ A-chai để đến thành Giê-ru-sa-lem. Người nói rằng: Khi ta đã thăm thành đó rồi, cũng phải thăm thành Rô-ma nữa. ²²Người bèn sai hai người giúp đỡ mình là Ti-mô-thê và Ê-rát sang xứ Ma-xê-đoan, nhưng chính người còn ở lại trong cõi A-si ít lâu nữa.

²³Lúc đó, có sự loạn lớn sinh ra vì cơ đạo Tin Lành. ²⁴Một người thợ bạc kia tên là Đê-mê-triu, vốn dùng bạc làm khám nữ thần Đi-anh, sinh nhiều lợi cho thợ làm công, ²⁵bèn nhóm những thợ đó và kẻ đồng nghiệp lại, mà nói rằng: Hỡi bạn ta, các người biết sự thịnh lợi chúng ta sinh bởi nghề này; ²⁶các người lại thấy và nghe nói, không những tại thành Ê-phê-sô thôi, gần suốt hết cõi A-si nữa, rằng tên Phao-lô này đã khuyên dỗ và trở lòng nhiều người, mà nói rằng các thần bởi tay người ta làm ra chẳng phải là chúa. ²⁷Chúng ta chẳng những sợ nghề nghiệp mình phải bị gièm chê, lại cũng e rằng đền thờ của đại nữ thần Đi-anh bị khinh dễ nữa, và nữ thần ta bị tiêu diệt về sự vinh hiển mà cõi A-si cùng cả thế giới đều tôn kính chẳng. ²⁸Chúng nghe bấy nhiêu lời, bèn nổi giận lắm, cất tiếng kêu rằng: Lớn thay là nữ thần Đi-anh của người Ê-phê-sô!

²⁹Cả thành thấy đều rối loạn; chúng đồng lòng đến rạp hát, kéo theo mình Gai-út, A-ri-tạc, là người Ma-xê-đoan, bạn đồng đi với Phao-lô. ³⁰Phao-lô muốn chính mình ra mặt trước dân chúng, nhưng môn đồ chẳng cho. ³¹Cũng có mấy quan lớn xứ A-si, là bạn hữu người, sai đến xin người chớ đi tới rạp hát. ³²Người thì reo lên thể này, kẻ thì la lên thể khác; vì trong hội om sòm, phần nhiều người cũng không biết vì cơ nào mình nhóm lại. ³³Chúng bèn kéo A-léc-xan-đơ từ trong đám đông ra, và người Giu-đa xô người ra đứng trước; người bèn lấy tay ra dấu, muốn nói cùng dân chúng để bình vực bọn mình. ³⁴Nhưng vừa khi đoàn dân nhận người là người Giu-đa, thì kêu rập lên ước trong hai giờ, rằng: Lớn thay là nữ thần Đi-anh của

người Ê-phê-sô!

³⁵Bấy giờ, có người thư ký thành phố dẹp yên đoàn dân, nói rằng: Hỡi người Ê-phê-sô, há có ai chẳng biết thành Ê-phê-sô là kẻ canh giữ đền thờ nữ thần lớn Đi-anh và tượng thần ấy đã từ trên trời giáng xuống sao? ³⁶Bởi điều đó thật chối cãi chẳng nổi, nên các người khá ở yên, đừng làm sự gì vội vã. ³⁷Vì những tên mà các người đã kéo đến đây, chẳng phải mắc tội hoặc phạm đến của thánh, hay là lộng ngôn với nữ thần chúng ta đâu. ³⁸Vậy, nếu Ê-mê-triu và các thợ làm công ở với người có cần kiện cáo ai, thì đã có ngày xử đoán và quan trấn thủ; mặc họ kiện cáo nhau. ³⁹Vì bằng các người có nài việc khác nữa, thì khá quyết định việc đó trong hội đồng theo phép. ⁴⁰Vì e cho chúng ta bị hạch về sự dấy loạn xảy ra ngày hôm nay, không thể tìm lẽ nào để bình vực sự nhóm họp này. ⁴¹Người nói bấy nhiêu lời, bèn cho chúng về.

Công Vụ 19:21 lần đầu tiên đề cập kế hoạch đến Rô-ma của Phao-lô. Sự thực hiện kế hoạch này được mô tả trong phần thứ ba cuối cùng của sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*. Chẳng bao lâu Phao-lô viết thư cho các thánh đồ ở Rô-ma và bày tỏ ước muốn này với họ (*Rô-ma 1:13-15; 15:22-29*). Nhưng trước tiên ông phải thăm viếng các Hội Thánh ở xứ Ma-xê-đoan và A-chai để hoàn tất sự quyên góp mà ông đang nhận cho các thánh đồ nghèo ở Giê-ru-sa-lem (*I Cô-rinh-tô 16:3-7; Rô-ma 15:25-33; Công Vụ 24:17*). Trong khi ở lại thành Ê-phê-sô (*I Cô-rinh-tô 16:8-9*), ông đã cử Ti-mô-thê giúp ông hoàn tất công việc (*I Cô-rinh-tô 4:17; 16:10-11*).

Chính tại thời điểm này Sa-tan đã tấn công trở lại, không như kẻ lừa dối (*II Cô-rinh-tô 11:3-4*) nhưng như kẻ hủy diệt (*I Phi-e-rơ 5:8*) và kẻ giết người (*Giăng 8:44*). Sa-tan đã kích động phường thợ bạc để tiến hành một cuộc phản kháng công khai chống lại Phao-lô và Phúc Âm. Phao-lô nói về cuộc nổi loạn này khi ông viết "Tôi đã đánh cùng các loài thú ở thành Ê-phê-sô" (*I Cô-rinh-tô 15:32*). Kẻ thù đã nhiều lần bị đánh bại qua suốt ba năm chức vụ của Phao-lô ở thành Ê-phê-sô. Đó là đòn tối hậu của Sa-tan để đưa hoạt động của nó đến đỉnh điểm

bằng một cuộc tấn công toàn thành phố có thể dẫn đến sự kiện Phao-lô bị bắt, hoặc bị giết.

Nơi đâu Phúc Âm được rao giảng bằng quyền năng, thì những kẻ kiếm tiền bằng mê tín và tội lỗi sẽ ra sức chống đối. Phao-lô đã không khơi dậy sự chống đối của các thợ bạc bằng cách nói động đến đền thờ thần Đi-anh hoặc thực hiện những cuộc mít-tinh chống lại sự thờ thần tượng. Ông chỉ dạy chân lý hằng ngày và cử những người qui đạo của ông làm chứng cho những kẻ hư mất trong thành. Càng có nhiều người được biến đổi, số khách hàng của thợ bạc càng ít đi.

“Bởi chưng sự tham tiền bạc là cội rễ mọi điều ác” (1 *Ti-mô-thê* 6:10). Đê-mê-triu và các thợ bạc của ông đề cao sự thờ thần tượng và sự đòi bại để kiếm sống, trong khi Phao-lô công bố Đức Chúa Trời chân thật và chỉ cho dân chúng sự tinh sạch và thánh khiết nhờ ân sủng vô điều kiện của Đức Chúa Trời. Các thợ bạc chỉ quan tâm về việc làm và thu nhập của họ hơn là quan tâm về thần Đi-anh và đền thờ của thần này.

Benjamin Franklin đã nói rằng một đám đông là “một quái vật có đầu, nhưng không có não.” Buồn biết bao khi dân chúng để cho mình bị dẫn dắt bởi một số lãnh đạo ích kỷ là những người quen thói sách động. Đê-mê-triu đã lợi dụng hai điều dân Ê-phê-sô yêu mến nhất: danh dự của thành họ, và sự vĩ đại của nữ thần Đi-anh và đền thờ bà. Tuy không có máy truyền thanh, truyền hình hoặc báo chí, nhưng ông đã tuyên truyền rất hiệu quả và kích động cả thành phố nổi loạn.

Max Lerner đã viết trong cuốn *“The Unfinished Country”*, “đám đông, vì ngu dốt và hoang mang, là một tập hợp những kẻ sợ hãi núp trong một tập thể kích động.” Một “đám đông cuồng tín” đã la lên “Hãy đóng đinh hấn! Hãy đóng đinh hấn” trước mặt Phi-lát, và cuối cùng đã toại nguyện. Nếu đám đông dân Ê-phê-sô này thành công trong những kế hoạch của họ, có lẽ Phao-lô sẽ bị bắt và bị xử tử trước khi luật pháp can thiệp vào.

Đám đông, khoảng 25.000 người la hét, lộn xộn, chen chặt kịch trường, đa số không biết điều gì đang xảy ra và tại sao họ có mặt ở đó. Do đám đông không thể tìm thấy Phao-lô, họ đã bắt giữ hai người giúp việc của ông, Gai-út (không phải Gai-út của *Công Vụ* 20:4; *Rô-ma* 16:23 và *I Cô-rinh-tô* 1:14) và A-ri-tạc (*Công Vụ* 20:4). Phao-lô muốn đi vào rạp hát – thật là một cơ hội tốt để rao giảng Phúc Âm! Nhưng các tín hữu và một số chức sắc trong thành đã khôn khéo khuyên ông lánh đi (*Công Vụ* 19:30-31).

Chẳng bao lâu sau đó, thành kiến chủng tộc xuất hiện, khi một người Do Thái tên A-léc-xan-đơ tìm cách nói chuyện với đám đông (c.33-34). Chắc ông muốn giải thích với họ rằng dân Do Thái sống trong thành Ê-phê-sô không tán thành sứ điệp hoặc chức vụ của Phao-lô, và vì vậy, không nên làm vật hy sinh chỉ để thỏa mãn đám đông. Nhưng sự hiện diện của ông chỉ kích động đám đông, và họ đã la hét hai giờ đồng hồ nữa, “lớn thay là nữ thần Đì-anh của người Ê-phê-sô!” Đám đông biết rằng dân Do Thái không chấp nhận hình tượng và không tôn trọng thần Đì-anh. Điều duy nhất bảo vệ dân Do Thái là luật pháp Rô-ma chủ trương tự do tôn giáo.

Cuối cùng chính viên thư ký thành phố đã kiểm soát được các vấn đề, và ông làm điều đó chủ yếu vì những lý do chính trị. Ê-phê-sô được Rô-ma cho phép hưởng quy chế tự do, có quyền bầu cử hội đồng thành phố, nhưng dân Rô-ma sẽ vui mừng nếu tìm ra được một cơ thuật bỏ những đặc quyền này (*Công Vụ* 19:40). Áp dụng chiến thuật mà các thợ bạc đã sử dụng để kích động đám đông, thư ký đã nêu – sự vĩ đại của thành và của nữ thần họ để làm cơ kêu gọi quần chúng bình tĩnh.

Lu-ca ghi lại nhận định của nhà chức trách rằng các tín hữu vô tội, không có bất cứ sự vi phạm nào, công khai (*Công Vụ* 19:37) hoặc riêng tư (*Công Vụ* 19:38). Phao-lô cũng đã được nhận định như thế tại thành Phi-líp (*Công Vụ* 16:35-40) và trong thành Cô-rinh-tô (*Công Vụ* 18:12-

17), và khi bị bắt ở Giê-ru-sa-lem. Suốt sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, Lu-ca cho biết rằng sự bắt bớ Hội Thánh Cơ Đốc đã được kích động bởi những người Do Thái không tin chứ không phải bởi dân Rô-ma. Có thể Phao-lô đã sử dụng quyền công dân Rô-ma để bảo vệ mình, bảo vệ các bạn và các hội chúng địa phương.

Đám đông giải tán, dân chúng ra về trong sự hài lòng vì đã thành công trong việc bảo vệ thành vĩ đại và nữ thần nổi tiếng của họ. Chẳng mấy ai tự vấn rằng tôn giáo của họ có đúng đắn không, cũng không có ai chịu suy nghĩ về những điều Phao-lô đã rao giảng trong ba năm qua.

Nhưng Ê-phê-sô đã tàn rụi, và sự thờ phượng thần Đianh của người Ê-phê-sô khắp thế giới cũng tiêu tan. Thành phố và đền thờ không còn, và phường thợ bạc biến mất. Ngày nay Ê-phê-sô chỉ là nơi thăm viếng của các nhà khảo cổ và khách hành hương của Đất thánh. Nhưng Phúc Âm về ân sủng Đức Chúa Trời và Hội Thánh Chúa Giê-xu Christ vẫn còn đây! Chúng ta có bốn bức thư thần cảm đã được gửi đến các thánh đồ ở thành Ê-phê-sô – *Ê-phê-sô*, I và II *Ti-mô-thê*, và *Khải Thị* 2:1-7. Tên của Phao-lô được tôn trọng, nhưng tên của Đê-mê-triu bị lãng quên (nếu không vì Phao-lô, chúng ta sẽ không biết Đê-mê-triu là ai).

Hội Thánh mở mang do sức thu hút của Phúc Âm, không phải do tuyên truyền. Chúng ta chia sẻ chân lý của Đức Chúa Trời chứ không gieo rắc những tôn giáo giả dối của loài người. Động cơ của chúng ta là tình yêu, và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời chứ không phải sự thanh nộ của thần thánh hoặc mong người đời tán tụng. Đây là lý do Hội Thánh tiến triển, và chúng ta phải tuân giữ nguyên tắc ấy.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 6

Công Vụ Các Sứ Đồ 18:23–19:41

1. Cho biết các bước cần thiết để đi đến sự cứu rỗi.
2. Thấy một người tiến dần đến sự cứu rỗi ta hân hoan ra sao?
3. Trong ba năm truyền giảng tại Ê-phê-sô, Phao-lô làm việc với bốn nhóm người nào?
4. Ê-phê-sô ở đâu? Sinh sống thế nào?
5. Điểm mạnh của A-bô-lô? Điểm yếu của A-bô-lô?
6. Tại sao Phao-lô hỏi mười hai người, các bạn đã nhận được Thánh Linh chưa?
7. Cho biết bằng chứng của một phép báp-tem bằng Thánh Linh?
8. Cho biết các giai đoạn phép lạ xảy ra trong Kinh Thánh, và mục đích của phép lạ?
9. Điều gì đáng sợ nhất trong một đám đông? Có bao giờ bạn thấy được sức mạnh của một đám đông không?
10. Cảnh trở nào hoặc cám dỗ nào là to lớn nhất đối với Hội Thánh hay đối với một tín hữu ngày nay?

LỜI TẠM BIỆT

Công Vụ Các Sứ Đồ 20

Trong phần sau của sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, Bác sĩ Lu-ca ghi lại hành trình của Sứ đồ Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem, việc ông bị bắt, và chuyển đi biển đến Rô-ma. *Phúc Âm Lu-ca* cũng được sắp xếp theo cách ấy khi Lu-ca mô tả hành trình của Đấng Christ đến Giê-ru-sa-lem để chịu chết (*Lu-ca* 9:53; 13:33; 18:31; 19:11, 28). Như Chúa Giê-xu đã nhất quyết làm theo ý muốn của Cha (*Lu-ca* 9:51; *Ê-sai* 50:7), Phao-lô cũng cương quyết hoàn thành việc chạy đua của ông với sự vui mừng bằng mọi giá (*Công Vụ* 20:24).

Chương này nói về việc Sứ đồ Phao-lô từ giã các xứ Ma-xê-đoan, A-chai và A-si.

1. Hành Trình Tạm Biệt

Công Vụ Các Sứ Đồ 20:1-5

¹Khi sự rối loạn yên rồi, Phao-lô với các môn đồ đến, khuyên bảo xong, thì từ giã mà đi đến xứ Ma-xê-đoan. ²Người trái khắp trong miền này, dùng nhiều lời khuyên bảo các tín đồ; rồi tới nước Gờ-réc, ³ở đó ba tháng. Lúc gần xuống thuyền qua xứ Sy-ri, thì người Giu-đa lập kế hại người, nên người định trái qua xứ Ma-xê-đoan mà trở về. ⁴Sô-ba-tê, con Bi-ru, quê thành Bê-rê, cùng đi với người, lại có A-ri-tạc và Sê-cun-đu quê thành Tê-sa-lô-ni-ca, Gai-út quê thành Đet-bơ và Ti-mô-thê; Ti-chi-cơ và Trô-phi-m đều quê ở cõi A-si. ⁵Những người này đi trước, đợi chúng ta tại thành Trô-ách.

“Tôi không muốn thăm viếng quốc gia này lần nữa!” D.L. Moody đã nói những lời ấy vào năm 1867 khi ông thực

hiện chuyển đi biển đầu tiên đến Anh quốc. Ông say sóng suốt chuyến đi và tự hứa sẽ không bao giờ đi biển nữa, thế nhưng ông đã thăm viếng Anh quốc năm lần nữa.

Phao-lô sẵn sàng cho cuộc hành trình khác. Ông muốn thực hiện ít nhất một cuộc viếng thăm nữa đến các Hội Thánh mà Chúa đã giúp ông thành lập. Niềm vui của ông là xây dựng và chăm sóc Hội Thánh (*II Cô-rinh-tô* 11:23-28).

Sau cuộc nổi loạn, Phao-lô rời thành Ê-phê-sô đi đến xứ Ma-xê-đoan và xứ A-chai (xem *Công Vụ* 19:21). Ông mong gặp Tít tại thành Trô-ách và nhận báo cáo về những vấn đề ở thành Cô-rinh-tô, nhưng Tít không đến (*II Cô-rinh-tô* 2:12-13). Sau cùng hai người đã gặp nhau tại Ma-xê-đoan. Phao-lô vui mừng về tin tốt lành Tít đem đến (*II Cô-rinh-tô* 7:5-7). Từ đầu Phao-lô đã có chương trình thực hiện hai cuộc viếng thăm thành Cô-rinh-tô (*II Cô-rinh-tô* 1:15-16), nhưng chỉ thực hiện được một cuộc viếng thăm kéo dài ba tháng (*I Cô-rinh-tô* 16:5-6; *Công Vụ* 20:3). Ông viết thư tín *Rô-ma* trong cuộc viếng thăm đó.

Có hai mục đích khi Phao-lô thăm viếng các Hội Thánh khác nhau. Mục đích chính của ông là khích lệ và làm mạnh mẽ các thánh đồ để giữ vững đức tin và làm chứng nhân trung tín của Chúa. Mục đích thứ hai của ông là thu các món quyên góp cho các tín hữu nghèo khó ở Giê-ru-sa-lem (*Rô-ma* 15:25-27; *I Cô-rinh-tô* 16:1-9; *II Cô-rinh-tô* 8:1-9:14). Những người cùng đi với ông (*Công Vụ* 20:4) là những người đại diện của các Hội Thánh, được chọn đi với Phao-lô và giúp quản lý tiền quỹ (*II Cô-rinh-tô* 8:18-24).

Một lần nữa, Phao-lô phải thay đổi kế hoạch của ông bởi âm mưu của người Do Thái toan giết ông ngoài biển. Thay vì đi biển từ thành Cô-rinh-tô, ông đã đi đường bộ qua xứ A-chai và Ma-xê-đoan, đi biển từ thành Phi-líp đến thành Trô-ách là nơi đoàn truyền giáo của ông hẹn gặp. Tôi vốn không thích di chuyển và thay đổi kế hoạch

nên rất thán phục Phao-lô về sự can đảm, khả năng chịu đựng và khả năng thích nghi của ông. Việc du hành của chúng ta ngày nay dễ dàng hơn thời Sứ đồ Phao-lô bội phần. Thế nhưng chúng ta vẫn cứ kêu ca, còn Phao-lô thì vui vẻ ra đi, và đi hoài!

2. Buổi Lễ Tạ Biệt

Công Vụ Các Sứ Đồ 20:6-12

⁶Còn chúng ta, khi những ngày ăn bánh không men qua rồi, thì xuống thuyền tại thành Phi-líp, trong năm ngày gặp nhau tại thành Trô-ách, rồi chúng ta ở lại đó bảy ngày.

Phao lô tại thành Trô-ách

⁷Ngày thứ nhứt trong tuần lễ, chúng ta đang họp lại để bẻ bánh; Phao-lô phải đi ngày mai, nên người nói chuyện với các môn đồ, và cứ giảng luôn cho đến nửa đêm, ⁸có nhiều đèn trong phòng cao mà chúng ta đương nhóm lại. ⁹Một gã tuổi trẻ tên là Ô-tích, ngồi trên cửa sổ, ngủ gục trong khi Phao-lô giảng rất dài; và bị ngủ mê quá, nên từ tầng lầu thứ ba té xuống, lúc đỡ dậy đã thấy chết rồi. ¹⁰Nhưng, Phao-lô bước xuống, nghiêng mình trên người, ôm lấy mà nói rằng: Chớ bối rối, linh hồn còn ở trong người. ¹¹Phao-lô lại trở lên, bẻ bánh mà ăn; giảng luận lâu cho đến sáng mới đi. ¹²Còn gã tuổi trẻ người ta đem đi, thì được sống, sự ấy làm cho mọi người đều được yên ủi lắm.

Phao-lô không thể đến Giê-ru-sa-lem dự lễ Vượt Qua hằng năm, nên giờ đây ông quyết định đến đó trễ lắm là vào lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ 20:16*). Thời gian này Bác sĩ Lu-ca đã gia nhập vào nhóm người cùng đi (xem 16:17). Có thể ông đã thi hành chức vụ tại thành Phi-líp nơi ông gặp lại Phao-lô để thực hiện chặng cuối của hành trình. Phao-lô vui mừng khi có Lu-ca, Tít và Ti-mô-thê ở bên cạnh ông. Những người này đã ở lại thành Trô-ách một tuần hầu để thông công với các tín hữu ở đó.

Lu-ca tường thuật vắn tắt về một lễ thờ phượng của Hội Thánh địa phương tại thành Trô-ách, từ đó chúng ta biết thêm về cách họ họp lại và thờ phượng Chúa.

Ngày của Chúa: Trước hết, họ họp lại vào ngày đầu

tiên chứ không phải ngày thứ bảy là ngày Sa-bát (cũng xem *I Cô-rinh-tô* 16:1-2). Ngày thứ nhất được gọi là “Ngày của Chúa” vì vào ngày đó Đức Chúa Giê-xu Christ đã sống lại từ cõi chết (*Khải Thị* 1:10). Chúng ta cũng nên nhớ rằng Hội Thánh ra đời vào ngày đầu tuần khi Thánh Linh giáng lâm vào lễ Ngũ Tuần. Suốt những năm đầu tiên của Hội Thánh, các tín hữu đã duy trì một số truyền thống Do Thái, chẳng hạn như những giờ cầu nguyện (*Công Vụ* 3:1). Nhưng theo thời gian, họ bỏ các tập tục từ thời Môi-se và phát triển kiểu mẫu thờ phượng riêng theo sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh.

Dân của Chúa: Hội Thánh đã họp vào buổi tối vì Chúa Nhật không phải là một ngày nghỉ. Một số tín hữu có thể là đầy tớ, không có khả năng đến với hội chúng cho đến khi làm xong công việc. Các tín hữu đã họp trong một phòng cao vì họ không có nhà thờ để thờ phượng. Phòng này có thể ở trong nhà riêng của một trong số các tín hữu. Hội chúng có thể là một nhóm tạp chủng, nhưng những nét đặc biệt về xã hội và quốc gia đã không tạo nên sự lung củng nào vì mọi người “đều là một trong Chúa Giê-xu Christ” (*Ga-la-ti* 3:28).

Bữa ăn tối của Chúa: Hội Thánh đầu tiên đã chia sẻ một “bữa ăn” gọi là “bữa ăn thân ái” (*agape*), sau bữa ăn họ dự Bữa Ăn Tối của Chúa (*Công Vụ* 2:42; *I Cô-rinh-tô* 11:17-34). Việc “bẻ bánh” trong *Công Vụ* 20:7 chỉ về bữa ăn tối của Chúa, trong khi ở 20:11 nó mô tả một bữa ăn bình thường. Bằng cách chia sẻ và ăn uống cùng nhau, Hội Thánh đã hưởng sự thông công và cũng bày tỏ chứng cứ về sự hiệp một trong Đấng Christ. Các tội tở sẽ thật sự ăn cùng bàn với chủ mình, một điều lạ vào thời đó.

Có thể là Hội Thánh tổ chức Bữa Ăn Tối của Chúa vào mỗi Ngày của Chúa khi họ họp thông công và thờ phượng. Thật ra, một số tín hữu có thể kết thúc nhiều bữa ăn bình thường của họ ở nhà bằng cách dùng bánh với rượu và nhớ sự chết của Chúa. Mặc dù Kinh Thánh không cho chúng ta những chỉ dẫn cụ thể trong vấn đề

này nhưng chúng ta cũng nên theo gương của Hội Thánh đầu tiên tổ chức các bữa tiệc như thế để tưởng niệm Chúa. Điều cần để ý là Tiệc Thánh không được trở thành thông lệ nhằm chán, khiến cho chúng ta không nhận được phước hạnh.

Sứ điệp của Chúa: Lời Đức Chúa Trời luôn được công bố trong các hội chúng Cơ Đốc bao gồm việc đọc Kinh Thánh Cựu Ước trước mọi người (*I Ti-mô-thê* 4:13) cũng như bất cứ bức thư sứ đồ nào gửi đến (*Công Vụ* 4:16). Thật buồn khi thấy Lời Chúa bị sao lãng trong các lễ thờ phượng của Hội Thánh ngày nay. Biết rằng đây có thể sẽ là buổi họp mặt cuối cùng của mình với các thánh đồ ở thành Trô-ách, Phao-lô đã giảng một bài giảng dài, sau bài giảng ông ăn và nói chuyện với mọi người đến sáng mà chẳng ai phản nản. Ngày nay chúng ta có thật ước mong mình có ở đó để nghe Sứ đồ Phao-lô rao giảng!

Lời Đức Chúa Trời quan trọng đối với dân Đức Chúa Trời, và sự rao giảng cùng sự dạy dỗ Lời Chúa phải được xem là rất quan trọng. Hội Thánh họp lại để được Chúa soi sáng cũng như để ca ngợi. “Hãy giảng đạo!”. Theo Tiến sĩ D. Martyn LLOYD-Jones, “những giai đoạn suy thoái trong lịch sử Hội Thánh chính là những giai đoạn xuống dốc của sự rao giảng” (*Preachers and Preaching, Zondervan*, trang 24).

Quyền năng của Chúa: Do sự trễ giờ hay sự ngột ngạt của căn phòng (chắc chắn không phải do sự khô khan trong bài giảng của Phao-lô!), Ô-tích ngủ mê rồi rơi ra ngoài cửa sổ, chết cạnh tường. Tuy nhiên, Phao-lô đã khiến anh ta sống lại từ cõi chết và làm cho anh cùng Hội Thánh được yên ủi. Quyền năng của Đức Chúa Trời đã hiện diện để hành động vì dân Ngài.

Ô-tích là người trẻ tuổi và có thể cũng là một đầy tớ. Anh ta có thể đã làm việc nặng nhọc ngày đó và mệt mỏi. Chẳng ngạc nhiên gì khi anh đã ngủ mê suốt bài giảng dài! Chúng ta không nên trách cứ Ô-tích. Ít ra anh cũng đã có lòng đến dự buổi giảng, anh đã cố chống lại

cơn buồn ngủ. Anh ngồi chỗ có gió mát nên không cưỡng lại giấc ngủ được. Thì trong động từ Hy văn tỏ ra rằng anh ta từ từ bị giấc ngủ xâm chiếm.

Chúng ta cũng đừng quá nghiêm khắc đối với Phao-lô. Ông giảng bài giảng tạm biệt cho hội chúng này, và ông cần nói nhiều điều vì lợi ích cho đời sống của họ. Những người ngồi gần lễ ra phải coi chừng Ó-tích, nhưng dĩ nhiên họ đã mê mải theo dõi Phao-lô. Phao-lô đã cất ngang bài giảng của ông để vội vã xuống lầu cứu sống Ó-tích. Chúng ta nhớ đến Ê-li (*I Các Vua* 17:21-22) và Ê-li-sê (*II Các Vua* 4:34-35).

Có lẽ mỗi chúng ta nên tự hỏi: “Điều gì thật sự giữ tôi thức?” Những Cơ Đốc nhân thiu thiu ngủ suốt một giờ đồng hồ trong nhà thờ lại có thể tỉnh ngủ trong một chuyến đi câu từ sáng sớm, hay khi xem thể thao hoặc dự một buổi hòa nhạc dài, hay những chương trình truyền hình đặc biệt về khuya. Cũng vậy, chúng ta cần chuẩn bị chính mình về thể chất cho sự thờ phượng chung để bảo đảm chúng ta ở tình trạng tốt nhất. Spurgeon đã nói: “Hãy nhớ, nếu chúng ta ngủ suốt bài giảng rồi chết thì không có sứ đồ nào có thể hồi phục chúng ta!”

3. Sứ Điệp Tạm Biệt

Công Vụ Các Sứ Đồ 20:13-38

¹³Còn chúng ta, thì đi trước, chạy thuyền đến thành A-sốt, là nơi chúng ta phải gặp Phao-lô; người đã định vậy, vì muốn đi bộ. ¹⁴Chúng ta gặp người tại thành A-sốt, bèn đem người đi với, cùng đến thành Mi-ti-len. ¹⁵Rồi đi từ nơi đó, vẫn theo đường biển, ngày mai đến ngang đảo Chi-ô. Qua ngày sau, chúng ta ghé vào thành Sa-mốt, cách một ngày nữa, thì tới thành Mi-lê. ¹⁶Vì Phao-lô đã quyết định đi qua trước thành Ê-phê-sô, song không dừng lại tại đó, e cho chậm trễ trong cõi A-si. Người vội đi đặng có thể đến thành Giê-ru-sa-lem kịp ngày lễ Ngũ-tuần. Lờ Phao-lô giảng cho các mục sư ở thành Ê-phê-sô

¹⁷Bấy giờ, Phao-lô sai người ở thành Mi-lê đi tới thành Ê-phê-sô, mời các trưởng lão trong Hội Thánh đến. ¹⁸Khi các người ấy

đã họp cùng người, người nói rằng: Từ ngày tôi mới đến cõi A-si, hằng ăn ở luôn với anh em cách nào, anh em vẫn biết, ¹⁹tôi hầu việc Chúa cách khiêm nhường, phải nhiều nước mắt, và ở giữa sự thử thách mà người Giu-đa đã lập mưu hại tôi. ²⁰Anh em biết tôi chẳng trể nải rao truyền mọi điều ích lợi cho anh em, chẳng giấu điều chi hết, lại biết tôi đã dạy anh em hoặc giữa công chúng, hoặc từ nhà này sang nhà kia, ²¹giảng cho người Giu-đa như cho người Gờ-réc về sự ăn năn đối với Đức Chúa Trời, và đức tin trong Đức Chúa Giê-xu là Chúa chúng ta. ²²Kìa, nay bị Đức Thánh Linh ràng buộc, tôi đi đến thành Giê-ru-sa-lem, chẳng biết điều chi sẽ xảy đến cho tôi ở đó; ²³duy Đức Thánh Linh đã bảo trước cho tôi rằng từ thành này sang thành khác dây xích và hoạn nạn đương đợi tôi đó. ²⁴Nhưng tôi chẳng kể sự sống mình làm quý, miễn chạy cho xong việc đua tôi và chức vụ tôi đã lãnh nơi Đức Chúa Giê-xu, để mà làm chứng về Tin lành của ơn Đức Chúa Trời. ²⁵Hiện bây giờ, tôi biết rằng giữa anh em mà tôi đã ghé qua giảng về nước Đức Chúa Trời, thì chẳng có một ai sẽ thấy mặt tôi nữa. ²⁶Nên bữa nay tôi nói quyết trước mặt các anh em rằng tôi tinh sạch về huyết anh em hết thảy. ²⁷Vì tôi không trể nải một chút nào để tỏ ra cho biết hết thảy ý muốn của Đức Chúa Trời.

²⁸Anh em hãy giữ lấy mình, và luôn cả bấy mà Đức Thánh Linh đã lập anh em làm kẻ coi sóc, để chặn Hội Thánh của Đức Chúa Trời, mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình. ²⁹Còn tôi biết rằng sau khi tôi đi, sẽ có muông sói dữ tợn xen vào trong vòng anh em, chẳng tiếc bấy đâu; ³⁰lại giữa anh em cũng sẽ có những người nói lời hung ác dấy lên, ráng sức dỗ môn đồ theo họ. ³¹Vậy, hãy tỉnh thức, nhớ lại rằng trong ba năm hằng đêm và ngày, tôi hằng chảy nước mắt ra mà khuyên bảo cho mọi người luôn. ³²Bây giờ, tôi giao phó anh em cho Đức Chúa Trời và cho đạo của ơn Ngài, là giao phó cho Đấng có thể gây dựng, và ban gia tài cho anh em chung với hết thảy những người được nên thánh. ³³Tôi chẳng ham bạc, vàng, hay là áo xống của ai hết. ³⁴Chính anh em biết rằng hai bàn tay này đã làm ra sự cần dùng của tôi và của đồng bạn tôi. ³⁵Tôi từng bày bảo luôn cho anh em rằng phải chịu khó làm việc như vậy, để giúp đỡ người yếu đuối, và nhớ lại lời chính Đức Chúa Giê-xu có phán rằng: Ban cho thì có phúc hơn là nhận lãnh.

³⁶Phao-lô nói lời đó xong, bèn quì xuống và cầu nguyện với hết thảy các người ấy. ³⁷Ai nấy đều khóc lóc ôm lấy cổ Phao-lô mà hôn, ³⁸lấy làm buồn bực nhứt là vì nghe người nói rằng anh em sẽ chẳng thấy mặt mình nữa. Đoạn, đưa người xuống tàu.

Phao-lô quyết định đi bộ từ thành Trô-ách đến thành A-sốt, quãng đường khoảng hai mươi dặm. Tại sao? Trước hết, điều đó có thể giúp ông ở lâu hơn với các thánh đồ trong thành Trô-ách trong khi ông cho Lu-ca và các bạn ra đi trước (*Công Vụ* 20:13). Thuyền sẽ mất ít nhất một ngày để đi từ thành Trô-ách đến thành A-sốt, và Phao-lô có thể đã đi bộ đến đó trong mười giờ đồng hồ hoặc ngắn hơn. Lại nữa, có thể Phao-lô muốn có thời gian giao thông với Chúa về chuyến đi của ông đến Giê-ru-sa-lem. Vị sứ đồ chắc đã cảm biết những ngày khó khăn sẽ đến. Ông cũng cần thì giờ để suy gẫm sứ điệp ông sẽ trình bày cho các trưởng lão người Ê-phê-sô. Sau cùng, đi bộ để vận động chút ít chắc cũng có lợi! Cả những sứ đồ được thần cảm cũng cần chăm sóc thân thể mình. Cá nhân tôi thích đi bộ hơn đi thuyền!

Lễ Vượt Qua (*Công Vụ* 20:6) và lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ* 20:16) cách nhau năm mươi ngày và chuyến đi của Phao-lô từ thành Phi-líp đến thành Trô-ách đã mất mười hai ngày (*Công Vụ* 20:6). Mất bốn ngày nữa để đến thành Mi-lê, vì vậy Phao-lô quyết định không đi đến thành Ê-phê-sô để không mất thêm thời gian quý giá. Thay vào đó, ông đã mời các lãnh đạo Hội Thánh Ê-phê-sô đi khoảng ba mươi dặm và gặp ông tại thành Mi-lê, nơi con tàu đang chờ giờ hàng và đi tiếp. Phao-lô không để lãng phí thời gian hoặc đánh mất cơ hội.

Trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, Lu-ca tường thuật tám sứ điệp do Phao-lô trình bày cho những người khác nhau: Một hội chúng nhà hội Do Thái (13:14-43), những người ngoại (14:14-18; 17:22-34), các lãnh đạo Hội Thánh (20:17-38), một đám đông người Do Thái (22:1-21), Hội đồng Do Thái (23:1-20), và các quan chức chính quyền (24:10-21; 26:1-32). Bài nói chuyện của ông với các trưởng lão Ê-phê-sô rất đặc biệt; qua đó ta thấy Phao-lô là một mục sư hơn là người giảng Phúc Âm hoặc người bảo vệ đức tin. Sứ điệp này giúp chúng ta có một cái nhìn đại cương về cách Phao-lô đã thi hành chức vụ ở thành

Ê-phê-sô trong ba năm.

Từ “*trưởng lão*” là “*presbutos*” trong tiếng Hy Lạp (“*presbyter*”) chỉ về người trưởng thành được chọn để phục vụ trong chức vụ (*Công Vụ* 14:23). Chính những người này được gọi là “những người coi sóc” trong *Công Vụ* 20:28 là “*episkopos*” hoặc giám mục. Họ được chọn để “chăn Hội Thánh” (*Công Vụ* 20:28) nghĩa là “dẫn dắt”. Phao-lô đã gọi Hội Thánh địa phương là “bầy” (*Công Vụ* 20:28-29), vì vậy những người này cũng là mục sư (Từ “*mục sư*” nghĩa là “người chăn chiên”). Do đó trong các Hội Thánh thời Tân Ước những danh hiệu *Trưởng lão*, *Giám mục* và *Mục sư* đồng nghĩa nhau. Những phẩm chất cho chức vụ này được trình bày trong *I Ti-mô-thê* 3:1-7 và *Tít* 1:5-9.

Sứ điệp tạ biệt của Phao-lô có ba phần. Trước tiên ông ôn lại quá khứ (*Công Vụ* 20:18-21). Sau đó ông bàn luận hiện tại (*Công Vụ* 20:22-27) và cuối cùng, ông nói về tương lai (*Công Vụ* 20:28-35). Trong phần đầu, ông nhấn mạnh sự trung tín của mình đối với Chúa và với Hội Thánh khi ông thi hành chức vụ trong ba năm ở thành Ê-phê-sô. Phần đoạn thứ hai bày tỏ những cảm xúc riêng của Phao-lô xét về cả quá khứ lẫn tương lai. Trong phần thứ ba, ông cảnh cáo họ về những hiểm họa mà các Hội Thánh phải đối diện.

Điểm lại quá khứ (*Công Vụ* 20:18-21). Phao-lô không phải là người làm việc theo cách các nhà ngoại giao thăm dò đường đi từng bước. “Từ ngày đầu” ông đã dâng mình cách trọn vẹn cho công việc của Chúa ở thành Ê-phê-sô, vì Phao-lô là sứ giả của Chúa chứ không phải một nhà ngoại giao của chính trị.

Động cơ cho chức vụ của Phao-lô là “phục vụ Chúa” (*Công Vụ* 20:19). Ông không quan tâm đến việc kiếm tiền (*Công Vụ* 20:33) hoặc hưởng một đời sống dễ chịu (*Công Vụ* 20:34-35), vì ông là tôi tớ của Đức Chúa Giê-xu (*Công Vụ* 20:24; *Rô-ma* 1:1). Phao-lô cho mọi người biết rằng những động cơ cho chức vụ của ông mang tính thuộc

linh chứ không ích kỷ (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:1-13).

Chức vụ của ông là gương mẫu cho mọi người. (*Công Vụ* 20:18-19). Ông đã sống một đời sống ngay thẳng trong sáng, chẳng có gì giấu giếm. Ông đã phục vụ trong sự khiêm nhường chứ không muốn làm một “người nổi tiếng trong tôn giáo” đòi hỏi người khác phục vụ mình. Nhưng sự khiêm nhường của ông không phải là một dấu hiệu của sự yếu đuối, vì ông đã có can đảm để đối diện những thử thách và nguy hiểm mà không bỏ cuộc. Phao-lô không xấu hổ để thừa nhận với các bạn ông rằng ông cũng đã có những lúc rơi lệ (cũng xem *Công Vụ* 20:31 và *Rô-ma* 9:1-2; *II Cô-rinh-tô* 2:4; *Phi-líp* 3:18).

Sứ điệp của chức vụ Phao-lô (*Công Vụ* 20:20-21) cũng được biết rộng rãi, vì ông đã rao ra và dạy nó tại những nơi công cộng (*Công Vụ* 19:9) cũng như trong các buổi thông công của các Hội Thánh tư gia. Ông bảo tội nhân ăn năn tội lỗi họ và tin nơi Chúa Giê-xu Christ. *Sứ điệp* này là “Phúc Âm của ân sủng Đức Chúa Trời” (*Công Vụ* 20:24) và đó là sứ điệp duy nhất có thể cứu tội nhân (*I Cô-rinh-tô* 15:1-8; *Ga-la-ti* 1:6-12).

Hơn nữa, Phao-lô nhắc nhở họ rằng, trong chức vụ của ông, ông luôn luôn truyền ra bất kỳ điều gì có lợi cho họ. Ông tuyên bố với họ “mọi ý định của Đức Chúa Trời” (*Công Vụ* 20:27). *Sứ điệp* của ông là sứ điệp quân bình bao gồm những giáo lý và những bốn phận, cũng như những đặc quyền với những trách nhiệm thuộc về đời sống Cơ Đốc. Trong sự rao giảng của mình, ông đã không thỏa hiệp hoặc cực đoan, nhưng giữ mọi sự quân bình. Làm chứng cho người Do Thái lẫn người ngoại.

Lời chứng về hiện tại (*Công Vụ* 20:22-27). Nhóm từ “và giờ đây, hãy xem” cho thấy ông gác chuyện quá khứ lại để lo cho hiện tại. Ông không giấu họ sự thật rằng ông đã bị Chúa Thánh Linh buộc phải (*Công Vụ* 20:22) đến Giê-ru-sa-lem dù ông biết rằng nguy hiểm có thể đang đợi và đưa ông đến với sự chết. Đức Thánh Linh đã làm chứng cho sứ điệp của ông từ thành này đến thành

khác. Một người bình thường hơn có lẽ sẽ tìm ra một cách nào đó để tránh trách nhiệm, nhưng Phao-lô thì không. Ông đã bị thu hút bởi sự kêu gọi và sự dấn thân cho Chúa Giê-xu Christ chứ không tìm cầu sự an toàn và dễ dàng. Trong lời chứng của mình, Phao-lô sử dụng sáu bức tranh sinh động về chức vụ ông, để giải thích lý do ông không bỏ cuộc nhưng sẽ đến Giê-ru-sa-lem để chịu chết vì Chúa Giê-xu nếu cần. Phao-lô đã nói: “Không gì trong những điều này lay chuyển tôi!” vì ông biết mình là một công cụ của Chúa Giê-xu.

Phao-lô tự xem mình như một *viên quản lý* (Công Vụ 20:24) xem xét tài sản cùng nợ nần của mình và quyết định đặt Chúa Giê-xu trên hết mọi sự. Ông suy nghĩ như vậy ngay khi bước vào chức vụ và sẵn sàng đặt những điều thuộc linh làm ưu tiên số một trong đời sống ông (Phi-líp 3:1-11).

Ông cũng thấy mình như một *người chạy đua* đoạt được giải trong chiến thắng hoan hỉ (Phi-líp 3:12-14; II Ti-mô-thê 4:8). Ba nhóm từ “sự sống tôi, cuộc đua của tôi, chức vụ tôi” là chìa khóa. Phao-lô nhận ra rằng sự sống của ông là món quà của Đức Chúa Trời dành cho ông, và Đức Chúa Trời có một kế hoạch đặc biệt cho đời sống ông và kế hoạch ấy sẽ được thực hiện trong chức vụ ông. Phao-lô đã hiến mình cho một Đấng vĩ đại (“phục vụ Chúa”) và được thôi thúc bởi một mục đích vĩ đại, gây dựng Hội Thánh.

Hình ảnh thứ ba về Phao-lô là *người quản gia* được Chúa trao phó nhiệm vụ. Người quản gia không phải là sở hữu chủ các món tài vật mình cai quản, nhưng lại có mọi thứ. Mục đích duy nhất của quản gia là phục vụ chủ mình và làm đẹp lòng người. “Vả lại, cái điều người ta đòi hỏi nơi quản gia là phải trung thành” (I Cô-rinh-tô 4:2). Ngày nào đó người quản gia phải báo cáo về chức vụ mình, và Phao-lô đã sẵn sàng cho ngày ấy.

Bức tranh kế tiếp là về *sự làm chứng*, “Làm chứng về Phúc Âm của ân sủng Đức Chúa Trời” (Công Vụ 20:24 và

chú ý 20:21). Từ này có nghĩa là “long trọng đưa ra chứng cứ”, và nó nhắc chúng ta về sự nghiêm túc của sứ điệp và của chức vụ. Khi chúng ta chia sẻ Phúc Âm với người khác, đó là một vấn đề về sự sống và sự chết (*II Cô-rinh-tô* 2:15-16). Phao-lô là một chứng nhân trung thành cả trong đời sống ông đã sống (*Công Vụ* 20:18) và sứ điệp ông đã rao giảng.

Bức tranh số năm là *sứ giả* (*Công Vụ* 20:25). Từ “*rao giảng*” nghĩa là “công bố một sứ điệp với tư cách sứ giả của vua.” Chứng nhân cho biết điều đã xảy ra với mình, nhưng sứ giả nói điều vua bảo người ấy công bố. Sứ giả là người được ủy nhiệm và được sai đi với một sứ điệp, sứ giả không được thay đổi sứ điệp bất cứ cách nào. Và vì sứ giả do vua sai đi, nên dân chúng phải lắng nghe sứ điệp và phải kính trọng sứ giả.

Bức tranh cuối cùng, và có lẽ là bức tranh quan trọng nhất, là về *người canh giữ* (*Công Vụ* 20:26). Như trong *Công Vụ* 18:6 đây là “người canh giữ trên những tường thành” trong *Ê-xê-chi-ên* 3:17-21; 33:1-9. Sự kêu gọi để trở nên người canh giữ là điều rất nghiêm chỉnh! Phải tỉnh thức và cảnh giác sẵn sàng báo động nếu thấy nguy hiểm. Người canh phải trung thành, không sợ hãi, vì sinh mạng của nhiều người tùy thuộc vào mình. Phao-lô là một người canh giữ trung thành (*Công Vụ* 20:31), vì ông đã tuyên bố với tội nhân và các thánh đồ mọi ý định của Đức Chúa Trời. Tiếc thay, ngày nay chúng ta có nhiều người canh giữ bất trung chỉ nghĩ đến bản thân (*Ê-sai* 56:10-13).

Một nhóm người phục vụ đã hỏi vị tuyên úy mới của họ rằng ông có tin về một địa ngục thật dành cho tội nhân hư mất hay không, ông đã cười bảo rằng ông không tin. Những người này đáp: “Nếu không có địa ngục nào cả, chúng tôi không cần ông, và nếu có một địa ngục, ông đang dẫn họ lạc lối. Ở cả hai phương diện, chúng tôi thấy tốt hơn là không có ông!”

Lời cảnh cáo về tương lai (*Công Vụ* 20:28-35). Phao-

lô kết thúc sứ điệp tạ biệt bằng cách cảnh cáo các lãnh đạo về những nguy hiểm họ phải nhận biết và đối phó nếu họ muốn bảo vệ và dẫn dắt Hội Thánh. Đừng bao giờ đánh giá thấp tầm quan trọng lớn lao của Hội Thánh. Hội Thánh quan trọng đối với Đức Chúa Cha vì danh Ngài ở trên đó - "Hội Thánh của Đức Chúa Trời". Hội Thánh quan trọng đối với Đức Chúa Con vì Ngài đã đổ huyết vì Hội Thánh. Và Hội Thánh quan trọng đối với Đức Thánh Linh vì Ngài đang kêu gọi và trang bị người để dạy dỗ cho Hội Thánh. Làm một lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời hằng sống là một điều nghiêm túc.

Trước hết có những nguy hiểm *quanh ta*, "muông sói" muốn cướp bầy (*Công Vụ* 20:19). Phao-lô nói đến thầy giáo giả, những kẻ giả mạo lợi dụng Hội Thánh vì tư lợi (*Ma-thi-ơ* 7:15-23; 10:16; *Lu-ca* 10:3; *II Phi-e-rơ* 2:1-3). Quan trọng biết bao khi tín hữu biết Lời Đức Chúa Trời và khám phá cùng đánh bại những kẻ làm tiền đội lốt tôn giáo này.

Nhưng cũng có những nguy hiểm *giữa vòng chúng ta* (*Công Vụ* 20:30), vì có những người trong Hội Thánh ham địa vị và quyền thế. Lịch sử Hội Thánh, xưa và nay, đầy dẫy những câu chuyện về những Đi-ô-trép là kẻ ung đứng đầu (*III Giăng* 1:9-11). Tiếc thay có nhiều tiên tri giả trong gia đình Hội Thánh Cơ Đốc! Hãy đọc và để ý *I Giăng* 2:18-19.

Cũng có những nguy hiểm ở *ngay trong chúng ta* (*Công Vụ* 20:31-35) và đây dường như là điểm Phao-lô nhấn mạnh nhất. "Vì vậy, anh em hãy giữ lấy mình" (*Công Vụ* 20:28). Ông kể tên năm tội lỗi đặc biệt hủy hoại đời sống và chức vụ của các lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh.

Tội thứ nhất là *bất cẩn* (*Công Vụ* 20:31), không tỉnh thức và quên cái giá những người khác đã trả để chúng ta có thể nhận được chân lý của Đức Chúa Trời. "Hãy thức canh và ghi nhớ!" Là những lời chúng ta nên lưu ý.

Ngày nay chúng ta thật dễ quên sự khó nhọc và nước mắt của những người đã nỗ lực trước chúng ta (*Hê-bơ-rơ* 13:7). Lời cảnh cáo và sự rơi lệ của Phao-lô phải là những điều nhắc nhở chúng ta nghiêm túc nhận những trách nhiệm thuộc linh của mình.

Tội thứ hai là *sự hời hợt* (*Công Vụ* 20:32). Chúng ta không thể gây dựng Hội Thánh nếu Đức Chúa Trời không gây dựng đời sống chúng ta hằng ngày. Ở đây có một sự quân bình giữa sự cầu nguyện (“Tôi gửi gắm anh em cho Đức Chúa Trời”) và Lời Đức Chúa Trời (“đạo của ân sủng Ngài”), vì hai điều này đi đôi với nhau (*Công Vụ* 6:4; *I Sa-mu-ên* 12:23; *Giăng* 15:7). Chỉ Lời Đức Chúa Trời mới có thể soi sáng và khiến chúng ta phong phú, và lãnh đạo thuộc linh phải dành thời gian hằng ngày để suy gẫm Lời Đức Chúa Trời và cầu nguyện.

Tham lam là tội thứ ba chúng ta phải tránh (*Công Vụ* 20:33). Tham lam là ước muốn những gì người khác có và muốn nhiều hơn những gì chúng ta đã có. “Người chớ tham lam” là điều răn cuối cùng trong mười điều răn, nhưng nếu chúng ta tham lam chúng ta sẽ phạm cả chín điều răn kia! Những ai tham lam sẽ ăn cắp, nói dối, giết người để đạt điều gì mình muốn, thậm chí bất kính cha mẹ mình. Tham lam là sự thờ thần tượng, (*Ê-phê-sô* 5:5; *Cô-lô-se* 3:5). Trong những phẩm chất dành cho một trưởng lão, có lời được nhận định rõ ràng người ấy không được phạm tội tham lam (*I Ti-mô-thê* 3:3).

Phao-lô cũng đề cập *sự biếng nhác* (*Công Vụ* 20:34). Phao-lô đã kiếm sống với tư cách một thợ may trại, dù ông có thể sử dụng quyền sứ đồ của mình để yêu cầu được tiếp trợ và bởi đó có một đời sống dễ chịu hơn. Người giúp việc Cơ Đốc nhận lương thì không có gì sai trái, vì “người làm công đáng được tiền lương mình” (*Lu-ca* 10:7; *I Ti-mô-thê* 5:18). Nhưng họ phải chắc chắn rằng họ thật sự xứng đáng số lương ấy! (Hãy đọc *Châm Ngôn* 24:30-34).

Sau cùng, Phao-lô cảnh cáo về *sự tự kỷ* (*Công Vụ*

20:35). Chức vụ thật thường ban cho chứ không nhận lãnh; chức vụ thật là noi theo gương Chúa Giê-xu Christ. Tiến sĩ Earl V. Pierce thường gọi đây là “phúc lớn nhất,” bởi vì không như những phúc lành khác, nó cho chúng ta biết cách được ban phước *nhiều hơn*! Những lời này của Chúa Giê-xu không được tìm thấy ở đâu trong các sách Phúc Âm mà chỉ được truyền miệng, và Phao-lô đã ghi nhớ.

Phúc lành này không có ý cho rằng những người nhận “được ban phước ít hơn” những người cho. (Người ăn mày trong *Công Vụ* 3:1-26 được phước nhiều lắm đó!) Nó có thể được diễn giải: “Chia sẻ với người khác tốt hơn là giữ lại những gì bạn có và thu gom thêm.” Nói cách khác phước hạnh này không có được do sự tích lũy của cải mà do chia sẻ của cải. Chúa Giê-xu đã chịu nghèo khó để chúng ta có thể trở nên giàu có (*II Cô-rinh-tô* 8:9). Một trong những bài bình luận hay nhất về nhận định này là *Lu-ca* 12:16-31.

Phao-lô kết thúc sự kiện đáng nhớ này bằng cách quỳ xuống và cầu nguyện cho các bạn của ông, và sau đó tất cả đều khóc với nhau. Nói lời tạm biệt là một việc khó, đặc biệt khi bạn biết mình sẽ không gặp lại bạn hữu của mình trong đời này. Nhưng chúng ta có sự đảm bảo phước hạnh rằng, ngày kia chúng ta sẽ gặp những bạn hữu Cơ Đốc và người thân của mình trên trời, khi Chúa Giê-xu tái lâm (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 7

Công Vụ Các Sứ Đồ 20

1. Bạn thấy mối nguy nào đáng sợ nhất cho đời thuộc linh hoặc cho mục vụ của bạn?
2. Phao-lô đặt hai mục đích nào cho cuộc viếng thăm các Hội Thánh trong *Công Vụ 20*?
3. Phao-lô gặp phải những vấn đề nào?
4. Điều gì khiến Phao-lô cứ tiến hành mục vụ dù có thể phải bỏ mình?
5. Cho biết ba phần của bài diễn văn từ già tín hữu ở Trô-ách?
6. Chúng ta học được gì về Hội Thánh ở Trô-ách?
7. Làm thế nào để chúng ta có thể tỉnh táo khi đang thờ phượng?
8. Phao-lô đưa ra năm hình ảnh nào trong sự kêu gọi của ông? Bạn nghĩ thế nào về sự kêu gọi của bạn?
9. Tại sao Hội Thánh rất quan trọng đối với Đức Chúa Trời?
10. Có những mối nguy hiểm nào quanh ta, trong vòng ta, và ngay trong ta?

BỊ HIỂU LẦM

Công Vụ Các Sứ Đồ 21:1-22:29

Ralph Waldo Emerson nêu câu hỏi: “bị hiểu lầm thì khổ lắm phải không? Pythagoras đã bị hiểu lầm, Socrates, Chúa Giê-xu, Luther, Copernicus, Galileo và Newton đều bị hiểu lầm. Càng vĩ đại, càng bị hiểu lầm.”

Emerson có thể nói thêm rằng Sứ đồ Phao-lô đã bị bạn hữu cũng như kẻ thù ông hiểu lầm. Ba điều trong những hiểu lầm này và những hậu quả của chúng được ghi lại trong những chương này.

1. Các Bạn Hữu của Phao-Lô Hiểu Lầm Những Kế Hoạch của Ông

Công Vụ Các Sứ Đồ 21:1-17

¹Chúng tôi phân rẽ các người đó xong, bèn xuống tàu, đi thẳng đến thành Cốt, ngày hôm sau tới thành Rô-đơ, và từ đó đến thành Ba-ta-ra. ²Ở đó gặp một chiếc tàu, dương buồm chạy qua xứ Phê-ni-xi; chúng tôi bèn xuống đi. ³Thấy đảo Chíp-rơ, thì tránh bên hữu, cứ theo đường đến xứ Sy-ri, đậu tại thành Ty-rơ, vì tàu phải cất hàng hóa tại đó. ⁴Chúng tôi đi tìm được các môn đồ rồi, bèn ở lại với họ bảy ngày. Các môn đồ chịu Đức Thánh Linh cảm động, dặn Phao-lô chớ lên thành Giê-ru-sa-lem. ⁵Nhưng, khi kỳ tạm trú chúng tôi đã qua, thì lại đi; cả môn đồ với vợ con đều tiễn chúng tôi ra đến ngoài thành, ai nấy đều quì xuống trên bờ, cùng nhau cầu nguyện, ⁶rồi từ giã nhau. Đoạn, chúng tôi xuống tàu; môn đồ trở về nhà.

Phao-lô tại Bê-tô-lê-mai và Sê-sa-rê

⁷Còn chúng tôi đi hết đường thủy, thì ở thành Ty-rơ sang thành Bê-tô-lê-mai, chào thăm anh em và ở lại với họ một ngày.

⁸Ngày mai, chúng tôi ở nơi đó đi, đến thành Sê-sa-rê; vào nhà Phi-líp, là người giảng Tin Lành, một trong bảy thầy phó tế,

rồi ở lại đó. ⁹Người có bốn con gái đồng trinh hay nói tiên tri. ¹⁰Chúng tôi ở đó đã mấy ngày, có một người tiên tri tên là A-ga-bút ở xứ Giu-đê xuống. ¹¹Người đến thăm chúng tôi, rồi lấy dây lưng của Phao-lô trói chân tay mình, mà nói rằng: Đây là lời Đức Thánh Linh phán: Tại thành Giê-ru-sa-lem, dân Giu-đa sẽ trói người có dây lưng này như vậy, mà nộp trong tay người ngoại đạo. ¹²Khi đã nghe bấy nhiêu lời, thì các tín hữu nơi đó và chúng tôi đều xin Phao-lô đừng lên thành Giê-ru-sa-lem. ¹³Nhưng người trả lời rằng: Anh em làm chi mà khóc lóc cho nao lòng tôi? Vì phần tôi sẵn lòng chẳng những để bị trói thôi, lại cũng sẵn lòng vì danh Đức Chúa Giê-xu chịu chết tại thành Giê-ru-sa-lem nữa. ¹⁴Người chẳng khứng chịu khuyên dỗ, thì chúng tôi không ép nữa, mà nói rằng: Xin cho ý muốn của Chúa được nên!

Phao-lô tại thành Giê-ru-sa-lem

¹⁵Qua những ngày đó, chúng tôi sắm sửa, rồi lên thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁶Có mấy người môn đồ ở thành Sê-sa-rê cũng đến đó với chúng tôi, dẫn chúng tôi vào nhà tên Ma-na-sôn kia, quê ở Chíp-rơ, là một môn đồ lâu nay, và người cho chúng tôi trọ tại nhà mình. ¹⁷Chúng tôi đến thành Giê-ru-sa-lem, thì anh em vui mừng tiếp rước.

Phao-lô đã phải nhỏ lệ khi từ giã các trưởng lão Ê-phê-sô. Tuyệt vời thay tình yêu ông dành cho họ. Ông cùng nhóm người đồng hành đi thuyền từ thành Mi-lê đến thành Cốt, rồi đến thành Rô-đơ, và sau đó đến thành Ba-ta-ra, một hành trình mất ba ngày. Nhưng Phao-lô không thoả mái vì chiếc thuyền quá nhỏ cứ dừng lại ở mỗi cảng, vì vậy khi ông tìm được một chiếc thuyền đi thẳng đến xứ Phê-ni-xi, ông và các bạn ông liền lên thuyền ấy. Chuyến đi ấy khoảng 400 dặm.

Thành Ty-rơ (Công Vụ 21:3-6). Đây là sự tiếp xúc đầu tiên của Phao-lô với các tín hữu ở thành Ty-rơ, mặc dù có thể sự kiện ông bách hại các tín hữu ở Giê-ru-sa-lem đã giúp khởi đầu Hội Thánh này (11:19). Vì tín hữu tản lạc nên Hội Thánh này chắc không đông đảo gì; và rõ ràng không có nhà hội trong thị trấn. Đoàn truyền giáo ở lại một tuần với các thánh đồ trong khi thuyền của họ dỡ hàng và chất hàng mới lên.

Phao-lô đã dành một phần thì giờ của cuộc hành trình truyền giáo thứ ba của ông để nhận quà tặng dành cho những người Do Thái ở xứ Giu-đê. Đó là cách thực tiễn để người ngoại bang bày tỏ sự hiệp nhất với anh chị em Do Thái của họ, và để đền đáp lại việc họ chia sẻ Phúc Âm với người ngoại (*Rô-ma* 15:25-27). Trong Hội Thánh đã có một mối đe dọa thường trực về sự chia rẽ, vì những người Do Thái cực đoan (những giáo sư Do Thái) muốn dân ngoại sống giống như dân Do Thái và theo luật Mô-ise (*Công Vụ* 15:1). Bất cứ nơi đâu Phao-lô thi hành chức vụ, những người cực đoan này đều tìm cách ngăn trở công việc ông và lôi kéo những người qui đạo của ông. Phao-lô hy vọng rằng cuộc thăm viếng Giê-ru-sa-lem của ông với quà tặng sẽ giúp củng cố mối thông công giữa người Do Thái và người ngoại.

Giờ đây, Phao-lô bắt đầu nhận các thông tin từ các bạn của ông rằng cuộc thăm viếng của ông đến Giê-ru-sa-lem sẽ khó khăn và nguy hiểm. Dĩ nhiên, ông nghĩ đến điều này rồi vì biết các thầy giáo giả đã hoạt động ra sao (*Rô-ma* 15:30-31) nhưng thông tin này vừa mang tính cá nhân, vừa có thẩm quyền. Ở Ty-rơ, các tín hữu đều khuyên ông không nên đặt chân đến Giê-ru-sa-lem.

Sau một tuần ở thành Ty-rơ, Phao-lô và nhóm người đồng hành ra đi. Thật cảm động khi thấy cách các tín hữu yêu mến Phao-lô, dù họ chỉ mới biết ông có một tuần. Trạm dừng đầu tiên là Bê-tô-lê-mai, nơi họ đã thăm viếng các tín hữu một ngày, rồi họ đi thuyền đến thành Sê-sa-rê, trạm dừng sau cùng.

Thành Sê-sa-rê (*Công Vụ* 21:7-14). Họ ở lại với Phi-líp, một trong những chấp sự đầu tiên (6:1-6) là người cũng phục vụ và rao giảng Phúc Âm (8:5). Hai mươi năm đã trôi qua kể từ khi ông đến thành Sê-sa-rê và lập trụ sở ở đó. Vì Phi-líp là người từng cộng sự với Ê-tiên và vì Phao-lô đã dự phần trong sự chết của Ê-tiên nên cuộc gặp gỡ này chắc sẽ rất thú vị.

Trong khi Phao-lô nghỉ lại trong thành Sê-sa-rê, tiên

tri A-ga-bút đến tỏ cho ông sứ điệp cảnh cáo thứ hai của Chúa. Khoảng mười lăm năm trước đó, Phao-lô và A-ga-bút đã đồng công với nhau trong chương trình cứu trợ xứ Giu-đê (*Công Vụ* 11:27-30), nên hai người không xa lạ gì nhau. A-ga-bút rao sứ điệp mình một cách lạ lùng khi ông trói tay chân mình bằng dây lưng của Phao-lô và cho vị sứ đồ biết rằng ông sẽ bị trói trong thành Giê-ru-sa-lem như thế đó.

Giống như các thánh đồ trong thành Ty-rơ, các tín hữu ở Sê-sa-rê cũng nài xin Phao-lô đừng đi đến Giê-ru-sa-lem. Chắc chắn những người được các Hội Thánh chọn lựa chuyển quà tặng cho Gia-cơ và các trưởng lão Giê-ru-sa-lem, nên Phao-lô không cần phải đích thân đi. Nhưng Phao-lô thẳng thắn bảo rằng sẵn sàng để bị trói và chịu chết vì danh của Đức Chúa Giê-xu Christ nếu cần.

Chúng ta phải tạm dừng lại để xem xét Phao-lô đúng hay sai trong việc thực hiện chuyến đi đến Giê-ru-sa-lem. Đoán xét hành động của một vị sứ đồ thì thật bất kính. Tuy nhiên hãy nhớ rằng ông cũng là một con người như bất kỳ người nào khác. Những thư tín của ông đã được thần cảm, nhưng điều này không nhất thiết có nghĩa là mọi việc ông làm đều toàn hảo. Dù ông đúng hay sai, chúng ta đều có thể học được từ kinh nghiệm của ông.

Phía chống đối luôn luôn cảnh cáo Phao-lô đừng đặt chân lên Giê-ru-sa-lem. Về vấn đề ấy, hơn hai mươi năm trước đó, Chúa đã ra lệnh Phao-lô ra khỏi Giê-ru-sa-lem vì dân Do Thái sẽ không chấp nhận lời chứng của ông (*Công Vụ* 22:18). Phao-lô đã viết thư cho người Rô-ma về các nguy hiểm trong xứ Giu-đê (*Công Vụ* 15:30-31), và ông đã chia sẻ những cảm xúc này với các trưởng lão Ê-phê-sô (*Công Vụ* 20:22-23). Vì vậy ông đã nhận thức đầy đủ vấn đề.

Tuy nhiên những lời nói tiên tri có thể được xem như những lời cảnh cáo (“Hãy sẵn sàng!”) hơn là lời cấm đoán (“Người không được đi!”). Lời tuyên bố trong *Công Vụ* 21:4 không sử dụng, từ phủ định Hy văn “ou”, là từ có

nghĩa sự ngăn cấm tuyệt đối, nhưng dùng chữ “me” có nghĩa nhẹ nhàng hơn. (*Manual Greek Lexicon of The New Testament*, của G. Abbott – Smith trang 289). A-ga-bút đã không cấm Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem; ông chỉ cho Phao-lô biết những điều sẽ gặp nếu ông đi. Cũng như mệnh lệnh của Chúa trong *Công Vụ* 22:18 chỉ áp dụng cho lúc đặc biệt đó và không cần thiết phải được coi là một sự ngăn cấm cho suốt cuộc đời còn lại của Phao-lô. Đúng là Phao-lô đã tránh Giê-ru-sa-lem, nhưng ông cũng đã trở lại đó vào những dịp khác mang theo tài vật cứu đời (11:27-30), để dự hội nghị Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ* 15:1), và sau hành trình truyền giáo thứ hai của ông (*Công Vụ* 18:22) để “đi lên chào mừng Hội Thánh (tức Giê-ru-sa-lem).

Xét về lời tuyên bố của Phao-lô trong *Công Vụ* 23:1 và những lời khích lệ của Chúa trong *Công Vụ* 23:11 khó tin rằng vị sứ đồ này đã cố tình bất tuân ý muốn của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ. Lời tiên tri của Đức Chúa Trời với A-na-nia (*Công Vụ* 9:15) chắc chắn đã thành sự thật nhiều tháng sau đó khi Phao-lô có cơ hội làm chứng cho Đấng Christ.

Thay vì buộc Phao-lô về tội thỏa hiệp, chúng ta phải hoan nghênh ông vì sự can đảm của ông. Vì sao? Vì trong việc đến Giê-ru-sa-lem, ông có nguy cơ bị giết khi tìm cách giải quyết vấn đề cấp bách nhất trong Hội Thánh: sự chia rẽ đang nổi lên giữa những người Do Thái theo luật pháp “rất hữu khuynh” và tín hữu dân ngoại. Kể từ Công Đồng Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ* 15:1-41), sự rắc rối đã âm ỉ, và những người Do Thái theo luật pháp đã đi theo Phao-lô và tìm cách dành lấy những người qui đạo của ông. Đó là một tình cảnh nghiêm trọng và Phao-lô biết rằng ông là một phần của câu trả lời cũng như một phần của vấn đề. Nhưng ông đã không thể giải quyết được vấn đề từ xa qua những người đại diện, mà phải đích thân đi đến Giê-ru-sa-lem.

Thành Giê-ru-sa-lem (Công Vụ 21:15-17). Một nhóm

tín hữu đã rời thành Sê-sa-rê và đi với Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem, có thể là để dự lễ. Hành trình này dài sáu mươi lăm dặm mất ít nhất ba ngày đi bộ – hai ngày nếu có lừa. Thật là một sự thông công kỳ thú khi họ tương thuật điều Đức Chúa Trời đã làm trong họ và qua họ! Khích lệ biết bao cho Phao-lô khi có những người bạn ở cạnh ông khi đối diện với thách thức ở Giê-ru-sa-lem.

Thành sẽ chật ních những người dự lễ, nhưng Phao-lô và những người cùng đi đã dự tính đến ở với Ma-na-sôn, một môn đệ lâu nay sống ở Giê-ru-sa-lem và từng thăm viếng thành Sê-sa-rê. Có lẽ ông đã quy đạo nhờ sự rao giảng của Phi-e-rơ vào lễ Ngũ Tuần chăng? Hay người đồng hương của ông là Ba-na-ba đã chinh phục ông cho Đấng Christ? (*Công Vụ* 4:36). Chúng ta không được biết; nhưng chúng ta biết rằng Ma-na-sôn là một người có lòng mến khách, giúp Phao-lô vào một thời điểm chiến lược trong chức vụ sứ đồ của ông.

Ước gì Bác sĩ Lu-ca cho chúng ta biết nhiều hơn về cuộc gặp gỡ đầu tiên đó với các lãnh đạo Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem. Gia-cơ và những lãnh đạo khác đã vui mừng tiếp họ, nhưng họ đã đáp ứng ra sao trước quà tặng từ dân ngoại? Không có chỗ nào nói về vấn đề đó. Có ai nghi ngờ chăng? Một vài năm sau đó, nhà văn người Rô-ma Martal đã nói “Những món quà giống như những lưỡi câu!” và có lẽ một số trưởng lão Giê-ru-sa-lem cũng nghĩ như thế. Chắc chắn cánh luật pháp của Hội Thánh đều nghi vấn bất cứ điều gì Phao-lô nói hoặc làm.

2. Hội Thánh Giê-ru-sa-lem Hiểu Lầm

Sứ Điệp của Phao-lô

Công Vụ Các Sứ Đồ 21:18-26

¹⁸Bữa sau, Phao-lô đi với chúng ta tới nhà Gia-cơ; có hết thấy các trưởng lão họp tại đó. ¹⁹Phao-lô chào mừng các người đó rồi, bèn thuật lại từng điều mọi sự Đức Chúa Trời đã bởi chức vụ mình làm ra trong người ngoại. ²⁰Các người ấy nghe vậy thì

ngợi khen Đức Chúa Trời. Đoạn nói cùng người rằng: Anh ơi, anh thấy biết mấy vạn người Giu-đa đã tin, và hết thấy đều sốt sắng về luật pháp. ²¹Vả, chúng đã hay rằng anh dạy các người Giu-đa ở trong các dân ngoại rằng phải từ bỏ Môi-se, chớ nên làm phép cắt bì cho con mình, hay là ăn ở theo thói tục mình nữa. ²²Vậy, khá lo liệu làm sao? Chắc rằng dân chúng sẽ họp lại; vì hẳn sẽ biết rằng anh đã tới rồi. ²³Nên, hãy làm theo như chúng tôi sẽ nói cho anh: Chúng tôi đây có bốn người đều mắc lời thề; ²⁴hãy đem bốn người đó cùng đi, làm lễ tịnh sạch cho mình luôn với họ, và hãy chịu tiền họ phải trả để cạo đầu. Vậy thì ai nấy sẽ biết mọi tin đồn về anh đều chẳng thật, song rõ anh cũng ăn ở theo luật pháp vậy. ²⁵Còn người ngoại đã tin, chúng tôi có viết thư cho họ về điều chúng tôi đã định: Là chỉ phải kiêng ăn của cúng thần tượng, huyết và thú vật chết ngọt, cùng chớ gian dâm. ²⁶Phao-lô bèn đem bốn người cùng đi, vừa đến ngày sau, làm lễ tịnh sạch cùng họ, rồi vào trong đền thờ, đặt tỏ ra ngày nào kỳ tịnh sạch sẽ trọn, và dâng của lễ về mỗi người trong bọn mình.

Buổi hội họp đầu tiên là để thông công với nhau và trình bày các vấn đề cá nhân. Buổi họp thứ hai được dành cho sự báo cáo của Phao-lô về chức vụ của ông đối với dân ngoại. Giới lãnh đạo Giê-ru-sa-lem những năm trước đã đồng ý rằng Phao-lô nên thi hành chức vụ cho dân ngoại (*Ga-la-ti* 2:7-10), và các trưởng lão đã vui mừng khi nghe Phao-lô tường trình. Phao-lô trình bày đầy đủ và chính xác, không phải về điều ông đã làm, nhưng về điều Chúa đã làm qua chức vụ của ông (xem *I Cô-rinh-tô* 15:10).

Còn những người chủ luật thì chờ cơ hội phá bĩnh phía sau hiện trường. Phao-lô vừa báo cáo xong thì các trưởng lão nêu lên những tin đồn về Phao-lô giữa vòng các Cơ Đốc nhân Do Thái. Đúng như tục ngữ đã nói “tin đồn không chân nhưng đi rất nhanh!”

Kẻ thù nói gì về Phao-lô? Hầu như cùng những điều họ đã nói về Chúa Giê-xu và Ê-tiên: ông dạy dân Do Thái từ bỏ luật pháp và tục lệ ban ra bởi Môi-se và các tổ phụ. Họ không lo lắng về điều Phao-lô đã dạy dỗ các tín hữu người ngoại, vì mối liên hệ của dân ngoại với luật pháp

đã được giải quyết tại Công Đồng Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ* 15:1-41). Các trưởng lão đã cẩn thận nghe lại vấn đề (*Công Vụ* 21:25) có thể vì cơ những bạn người ngoại của Phao-lô. Những lãnh đạo đặc biệt lo sao cho sự hiện diện của Phao-lô trong thành không gây sự chia rẽ hoặc sự lộn xộn nào giữa vòng “mấy vạn người Do Thái... sốt sáng về luật pháp” (*Công Vụ* 21:20).

Tại sao rất nhiều người Do Thái đã tin nhưng vẫn bám vào luật Môi-se? Họ há không đọc thư tín *Rô-ma* và *Ga-la-ti* sao? Có thể không và dù họ có đọc, những tục lệ cũ thật khó thay đổi. Ngày nào đó Đức Chúa Trời sẽ gửi một bức thư đặc biệt cho dân Do Thái, thư tín *Hê-bơ-rơ*, để giải thích mối liên hệ giữa Giao Ước cũ và mới! Tiến sĩ Donald Grey Barnhouse thường nói: “Sách *Hê-bơ-rơ* đã được viết cho người *Hê-bơ-rơ* để bảo họ thôi làm người *Hê-bơ-rơ*!” Mãi đến khi thành và đền thờ bị phá huỷ năm 70 S.C. thì sự thờ phượng theo truyền thống của dân Do Thái mới chấm dứt.

Phao-lô cảnh cáo dân ngoại đừng tham gia vào Do Thái giáo cũ (*Ga-la-ti* 4:1-11), nhưng không bảo dân Do Thái rằng họ thực hành những tục lệ của mình là sai trật, miễn là đừng xem nghi lễ hoặc tục lệ của họ là sự thờ phượng phải lẽ (*Rô-ma* 14:1-15:7). Tín hữu được tự do giữ những ngày đặc biệt và những chế độ ăn kiêng, nhưng đừng xét đoán hay lên án nhau. Đức Chúa Trời dạy tín hữu phải tiếp nhận nhau, đừng chia rẽ và gây khó khăn cho nhau.

Thế nhưng kẻ thù của Phao-lô cứ tố cáo ông về những điều này. Phao-lô đã để Ti-mô-thê chịu cắt bì trước khi đem ông theo cuộc hành trình truyền giáo thứ hai ấy (*Công Vụ* 16:1-3). Phao-lô đã làm thủ tục thể nguyện theo kiểu Do Thái trong thành Cô-rinh-tô (*Công Vụ* 18:18). Ông luôn luôn tôn trọng tục lệ của người Do Thái và luật Môi-se, cố tránh xúc phạm người Do Thái. Tuy nhiên vẫn có những tin đồn xuyên tạc dựa trên định kiến hoặc những tin tức nửa thật nửa giả để chống lại ông.

Các lãnh đạo yêu cầu Phao-lô bày tỏ công khai sự tôn trọng đối với luật pháp Do Thái. Họ yêu cầu ông đến với bốn người mắc một lời thề nguyện Na-xi-rê (*Dân Số Ký* 6:1-27), trả tiền cho của lễ của họ, và ở cùng họ trong đền thờ trong suốt thời gian tinh sạch của họ. Ông đã đồng ý thực hiện việc ấy. Nếu đó là một vấn đề liên quan đến sự cứu rỗi cá nhân người nào, chắc rằng Phao-lô sẽ chẳng bao giờ hợp tác vì điều đó sẽ làm hại sứ điệp của ông về sự cứu rỗi bởi ân sủng, nhờ đức tin. Nhưng đây là một vấn đề về nhận thức riêng của các tín hữu Do Thái những người được ban cho sự tự do để chấp nhận hoặc từ chối những tục lệ.

Hôm sau Phao-lô đến trình diện thầy tế lễ và dự phần trong lễ tinh sạch, nhưng chính ông không thề nguyện gì. Ông và những người này phải chờ bảy ngày và sau đó dâng của lễ theo thủ tục. Thế nhưng sự nhượng bộ của Phao-lô không đem lại kết quả gì. Dân chúng vẫn cứ gây náo loạn và cuối cùng Phao-lô phải vào tù.

3. Dân Do Thái Hiểu Lầm Chức Vụ của Phao-lô

Công Vụ Các Sứ Đồ 21:27-40; 22:1-29

²⁷Khi bảy ngày gần trọn, thì các người Giu-đa, quê A-si, thấy Phao-lô trong đền thờ, bèn xui cả đoàn dân dấy loạn, rồi bắt người, ²⁸mà kêu lên rằng: Hỡi các người Y-sơ-ra-ên, hãy đến giúp với! Kia, người này giảng dạy khắp thiên hạ, nghịch cùng dân, nghịch cùng luật pháp, và nghịch cùng chốn này nữa, đến dỗ hấn dẫn người Gờ-réc vào trong đền thờ, và làm cho nơi thánh này bị ô uế. ²⁹Số là, chúng trước đã thấy Trô-phim, người Ê-phê-sô, ở với Phao-lô tại trong thành phố, nên ngờ rằng Phao-lô đã dẫn người vào đền thờ. ³⁰Cả thành đều xông vào, dân chúng chạy nhóm lại đoàn đông, bắt Phao-lô, kéo ra khỏi đền thờ, tức thì các cửa đều đóng lại.

³¹Chúng đương tìm phương giết người, thì tiếng đồn đến quan quản cơ rằng cả thành Giê-ru-sa-lem đều xông vào. ³²Người lập tức bắt quân lính và cai đội kéo đến nơi chúng. Vừa thấy quan cơ và quân lính thì chúng thôi, không đánh Phao-lô nữa.

³³Quan cơ bèn tới gần, bắt người rồi truyền lấy hai cái xích xích

lại; đoạn, hỏi người là ai, và đã làm việc gì. ³⁴Trong đoàn dân, kẻ reo lên thể này, người la lên thể khác; nhân sự rối loạn, người không biết được chắc, nên dạy điệu về đồn. ³⁵Lúc Phao-lô bước lên thêm, quân lính phải khiêng người đi, bởi cố đoàn dân hung bạo lắm. ³⁶Vì có đám dân theo sau đông mà kêu rằng: Hãy giết đi!

³⁷Lúc Phao-lô vào đồn, thì nói với quản cơ rằng: Tôi có phép nói với ông đôi điều chẳng? Quản cơ trả lời rằng: Người biết nói tiếng Gờ-réc sao? ³⁸Vậy thì người hẳn chẳng phải là người Ê-díp-tô kia, ngày trước đã gây loạn, kéo bốn ngàn kẻ cướp vào nơi đồng vắng hay sao? ³⁹Phao-lô trả lời rằng: Tôi là người Giu-đa, vốn ở thành Tạt-sơ, công dân của một thành trong xứ Si-li-si tức là thành có danh tiếng; xin hãy cho phép tôi nói với chúng dân. ⁴⁰Được phép rồi, Phao-lô đứng trên thêm, đưa tay ra dấu cho dân. Đâu đó yên lặng, người bèn nói tiếng Hê-bơ-rơ mà rằng:

22

Lời Phao-lô giảng cho người Giu-đa

¹Hỡi các anh các cha, hãy nghe điều tôi đương nói với để bình vực mình. ²Khi chúng nghe người nói tiếng Hê-bơ-rơ, thì càng chăm chỉ bội phần. Người bèn nói rằng: ³Tôi là người Giu-đa, sinh tại thành Tạt-sơ, trong xứ Si-li-si, nhưng nuôi tại đây, trong thành này, học nơi chân Ga-ma-li-ên, đúng theo trong luật pháp của tổ phụ chúng ta. Vốn tôi đầy lòng sốt sắng vì Đức Chúa Trời, cũng như các ngươi hôm nay vậy. ⁴Tôi từng bắt bớ phe này cho đến chết, bất kỳ đàn ông đàn bà, đều xiềng lại và bỏ tù: ⁵Về điều đó, thấy cả thượng phẩm cùng cả hội đồng trưởng lão đều làm chứng cho tôi; vì bởi những người đó mà tôi nhận được các thư gửi cho anh em thành Đa-mách, là nơi tôi toan đi, đặng bắt trói những người ở đó dẫn về thành Giê-ru-sa-lem để xử phạt.

⁶Vả, lúc tôi đương đi đường, gần đến thành Đa-mách, độ ban trưa, thình lình có ánh sáng lớn, từ trên trời giáng xuống, soi sáng chung quanh mình tôi. ⁷Tôi té xuống đất, và nghe có tiếng phán cùng tôi rằng: Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, làm sao ngươi bắt bớ ta? ⁸Tôi trả lời rằng: Lạy Chúa, Chúa là ai? Ngài phán: Ta là Giê-xu ở Na-xa-rét mà ngươi đương bắt bớ đây. ⁹Những kẻ đi với tôi thấy ánh sáng rõ ràng, nhưng chẳng nghe tiếng của Đấng phán cùng tôi. ¹⁰Tôi bèn thưa: Lạy Chúa, tôi phải làm chi? Chúa đáp rằng: Hãy chờ dậy, đi đến thành Đa-mách, ở đó người ta sẽ nói mọi điều đã truyền cho ngươi làm. ¹¹Bởi cố sự chói lọi của ánh sáng đó, thì tôi chẳng thấy được, nên những kẻ cùng

đi nắm tay dắt tôi đến thành Đa-mách.

¹²Tên A-na-nia kia, là người nhân đức theo luật pháp, được các người Giu-đa trú tại Đa-mách đều làm chứng tốt, có đến tìm tôi; ¹³người đứng trước mặt tôi mà nói rằng: Hỡi Sau-lơ, anh tôi, hãy sáng mắt lại. Liền một lúc, tôi được sáng mắt và xem thấy A-na-nia. ¹⁴Đoạn, người nói với tôi rằng: Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã định cho anh được biết ý muốn Chúa, được thấy Đấng Công Bình và nghe lời nói từ miệng Ngài. ¹⁵Vì anh sẽ làm chứng cho Ngài trước mặt mọi người, về những việc anh đã thấy và nghe. ¹⁶Bây giờ, anh còn trễ nải làm chi? Hãy chớ dấy, cầu khẩn danh Chúa mà chịu phép báp-tem và làm sạch tội lỗi mình đi.

¹⁷Đến lúc trở về thành Giê-ru-sa-lem, tôi đương cầu nguyện trong đền thờ, thì bị ngất trí; ¹⁸thấy Đức Chúa Giê-xu phán cùng tôi rằng: Hãy vội vàng, lập tức ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem; vì họ sẽ chẳng nhận lời người làm chứng về ta đâu. ¹⁹Tôi thưa rằng: Lạy Chúa, chính họ biết tôi từng bỏ tù những người tin Chúa và đánh đòn trong các nhà hội nữa. ²⁰Lại khi Ê-tiên là kẻ làm chứng cho Chúa bị đổ máu, tôi ở đó đành lòng và giữ áo xống những kẻ giết người. ²¹Chúa bèn phán cùng tôi rằng: Hãy đi, vì ta toan sai người đi đến cùng dân ngoại ở nơi xa.

²²Chúng chịu nghe người nói đến đó, song đến câu ấy, thì vùng kêu lên rằng: Hãy cắt người dường ấy khỏi thế gian! Nó chẳng đáng sống đâu! ²³Chúng kêu la, cởi áo, hát bụi bay lên giữa khoảng không. ²⁴Quản cơ bèn truyền điệu người vào trong đồn, dùng roi mà tra người, để biết vì cơ gì chúng kêu la nghịch cùng người. ²⁵Họ đang căng người ra để đánh đòn, thì Phao-lô nói cùng thầy đội đương đứng đó rằng: Người được phép đánh đòn một người quốc dân Rô-ma, mặc dầu người đó chưa thành án, hay sao? ²⁶Vừa nghe mấy lời đó, thầy đội đi thưa cùng quản cơ rằng: Ông toan làm chi? Vì người này là quốc dân Rô-ma. ²⁷Quản cơ đến, hỏi Phao-lô rằng: Hãy nói cho ta biết, người có phải là quốc dân Rô-ma chẳng? Người trả lời rằng: Phải. ²⁸Quản cơ lại nói: Ta đã mua được quyền lợi quốc dân đó cao giá lắm. Phao-lô nói: Còn phần tôi thì có quyền lợi đó từ lúc mới sinh ra rồi. ²⁹Tức thì, những kẻ tra khảo người đều tránh xa ra; và khi quản cơ biết người mình đã biểu trời lại đó là quốc dân Rô-ma, thì sợ hãi.

Trong đền thờ, giữa sân ngoài và sân trong, có một bức tường cao không cho phép người ngoại vượt qua (chú ý Ê-phê-sô 2:14). Trên bức tường có niêm yết hàng chữ:

“Không người ngoại quốc nào được vượt quá bức tường này. Ai trái lệnh sẽ bị xử tử.” Rô-ma đã ban cho các lãnh đạo Do Thái quyền hạn để xử lý bất cứ ai phạm luật này. Phao-lô đã vướng phải luật này một tuần sau khi ông và bốn người Na-xi-rê bắt đầu lễ tinh sạch của họ.

Một số người Do Thái từ xứ A-si đã thấy Phao-lô trong đền thờ thì vội kết luận rằng ông đã làm ô uế nơi thánh của họ bằng cách đem những người ngoại vượt qua hàng rào. Có thể những người Do Thái này đã đến từ thành Ê-phê-sô, vì họ nhận ra bạn của Phao-lô là Trô-phim vốn là người đến từ thành Ê-phê-sô. Họ phản ứng tức khắc chống lại Phao-lô với lý luận: 1. Nơi đâu Phao-lô đến, các bạn người ngoại của ông cũng đến; 2. Phao-lô ở trong đền thờ, vậy những người bạn ngoại quốc của ông cũng đã ở trong đền thờ! Đó là lô-gic về thành kiến.

Họ kéo Phao-lô và có lẽ sẽ giết ông nếu lính canh Rô-ma không can thiệp đúng lúc. (Có ít nhất 1.000 lính Rô-ma đóng quân trong pháo đài Antonia ở góc đông bắc của khu vực đền thờ). Đám đông trong đền thờ náo loạn lên, hoàn toàn không biết gì về việc đang xảy ra. Cảnh tượng này nhắc ta về cuộc nổi loạn ở thành Ê-phê-sô. Hãy so sánh câu 30 với 19:29 và câu 34 với 19:32. Cần có quân cơ (Cơ-lốt Ly-sia, 23:26), hai thầy đội và có lẽ 200 quân lính để khống chế đám đông và cứu nguy Phao-lô. Quân cơ thật sự nghĩ rằng Phao-lô là một người Ai Cập gây loạn, đã bị người Rô-ma truy nã vì kích động một cuộc nổi dậy (Công Vụ 21:38). Điều này giải thích lý do ông ra lệnh trói Phao-lô bằng hai xích (xem 21:33).

Khi Cơ-lốt dò hỏi dân chúng họ không thể giải thích điều gì gây ra cuộc nổi loạn vì họ thật sự không biết. Những kẻ gây rối từ đầu chắc đã chạy thoát trong lúc có cuộc kích động lớn, biết rằng họ thật sự không thể chứng minh cho những lời buộc tội. Vì đám quần chúng không thể trưng được bằng chứng rõ ràng nên Cơ-lốt quyết định thẩm vấn Phao-lô; vì vậy quân lính của ông đã đem Phao-lô từ Tòa án của dân ngoại vào đồn lính. Khi Phao-

lô được đem đi, đám đông giận dữ la hét “hãy khử hẩn đi!” Cảnh này nhắc chúng ta nhớ đến sự kiện Chúa chúng ta bị bắt và xét xử (*Lu-ca* 23:18,21; *Giăng* 19:15).

Tại thời điểm này, Phao-lô quyết định đã đến lúc phải lên tiếng. Vị quản cơ kinh ngạc khi tù nhân nguy hiểm của ông có thể nói tiếng Hy Lạp. Khi Phao-lô xin phép được nói với dân Do Thái, Cơ-lốt hy vọng rằng mình sẽ có thêm thông tin (xem *Công Vụ* 23:23-30). Phao-lô nói với dân Do Thái bằng tiếng A-ram bốn xứ của họ, và điều này giúp họ bình tĩnh lại. Ông không thể nói hết lời nhưng cũng đã giải thích được ba phương diện quan trọng của đời sống và chức vụ ông.

Hạnh kiểm ban đầu của Phao-lô (Công Vụ 21:3-5). Phao-lô từng là một ra-bi chủ đạo trong thời ông (*Ga-la-ti* 1:13-14), vì vậy chắc chắn ông được một số người trong đám đông biết đến. Hãy chú ý cách Phao-lô trình bày lý lịch của mình: ông là một người Do Thái, bốn dân thành Tạt-sơ được nuôi dưỡng trong thành Giê-ru-sa-lem, được Ga-ma-li-ên dạy dỗ, sống theo luật pháp, sốt sắng bách hại Hội Thánh, và là một nghị viên của Tòa Công Luận. Làm sao đồng bào ông lại không thể tôn trọng lắng nghe một người có lý lịch như thế cho được!

Thay vì tố cáo dân chúng về việc tham gia vào cuộc nổi loạn, ông khen ngợi họ đã “sốt sắng vì Đức Chúa Trời” (ông đã sử dụng phương pháp này với dân A-thên *Công Vụ* 17:22). Ông thừa nhận mình cũng đã phạm tội bất giữ, trối và thậm chí giết người.

Sự qui đạo kỳ diệu của Phao-lô (Công Vụ 21:6-16). Lu-ca đã ghi lại kinh nghiệm qui đạo của Phao-lô trong chương 9. Phao-lô nhắc lại câu chuyện này cho Phê-lít và Ạc-ríp-ba (*Công Vụ* 26:1-32). Thật khó hình dung một đám đông như vậy có thể yên lặng lắng nghe một lời chứng như thế. Tuy nhiên, người dân thời đó mong mỏi những điều huyền diệu xảy ra và hẳn đã bị mê hoặc bởi câu chuyện của Phao-lô (xem *Công Vụ* 23:9). Phao-lô cũng đang là hội viên chính thức của Tòa Công Luận khi

những sự kiện này xảy ra, nên ông cũng có chút thẩm quyền nào đó.

Trong lời chứng của mình, Phao-lô khẳng định rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét vẫn sống. Phao-lô đã thấy sự vinh hiển của Ngài và nghe tiếng Ngài. Dân chúng trong sân đền thờ đều nghĩ rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét là một người mạo danh đã bị đóng đinh trên thập tự và thân thể Ngài đã bị đánh cắp khỏi phần mộ bởi những môn đệ của Ngài để rồi phao tin đồn là Chúa Giê-xu đã được khiến sống lại từ cõi chết. Dĩ nhiên, chính Phao-lô cũng tin như thế trong thời gian ông bách hại Hội Thánh.

Những người đi với Phao-lô thấy ánh sáng chói lói, nhưng không bị mù như ông, và họ đã nghe một có tiếng nói, nhưng không hiểu được (9:7). Hãy hình dung sự kinh ngạc của Phao-lô khi khám phá rằng Chúa Giê-xu vẫn sống! Lập tức, ông thay đổi toàn bộ cách suy nghĩ của mình và để Chúa phục sinh nắm quyền điều khiển.

Hãy để ý sự khôn ngoan của Phao-lô khi ông hòa theo A-na-nia, một người Do Thái mộ đạo giữ luật pháp và là người đã gọi ông là “anh.” Cũng hãy để ý rằng A-na-nia đã quy kinh nghiệm tuyệt vời của Phao-lô cho “Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta.” Khi trích dẫn lời A-na-nia, Phao-lô đưa ra lý do để những người lắng nghe ông chấp nhận kinh nghiệm cứu rỗi của ông và sự kêu gọi phục vụ của ông. Phao-lô đã thấy “Đấng Công Bình”, đó là một danh hiệu dành cho Đấng Mết-si-a (xem 3:14 và 7:52). giờ đây Phao-lô đã được Đức Chúa Trời ủy nhiệm để đem sứ điệp Ngài cho “mọi người” nghĩa là cả dân ngoại, nhưng Phao-lô không nói ra cho đến mãi về sau.

Công Vụ 21:16 trong Bản dịch *King James* dường như có ý cho rằng phép báp-tem cần để rửa sạch tội lỗi chúng ta, nhưng ở đây lại có ý nghĩa khác. Trong Bản dịch Tân Ước mở rộng, học giả Hy Lạp Kenneth Wuest diễn tả, “Hãy chờ dậy, chịu phép báp-tem và làm sạch tội lỗi mình đi, sau khi đã cầu khẩn danh Chúa.” Chúng ta được

cứu bởi cầu khẩn Chúa bằng đức tin (*Công Vụ 2:21; 9:14*), và chúng ta bày tỏ chứng cứ về đức tin bằng cách chịu báp-tem. Theo 9:17 Phao-lô đã đầy đầy Thánh Linh *trước khi* ông chịu báp-tem, và điều này cho thấy rằng ông đã được tái sinh. Chính sự “cầu khẩn” chứ không phải việc báp-tem, đem lại sự thanh tẩy.

Chắc chắn nhiều người trong số thánh giả của Phao-lô đã biết về “giáo phái Cơ Đốc” đã nổi lên, những phép báp-tem đã xảy ra, việc ném đá Ê-tiên, và những phép lạ mà “những người của đạo” này đã thực hiện.

Sự kêu gọi đặc biệt của Phao-lô (Công Vụ 21:17-21). Sau khi qui đạo Phao-lô thi hành chức vụ trong thành Đa-mách và sau đó đến xứ A-ra-bi, có lẽ để giảng Phúc Âm và để suy gẫm Lời Đức Chúa Trời (9:19-25; *Ga-la-ti 1:16-17*). Khi Phao-lô trở về Giê-ru-sa-lem các lãnh đạo Hội Thánh không tiếp nhận ông cho đến khi Ba-na-ba can thiệp (9:26-29). Hãy chú ý cách Phao-lô nhấn mạnh lại những đặc trưng Do Thái trong kinh nghiệm của ông, vì dân Do Thái rất để ý khi thấy có người cầu nguyện trong đền thờ và có khả năng của Đức Chúa Trời.

Chúa bảo Phao-lô nhanh chóng rời Giê-ru-sa-lem, vì dân chúng sẽ không chấp nhận lời làm chứng của ông. Vâng theo mệnh lệnh này, Phao-lô đã thoát hiểm, vì dân Do Thái Hê-lê-nít đã lập mưu giết ông (9:29-30). Nhưng lúc đầu, Phao-lô đã tranh luận với Chúa! Ông muốn tỏ cho dân Do Thái rằng ông là một con người mới và cho họ biết Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a, và Ngài vẫn sống! Phao-lô từng gây khốn khó cho bao người, từng giết Ê-tiên, nhưng nay đã chinh phục được nhiều linh hồn cho Chúa nên không còn mặc cảm nữa.

Mệnh lệnh của Chúa là: “Hãy đi, vì ta sẽ sai người đến cùng dân ngoại ở xa!” (*Công Vụ 21:21*) Phao-lô định giải thích lý do ông có liên quan với dân ngoại, nhưng dân Do Thái trong sân đền thờ không cho ông nói tiếp. Người Do Thái mộ đạo theo truyền thống không được phép liên hệ với dân ngoại! Nếu Phao-lô không thốt ra ý

đó, ông có thể được tha và có thể ông đã biết điều đó. Tuy nhiên, ông phải trung tín trong sự làm chứng của mình, dù phải trả giá nào. Phao-lô thà chịu tù tội hơn là từ bỏ trách nhiệm, từ bỏ sứ mệnh, từ bỏ những linh hồn hư mất. Ngày nay chúng ta có thể dùng nhiều tín hữu giống như vậy.

Khi Cơ-lốt thấy rằng cuộc nổi loạn tái diễn, ông đem Phao-lô vào đồn để "lấy cung bằng cách tra tấn." Vị sứ đồ bảo rằng ông sinh ra ở Tạt-sơ, nhưng ông không cho họ biết rằng ông có quốc tịch Rô-ma. Đánh một công dân Rô-ma là bất hợp pháp. Chúng ta không biết người ta chứng minh quyền công dân của họ trong thời ấy ra sao. Có lẽ vào thế kỷ thứ nhất họ có giấy tờ tương đương với thẻ căn cước ngày nay.

Cơ-lốt sừng sốt khi người Do Thái bé nhỏ gây rối này đã nói tiếng A-ram và tiếng Hy Lạp lại là một công dân Rô-ma. Cơ-lốt khoe khoang "Ta đã mua được quyền lợi này với giá cao lắm", và rằng ông đã có được quyền của mình bằng cách hối lộ các quan chức Rô-ma. Đúng theo luật thì không thể dùng tiền để mua quốc tịch. Nhưng Phao-lô hơn hẳn viên quản cơ Rô-ma, vì ông có quốc tịch Rô-ma do cha ông truyền lại chứ không phải nhập tịch về sau. Làm sao cha của Phao-lô có được quyền lợi này, chúng ta không biết. Chúng ta biết rằng Phao-lô đã biết cách lợi dụng quốc tịch Rô-ma của ông vì sự nghiệp của Đấng Christ.

Quân lính đã phạm hai lỗi lầm, và họ đã nhanh chóng sửa chữa: họ đã trói Phao-lô và định đánh đòn ông. Chắc hẳn Cơ-lốt và các thuộc hạ ông giờ đây đặc biệt tử tế với Phao-lô khi họ biết ông là công dân Rô-ma. Đức Chúa Trời đã sử dụng thế lực lớn của Rô-ma để bảo vệ tôi tớ Ngài và cuối cùng đưa ông đến Rô-ma.

Thời gian Phao-lô ở Giê-ru-sa-lem đầy dẫy những hiểu lầm nghiêm trọng, nhưng ông vẫn tiến tới. Vào những lúc khó khăn nhất của Phao-lô các bạn ông đã phải ngao ngán thốt lên: "Chúng tôi biết mà, không làm gì được

đâu. Thế nhưng ông ấy vẫn cứ đâm đầu tới!" Nhưng khi tướng Phao-lô đã cùng đường thì Đức Chúa Trời lại có chương trình khác cho ông. Nếu không vào tù thì làm sao ông làm chứng được cho những người ông chưa từng gặp gỡ. Sứ điệp Đức Chúa Trời phải đến La Mã, việc ông bị bắt bớ tại La Mã là giá ông phải trả.

Khi con cái Đức Chúa Trời biết vâng lời và dám chịu khổ cho danh Chúa thì sẽ có những thành quả diệu kỳ xảy ra.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 8

Công Vụ Các Sứ Đồ 21:1–22:29

1. Cho biết sự hiểu lầm trong *Công Vụ* 21.
2. Sứ đồ Phao-lô phản ứng ra sao đối với sự hiểu lầm này? Qua đó bạn có nhận xét gì về đức tính của ông?
3. Kết quả sau cùng là gì?
4. Sự liều lĩnh của Phao-lô được hiểu như thế nào?
5. Điều gì liên tục đe dọa sự hiệp nhất của Hội Thánh?
6. Các món quà yêu thương Phao-lô thu góp được có hàn gắn được sự rạn nứt của Hội Thánh không?
7. Bạn cho rằng Phao-lô đi Giê-ru-sa-lem lần cuối này là đúng hay sai? Tại sao?
8. Kẻ thù của Phao-lô cho ông là người thế nào?
9. Tại sao có nhiều người Do Thái đã tin Chúa, các Cơ Đốc nhân mới vẫn bám lấy luật pháp cũ?
10. Đức Chúa Trời sử dụng quyền công dân La Mã của Phao-lô như thế nào trong vụ Phao-lô bị bắt giam?

TÙ NHÂN PHAO-LÔ

Công Vụ Các Sứ Đồ 22:30-23:35

Có lần tôi được yêu cầu làm nhân chứng trong một vụ xử về quyền giám hộ trẻ con mà người giám hộ đang bị tù. Đây là một kinh nghiệm mới đối với tôi, và tôi hoàn toàn chưa được chuẩn bị cho câu hỏi đầu tiên của tòa hỏi tôi: “Thưa mục sư, ông có nghĩ rằng một người đàn ông từng là tù nhân có đáng được trao cho quyền giám hộ một đứa trẻ không?”

Tôi mạnh dạn đáp: “Điều đó tùy thuộc vào người ấy. Một số người vĩ đại nhất trong lịch sử từng là những tù nhân – Giăng Báp-tít, Giăng Bunyan, và cả Sứ đồ Phao-lô.”

Quan tòa cộc lốc nói: “Hãy đơn giản trả lời có hay không!” Thế là bài giảng của tôi chấm dứt.

“Tên tù Phao-lô” (*Công Vụ 22:18*) là danh mà quân lính Rô-ma gọi vị sứ đồ, một danh mà chính ông đã thường sử dụng (*Ê-phê-sô 3:1; 4:1; II Ti-mô-thê 1:8; Phi-lê-môn 1:9*). Phao-lô bị xích với một lính Rô-ma là người chịu trách nhiệm về ông. Công khám là một nơi khủng khiếp đối với bất cứ người nào phải chịu (*Công Vụ 16:19-24*).

Các bạn của Phao-lô có thể thăm viếng và giúp đỡ ông vài điều cần thiết. Đáng buồn là chúng ta không thấy ai nhắc đến câu “Hội Thánh cứ cầu nguyện cho người luôn” (xem 12:5). Không thấy Hội Thánh Giê-ru-sa-lem giúp đỡ gì cho ông trong lúc ở Giê-ru-sa-lem hay suốt hai năm ở thành Sê-sa-rê.

Đây là một chương lý thú, và trong đó chúng ta thấy ba lần khó khăn nhất của Phao-lô.

1. Phao-lô và Hội Đồng Do Thái

Công Vụ Các Sứ Đồ 22:30-23:10

³⁰Hôm sau, quần cơ muốn biết cho đúng vì cơ nào Phao-lô bị người Giu-đa cáo, bèn sai mở trói, truyền cho các thầy tế lễ cả và cả tòa công luận họp lại, rồi dẫn Phao-lô ra, bắt đứng trước mặt họ.

23

¹Phao-lô mắt chăm chỉ trên tòa công luận, nói rằng: Hỡi các anh em, trước mặt Đức Chúa Trời, tôi đã ăn ở trọn lương tâm tử tế cho đến ngày nay. ²Nhưng thầy tế lễ thượng phẩm là Anna-nia biểu mấy kẻ đứng gần Phao-lô và miệng người. ³Phao-lô bèn nói cùng người rằng: Hỡi bức tường tô trắng kia, Đức Chúa Trời sẽ đánh ông; ông ngồi để xử đoán tôi theo luật pháp, mà lại không kể luật pháp, biểu người đánh tôi! ⁴Những kẻ đứng đó nói rằng: Người nhiec móc thầy cả thượng phẩm của Đức Chúa Trời sao! ⁵Phao-lô trả lời rằng: Hỡi anh em, tôi chẳng biết là thầy cả thượng phẩm; vì có chép rằng: Chớ si nhục người cai trị dân mình.

⁶Phao-lô biết trong bọn họ phần thì người Sa-đu-sê, phần thì người Pha-ri-si, bèn kêu lên trước tòa công luận rằng: Hỡi anh em tôi là người Pha-ri-si, con của dòng Pha-ri-si. Ấy là vì sự trông cậy của chúng ta và sự sống lại của những kẻ chết mà tôi phải chịu xử đoán. ⁷Người vừa nói xong như vậy, thì sự cãi lầy nổi lên giữa người Pha-ri-si với người Sa-đu-sê, và hội đồng chia phe ra. ⁸Vì chúng người Sa-đu-sê quyết rằng không có sự sống lại, cũng không có thiên sứ, thần chi hết, còn người Pha-ri-si lại nhận cả hai điều tin ấy. ⁹Tiếng kêu la lớn liền dậy lên. Có mấy thầy thông giáo về dòng Pha-ri-si đứng dậy cãi lầy cùng kẻ khác rằng: Chúng ta chẳng thấy trong người này có điều ác gì. Nào ai biết chẳng phải thần hoặc thiên sứ đã nói cùng người? ¹⁰Vì sự rối loạn càng thêm, quần cơ e Phao-lô bị chúng phân thầy chẳng, nên truyền quân kéo xuống, đặt cớ người ra khỏi giữa đám họ và đem về trong đồn.

Biết được Phao-lô là một công dân Rô-ma, quần cơ Rô-ma thấy có hai vấn đề nghiêm trọng để giải quyết. Thứ nhất, ông cần cho tù nhân biết bị buộc vào tội gì, vì đó là quyền lợi của Phao-lô với tư cách một công dân Rô-ma. Thứ hai, ông cũng cần có một số lời buộc tội chính thức

để làm thủ tục giấy tờ và báo với cấp trên của ông. Ông chắc rằng Phao-lô đã làm điều gì đó tai tiếng, nếu không thì tại sao quá nhiều người muốn giết ông? Nhưng không ai nói rõ được tội của Phao-lô là gì. Thật là một cảnh ngộ khó xử cho một quan chức Rô-ma!

Điều hợp lý là để cho chính đồng bào của Phao-lô xét xử ông, vì vậy vị quan cơ chuẩn bị một cuộc họp đặc biệt của hội đồng Do Thái (Tòa Công Luận). Nhóm người này gồm 70 (hoặc 71) là những giáo sư hàng đầu của Do Thái với thầy tế lễ cả chủ trì. Trách nhiệm của họ là giải thích và áp dụng Thánh Luật Do Thái vào công việc quốc gia, và xét xử những ai vi phạm luật pháp đó. Luật Rô-ma cho phép hội đồng dùng đến án tử hình, nếu xét thấy đáng tội.

Quan cơ và lính canh của ông (*Công Vụ* 22:10) đã đem Phao-lô vào trong phòng hội đồng rồi theo dõi vụ kiện. Biết những người Do Thái trong đền thờ sẽ đối xử ra sao với Phao-lô, Cơ-lốt phải ở lại đó canh giữ để tù nhân của ông không bị đem đi giết. Không người lính Rô-ma nào dám làm mất một tù nhân, nếu thế, chính mình sẽ bị tội. Để mất một tù nhân mà lời buộc tội rất vu vơ cũng là một rắc rối to cho các quan chức có trách nhiệm.

Khi Phao-lô đối diện với hội đồng, ông quan sát cẩn thận trước khi lên tiếng cho hội đồng biết rằng ông là dân Do Thái để gây sự chú ý nơi đồng bào của ông.

Phao-lô khẳng định rằng ông là một người Do Thái lương thiện không phạm luật pháp. Lương tâm ông hoàn toàn trong sáng dù dân Do Thái lên án ông.

“Lương tâm” là một trong những từ ưa chuộng của Phao-lô, ông đã sử dụng nó hai lần trong *Công Vụ* (23:1; 24:16) và 21 lần trong các bức thư của ông. Lương tâm là “vị quan tòa” hoặc “nhân chứng” trong nội tâm của mỗi người, nó vui vẻ khi chúng ta làm đúng và dày vò khi chúng ta làm sai (*Rô-ma* 2:15. Lương tâm không đặt ra tiêu chuẩn, nó chỉ ứng dụng tiêu chuẩn. Lương tâm của một kẻ cắp sẽ bứt rứt nếu hấn tiết lộ sự thật về đồng bạn

của hắn, còn lương tâm của một Cơ Đốc nhân sẽ lên án chính mình nếu mình nói dối về các bạn của mình. Lương tâm không tạo nên những tiêu chuẩn. Nó chỉ áp dụng những tiêu chuẩn của con người, dù người ấy tốt hay xấu, đúng hay sai.

Lương tâm có thể được ví sánh với một cửa sổ để ánh sáng lọt vào. Cửa sổ càng sạch sẽ, ánh sáng chiếu vào càng nhiều. Khi cửa sổ bị dơ bẩn, ánh sáng mờ đi, và cuối cùng tắt hẳn. Một lương tâm tốt, hay lương tâm thanh sạch (*I Ti-mô-thê* 3:9), là lương tâm tiếp nhận sự sáng của Đức Chúa Trời hầu cho chúng ta bị lên án đích đáng nếu chúng ta làm sai và được khích lệ nếu chúng ta làm đúng. Một lương tâm ô uế (*I Cô-rinh-tô* 8:7) là lương tâm đã bị tội lỗi làm hư hỏng đến nỗi không còn tin cậy được nữa. Nếu một người tiếp tục phạm tội trái với lương tâm mình, cuối cùng người ấy sẽ hủy hoại lương tâm (*Hê-bơ-rơ* 10:22) lương tâm thành ra chai lì (*I Ti-mô-thê* 4:2). Đến một lúc, người ấy sẽ cảm thấy kỳ lạ khi làm điều *phải* hơn là khi làm điều *quấy*.

Phao-lô bách hại Hội Thánh, ngay cả những người vô tội chết, làm sao ông có thể yên ổn với lương tâm được? Ông đã sống đúng với sự sáng ông có, và đó là tất cả những gì một lương tâm tốt đòi hỏi. Sau khi ông trở thành Cơ Đốc nhân và ánh sáng rực rỡ của vinh hiển Đức Chúa Trời đã chiếu vào lòng ông (*II Cô-rinh-tô* 4:6), thì ông nhìn mọi sự việc khác đi và nhận ra rằng ông là “đầu những tội nhân” (*I Ti-mô-thê* 1:15).

Thầy tế lễ cả A-na-nia (đừng nhầm với An-ne trong *Công Vụ* 4:6) đã quá căm giận vì Phao-lô nói rằng ông “đã sống theo lương tâm tốt” bèn ra lệnh cho những nghị viên hội đồng Do Thái ở gần nhất và miệng Phao-lô (Chúa Giê-xu đã bị đối xử cách tương tự – *Giăng* 18:22). Dĩ nhiên, điều này bất hợp pháp và vô nhân đạo; Phao-lô không phạm tội gì. Người ta chờ đợi thầy tế lễ cả bày tỏ sự trung thực và công bằng, nếu không phải là sự thương xót và quan tâm (*Lê-vi Ký* 19:15; *Hê-bơ-rơ* 5:2).

Phao-lô đáp lại bằng một thái độ giận dữ. Ông giận dữ là đúng dù có người cho rằng không nên giận dữ. Khi được yêu cầu giải thích điều ông đã nói, Phao-lô không xin lỗi. Ông tôn trọng *chức vụ* nhưng không tôn trọng *cá nhân*. A-na-nia thật sự là một trong những người đỗi bại nhất từng được cử làm thầy tế lễ cả. Ông đã ăn cắp phần mười từ các thầy tế lễ khác và tìm đủ cách để tăng cường quyền hạn mình. Ông là một kẻ tàn bạo chỉ nghĩ đến các đặc ân của Rô-ma ban cho hơn là phúc lợi của Y-sơ-ra-ên.

Khi gọi thầy tế lễ cả là một “bức tường tô trắng, Phao-lô có ý bảo thầy tế lễ này là một kẻ giả hình (*Ma-thi-ơ* 23:27 xem *Ê-xê-chi-ên* 13:10-12). Phao-lô đã nói tiên tri, vì sau đó, thầy tế lễ ấy bị Đức Chúa Trời trừng phạt. Khi dân Do Thái nổi dậy chống lại Rô-ma năm 66, A-na-nia phải chạy trốn để thoát thân vì tội đứng về phe Rô-ma. Du kích quân Do Thái thấy ông ẩn núp trong ống nước ở cung điện Hê-rốt, và họ giết ông. Đó là một cái chết nhục nhã dành cho một kẻ đáng khinh.

Lời đáp của Phao-lô trong *Công Vụ* 23:5 đã được giải thích khác nhau. Có người hiểu rằng Phao-lô không biết thầy tế lễ cả là ai. Hoặc có lẽ Phao-lô chưa xót vì một vấn đề thiêng liêng nên thốt ra: “Một người như thế có thể là thầy tế lễ cả sao?” Vì đây là một cuộc họp không chính thức của hội đồng, nên có lẽ thầy tế lễ cả không bận lễ phục và ngồi vào ghế dành riêng cho mình. Có lẽ Phao-lô không giao tiếp với các giới Do Thái giáo nhiều năm nên không biết nhiều người trong hội đồng.

Lời trích dẫn *Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:28 cho thấy rằng Phao-lô có thể không biết chính thầy tế lễ cả là người ra lệnh đánh ông. Một lần nữa, hãy chú ý rằng Phao-lô đã bày tỏ sự tôn trọng đối với chức vụ, nhưng không phải đối với cá nhân người giữ chức vụ.

Thấy cách xử trí của mình không hiệu quả, Phao-lô quay qua vấn đề giáo lý. Ông tuyên bố rằng vấn đề chính yếu của ông là niềm tin nơi giáo lý về sự Phục Sinh, một

giáo lý mà người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê bất đồng dữ dội. Phao-lô biết rằng bằng cách bảo vệ giáo lý quan trọng này, ông sẽ chia rẽ hội đồng và khiến những thành viên tranh cãi nhau. Kết quả đúng như vậy. Sự phản ứng quá kịch liệt đến nỗi Cơ-lốt và thuộc hạ ông phải xuống chỗ phòng họp hội đồng cứu tù nhân của họ lần thứ hai!

Phao-lô chơi trò chính trị chẳng? Không. Sau cuộc xung đột đáng tiếc của ông với thầy tế lễ cả, Phao-lô nhận ra rằng ông không bao giờ có thể được xét xử công bằng trước Tòa Công Luận. Nếu cuộc xét xử tiếp tục, ông có thể bị kết án và bị ném đá như một kẻ lộng ngôn. Nếu có cơ hội người Do Thái sẽ thêm vào sự vu khống và như thế tình hình càng rối rắm thêm. Vậy tốt nhất là chấm dứt phiên xử càng sớm càng tốt và sử dụng quân Rô-ma bảo vệ ông khỏi dân Do Thái.

Phao-lô đã tuyệt đối đúng khi ông nói rằng vấn đề chính yếu là sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ (xem 24:21; 26:6-8; 28:20). Hễ có cơ hội là Phao-lô công bố Phúc Âm của “Chúa Giê-xu Christ và sự Phục Sinh” giống như ông đã công bố trước các hội chúng Do Thái ở nhiều vùng của đế quốc. Lời chứng trong *Công Vụ* tập trung vào sự phục sinh (xem 1:22; 2:32; 3:15).

Chúa Giê-xu đã chịu xét xử trước Tòa Công Luận, các sứ đồ của Ngài cũng vậy, và giờ đây Phao-lô cũng đã làm chứng cho họ. Hội đồng đã có những dịp tiện lớn, nhưng họ không chịu tin!

2. Phao-lô và Chúa Giê-xu

Công Vụ Các Sứ Đồ 23:11

¹¹Qua đêm sau, Chúa hiện đến cùng người mà phán rằng: Hãy giục lòng mạnh mẽ, người đã làm chứng cho ta tại thành Giê-ru-sa-lem thế nào, thì cũng phải làm chứng cho ta tại thành Rô-ma thế ấy.

Vài năm sau sự qui đạo của Phao-lô, khi mạng sống

Phao-lô gặp nguy hiểm trong thành Giê-ru-sa-lem, Chúa Giê-xu hiện ra cho ông trong đền thờ và bảo ông điều phải làm (*Công Vụ* 22:17-21). Khi Phao-lô nản lòng trong thành Cô-rinh-tô và định đi nơi khác, Chúa Giê-xu đã hiện ra cho ông và khích lệ ông ở lại (*Công Vụ* 18:9-10). Giờ đây, khi Phao-lô nản lòng trong chức vụ, Chúa Giê-xu hiện ra lần nữa để khích lệ và chỉ bảo ông. Phao-lô can đảm trong cơn bão (*Công Vụ* 27:22-25) và trong cuộc xét xử ông tại Rô-ma (*II Ti-mô-thê* 4:16-17). “Và này, ta thường ở cùng các ngươi luôn” là một bảo đảm tuyệt vời cho mọi hoàn cảnh (*Ma-thi-ơ* 28:20).

Sứ điệp của Chúa cho Phao-lô là sứ điệp về *sự can đảm*. Chúa thường căn dặn: “Hãy vững lòng!” Chúa Giê-xu thường phán những lời này suốt chức vụ Ngài trên đất. Ngài phán những lời ấy với người bại (*Ma-thi-ơ* 9:2) và với người đàn bà bị bệnh mất huyết (*Ma-thi-ơ* 9:22). Ngài đã phán lớn những lời ấy với các môn đệ trong cơn bão (*Ma-thi-ơ* 14:27) trong Phòng Cao (*Giăng* 16:33). Là dân Đức Chúa Trời, chúng ta luôn can đảm trong những lúc khó khăn vì Chúa ở cùng chúng ta và hiểu rõ chúng ta.

Đó cũng là một sứ điệp về *sự khen ngợi*. Chúa không quở trách Phao-lô vì đến Giê-ru-sa-lem nhưng khen ngợi ông về sự làm chứng dù việc ấy không được người ta chấp nhận. Khi đọc câu chuyện về những ngày Phao-lô ở Giê-ru-sa-lem, bạn có cảm giác mọi điều Phao-lô làm đều thất bại thảm hại. Cố gắng của ông để thuyết phục dân Do Thái theo luật pháp khiến dấy lên một cuộc nổi loạn trong đền thờ, và sự làm chứng của ông trước Tòa Công Luận khiến hội đồng thành ra hỗn độn. Nhưng Chúa đẹp lòng với lời chứng của Phao-lô.

Cuối cùng, là sứ điệp về *sự tin quyết*: Phao-lô sẽ đi Rô-ma! Đây là mong ước của Phao-lô bao tháng qua (*Công Vụ* 19:21; *Rô-ma* 15:22-29), nhưng các biến cố ở Giê-ru-sa-lem khiến ước mong đó dường như không thể nào thực hiện được. Thật là một khích lệ lớn lao cho Phao-lô khi

nhận được lời hứa này trong thời gian mà các lãnh đạo tôn giáo vu khống ông, các kẻ cuồng tín tìm giết ông và nhà chức trách thì bỏ bê ông. Trong hoàn cảnh như vậy Chúa ở cùng ông và thực hiện kế hoạch toàn hảo của Ngài để đưa người đầy tớ trung tín của Ngài đến Rô-ma.

3. Phao-lô, Nạn Nhân của Người Do Thái Âm Mưu *Công Vụ Các Sứ Đồ 23:12-35*

¹²Đến sáng, người Giu-đa họp đảng lập mưu, mà thề nguyện rằng chẳng ăn chẳng uống cho đến giết được Phao-lô. ¹³Có hơn bốn mươi người đã lập mưu đó. ¹⁴Họ đến kiếm các thầy tế lễ cả và các trưởng lão mà rằng: Chúng tôi đã thề với nhau rằng chẳng ăn chi hết cho đến lúc giết được Phao-lô. ¹⁵Vậy bây giờ các ông với tòa công luận hãy xin quan cơ bắt nó đến đứng trước mặt các ông, như là muốn tra xét việc nó cho kỹ càng hơn nữa; còn chúng tôi sửa soạn sẵn để khi nó chưa đến đây thì giết đi. ¹⁶Nhưng có con trai của chị Phao-lô biết được mưu gian ấy, đến nơi đồn, vào nói trước cho Phao-lô. ¹⁷Phao-lô bèn gọi một đội trưởng mà nói rằng: Hãy đem gã trai trẻ này đến cùng quan quản cơ, chàng có việc muốn báo tin. ¹⁸Vậy, đội trưởng đem chàng đi, dẫn đến nhà quản cơ, và thưa rằng: Tên tù Phao-lô có gọi tôi biểu đem gã trai trẻ này đến cùng quan, chàng có việc muốn nói. ¹⁹Quản cơ nắm tay người trai trẻ, kéo xê ra, hỏi rằng: Người có việc gì báo tin cùng ta? ²⁰Thưa rằng: Người Giu-đa đã định xin quan, đến ngày mai, bắt Phao-lô đứng trước tòa công luận, như là họ muốn tra xét việc của người cho kỹ càng hơn. ²¹Nhưng xin quan chớ tin họ, vì có hơn bốn mươi người trong bọn họ lập kế hại Phao-lô, đã thề nguyện với nhau chẳng ăn uống chi hết trước khi chưa giết được người; hiện bây giờ, họ đã sắm sẵn, chỉ đợi quan trả lời đó thôi. ²²Quản cơ cho gã trai trẻ ấy về, cấm không cho nói với ai về điều người đã tỏ ra cùng mình.

Quản cơ sai đưa Phao-lô qua Sê-sa-rê

²³Đoạn, quản cơ đòi hai viên đội trưởng, dặn rằng: Vừa giờ thứ ba đêm nay, hãy sắm sẵn hai trăm quân, bảy mươi lính kỵ, hai trăm lính cầm giáo, đặng đi đến thành Sê-sa-rê. ²⁴Lại cũng phải sắm ngựa nữa, để đưa Phao-lô vô sự đến nơi quan tổng đốc Phê-lít. ²⁵Người lại viết cho quan đó một bức thư như sau này: ²⁶Cơ-lốt Ly-sia chúc bình an cho quan lớn tổng đốc Phê-lít! ²⁷Dân Giu-đa đã bắt người này, toan giết đi, khi tôi đã đem

quân đến thành lnh mà cướp người ra khỏi, vì đã nghe người là quốc dân Rô-ma. ²⁸Bởi tôi muốn biết vì cơ nào họ cáo người, nên giải người đến tòa công luận. ²⁹Tôi thấy người bị cáo mấy việc về luật pháp họ, nhưng họ không kiện người về một tội nào đáng chết hay đáng tù cả. ³⁰Song tôi có nghe người ta tính kế hại người này, nên lập tức sai người đến nơi quan và cũng cho các kẻ cáo người biết rằng phải đến trước mặt quan mà đối nại. ³¹Vậy, quân lính đem Phao-lô đi, theo như mạng lệnh mình đã lãnh, và đương ban đêm, điệu đến thành An-ti-ba-tri. ³²Sáng ngày, lính kỵ đi với người, còn quân khác trở về đồn. ³³Những người này tới thành Sê-sa-rê, đưa thư cho quan tổng đốc và đem nộp Phao-lô. ³⁴Quan tổng đốc đọc thư rồi, bèn hỏi Phao-lô vốn ở tỉnh nào, vừa biết người quê tỉnh Si-li-si, ³⁵thì rằng: Lúc nào bọn nguyên cáo đến đây, ta sẽ nghe người. Đoạn, truyền giữ Phao-lô lại trong nơi công đường Hê-rốt.

Mạng sống Phao-lô gặp nguy hiểm ngay từ đầu chức vụ của ông, khi ông làm chứng cho Đấng Christ trong thành Đa-mách (*Công Vụ* 9:22-25). Lần đầu thăm viếng Giê-ru-sa-lem sau khi ông qui đạo, những người Do Thái Hê-lê-nít tìm cách giết ông (*Công Vụ* 9:29). Dân Do Thái đuổi ông ra khỏi thành An-ti-ốt ở xứ Bi-si-di (*Công Vụ* 13:50-51) và dọa ném đá ông ở thành I-cô-ni (*Công Vụ* 14:5). Phao-lô bị ném đá ở thành Lít-trơ (*Công Vụ* 14:19-20) và thành Cô-rinh-tô, dân Do Thái tìm cách bắt ông (*Công Vụ* 18:12-17). Ở Ê-phê-sô, dân Do Thái âm mưu giết ông (*Công Vụ* 20:19), họ lập kế hoạch giết ông ngoài biển (*Công Vụ* 20:3). Những lời của Phao-lô trong *I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:14-16 mang ý nghĩa đặc biệt khi bạn xem xét mọi điều Phao-lô chịu khổ bởi bàn tay của chính đồng bào mình.

Có lẽ chính những người Do Thái Châu Á là những kẻ lập mưu giết Phao-lô (*Công Vụ* 21:27-29). Các thầy tế lễ cả và những trưởng lão đồng ý hợp tác với họ và tìm cách gây áp lực trên Cơ-lốt. Hội đồng muốn có thêm thông tin từ Phao-lô là điều tự nhiên, và có lẽ phục kích nhóm người của Phao-lô và giết vị sứ đồ là điều dễ dàng. Nếu điều này khiến quản cơ gặp khó khăn với cấp trên, thầy

tế lễ cả có thể đứng ra bảo vệ ông. Người Rô-ma và người Do Thái đã hợp tác cách này trước đó (*Ma-thi-ơ* 28:11-15).

Nhưng bốn mươi người kiêng ăn và các chức sắc giáo hội đầy mưu kế quên rằng Phao-lô là một môn đệ của Chúa Giê-xu Christ, và Chúa tôn quý đang theo dõi mọi việc từ trời. Lúc Phao-lô qui đạo, Chúa đã cho ông biết rằng ông sẽ chịu khổ, nhưng Ngài cũng hứa rằng Ngài sẽ giải cứu ông khỏi kẻ thù (*Công Vụ* 9:15-16; 26:16-17). Phao-lô đã nắm giữ lời hứa ấy cả đời ông, và Đức Chúa Trời luôn luôn thành tín.

Chúng ta không biết gì về người chị và người cháu trai của Phao-lô, ngoài điều được chép ở đây. *Phi-líp* 3:8 gợi ý rằng Phao-lô đã mất gia đình khi ông trở thành Cơ Đốc nhân, nhưng chúng ta không biết có ai trong vòng bà con ông đã qui đạo sau đó hay không. (Từ “bà con” trong *Rô-ma* 16:7, 11 nghĩa là “người bạn Do Thái”, như trong *Rô-ma* 9:3). Vì gia đình Phao-lô từ lâu đã có quan hệ với người Pha-ri-si (*Công Vụ* 23:6), nên chị của Phao-lô hẳn đã tiếp xúc với “người có thực quyền” và có thể biết được nhiều tin tức. Các bà thường chuyện gẫu với nhau, và thường tiết lộ các bí mật ra ngoài.

Người chị hay đứa cháu trai không phải là tín hữu, vì nếu vậy họ bị loại ra khỏi giáo hội chính thức ở Giê-ru-sa-lem. Nhưng họ là những người Do Thái tin kính và biết rằng âm mưu này xấu xa (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 23:2). Chính trong sự định liệu của Đức Chúa Trời mà họ đã có thể nghe tin tức và thuật lại với Cơ-lốt. Thánh Augustine đã nói: “Hãy phó thác quá khứ cho sự thương xót của Đức Chúa Trời, hiện tại cho tình yêu của Ngài và tương lai cho sự định liệu của Ngài.”

Chúng ta phải khâm phục tính chính trực và sự can đảm của Cơ-lốt Ly-sia, vị quản cơ. Làm sao ông biết cậu bé nói đúng sự thật? Phao-lô đã gây cho ông quá nhiều khó khăn nên đây có thể là dịp tốt để tống khứ Phao-lô đi cho rảnh nợ! Dân Do Thái không biết rằng Cơ-lốt đã

biết âm mưu của họ, vì vậy ông có thể giữ tinh khôn sắp xếp cho được việc của mình. Không quân nhân Rô-ma nào dám để mất một tù nhân, nhưng vẫn có cách giải quyết sự việc một cách ổn thỏa.

Suốt sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, Bác sĩ Lu-ca nói tốt về các quan chức quân đội Rô-ma, bắt đầu với Cọt-nây trong chương 10 và kết thúc với Giu-ơ (*Công Vụ* 27:1, 3, 43). Trong *Công Vụ* không có ghi chép nào về *chính quyền* Rô-ma chống lại Hội Thánh. Sự chống nghịch là do những người Do Thái không tin xúi dục. Mặc dù Đế quốc có những kẻ cơ hội chính trị tồi tệ, nhưng phần lớn các chỉ huy quân đội là những người có phẩm chất và tôn trọng luật pháp Rô-ma.

Kế hoạch của Cơ-lốt đơn giản và khôn khéo. Ông biết rằng ông phải đưa Phao-lô ra khỏi Giê-ru-sa-lem, nếu không thì sẽ có những vụ mưu sát khác tiếp theo cho đến khi họ thành công. Ông cũng biết rằng ông nên khẳng định những lời buộc tội Phao-lô, nếu không thì ông có thể bị tố cáo về việc giữ một công dân Rô-ma bất hợp pháp. Ông có thể giải quyết cả hai vấn đề bằng cách gửi Phao-lô đến thành Sê-sa-rê và đặt Phao-lô dưới quyền của Phê-lít, Tổng đốc Rô-ma.

Nếu Phao-lô là một công dân thường, tìm cách đi từ Giê-ru-sa-lem đến Sê-sa-rê (khoảng 65 dặm), có lẽ ông sẽ là mục tiêu cho những kẻ âm mưu. Nhưng Đức Chúa Trời đã xếp đặt 470 lính Rô-ma bảo vệ ông, gần nửa số người trong đơn vị đồn trú của đền thờ! Một lần nữa, Phao-lô đã bị đưa lên ra ngoài thành lúc ban đêm (9:25; 17:10).

Bức thư của vị quản cơ thật thú vị! Cơ-lốt đặt chính ông và những người của ông trong bối cảnh tốt nhất được mong đợi. Đúng là Cơ-lốt đã bảo vệ Phao-lô khỏi bị giết, không phải vì biết Phao-lô là công dân Rô-ma. Cơ-lốt vẫn nghĩ Phao-lô là người Ai Cập nên đã toan đánh ông!

Nhưng *Công Vụ* 23:29 lại một lần nữa Lu-ca ghi lại lời một quan chức Rô-ma chứng nhận rằng các Cơ Đốc nhân đã không bị xem là những tội phạm. Các quan chức

ở Phi-líp hầu như đã xin lỗi Phao-lô (*Công Vụ* 16:35-40), còn Ga-li-ôn ở thành Cô-rinh-tô đã từ chối xét xử ông (*Công Vụ* 18:14-15). Ở Ê-phê-sô, người thư ký thành đã nói với 25.000 người rằng các Cơ Đốc nhân vô tội về bất cứ sự vi phạm nào (*Công Vụ* 19:40), và giờ đây, quân cơ Rô-ma từ trạm canh đền thờ cũng bảo như vậy. Sau đó, Phê-tu (*Công Vụ* 25:24-25) và Hê-rốt Ạc-ríp-ba (*Công Vụ* 26:31-32) cũng khẳng định rằng Phao-lô phải được trả tự do. Ngay cả các chức sắc Do Thái ở Rô-ma cũng phải thú nhận rằng chính quyền Rô-ma không có hành động nào chống lại Phao-lô (*Công Vụ* 28:21).

Ra đi lúc 9 giờ tối hôm ấy, Phao-lô và đội hộ tống ông từ Giê-ru-sa-lem đến thành An-ti-ba-tri, khoảng ba mươi bảy dặm. Đây chắc là một cuộc hành trình liên tục không nghỉ vì nhiều người trong một thời gian ngắn mà đi được một đoạn đường như vậy. Kỵ binh tiếp tục đi với Phao-lô trong khi 200 binh lính trở về đồn, vì mối nguy không còn nữa. Họ đi hai mươi bảy dặm nữa đến thành Sê-sa-rê nơi Phao-lô chính thức được giao cho Phê-lít. Phao-lô đã an toàn thoát khỏi những âm mưu của người Do Thái, nhưng ông có an toàn với Phê-lít chăng?

Antonius Phê-lít là quan tổng đốc xứ Giu-đê. Ông đã cưới Đơ-ru-si, một người nữ Do Thái là con gái của Hê-rốt Ạc-ríp-ba I và là người đã bỏ chồng để làm vợ thứ ba của Phê-lít. Bà là em của Hê-rốt Ạc-ríp-ba II (25:13). Sử gia người Rô-ma Tacitus đã nói rằng "Phê-lít làm vua trong tinh thần của một nô lệ." Phê-lít đã được gọi là "một tên vô lại thô bỉ." Ông ta thật xứng đáng với hỗn danh ấy.

Phao-lô không chỉ đã được bảo vệ bởi một đội hộ tống đông đảo, ông cũng không phải ở trong công khám, mà trong cung điện được xây bởi vua Hê-rốt Đại đế, nơi vị tổng đốc đóng tổng hành dinh của mình. Chúng ta không biết liệu có ai trong số các tín hữu ở thành Sê-sa-rê biết Phao-lô đang có mặt ở đây mà đến thăm viếng, khích lệ và giúp đỡ điều gì chăng. Chắc chắn họ sẽ nhớ cuộc thăm

viếng của A-ga-bút và nhận ra rằng lời tiên tri thảm khốc của ông đã ứng nghiệm (*Công Vụ* 21:10-14).

Ôn lại những sự kiện được chép trong chương này, ta không khỏi kính phục vì lời cam kết của Sứ đồ Phao-lô đối với sự kêu gọi của ông. “Không gì có thể lay động tôi” (20:24). Phao-lô không tìm kiếm con đường dễ dàng nhưng tìm kiếm con đường kính trọng Chúa trước nhất và chinh phục những kẻ hư mất. Ông sẵn sàng chịu tù tội để Phúc Âm được truyền ra.

Đức Chúa Trời luôn luôn chăm sóc tôi tớ Ngài. “Thiên sứ của Chúa đóng trại chung quanh những kẻ kính sợ Ngài, và giải cứu họ” (*Thi Thiên* 34:7). Charles Spurgeon đã viết: “Chúng ta hãy tin cậy nơi Đức Chúa Trời, và phải rất mực can đảm vì Phúc Âm, thì Chúa sẽ che chở chúng ta khỏi mọi tổn hại.”

Người Đức Chúa Trời được giục lòng can đảm vì biết Cứu Chúa mình là thành tín và mọi ý chỉ tốt đẹp của Ngài sẽ được hoàn thành. Phao-lô ở một mình – nhưng không cô đơn! Chúa của ông ở cùng ông và ông không có gì để sợ hãi.

Gióng Phao-lô chúng ta phải can đảm!

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 9

Công Vụ Các Sứ Đồ 22:30–23:35

1. Lời hứa của Đức Chúa Trời ảnh hưởng thế nào đến mục vụ của Phao-lô?
2. Lý do nào khiến Phao-lô phải đối đầu với Tòa Công Luận?
3. Phao-lô có thái độ nào trước phiên tòa?
4. Kết quả của cuộc tranh luận này ra sao?
5. Khi bị tù hoặc khi bị đánh đập, Phao-lô có thái độ thế nào?
6. Lương tâm có vai trò gì?
7. Vì sao Phao-lô có thể tự bảo ông đã sống với một lương tâm thật hoàn hảo?
8. Tại sao Phao-lô dẫn chứng lẽ đạo “sự sống lại của những kẻ chết”?
9. Cho biết ba điểm chính trong sứ điệp của Đức Chúa Giê-xu phán với Phao-lô vào lúc ban đêm sau khi ông bị xét xử tại Tòa Công Luận.
10. Đức Chúa Trời bảo vệ Phao-lô như thế nào khỏi tay những người có mưu sát ông?

CHỨNG NHÂN PHAO-LÔ

Công Vụ Các Sứ Đồ 24

Sử gia Will Durant đã viết trong cuốn sách nhan đề “*Sê-sa và Đấng Christ*” (*Caesar and Christ*): “Tinh thần trọng pháp là đặc tính rõ nét và bền vững nhất của người Rô-ma. Trong luật pháp Rô-ma công dân được bảo vệ triệt để.” Nói cách khác, tòa án phải có trách nhiệm bảo vệ công dân trước chính quyền. Nhưng tình trạng tham nhũng vẫn thường hay khiến cho thường dân không hưởng được công lý. Phao-lô sớm khám phá ra tính tham nhũng của tổng đốc Rô-ma.

Arnold Toynbee đã viết: “Bí quyết của chính quyền Rô-ma là nguyên tắc cai trị gián tiếp.” Nhà cầm quyền địa phương đảm nhận mọi việc cai trị. Triều đình Rô-ma chỉ can thiệp khi có nguy cơ ngoại xâm hoặc khi các địa phương xung đột nhau.

Trong chương này, chúng ta thấy sự hoạt động của hệ thống luật pháp Rô-ma.

1. Tẹt-tu-lu: Những Lời Vu Khống

Công Vụ Các Sứ Đồ 24:1-9

¹Sau đó năm ngày, có thầy cả thượng phẩm là A-na-nia đến, với vài người trưởng lão cùng một nhà diễn thuyết kia tên là Tẹt-tu-lu, trình đơn kiện Phao-lô trước mặt quan tổng đốc. ²Phao-lô bị đòi đến rồi, Tẹt-tu-lu khởi sự cáo người như vậy: ³Bẩm quan lớn Phê-lít, nhờ ơn quan mà chúng tôi được hưởng sự bình an trọn vẹn, và nhờ sự khôn ngoan của quan đổi được mọi tình tệ để giúp dân này, lúc nào và nơi nào chúng tôi cũng rất cảm tạ biết ơn quan vậy. ⁴Nhưng muốn cho khỏi phiền quan lâu hơn, thì tôi xin quan lấy lòng khoan nhân mà nghe một vài lời

chúng tôi nói đây. ⁵Vậy, chúng tôi đã gặp người này, như là đồ ôn dịch, đã gây loạn trong hết thầy người Giu-đa trên cả thế giới: Nó làm đầu của phe người Na-xa-rét, ⁶cũng đã toan làm ô uest dên thờ, nên chúng tôi đã bắt nó. (Có bản cũ thêm rằng: Và chúng tôi có muốn xử nó theo luật pháp chúng tôi. ⁷Nhưng quân cơ Lysia đến, bắt nó khỏi tay chúng tôi cách hung bạo, truyền lệnh cho các người kiện nó hãy đến hầu quan) ⁸Xin chính quan hãy tự tra hỏi hắn, thì sẽ biết được mọi việc chúng tôi đang kiện cáo. ⁹Đến phiên các người Giu-đa cũng hòa theo lời đó, quyết rằng thật có như vậy.

Thời xưa người ta có thói quen nói “đi lên Giê-ru-sa-lem,” còn khi từ Giê-ru-sa-lem ra đi thì họ bảo là đi xuống. Điều này giải thích lý do tại sao nhóm quan chức Do Thái “đi xuống” Sê-sa-rê. A-na-nia thầy tế lễ cả, và một số trưởng lão Do Thái cùng một luật gia trình đơn kiện Phao-lô. Luật pháp Rô-ma phức tạp cũng như luật pháp hiện đại của chúng ta, và phải là một chuyên gia mới biết cách vận dụng luật pháp thành công cho vụ kiện của mình.

Tet-tu-lu bắt đầu bằng *lời xu nịnh* theo thông lệ bình thường của thủ tục tòa án. Tacitus, nhà hùng biện kiêm chính trị gia người Rô-ma, đã gọi những kẻ xu nịnh là “những kẻ thù tệ hại nhất,” và Sa-lô-môn đã viết rằng “miệng dua nịnh gây điều bại hoại” (*Châm Ngôn* 26:28).

Luật gia ca tụng Phê-lít về nhiều cải cách của quan tổng đốc đã đem lại sự yên ổn cho xứ. (xin hỏi: Tại sao phải có gần 500 binh lính để bảo vệ một người ra đi từ Giê-ru-sa-lem đến Sê-sa-rê?) Đúng là Phê-lít đã dập tắt một số cuộc nổi dậy, nhưng chắc chắn đã không đem lại hòa bình cho xứ. Thật ra, suốt thời gian Phê-lít trấn áp những kẻ cướp trong địa hạt của ông, ông cũng đã thuê bọn cướp giết thầy tế lễ cả Giô-na-than! Nhưng những lời tố cáo của kẻ bắt bớ nghịch cùng Phao-lô không trung thực cũng như lời xu nịnh ông. Bên tố cáo đưa ra ba lời buộc tội: một lời buộc tội về cá nhân (“Hắn là một kẻ ôn dịch”), một lời buộc tội về chính trị (gây loạn và cầm đầu

một tôn giáo bất hợp pháp), và một lời buộc tội về giáo lý (làm ô uế đền thờ).

Về việc Phao-lô, là “đồ ôn dịch”, thì hoàn toàn tùy thuộc quan điểm của mỗi người. Dân Do Thái muốn duy trì những truyền thống xưa của họ, còn Phao-lô thì đề xướng điều mới mẻ. Người Rô-ma sợ bất cứ điều gì làm xáo trộn “hoà bình” tốt đẹp của họ trong Đế quốc và hồ sơ Phao-lô về việc gây rối đã quá dài rồi. Như Vance Havner thường nói: “Bất cứ nơi đâu Phao-lô đến, đều có một cuộc nổi loạn hoặc một cuộc phục hưng!”

Lời buộc tội cá nhân này dựa trên những xung đột của dân Do Thái với Phao-lô trong những vùng khác nhau của thế giới Rô-ma. Tôi đã chứng minh rằng chính đồng bào của ông, chứ không phải nhà cầm quyền Rô-ma, đã gây khó khăn cho Phao-lô từ thành này sang thành khác. Lời tố cáo thứ nhất này nhắc ta nhớ những lời buộc tội nghịch với Chúa Giê-xu tại cuộc xét xử Ngài (*Luce* 23:1-2, 5).

Lời buộc tội về chính trị nghiêm trọng hơn, vì không quan chức Rô-ma nào cho phép những hoạt động bất hợp pháp làm xáo trộn “Pax Romana” (nền hòa bình Rô-ma). Rô-ma đã ban cho dân Do Thái sự tự do để thực hành tôn giáo mình, nhưng các quan chức Rô-ma luôn luôn theo dõi, không cho họ sử dụng những đặc quyền của mình để làm suy yếu Đế quốc. Khi Tẹt-tu-lu gọi Phao-lô là “kẻ xúi giục những cuộc nổi dậy của dân Do Thái cư ngụ khắp Đế quốc La Mã”, lập tức ông được quan tổng đốc chú ý đến ngay. Dĩ nhiên, lời tuyên bố của ông là một sự vu khống, nhưng khốn thay, đã từng có nhiều vụ kiện oan khiên vì sự thật đã bị bóp méo.

Tẹt-tu-lu có chút ít nền tảng cho lời buộc tội này, vì Phao-lô đã giảng cho dân Do Thái rằng Chúa Giê-xu Christ là Vua và Chúa họ. Đối với người Rô-ma và người Do Thái không tin, sứ điệp này nghe như sự phản nghịch với Sê-sa (*Công Vụ* 16:20-21; 17:5-9). Hơn nữa, lập một tôn giáo mới ở Rô-ma mà không có sự phê chuẩn của

chính quyền là bất hợp pháp. Nếu Phao-lô thật sự là một “đầu sỏ của phe người Na-xa-rét”, thì kẻ thù ông dễ dàng có lý do để kiện nghịch ông.

Vào thời ấy, Cơ Đốc giáo được coi là của riêng dân Do Thái và họ được người Rô-ma cho phép thực hành tôn giáo họ. Có những người ngoại tìm kiếm và những người kính sợ Đức Chúa Trời trong các nhà hội, sự hiện diện của những người này trong các Hội Thánh lúc đầu không gây ra vấn đề gì. Nhưng về sau, khi số tín hữu người ngoại gia tăng và nhiều hội chúng tách khỏi các nhà hội Do Thái, lúc ấy Rô-ma bắt đầu lo sợ. Rô-ma không muốn một tôn giáo đối địch phát triển mạnh trong Đế quốc để tạo ra những khó khăn.

Lời tố cáo thứ ba của Tẹt-tu-lu phải được xử lý cẩn thận vì nó ám chỉ một quan chức Rô-ma đã cứu mạng một người. Hầu hết, các quan chức Rô-ma như Phê-lít không muốn can thiệp đến bất cứ chuyện gì liên quan đến những vấn đề luật pháp Do Thái (*Giăng* 18:28-31; *Công Vụ* 16:35-40; 18:12-17). Càng ít người Do Thái đến toà án Rô-ma, càng tốt cho đế quốc. Tẹt-tu-lu đã phải trình bày lời buộc tội thứ ba này theo một cách khiến tòa không ác cảm với người Do Thái trong khi vẫn giữ được thể diện cho người Rô-ma

Trước hết, ông làm dịu đi sự buộc tội. Lời tố cáo của những người Do Thái Châu Á là Phao-lô đã làm ô uế đền thờ (*Công Vụ* 21:28), nhưng Tẹt-tu-lu đã nói: “Hắn đã tìm cách phỉ báng đền thờ” (*Công Vụ* 24:6). Vì sao có sự dịu giọng này? Vì ít nhất hai lý do. Trước tiên những kẻ tố cáo Phao-lô nhận ra rằng sự buộc tội đầu tiên không bao giờ có thể được chứng minh nếu tòa án hỏi đến bằng chứng. Lại nữa, những người Do Thái Châu Á là những người khởi sự khiêu tố thì đã biến mất khỏi hiện trường! Nếu không có nhân chứng nào, không thể có bằng chứng để kết tội.

So sánh câu chuyện của Lu-ca về việc Phao-lô bị bắt (*Công Vụ* 21:27-40) với câu chuyện của vị quản cơ (*Công*

Vụ 23:25-30) và chuyện các luật gia (*Công Vụ* 24:6-8), ta hiểu vì sao các quan tòa và các hội thẩm đoàn trở nên bối rối. Tẹt-tu-lu gây ấn tượng rằng Phao-lô thật sự phạm tội phỉ báng đền thờ, rằng dân Do Thái có quyền bắt giữ ông, và rằng quản cơ đã vi phạm bằng cách can thiệp. Chính Cơ-lốt, không phải dân Do Thái, là người phạm tội đối xử một công dân Rô-ma bằng bạo lực! Nhưng Phê-lít đã có bức thư chính thức trước mặt và dường như ông tin quản cơ của ông hơn là tin một luật sư Do Thái Hê-lê-nít chỉ làm việc vì tiền.

Tẹt-tu-lu biết rằng dân Do Thái được quyền của Rô-ma để bắt giữ và đưa ra tòa những ai vi phạm luật pháp Do Thái. Người Rô-ma cho rằng sự tận tâm của dân Do Thái đối với những truyền thống của họ là quá đáng và mê tín. Nhưng Rô-ma khôn khéo chịu theo ý họ. Người Do Thái thậm chí đã được phép xử tử hình những kẻ phạm tội trong một vài trường hợp, chẳng hạn như “sự vi phạm” của Phao-lô về việc cho phép dân ngoại bước vào khu vực thánh trong đền thờ (*Công Vụ* 21:28-29). Tẹt-tu-lu nghĩ thầm rằng nếu Cơ-lốt không can thiệp, có lẽ dân Do Thái đã tự xét xử Phao-lô, và như vậy Phê-lít và Rô-ma khỏi phải nhúng tay vào mớ bòng bong kia.

Kết thúc bản luận trạng, Tẹt-tu-lu nói bóng gió rằng lẽ ra Cơ-lốt Ly-sia phải đích thân có mặt ở đó chứ không chỉ cử những chức sắc Do Thái trình vụ việc. Vì sao ông vắng mặt? Ông không thể bảo vệ sự việc của mình sao? Phải chăng ông đang tìm cách “đẩy trách nhiệm” cho người khác? Theo như chúng ta biết, suốt hai năm Phao-lô bị cầm giữ trong thành Sê-sa-rê, Cơ-lốt chưa bao giờ tỏ ra cho biết lập trường của ông về câu chuyện này. Chúng ta không biết lý do.

Nhưng Phao-lô có mặt ở đó và Phê-lít có thể tìm ra sự thật! Tẹt-tu-lu khôn khéo nói: “Nếu quan xét hỏi Phao-lô, quan sẽ thấy rằng những điều tôi nói là đúng.” Các thành viên khác của đoàn đại biểu Do Thái đều đồng tình với luật sư của họ, điều này không có gì đáng ngạc

nhiên.

2. Phao-lô: Những Câu Trả Lời Trung Thực

Công Vụ Các Sứ Đồ 24:10-21

¹⁰Quan tổng đốc ra dấu biểu Phao-lô nói đi, thì người thưa rằng: Tôi biết quan làm quan án trong nước này đã lâu năm, nên tôi dạn dĩ mà bênh vực duyên cớ mình. ¹¹Quan tra xét thì sẽ biết tôi vừa lên thành Giê-ru-sa-lem mà thờ lạy, chưa được mười hai ngày nay. ¹²Người ta chẳng từng gặp tôi, hoặc trong đền thờ, hoặc trong nhà hội, hoặc trong thành phố, cãi lầy cùng ai hay xui dân làm loạn bao giờ. ¹³Bây giờ họ cũng chẳng biết lấy chi mà làm chứng cớ về điều họ kiện tôi đó.

¹⁴Trước mặt quan, tôi nhận rằng theo như đạo mà họ gọi là một phe đảng, tôi thờ phượng Đức Chúa Trời của tổ phụ tôi, tin mọi điều chép trong sách luật và các sách tiên tri; ¹⁵và tôi có sự trông cậy này nơi Đức Chúa Trời, như chính họ cũng có vậy, tức là sẽ có sự sống lại của người công bình và không công bình. ¹⁶Cũng vì cớ ấy, nên tôi vẫn gắng sức cho có lương tâm không trách móc trước mặt Đức Chúa Trời và trước mặt loài người. ¹⁷Vả, đã lâu năm nay tôi đi vắng, rồi mới về bố thí cho bốn quốc tôi và dâng của lễ. ¹⁸Đang khi ấy, có mấy người Giu-đa quê ở cõi A-si kia gặp tôi ở trong đền thờ, được tinh sạch, chớ chẳng có dân đông hay rối loạn chi. ¹⁹Nếu họ có điều gì kiện tôi, thì có lẽ đến hầu trước mặt quan mà cáo đi. ²⁰Hay là các người ở đây phải nói cho biết đã thấy tôi có sự gì đáng tội lúc tôi đứng tại tòa công luận, ²¹hoặc có, thì cũng chỉ trách câu tôi nói giữa họ rằng: Ấy vì sự sống lại của kẻ chết mà hôm nay tôi bị xử đoán trước mặt các ông.

Nhưng quan tổng đốc đã không xét hỏi Phao-lô. Ông chỉ gật đầu làm dấu hiệu cho biết đã đến lượt Phao-lô nói. Phao-lô không xu nịnh Phê-lít (xem *I Tê-sa-lô-ni-ca* 21:1-6), ông chỉ công nhận rằng quan tổng đốc là một người kinh nghiệm và vì vậy là một người hiểu biết. Sau lời mở đầu ngắn gọn nhưng trung thực, Phao-lô trả lời những buộc tội của Tệt-tu-lu (*Công Vụ* 24:10-16), của dân Do Thái Châu Á (*Công Vụ* 24:17-19) và của Hội đồng Do Thái (*Công Vụ* 24:20-21).

Nói về lời buộc tội liên quan đến đền thờ, Phao-lô ở trong đền thờ để thờ phượng chứ không phải để cầm đầu một cuộc náo loạn. Thật ra, những ghi chép về đền thờ cho thấy rằng Phao-lô đã đăng ký để trả chi phí cho bốn người Do Thái giữ lời thề nguyện Na-xi-rê, Phao-lô không rao giảng trong đền thờ hoặc các nhà hội, ông cũng không rao giảng bất cứ nơi nào trong thành (những năm trước đó, Phao-lô đã thỏa thuận với Phi-e-rơ và các trưởng lão Giê-ru-sa-lem rằng ông sẽ không giảng Phúc Âm cho dân Do Thái ở Giê-ru-sa-lem (xem *Ga-la-ti* 2:7-10). Không ai có thể chứng minh rằng ông phạm tội cầm đầu bất kỳ kiểu nổi loạn nào chống lại người Do Thái hoặc người Rô-ma.

Hơn nữa, vì ông chỉ ở Giê-ru-sa-lem một tuần, trong đó phải mất hai ngày bị dân Giu-đa bắt, rồi giải qua Sê-sa-rê 5 ngày. Như vậy làm sao có đủ thời gian để tổ chức và cầm đầu một cuộc tấn công vào đền thờ! Sau đây là thời biểu của Phao-lô trong thời gian ấy:

Ngày 1 - Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ* 21:17)

Ngày 2 - Gặp Gia-cơ và các trưởng lão
(*Công Vụ* 21:18)

Ngày 3 - Ở trong đền thờ với những người Na-xi-rê
(*Công Vụ* 21:26)

Ngày 4 - Trong đền thờ

Ngày 5 - Trong đền thờ

Ngày 6 - Bị bắt trong đền thờ (*Công Vụ* 21:27)

Ngày 7 - Họp Hội đồng Do Thái (*Công Vụ* 23:1-10)

Ngày 8 - Bị đe dọa, bị dẫn đến thành Sê-sa-rê
(*Công Vụ* 23:12, 23)

Ngày 9 - Đến thành Sê-sa-rê (*Công Vụ* 23:33)

Ngày 10 - Chờ đợi (Phê-lít triệu tập những chức sắc Do Thái)

Ngày 11 - Chờ các chức sắc Do Thái đến

Ngày 12 - Chờ đợi - họ đến - vụ xử kiện được lên chương trình

Ngày 13 - Vụ xử kiện được tiến hành

Bốn người thực hiện lời thề nguyện Na-xi-rê rõ ràng có nghĩa vụ gì đó ở đền thờ khi Gia-cơ đề nghị Phao-lô trả chi phí cho họ (*Công Vụ* 21:24). Nếu họ bắt đầu ngày trước khi Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem, thì ngày Phao-lô bị bắt sẽ là ngày làm nghĩa vụ thứ bảy của họ (*Công Vụ* 21:27). Bản *New American Standard Bible* dịch *Công Vụ* 21:27 là “và khi bảy ngày gần trọn.” Điều này hàm ý rằng những sự kiện xảy ra vào ngày thứ bảy của thời biểu của họ, là ngày thứ sáu Phao-lô ở trong thành.

Có thể mất hai ngày để sứ giả của Rô-ma đi từ Sê-sa-rê đến Giê-ru-sa-lem, và hai ngày nữa để A-na-nia và các cộng sự ông đến Sê-sa-rê. Họ không được chậm trễ, vì vụ án quá quan trọng.

Bác bỏ xong những lời buộc tội về đền thờ, Phao-lô quay qua đối phó với những lời buộc tội về sự nổi loạn và dị giáo. Thầy tế lễ cả là người Sa-đu-sê, nhưng chắc cũng có những người Pha-ri-si trong đoàn đại diện quan chức Do Thái, vì vậy một lần nữa Phao-lô viện dẫn những căn nguyên về tôn giáo của họ trong Kinh Thánh. Vấn đề Phao-lô là một Cơ Đốc nhân không có nghĩa là ông đã thờ phượng Đức Chúa Trời khác với Đức Chúa Trời của tổ phụ ông. Nó chỉ có nghĩa là ông đã thờ phượng Đức Chúa Trời của tổ phụ ông trong một cách mới mẻ và sinh động, vì cách duy nhất có thể chấp nhận để thờ phượng Đức Chúa Cha là qua Chúa Giê-xu Christ (*Giăng* 5:23). Đức tin của ông vẫn được lập trên lời Kinh Thánh Cựu Ước, mà Kinh Thánh Cựu Ước thì làm chứng cho Chúa Giê-xu.

Người Sa-đu-sê chấp nhận năm sách của Môi-se (luật pháp), nhưng không chấp nhận những sách còn lại của Cựu Ước. Họ bác bỏ giáo lý về sự sống lại vì họ cho rằng Môi-se không hề viết như vậy. (Chúa Giê-xu đã bẻ bác lý luận ấy, nhưng họ không chịu nghe. Xem *Ma-thi-ơ* 22:23-33). Bằng cách tuyên bố niềm tin cá nhân mình nơi sự sống lại, Phao-lô đã khẳng định những nhận thức chính thống của ông và tự xem mình là người Pha-ri-si. Một lần

nữa, người Pha-ri-si đã rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan, vì nếu niềm tin của Phao-lô là niềm tin của một kẻ dị giáo, vậy họ cũng là những kẻ dị giáo!

Phao-lô và các Cơ Đốc nhân đầu tiên không tự xem là “những người Do Thái ngày trước” mà là “những người Do Thái được ứng nghiệm.” Cựu Ước là một cuốn sách mới đối với họ vì họ đã tìm thấy Đấng Mết-si-a của mình trong đó. Họ biết rằng họ không còn cần những lễ nghi của luật pháp Do Thái để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, nhưng họ nhìn thấy trong những nghi thức và những quy định này sự mạc khải về Đấng Christ, vừa là một người Pha-ri-si vừa là một Cơ Đốc nhân, Phao-lô đã luôn “chịu những nỗi đau” để có một lương tâm tốt và để tìm cách làm đẹp lòng Chúa.

Sau khi đáp lại những lời buộc tội của Tẹt-tu-lu, Phao-lô tiếp tục trả lời sự vu khống của những người Do Thái Châu Á rằng ông đã làm ô uế đền thờ (*Công Vụ* 24:17-19). Ông không đến Giê-ru-sa-lem để làm ô uế đền thờ nhưng để đem đến sự giúp đỡ cần thiết cho dân Do Thái và dâng những của lễ của ông cho Chúa. (Đây là lần đề cập duy nhất trong *Công Vụ* về của lễ đặc biệt). Những người Châu Á thấy ông trong đền thờ, ông ở cùng bốn người là những người đang hoàn thành lời hứa nguyện Na-xi-rê. Làm sao Phao-lô có thể thờ phượng Đức Chúa Trời và làm ô uế nhà Đức Chúa Trời cùng một lúc? Một thầy tế lễ Do Thái có trách nhiệm về những hoạt động đền thờ của Phao-lô, vì vậy nếu đền thánh bị ô uế, thầy tế lễ chịu trách nhiệm. Phao-lô chỉ tuân theo luật pháp mà thôi.

Giờ đây Phao-lô đã đi đến điểm chính của lời ông biện hộ. Luật pháp Rô-ma đòi hỏi rằng nguyên cáo phải đối diện với bị cáo tại buổi xét xử, nếu không thì vụ án bất thành. A-na-nia khôn khéo đã không đem theo với ông bất cứ người Do Thái Hê-lê-nít nào, vì ông chắc rằng sự làm chứng của họ sẽ bất lợi trước tòa. Những người này chỉ giỏi sách động quần chúng nhưng vụng về trong việc

nêu ra các chứng minh thực tế.

Phao-lô kết thúc lời biện hộ của mình bằng cách đáp lại các nghị viên của hội đồng Do Thái (*Công Vụ* 24:20-21). Thay vì nghe ông nói với thái độ vô tư, thầy tế lễ cả và Tòa Công Luận lại ngược đãi ông. Có thể A-na-nia đã biết ơn Phao-lô vì không nói gì về cái vả mặt của ông, vì đối xử với một công dân Rô-ma cách ấy là bất hợp pháp.

Có một chút mỉa mai trong lời tuyên bố sau cùng của Phao-lô. Chúng ta có thể diễn giải, “Nếu tôi đã làm gì xấu, thì điều xấu ấy là: Tôi đã nhắc nhở Hội đồng Do Thái về giáo lý Do Thái vĩ đại của chúng tôi về Sự Sống Lại.” Hãy nhớ, *Công Vụ Các Sứ Đồ* là sách ghi chép sự làm chứng của Hội Thánh đầu tiên về sự phục sinh của Chúa Giê-xu Christ (*Công Vụ* 1:22). Người Sa-đu-sê từ lâu đã bỏ đi giáo lý này, người Pha-ri-si thì không đặt giáo lý này vào đúng tầm quan trọng của nó. Dĩ nhiên, Phao-lô đã liên hệ giáo lý này với sự phục sinh của Chúa Giê-xu Christ, và đó là điều mà tòa công luận không thích.

Họ đã tố cáo Phao-lô chống đối Do Thái và chống đối Rô-ma, nhưng họ không thể chứng minh những lời buộc tội của mình. Nếu các chức sắc Do Thái theo đuổi bất cứ điều nào trong những lời buộc tội này thêm nữa, vụ kiện của họ sẽ thất bại. Tuy nhiên những chứng cứ vu vơ ấy vẫn làm nảy sinh sự nghi ngờ vực trong tâm trí của các quan chức Rô-ma. Những thành kiến chủng tộc cũng là một yếu tố nữa kích động sự ngờ vực của nhà cầm quyền Rô-ma. Xét cho cùng, Hoàng đế Cơ-lốt đã không trục xuất dân Do Thái khỏi Rô-ma đó sao? (*Rô-ma* 18:2). Có lẽ Phao-lô đã bị theo dõi.

3. Phê-lít: Những Thái Độ Đại Dột

Công Vụ Các Sứ Đồ 24:22-27

²²Phê-lít vẫn biết rõ ràng về đạo người nói đó, nên giãn việc kiện ra, mà rằng: Khi nào quan quản cơ Ly-sia xuống, ta sẽ xét

việc này. ²³Đoạn, người truyền cho thầy đội giữ Phao-lô, nhưng phải cho người hơi được thông thả, có kẻ nào thuộc về người đến hầu việc người, thì đừng cấm. ²⁴Qua mấy ngày sau, Phê-lít với vợ mình là Đơ-ru-si, người Giu-đa, đến, rồi sai gọi Phao-lô, và nghe người nói về đức tin trong Đức Chúa Giê-xu Christ. ²⁵Nhưng khi Phao-lô nói về sự công bình, sự tiết độ và sự phán xét ngày sau, thì Phê-lít run sợ, nói rằng: Bây giờ người hãy lui; đợi khi nào ta rảnh, sẽ gọi lại. ²⁶Phê-lít cũng trông Phao-lô lót bạc cho mình; nên nâng đòi người đến, và nói chuyện cùng người. ²⁷Khôi hai năm, Bốt-tiu Phê-tu đến thay Phê-lít. Bởi cố Phê-lít muốn làm cho dân Giu-đa bằng lòng, bèn cứ giam Phao-lô nơi ngục.

Nếu có một người từng thất bại trong tư vụ lẫn công vụ, người đó là Phê-lít, quan tổng trấn xứ Giu-đê. Chắc chắn ông không thể viện cố không hiểu biết tình hình, vì ông đã “biết rõ đạo đó” (*Công Vụ* 24:22). Vợ ông, Đơ-ru-si, là người Do Thái và có lẽ đã thông báo cho ông về những hoạt động của dân bà, và với tư cách một quan chức Rô-ma, ông sẽ cẩn thận điều tra những sự việc này. Ông đã thấy sự sáng, nhưng ông thích sống trong sự tối tăm hơn.

Phê-lít ra lệnh thuộc hạ phải đối xử với Phao-lô cách đàng hoàng đồng thời phải canh giữ ông cẩn mật. “Tự do” trong *Công Vụ* 24:23 có nghĩa là ông không bị nhốt trong công khám hay bị giữ trong phòng giam chật chội. Ông bị xích vào một tên lính (các lính gác được thay đổi mỗi sáu giờ đồng hồ. Các bạn của Phao-lô được phép giúp đỡ ông, vì vậy người ta có thể đến thăm và cung cấp những nhu cầu cho ông. Chức vụ của Phao-lô suốt hai năm ấy ở Sê-sa-rê là gì, chúng ta không biết, nhưng chúng ta có thể chắc rằng ông đã làm chứng trung tín cho Chúa.

Lu-ca ghi lại những chi tiết trên đây khiến tội của Phê-lít thành trầm trọng hơn. Phê-lít biết được sự thật, trong lòng sợ hãi, nhưng vẫn không làm theo chân lý. Biết về Đấng Christ, chưa đủ, cảm xúc trước sứ điệp cũng chưa đủ mà phải sẵn sàng ăn năn tội và tin nhận Đấng Christ. “Nhưng các người không muốn đến cùng ta để được sự sống” (*Giăng* 5:40).

Chắc hẳn sự hiếu kỳ của người vợ, Đơ-ru-si đã thúc đẩy Phê-lít chịu nghe Phao-lô nói thêm. Bà muốn nghe Phao-lô vì gia đình bà có liên quan với “đạo” vì nhiều lý do. Ông cố của bà đã tìm cách giết Chúa Giê-xu ở Bết-lê-hem (*Ma-thi-ơ* 2:1-23), người bác của bà đã giết Giảng Báp-tít và chế nhạo Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 23:6-12), và *Công Vụ* 12:1-2 cho biết việc cha của bà giết Sứ đồ Gia-cơ.

Bác sĩ Lu-ca chỉ trình bày cho chúng ta ba điểm về bài giảng của Phao-lô cho cặp vợ chồng khét tiếng xấu này: sự công bình, sự tiết độ, và sự phán xét hầu đến. Phao-lô đã trình bày cho họ ba lý do đánh thếp vì sao họ phải ăn năn và tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

Trước hết, họ phải có thái độ đối với *tội lỗi quá khứ* (“sự công bình”). Năm 1973, Tiến sĩ Karl Menninger, một trong những bác sĩ tâm thần hàng đầu thế giới, đã xuất bản quyển sách gây sửng sốt, *“Tội Lỗi Rồi Sẽ Ra Sao?”* (*Whatever Become of Sin?*) Theo ông thì từ tội lỗi đã dần dần biến khỏi từ vựng của chúng ta, cả “từ lẫn khái niệm.” Chúng ta nói về những sai lầm, sự yếu đuối, những khuynh hướng bẩm sinh, những lỗi lầm, nhưng chúng ta không đối mặt với vấn đề tội lỗi.

Phyllis Mc Ginley, một nhà văn kiêm thi sĩ người Mỹ cho rằng: “Con người không còn tội lỗi nữa. Họ chỉ không trưởng thành, hoặc sống trong khó khăn, hoặc hoảng sợ, hay đặc biệt hơn, bệnh hoạn.” Nhưng Đức Chúa Trời thánh khiết đòi hỏi sự công bình. Thật quá khó khăn, nhưng may thay chính Đức Chúa Trời thánh khiết *chu cấp* sự công bình của Ngài cho những ai tin cậy Chúa Giê-xu Christ (*Rô-ma* 3:21-26). Chúng ta không bao giờ được cứu bởi công bình riêng về những việc thiện của chúng ta. Chúng ta được cứu chỉ nhờ sự công bình của Đấng Christ được cung ứng bởi công tác cứu rỗi của Ngài đã được hoàn tất trên thập tự giá.

Điểm thứ hai trong bài giảng của Phao-lô nói về sự tiết độ: chúng ta phải khắc phục những *cám dỗ của hôm*

nay. Con người có thể điều khiển hầu hết mọi sự trừ bản thân. Phê-lít và Đơ-ru-si là những minh họa chủ yếu về sự thiếu khả năng tự chế. Đơ-ru-si đã ly dị chồng để làm vợ thứ ba của Phê-lít, dù là người Do Thái, bà đã sống như thể Đức Chúa Trời chưa bao giờ ban Mười Điều Răn tại núi Si-nai. Phê-lít là một vị quan vô lương tâm, không ngần ngại nói dối, thậm chí giết người để trừ khử kẻ thù và đề cao bản thân. Không biết tự chế là khuyết điểm lớn của Phê-lít và Đơ-ru-si.

Điểm thứ ba của Phao-lô là: "Sự phán xét hầu đến". *Chúng ta phải nghĩ đến sự phán xét ngày sau.* Có lẽ Phao-lô cho Phê-lít và Đơ-ru-si biết những điều ông đã nói với các triết gia Hy Lạp: Đức Chúa Trời đã "chỉ định một ngày, trong ngày đó Ngài sẽ đoán xét thế gian bằng sự công bình" bởi Chúa Giê-xu Christ (*Công Vụ 17:31*). Chúa Giê-xu là Đấng Christ của bạn hoặc là Đấng phán xét bạn. Làm sao chúng ta biết Chúa Giê-xu Christ là Đấng phán xét? "Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời đã khiến Người từ kẻ chết sống lại, để làm chứng chắc về điều đó cho thiên hạ" (17:31).

"Phê-lít run sợ" (*Công Vụ 24:25*). Các chức sắc Rô-ma đã tự hào về tính khắc khổ và khả năng kiềm chế cảm xúc của mình ở mọi hoàn cảnh, nhưng khi bị Đức Chúa Trời đoán xét thì Phê-lít mất tự chủ. Phao-lô đã chẩn đoán căn bệnh và đưa ra cách điều trị. Phê-lít có nhiệm vụ phải tiếp nhận cách điều trị ấy.

Phê-lít đã làm gì? *Ông trì hoãn!* Ông nói với vị sứ đồ: "Khoan đã! Bây giờ chưa thuận tiện". Edward Young đã viết: "sự trì hoãn là phí thời gian." Có lẽ ông đang nghĩ về câu châm ngôn tiếng Anh "One of these days is none of these days" (Ngày thuận tiện không bao giờ có). Sự trì hoãn cũng là kẻ cắp của linh hồn. "Thì thuận tiện" nhất cho một tội nhân hư mất được cứu là *ngay bây giờ*. "Kìa hiện nay là thì được nhậm; kìa hiện nay là ngày cứu rỗi" (*II Cô-rinh-tô 6:2*).

Có người lý luận “Thời gian cứu rỗi của mỗi người một khác. Tôi không thể được cứu cho đến khi thời gian ấy tới.”

Tôi hỏi “Những dấu hiệu nào cho thấy thời gian đặc biệt của anh đến?”

Anh đáp: “À, tôi không biết rõ.”

Tôi hỏi: “Vậy thì làm sao để biết thời gian nào anh cho là mình sẽ được cứu?” Anh không trả lời vì anh không bận tâm đến sự cứu rỗi. Tôi hy vọng anh được cứu trước khi anh chết.

Hãy xem xét thái độ đại dột của Phê-lít. Ông có một thái độ đại dột đối với Lời Đức Chúa Trời, nghĩ rằng Lời Ngài có cũng được, không cũng được. Nhưng Đức Chúa Trời “biểu hết thảy mọi người trong mọi nơi đều phải ăn năn ngay bây giờ” (*Công Vụ 17:30*). Khi Đức Chúa Trời phán, mọi người đều phải lắng nghe và vâng lời.

Phê-lít có thái độ đại dột đối với tội lỗi mình. Ông biết mình là một tội nhân nhưng ông không chịu đoạn tuyệt với tội lỗi và vâng phục Chúa. Ông có thái độ đại dột đối với ân sủng của Đức Chúa Trời. Chúa đã kiên nhẫn với Phê-lít, nhưng vị tổng đốc không chịu đầu phục. Phê-lít không biết chắc về sự sống ngày sau, ông đã đại dột trì hoãn. “Chớ khoe khoang về ngày mai, vì con chẳng biết ngày mai sẽ sinh ra điều gì” (*Châm Ngôn 27:1*).

Thay vì lắng nghe Phao-lô, Phê-lít đã sử dụng Phao-lô như một con tốt chính trị, để rút tiền Hội Thánh hoặc dành được sự đồng tình của người Do Thái. Sự kiện Phê-lít có những buổi thảo luận thêm với Phao-lô không phải là biểu hiện cho thấy ông quan tâm đến những điều thuộc linh. Các bạn Phao-lô đã đến rồi đi, và có lẽ một số người trong họ đã là phương tiện đem quà tặng hào phóng của các Hội Thánh người ngoại bang. Chắc chắn Phao-lô đã làm chứng thêm cho quan tổng đốc nhưng không có kết quả gì. Khi Phê-lít bị thay thế, ông bỏ mặc Phao-lô trong tù, nhưng chính Phê-lít mới thật sự là tù nhân.

Tâm trí quan tổng đốc đã được khai sáng (*Công Vụ* 24:22), cảm xúc được khuấy động (24:25), nhưng ông không đầu phục. Ông tìm cách dành lấy thế gian, nhưng như chúng ta biết, ông đã đánh mất linh hồn mình, ông cứ chần chờ để rồi rơi vào địa ngục.

Tiến sĩ Clarence Macartney kể câu chuyện về một buổi họp trong địa ngục. Sa-tan triệu tập bốn con quỷ cao cấp và ra lệnh chúng phải suy nghĩ ra một lời nói dối mới có thể bẫy được nhiều linh hồn hơn.

Một con quỷ nói: "Tôi có cách. Tôi sẽ đến thế gian và nói cho con người biết không có Đức Chúa Trời nào cả."

Sa-tan nói: "Sẽ không bao giờ có hiệu quả. Con người có thể nhìn quanh mình và thấy rằng có một Đức Chúa Trời."

Quỷ thứ hai lên tiếng: "Tôi sẽ đi và nói cho họ biết không có thiên đàng nào cả!" nhưng Sa-tan phản đối ý kiến đó. "Mọi người đều biết có một sự sống sau cái chết và họ muốn đến thiên đàng."

Quỷ thứ ba nói "chúng ta hãy cho họ biết không có địa ngục nào cả!"

Quỷ Sa-tan nói "không, lương tâm bảo họ biết tội lỗi họ sẽ bị phán xét." Chúng ta cần một lời nói dối hay hơn thế."

Bình thần, con quỷ thứ tư nói: "Tôi đã có cách giải quyết vấn đề của ngài," nó nói: "Tôi sẽ đến thế gian và nói cho mọi người rằng *chẳng cần vội vã gì*." Sa-tan chấp nhận đề nghị này.

Thời điểm tốt nhất để tin nhận Chúa Giê-xu là - *bây giờ!* Và thời điểm tốt nhất để cho người khác biết tin tốt lành về Phúc Âm là - *bây giờ!*

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 10

Công Vụ Các Sứ Đồ 24

1. Trì hoãn thường đem lại kết quả tiêu cực. Vậy tại sao nhiều người cứ hay trì hoãn?
2. Tại sao Sa-tan thường dùng mưu kế trì hoãn để ngăn chặn đà phát triển của Phúc Âm?
3. Trước mặt Phê-lít, Phao-lô bị buộc vào những tội gì?
4. Có bằng chứng xác thật gì cho những tội ấy không?
5. Phao-lô đáp ứng thế nào trước các lời buộc tội ấy? Sự trả lời của ông có bày tỏ được đức trung tín của ông không?
6. Phao-lô và các Cơ Đốc nhân đầu tiên có ý kiến gì đối với Cựu giáo Do Thái?
7. Cho biết các điểm chính trong lời chứng của Phao-lô cho Phê-lít và Đơ-ru-si.
8. Phê-lít và Đơ-ru-si có để tâm đến lời chứng của Phao-lô không?
9. Bạn nghe đến chữ "tội lỗi" trong những trường hợp nào, và lúc nào thì không ai nhắc đến chữ ấy?
10. Làm thế nào để bạn sống một đời sống có thể khích lệ người chung quanh tin theo Đấng Christ?

PHAO-LÔ BIÊN HỘ

Công Vụ Các Sứ Đồ 25-26

Quan tổng đốc mới, Bốt-tiu Phê-tu, là người tốt hơn người tiền nhiệm và đã đúng đắn hơn. Tuy nhiên, ông sớm phát hiện rằng quan điểm chính trị Do Thái không dễ xử lý, đặc biệt là vụ kiện đã kéo dài hai năm của Sứ đồ Phao-lô, một tù nhân không bị lời buộc tội chính thức nào. Phao-lô là một người Do Thái mà đồng bào ông muốn giết, và là một công dân Rô-ma mà chính quyền ông không biết đến.

Thật là một tình thế khó xử! Nếu Phê-tu tha Phao-lô, dân Do Thái sẽ nổi loạn. Còn nếu giữ mãi Phao-lô trong tù cũng không ổn; luật Rô-ma không cho phép giam người mà không có bản án. Phê-tu biết rằng phải hành động nhanh chóng và lợi dụng sự kiện ông là người mới đến là điều khôn ngoan nhất. Trì hoãn chỉ làm vấn đề tệ hại hơn.

Hai chương này giới thiệu Phê-tu trong ba hoàn cảnh khác nhau, mỗi hoàn cảnh đều có liên hệ đến sứ đồ Phao-lô.

1. Sự Hòa Giải: Phê-tu và Các Chức Sắc Do Thái

Công Vụ Các Sứ Đồ 25:1-12

Phê-tu đã đến tỉnh mình được ba ngày rồi, thì ở thành Sê-sa-rê đi lên thành Giê-ru-sa-lem. ²Tại đó, có các thầy tế lễ cả và các người sang trọng trong dân Giu-đa đợi đơn kiện Phao-lô trước mặt người; ³vì có ý nghịch, thì cố nài xin quan làm ơn đòi Phao-lô trở về thành Giê-ru-sa-lem: Họ đặt âm mưu dặng giết người dọc đường. ⁴Nhưng Phê-tu trả lời rằng Phao-lô bị giam tại thành Sê-sa-rê, và chính mình người sẽ kíp trở về

thành đó. ⁵Lại nói rằng những người tôn trọng trong các người hãy xuống với ta, nếu người ấy có phạm tội gì thì hãy cứ kiện. ⁶Phê-tu ở cùng họ vừa tám hay là mười ngày mà thôi, đoạn trở xuống thành Sê-sa-rê; sáng ngày sau, người ngồi nơi tòa án và truyền dẫn Phao-lô đến. ⁷Phao-lô mới đến, thì có các người Giu-đa ở thành Giê-ru-sa-lem xuống vây bọc người, lấy nhiều cơ nặng mà thưa, nhưng chẳng tìm được chứng. ⁸Còn Phao-lô nói đặng bình vực mình, rằng: Tôi chẳng từng làm điều dữ chi, hoặc nghịch cùng luật pháp người Giu-đa, hoặc nghịch cùng đền thờ, hay là nghịch cùng Sê-sa. ⁹Nhưng Phê-tu muốn cho đẹp lòng dân Giu-đa, thì trả lời rằng: Người có muốn lên thành Giê-ru-sa-lem chịu xử tại đó về những việc này trước mặt ta chẳng? ¹⁰Phao-lô bèn thưa rằng: Tôi ứng hầu trước mặt tòa án Sê-sa, ấy là nơi tôi phải chịu xử; tôi chẳng có lỗi chi với người Giu-đa, như chính mình quan biết rõ ràng. ¹¹Ví bằng tôi có tội hay là phạm điều gì đáng chết, thì tôi chẳng từ chối chết đâu; trái lại, nếu trong đơn từ họ kiện tôi không có cơ gì hết, thì chẳng ai được nộp tôi cho họ. Tôi kêu nài sự đó đến Sê-sa. ¹²Kể đó, Phê-tu bàn tán với công hội mình, bèn trả lời rằng: Người đã kêu nài Sê-sa, chắc sẽ đến nơi Sê-sa.

Biết rằng hòa thuận với các chức sắc Do Thái là điều cần thiết, Phê-tu cất công viếng thăm thành thánh để tỏ lòng kính trọng. Và các chức sắc cũng lợi dụng cơ hội này để gọi lại vụ kiện Phao-lô. Thầy tế lễ cả mới là Ích-ma-ên; ông đã thay thế Giô-na-than là người bị Phê-lít giết chết. Ích-ma-ên muốn làm sống lại âm mưu hai năm trước đó để thanh toán Phao-lô cho rảnh nợ (*Công Vụ* 23:12-15).

Dường như quan tổng đốc mới chẳng biết gì về âm mưu của đền thờ và cũng không nghi ngờ các chức sắc tôn giáo Do Thái muốn giết Phao-lô. Vì một tòa án của người Rô-ma có thể họp ở Giê-ru-sa-lem hay ở Sê-sa-rê cũng được nên việc chuyển giao Phao-lô là thủ tục bình thường. Phê-tu không cần một đoàn tùy tùng đông đảo áp giải Phao-lô nên rất dễ bị phục kích. Sau cùng, vì đó là một vấn đề có liên quan đến một tù nhân Do Thái và luật pháp Do Thái, nên thiết tòa Giê-ru-sa-lem là hợp lý.

“Hãy giết Phao-lô!” người Do Thái không tin cứ gào lên như thế kể từ khi Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem (*Công*

Vụ 21:27-31; 22:22; 23:10-15; 25:3). Tuy nhiên, Phê-tu chẳng hay biết gì cả. Phao-lô đã được cảnh cáo về hiểm họa này, nhưng ông yên trí rằng Chúa sẽ bảo vệ ông, sử dụng sự làm chứng của ông và đưa ông đến Rô-ma an toàn (*Công Vụ* 23:11; 26:17). Tình thế trở nên nghiêm trọng hơn, vì giờ đây chính hội đồng, chứ không phải một nhóm người ngoại cuộc, đang âm mưu giết chết Phao-lô. Hai năm qua tưởng vụ việc lắng xuống, nhưng Sa-tan vẫn âm ỉ hoạt động (*Giăng* 8:44).

Phê-tu khôn ngoan không vội tin lời buộc tội, ông mời các chức sắc cùng đi với ông đến Sê-sa-rê đối mặt với Phao-lô lần nữa. Điều này sẽ cho Phê-tu cơ hội xét lại vụ án và nắm được nhiều sự kiện hơn. Những người Do Thái đồng ý, nhưng việc xử kiện đã không đem lại điều gì mới. Đoàn đại diện Do Thái (lúc này không có luật sư) chỉ lặp lại cũng những lời buộc tội vô căn cứ và không được chứng minh, hy vọng rằng quan tổng đốc sẽ đồng tình với họ và xử tử Phao-lô (*Công Vụ* 25:15-16).

Phao-lô phản ứng ra sao? Một lần nữa ông khẳng định rằng ông vô tội, không hề chống nghịch luật pháp Do Thái, đền thờ hoặc chính quyền Rô-ma. Phê-tu thấy rằng chẳng có tiến triển gì nên ông hỏi Phao-lô xem người có muốn được xét xử tại Giê-ru-sa-lem hay không. Ông làm điều này để làm đẹp lòng dân Do Thái mà không ngờ rằng ông đang gây nguy hiểm cho sinh mạng của tù nhân nổi tiếng của mình. Nhưng một quan tòa Rô-ma không thể chuyển một vụ kiện đến một tòa án khác mà không có sự đồng ý của bị cáo. *Phao-lô không chịu đến Giê-ru-sa-lem*. Ông đòi kêu nài đến Sê-sa vì đó là quyền hạn của một công dân Rô-ma.

Điều gì đã hướng dẫn Phao-lô thực hiện quyết định khôn ngoan này? Trước hết, ông biết rằng nơi giải oan cho ông là Rô-ma chứ không phải Giê-ru-sa-lem, và cách nhanh nhất để đến đó là kêu nài lên Sê-sa. Phao-lô cũng biết rằng dân Do Thái không từ bỏ âm mưu giết ông, nên ông đã khôn ngoan đặt mình dưới sự bảo vệ của Rô-ma.

Bằng cách kêu nài Sê-sa, Phao-lô buộc người Rô-ma phải bảo vệ và đưa ông đến Rô-ma an toàn.

Điều đó chắc đã làm các chức sắc Do Thái tức giận vì vụ án đã tuột khỏi tay họ. Phao-lô cho biết rõ rằng ông sẵn sàng chết nếu họ có thể chứng minh được ông đã phạm tội đáng chết. Phê-tu đã gặp hội đồng của ông và họ đồng ý gửi Phao-lô cho Nê-rô xét xử. Chắc hẳn quan tổng đốc mới hơi bẽ bàng khi ông không giải quyết nổi một trong những vụ kiện đầu tiên của mình đến nỗi tù nhân phải kêu nài đến Sê-sa.

2. Cuộc Hội Ý: Phê-tu và Ạc-ríp-ba

Công Vụ Các Sứ Đồ 25:13-22

¹³Cách đó mấy ngày, vua Ạc-ríp-ba với Bê-rê-nít đến thành Sê-sa-rê dâng chào Phê-tu. ¹⁴Vì hai người ở lại đó mấy ngày, nên Phê-tu đem vụ Phao-lô trình với vua, rằng: Đây có một tên tù mà Phê-lít đã để lại. ¹⁵Lúc tôi ở thành Giê-ru-sa-lem, các thầy tế lễ cả và các trưởng lão dân Giu-đa đến kiện người và xin tôi làm án người đi. ¹⁶Tôi đáp lại rằng người Rô-ma chẳng có lệ giải nộp một người nào mà bên bị cáo chưa đối nại với bên tiên cáo, và người đó chưa có cách thế để chống cãi lời kiện cáo mình. ¹⁷Họ bèn đến đây, thì vừa ngày sau, tôi ra ngồi nơi tòa án, không trễ nải mà truyền dẫn người ấy đến. ¹⁸Các người tiên cáo đều đã có mặt, song không kiện nó về một tội gì như tôi đã dè chừng. ¹⁹Chỉ cáo nó về đạo riêng của họ, và một tên Giê-xu đã chết kia, mà Phao-lô quyết rằng còn sống. ²⁰Trong sự cãi lầy đó, tôi không biết theo bên nào, nên hỏi Phao-lô muốn đi đến thành Giê-ru-sa-lem, để chịu xử mọi điều ấy tại nơi đó chẳng. ²¹Nhưng nó đã kêu nài để việc kiện mình lại cho hoàng đế phân xử. Vậy, tôi đã truyền giam nó trong ngục đợi tới khi tôi giải cho Sê-sa. ²²Ạc-ríp-ba bèn nói với Phê-tu rằng: Ta cũng muốn nghe người ấy. Phê-tu tâu rằng: Đến mai vua sẽ nghe.

Nhưng vấn đề của quan tổng đốc mới chưa hết. Ông tránh va chạm với dân Do Thái, nhưng ông không tìm được những lời buộc tội hữu lý về tù nhân của ông. Làm sao ông có thể gửi một tù nhân có tiếng như vậy đến hoàng đế mà không cho liệt kê những tội lỗi của người

ấy ra?

Khoảng thời gian đó, Hê-rốt Ạc-ríp-ba II và em gái của Hê-rốt, Bê-rê-nít đến thăm Phê-tu. Vị vua trẻ tuổi này, người cai trị cuối cùng của giòng Hê-rốt, là chất của Hê-rốt đã giết các trẻ em sơ sinh tại Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ* 12:1-25). Sự kiện em gái của ông sống với ông đã gây nhiều nghi ngờ cho dân Do Thái, vì luật pháp Do Thái lên án tội loạn luân (*Lê-vi Ký* 18:1-18; 20:11-21). Rô-ma đã ban cho Hê-rốt Ạc-ríp-ba II pháp quyền đối với đền thờ ở Giê-ru-sa-lem, nên Phê-tu cho ông dự phần vào vụ án là hợp lẽ.

Phê-tu đủ lanh lợi để hiểu rằng vụ kiện của dân Do Thái nghịch cùng Phao-lô không liên quan gì với thường luật. Nó chỉ là một vấn đề tôn giáo mà thôi (*Công Vụ* 18:14-15; 23:29) Rô-ma thấy không cần phải giải quyết, đặc biệt là giáo lý về sự sống lại. *Công Vụ* 25:19 chứng minh rằng tội của Phao-lô nhằm vào việc giảng dạy sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Như chúng ta đã ghi nhận trong các bài học trước, đây là chủ đích chính của sự làm chứng của Hội Thánh trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*.

Phê-tu có ý muốn dời vụ xét xử đến Giê-ru-sa-lem vì “những vấn đề của dân Do Thái” chỉ có thể được giải quyết bởi dân Do Thái trong lãnh địa Do Thái mà thôi (*Công Vụ* 25:20). Nhưng trong thâm tâm, ông muốn làm hài lòng các chức sắc Do Thái, mà đa số họ được vua Hê-rốt biết. Phê-tu cần có lý do rõ ràng gửi Phao-lô đến Hoàng đế Nero, và có lẽ Ạc-ríp-ba giúp ông tìm ra lý do đúng đắn (Augustus” trong *Công Vụ* 25:21; và 25:25 là một danh hiệu chớ không phải là tên người).

Ạc-ríp-ba là một chuyên gia về những vấn đề của Do Thái (26:2-3) và chắc chắn sẽ rất quan tâm đến việc biết thêm về Phao-lô là người đã gây một cuộc nổi loạn trong đền thờ. Có thể Hê-rốt giúp Phê-tu trong việc tìm ra những lời buộc tội thật sự chống lại Phao-lô và cũng có lẽ Phê-tu trợ giúp Hê-rốt trong việc hiểu thêm về vấn đề

người Do Thái tại thành thánh.

3. Cuộc Đối Chất: Phê-tu, Ạc-ríp-ba và Phao-lô

Công Vụ Các Sứ Đồ 25:23-26:32

²³Vậy, qua bữa sau, vua Ạc-ríp-ba với Bê-rê-nít đến cách long trọng, vào phòng xử kiện với quan quân cơ và các người tôn trưởng trong thành. Phê-tu bèn truyền lệnh điệu Phao-lô đến.

²⁴Đoạn, Phê-tu rằng: Tâu vua Ạc-ríp-ba và hết thầy các ông có mặt tại đây, các ông đều thấy người này, vì cơ nó, nên thay thầy dân chúng Giu-đa đến nài xin ơn tôi, tại thành Giê-ru-sa-lem và tại đây cũng vậy, mà kêu lên rằng chẳng khá để cho nó sống nữa. ²⁵Phần tôi, đã xét nó chẳng có làm điều gì đáng tội chết; và vì chính nó cũng đã kêu nài việc đó đến Sê-sa, nên tôi định giải nộp cho Sê-sa. ²⁶Nhưng vì tôi không có điều chi quả quyết để làm sớ tâu hoàng đế về việc nó, nên đòi nó đến trước mặt các ông, nhứt là trước mặt vua, là Ạc-ríp-ba, đặng khi tra hỏi rồi, tôi có điều để viết sớ. ²⁷Vả, tôi nghĩ rằng giải một tên phạm mà chẳng nói rõ điều người ta kiện nó, thì là trái lẽ lắm. 26

Lời Phao-lô giảng cho vua Ạc-ríp-ba

¹Bấy giờ vua Ạc-ríp-ba biểu Phao-lô rằng: Người được phép nói để chữa mình. Phao-lô bèn đưa tay ra, chữa cho mình như vậy:

²Tâu vua Ạc-ríp-ba, tôi lấy làm may mà hôm nay được gỡ mình tôi trước mặt vua về mọi điều người Giu-đa kiện tôi, ³nhứt là vì vua đã rõ mọi thói tục người Giu-đa, và cũng biết sự cãi lầy của họ. Vậy, xin vua hãy nhịn nhục mà nghe tôi.

⁴Cách ăn nết ở của tôi từ lúc tuổi trẻ, nơi giữa bốn quốc tôi và tại thành Giê-ru-sa-lem, thì mọi người Giu-đa đều biết cả. ⁵Vì bằng họ muốn làm chứng về việc này, thì biết từ lâu ngày rồi, tôi là người Pha-ri-si, theo phe đó, rất là nghiêm hơn trong đạo chúng tôi. ⁶Hiện nay tôi bị đoán xét, vì trông cậy lời Đức Chúa Trời đã hứa cùng tổ phụ chúng tôi, ⁷lại mười hai chi phái chúng tôi, lấy lòng sốt sắng thờ phượng Đức Chúa Trời, cả đêm và ngày, mà trông đợi lời hứa ấy được trọn. Muôn tâu, thật là vì sự trông cậy đó mà tôi bị người Giu-đa kiện cáo. ⁸Ừa nào! Các ông há lại ngờ chẳng có thể tin được rằng Đức Chúa Trời khiến những kẻ chết sống lại sao?

⁹Thật, chính mình tôi đã tin rằng nên dùng đủ mọi cách thể mà chống lại danh Giê-xu ở Na-xa-rét. ¹⁰Thật tôi đã làm sự này tại thành Giê-ru-sa-lem: Sau khi đã chịu quyền của các

thấy tế lễ cả, thì tôi bỏ tù nhiều người thánh; và lúc họ giết các người đó, tôi cũng đồng một ý. ¹¹Và lại, tôi thường thấy đi từ nhà hội này đến nhà hội kia, hà hiếp họ, để bắt họ phải nói phạm thượng, tôi lại nổi giận quá bội bắt bớ họ cho đến các thành ngoại quốc.

¹²Ấy vậy, tôi lên thành Đa-mách có trọn quyền và phép bởi các thầy tế lễ cả, đương đi dọc đường, ¹³muôn tâu, lúc giữa trưa, tôi thấy có ánh sáng từ trên trời, giáng xuống chói lọi hơn mặt trời sáng lòe chung quanh tôi và kẻ cùng đi. ¹⁴Chúng tôi thấy đều té xuống đất, và tôi nghe tiếng phán cùng tôi bằng tiếng Hê-bơ-rơ rằng: Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, sao ngươi bắt bớ ta? Ngươi đã đến ghim nhọn thì là khó chịu cho ngươi vậy. ¹⁵Tôi thưa: Lạy Chúa, Chúa là ai? Chúa đáp rằng: Ta là Giê-xu mà ngươi đương bắt bớ. ¹⁶Song hãy chờ dậy, và đứng lên, vì ta đã hiện ra cho ngươi để lập ngươi làm chức việc và làm chứng về những việc ngươi đã thấy cùng những việc ta sẽ hiện đến mách cho ngươi. ¹⁷Ta sẽ bảo hộ ngươi khỏi dân này và dân ngoại là nơi ta sai ngươi đến, ¹⁸đặng mở mắt họ, hầu cho họ từ tối tăm mà qua sáng láng, từ quyền lực của quỷ Sa-tan mà đến Đức Chúa Trời, và cho họ bởi đức tin nơi ta được sự tha tội, cùng phần gia tài với các thánh đồ.

¹⁹Tâu vua A-c-ríp-ba, từ đó, tôi chẳng hề dám chống cự với sự hiện thấy trên trời; ²⁰nhưng đầu hết tôi khuyên dỗ người thành Đa-mách, kể đến người thành Giê-ru-sa-lem và cả xứ Giu-đê, rồi đến các dân ngoại rằng phải ăn năn và trở lại cùng Đức Chúa Trời, làm công việc xứng đáng với sự ăn năn. ²¹Kìa, vì thế nên người Giu-đá đã bắt tôi trong đền thờ và toan giết tôi. ²²Song nhờ ơn Đức Chúa Trời bảo hộ, tôi còn sống đến ngày nay, làm chứng cho các kẻ lớn nhỏ, không nói chi khác hơn là điều các đấng tiên tri và Môi-se đã nói sẽ đến, ²³tức là Đấng Christ phải chịu thương khó, và bởi sự sống lại trước nhứt từ trong kẻ chết, phải rao truyền ánh sáng ra cho dân Ngài và dân ngoại.

²⁴Người đang nói như vậy để bình vực mình, thì Phê-tu nói lớn lên rằng: Hỡi Phao-lô, ngươi lạng trí rồi; ngươi học biết nhiều quá đến đỗi ra điên cuồng. ²⁵Phao-lô lại nói: Bẩm quan lớn Phê-tu, tôi chẳng phải lạng trí đâu; tôi nói đó là những lời thật và phải lẽ. ²⁶Vua biết rõ các sự này; lại tôi bền lòng tâu vì tin rằng chẳng có điều nào vua không biết; vì mọi việc đó chẳng làm ra cách chùng vụng đâu. ²⁷Tâu vua A-c-ríp-ba, vua có tin các đấng tiên tri chẳng? Tôi biết thật vua tin đó! ²⁸Vua A-c-ríp-ba phán cùng Phao-lô rằng: Thiếu chút nữa ngươi khuyên ta trở

nên tín hữu Đấng Christ! ²⁹Phao-lô tâu: Cầu xin Đức Chúa Trời, chẳng kíp thì chầy, không những một mình vua, nhưng hết thầy mọi người nghe tôi hôm nay đều trở nên như tôi, chỉ trừ bỏ xiềng này thôi!

³⁰Vua bèn đứng dậy, quan tổng đốc và bà Bê-rê-nít cùng những người đồng ngồi đó cũng vậy. ³¹Khi lui ra rồi, các người nói cùng nhau rằng: Trong cách ăn ở người này, thật chẳng có chi đáng chết hoặc đáng bỏ tù cả. ³²Vua Ạc-ríp-ba nói với Phê-tu rằng: Nếu người này chưa kêu nài đến Sê-sa, có thể tha được.

Một người Do Thái bé nhỏ đã rao giảng Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ lại được các nhân vật quan trọng trong triều đình tiếp đón trịnh trọng. Nhưng Chúa đã hứa với Phao-lô rằng ông sẽ làm chứng trước mặt “các dân ngoại và các vua” (*Công Vụ* 9:15) và lời hứa đó đang được ứng nghiệm lần nữa. Một khi Phao-lô chấm dứt sự làm chứng của ông, mọi thính giả của ông sẽ biết làm sao để được cứu và sẽ không có lý do nào để biện hộ cho sự lơ là của mình.

Họ họp trong một “thính phòng” trong cung điện, có các quan văn võ cao cấp của chính quyền Rô-ma cùng dự. Vụ kiện của Phao-lô có thể đã được các quan chức khác nhau thảo luận nhiều lần suốt hai năm qua, vì vậy rất ít ai trong số những người có mặt đó không biết về sự việc.

Chắc chắn Phê-tu đã phóng đại khi ông nói rằng “thay thầy dân chúng Do Thái” đều buộc tội Phao-lô, nhưng lời tuyên bố kiểu ấy sẽ khiến cho những người Do Thái có mặt hôm ấy rất bằng lòng. *Công Vụ* 25:25 cho chúng ta thấy đây là lần thứ hai Lu-ca tuyên bố Phao-lô vô tội (xem *Công Vụ* 23:29). Ông còn nói như thế nhiều lần nữa trước khi kết thúc sách của ông.

Trong những lời hoa mỹ trước mặt Ạc-ríp-ba, Phê-tu biểu lộ rằng ông muốn vua xét hỏi Phao-lô (*Công Vụ* 25:26) nhưng không có ghi chép nào cho biết vua đã chất vấn Phao-lô. Thật ra, trước khi buổi xử kiện chấm dứt, Phao-lô đã trở thành quan tòa, còn Phê-tu, vua Ạc-ríp-ba và Bê-rê-nít lại thành bị cáo! Phao-lô thật sự bênh vực

chính mình (*Công Vụ* 26:24) đồng thời, ông cũng trình bày chân lý của Phúc Âm và làm chứng cho sự khác biệt mà Chúa Giê-xu biến đổi cuộc đời một người. Đây là một trong những bài nói chuyện dài nhất của Phao-lô trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*.

Vua Ạc-ríp-ba điều khiển phiên tòa và bảo Phao-lô rằng ông được tự do nói. Trong lời mở đầu ngắn gọn, Phao-lô đã thành thật cảm ơn Ạc-ríp-ba đã nghe ông giải bày. Ông biết rõ vua là một chuyên gia về những vấn đề tôn giáo, nhưng không đề cập điều ấy lúc đó; ông cũng biết rằng vua tin những tiên tri Cựu Ước (*Công Vụ* 25:27). Phao-lô cũng ngụ ý rằng bài nói chuyện của ông có thể là một bài nói chuyện dài và ông rất cảm kích sự kiên nhẫn của vua trong việc nghe ông tự sự.

Lời biện hộ của Phao-lô có năm điểm chính.

1. “Tôi là người Pha-ri-si” (*Công Vụ* 26:4-11). Cuộc sống trước đây của Phao-lô ở Giê-ru-sa-lem cả dân Do Thái đều biết, vì vậy không cần phải đi vào chi tiết. Ông là một người Pha-ri-si mộ đạo (*Phi-líp* 3:5), con của một người Pha-ri-si (*Công Vụ* 23:6), và nhiều người công nhận ông đã thực hiện những việc lớn như một ra-bi (*Ga-la-ti* 1:13-14). Chính vì những nhận thức của ông về sự sống lại và “hy vọng của Y-sơ-ra-ên” mà giờ đây ông là tù nhân (xem 23:6 và 24:15). Một lần nữa, Phao-lô nêu lên tính chất chính thống và lòng trung thành đối với truyền thống Hê-bơ-rơ.

Đáng chú ý là Phao-lô đã đề cập “12 chi phái chúng tôi” (*Công Vụ* 26:7). Mặc dù chỉ 10 chi phái phương Bắc (Y-sơ-ra-ên) đã bị A-sy-ri chinh phục năm 722 T.C. và đã bị đồng hóa phần nào, nhưng không phải 10 chi phái này đã “bị hư mất” hay bị hủy diệt. Chúa Giê-xu đã phán về cả 12 chi phái (*Ma-thi-ơ* 19:28) và Gia-cơ cùng Sứ đồ Giăng cũng nói vậy (*Gia-cơ* 1:1; *Khải Thị* 7:4-8 và 21:12). Đức Chúa Trời biết tuyến dân của Ngài ở đâu, và Ngài sẽ làm trọn những lời hứa Ngài đã lập cùng họ.

Đại từ “các ông” trong *Công Vụ* 26:8 ở số nhiều, vì vậy

chắc Phao-lô đã nhìn khắp thính giả khi ông nói. Dĩ nhiên, người Hy Lạp và người Rô-ma không tin giáo lý về sự sống lại (17:31-32), những người Sa-đu-sê cũng vậy (23:8). Đối với Phao-lô, đây là một giáo lý chủ yếu, vì nếu không có sự sống lại, thì Chúa Giê-xu Christ đã không phục sinh và Phao-lô đã không có Phúc Âm nào để rao giảng (về lập luận của Phao-lô về sự sống lại và Phúc Âm, hãy xem *I Cô-rinh-tô* 15:1-58).

Phao-lô không chỉ là người Pha-ri-si, ông còn là một người sốt sắng bất bớ Hội Thánh. Ông đã hành hạ các tín hữu và tìm cách buộc họ chối bỏ Chúa Giê-xu Christ, và cũng góp phần quyết định giết một số người rồi. Nhóm từ “lên tiếng” (*Công Vụ* 26:10) nghĩa đen là biểu quyết. Điều này cho thấy Phao-lô từng là một nghị viên chính thức của Tòa Công Luận, nhưng nếu đúng như vậy thì chắc ông đã nói điều ấy lên trong số những bài nói chuyện của ông. Nhóm từ này có thể không có nghĩa gì hơn là ông “đã biểu quyết nghịch với họ” với tư cách một đại diện đặc biệt của thầy tế lễ cả (9:2-14).

Trong những ngày đầu của Hội Thánh, các tín hữu Do Thái tiếp tục thờ phượng trong các nhà hội, và đó là nơi Phao-lô tìm bắt và hành hạ họ (*Ma-thi-ơ* 10:17 và 23:34). Điều mà trong những năm đầu tiên Phao-lô xem là “nhiệt tình tôn giáo” (*Ga-la-ti* 1:13-14) thì trong những năm sau ông coi là “sự điên rồ” (*Công Vụ* 26:11). Ông từng “tàn hại Hội Thánh” (*Công Vụ* 8:3), “ngăm đe và chém giết” say sưa như một dã thú (*Công Vụ* 9:1).

2. “*Tôi thấy ánh sáng*” (*Công Vụ* 26:12-13). Không hài lòng giới hạn công việc mình ở Giê-ru-sa-lem, Phao-lô đã xin được quyền giám sát các nhà hội ở các thành xa. Do vậy nhiều tín hữu di tản và họ đã đem sứ điệp đến với dân Do Thái ở những cộng đồng khác (*Công Vụ* 8:4).

Phao-lô đã xem mình là người được khai sáng; ông là người Do Thái (*Rô-ma* 9:4-5), một học giả (*Công Vụ* 22:3), và là người Pha-ri-si. Sự thật, Phao-lô đã sống trong sự tâm tối rành rành về thuộc linh. Ông biết luật pháp

trong những ngày trước khi qui đạo, nhưng ông đã không nhận ra rằng mục đích của luật pháp là đem ông đến với Đấng Christ (*Ga-la-ti* 3:24). Ông từng là một người Pha-ri-si cậy công bình riêng cần phải khám phá rằng công đức và tư cách của ông không bao giờ có thể cứu ông và đem ông đến thiên đàng (*Phi-líp* 3:1-11).

Ánh sáng Phao-lô đã nhìn thấy là siêu nhiên, vì đó là vinh hiển của Đức Chúa Trời được bày tỏ từ trời (hãy so sánh *Công Vụ* 7:2 và 7:55-56). Ánh sáng ấy đã làm Phao-lô mù lòa trong ba ngày (*Công Vụ* 9:8-9), nhưng đôi mắt thuộc linh của ông đã được mở ra để nhìn xem Đấng Christ hằng sống (*II Cô-rinh-tô* 4:3-6). Nhưng nhìn thấy ánh sáng thì chưa đủ; phải nghe Lời Đức Chúa Trời nữa.

3. “*Tôi nghe tiếng phán*” (*Công Vụ* 26:14-18). Những người đồng đi với Phao-lô thấy ánh sáng, nhưng không thấy Chúa, và họ nghe có tiếng nói nhưng không hiểu. Họ đều té xuống đất (*Công Vụ* 26:14). Chúa Giê-xu Christ phán với Phao-lô bằng tiếng A-ram quen thuộc của dân Do Thái, gọi đích danh ông, và cho ông biết tiếp tục chiến đấu với Đức Chúa Trời là vô ích. Trong lúc ấy, Phao-lô khám phá được hai điều đáng ngạc nhiên: Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét vẫn sống, và Ngài hiệp với dân Ngài đến nỗi hoạn nạn của họ là hoạn nạn của Ngài! Phao-lô đang bắt bớ không chỉ Hội Thánh, mà cả Đấng Mết-si-a của ông!

Đáng khích lệ biết bao khi biết rằng Đức Chúa Trời vẫn dùng ân sủng để đối cùng kẻ thù của Ngài. Đức Chúa Trời đã đọa đến Phao-lô, nhưng Phao-lô thì một mực chống cự, “đá lại mũi nhọn.” “Những mũi nhọn” này là gì? Là lời chứng và sự chết của Ê-tiên, cộng với sự làm chứng trung tín của các thánh đồ những người đã chịu khổ bởi Phao-lô. Có lẽ Phao-lô cũng đã vật lộn với sự rỗng tuếch và yếu đuối của Do Thái giáo. Ông có thể tự nghĩ đời sống và lương tâm mình “không chỗ trách được” (*Phi-líp* 3:6; *Công Vụ* 23:1), nhưng chính trong lòng, chắc chắn ông biết mình chẳng thể nào hội đủ các tiêu chuẩn

thánh do Đức Chúa Trời đề ra (*Rô-ma* 7:7-16).

Từ “*chức việc*” trong câu 16 chỉ những nô lệ thấp hèn bị giam mình dưới hầm tàu buồm để chèo suốt ngày. Phao-lô đã quen làm một lãnh đạo được tôn trọng, nhưng sau khi qui đạo ông đã trở thành tôi tớ của Chúa Giê-xu Christ. Chúa đã hứa sẽ ở với Phao-lô và bảo vệ ông. Ngài cũng hứa sẽ bày tỏ Ngài cho ông. Phao-lô thấy Chúa trên đường Đa-mách, và ba năm sau ông gặp Ngài lần nữa trong lúc ở đền thờ (*Công Vụ* 22:17-21). Sau đó, Chúa đã hiện ra cho ông ở thành Cô-rinh-tô (*Công Vụ* 18:9) và ở thành Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ* 23:11) và Ngài sẽ hiện ra cho ông lần nữa.

Phao-lô rất ngạc nhiên khi biết Chúa sai ông đến dân ngoại. Ông vốn rất nặng lòng vì dân mình và mong mỗi thu phục họ về cho Đấng Christ (*Rô-ma* 9:1-3). Nhưng ý chỉ của Đức Chúa Trời không phải như vậy.

Câu 26:18 mô tả tình trạng thuộc linh của kẻ hư mất lẫn sự chu cấp nhân từ của Đấng Christ cho những ai tin. Có những câu tương tự trong *Ê-sai* 35:5; 42:6 và 61:1. Tội nhân hư mất giống như một tù nhân mù lòa trong tù ngục tăm tối, và chỉ có Đấng Christ mới có thể mở mắt họ và ban cho ánh sáng cùng sự tự do (*II Cô-rinh-tô* 4:3-6). Nhưng sau khi được cứu thì họ phải làm gì với quá khứ tội lỗi của mình? Chúa tha thứ hết, xóa sạch hết, nhận làm con cái của Ngài và ban cho sản nghiệp của Ngài!

Tội nhân phải làm gì? Phải tin nhận Chúa Giê-xu Christ (“*đức tin ở trong ta*” – *Công Vụ* 26:18). Phao-lô bỏ hết quá khứ để được sự cứu rỗi! Ông nhanh chóng khám phá ra rằng tất cả sự công bình của ông chỉ là chiếc áo nhớp trước mặt Đức Chúa Trời, và ông cần sự công bình của Đấng Christ (*Ê-sai* 64:6).

4. “*Tôi vâng lời*” (*Công Vụ* 26:19-21). Phao-lô rất thật lòng khi hỏi: “*Lạy Chúa, Ngài bảo tôi làm gì?*” (*Công Vụ* 9:6), và khi Chúa bảo, ông vâng lệnh tức thì. Ông bắt đầu ngay tại Đa-mách và hầu như phải trả giá bằng mạng

sống của ông (*Công Vụ* 9:20-25). Khi ông làm chứng cho dân Do Thái ở Giê-ru-sa-lem, họ đã tìm cách giết ông (*Công Vụ* 9:29-30). Mặc những trở ngại và nguy hiểm liên tục, Phao-lô cứ vâng theo sự kêu gọi và khải tượng mà Chúa Giê-xu Christ đã bày tỏ cho ông. Không điều gì lay chuyển ông! (*Công Vụ* 20:24). Trong *Công Vụ* 26:21, Phao-lô giải thích rõ cho A-c-ríp-ba và Phê-tu điều gì đã xảy ra trong đền thờ và tại sao nó xảy ra. "Vì những việc này" mà Phao-lô đã bị tấn công và chút nữa bị giết chết. Lời tuyên bố của ông rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét vẫn sống và là Đấng Mết-si-a của Y-sơ-ra-ên, chức vụ của ông cho dân ngoại, và sự mời gọi của ông về những phước hạnh của giao ước Đức Chúa Trời đối với dân Do Thái lẫn dân ngoại dựa trên cùng những điều kiện về sự ăn năn và đức tin (20:21). Người Y-sơ-ra-ên kiêu hãnh theo chủ nghĩa dân tộc chẳng có gì để học hỏi với một người Do Thái đối xử với dân ngoại như dân Do Thái!

5. "Tôi tiếp tục cho đến ngày nay" (*Công Vụ* 26:22-32). Hăng hái ra đi với những khải tượng và những tiếng phán là chuyện dễ, nhưng cứ tiếp tục tiến, đặc biệt khi đường đi có nhiều chướng ngại lại là một chuyện khác. Sự kiện Phao-lô tiếp tục phục vụ là chứng cứ về sự qui đạo của ông và là bằng chứng về sự thành tín của Đức Chúa Trời. Ông đã được cứu bởi ân sủng Đức Chúa Trời và được ban năng lực để phục vụ bởi ân sủng Đức Chúa Trời (*I Cô-rinh-tô* 15:10).

Một từ tóm tắt tốt nhất đời sống và chức vụ của Phao-lô là "làm chứng" (xem *Công Vụ* 26:16). Đơn giản là ông đã chia sẻ với người khác điều ông đã học và kinh nghiệm trong tư cách một người theo Chúa Giê-xu Christ. Sứ điệp của ông không phải là điều ông tạo ra, vì nó dựa cách vững chắc trên Kinh Cựu Ước. Chúng ta phải tự nhắc chính mình rằng Phao-lô và các sứ đồ khác chưa có Kinh Thánh Tân Ước nhưng đã sử dụng Kinh Thánh Cựu Ước để dẫn dắt tội nhân đến Đấng Christ và nuôi dưỡng tâm tín hữu.

Câu *Công Vụ* 26:23 là một tóm tắt về Phúc Âm (*I Cô-rinh-tô* 15:3-4) và mỗi phần có thể được xác nhận từ Kinh Thánh Cựu Ước. Hãy xem *Ê-sai* 52:13-53:12; và *Thi Thiên* 16:8-11. Phao-lô có thể bênh vực cho sự kêu gọi ông phục vụ giữa vòng dân ngoại bằng cách viện dẫn *Ê-sai* 49:6 (cũng xem *Công Vụ* 13:47). Chúa Giê-xu không phải là người đầu tiên được khiến sống lại từ cõi chết, nhưng Ngài là người đầu tiên được khiến sống lại từ cõi chết mà không bao giờ chết nữa. Ngài là “trái đầu mùa của những kẻ ngủ” (*I Cô-rinh-tô* 15:20).

Trong sứ điệp ở đền thờ, khi Phao-lô nói đến từ “*dân ngoại*”, đám đông vùng dậy phản đối (*Công Vụ* 22:21-22). Nghe tiếng “*dân ngoại*” Phê-tu phản ứng và lớn tiếng tố cáo Phao-lô bị lãng trí. Kỳ lạ làm sao khi Phê-tu không nghĩ rằng Phao-lô thật lãng trí khi ông bắt bớ Hội Thánh! (*Công Vụ* 26:11). Không ai gọi D.L. Moody là điên khi ông nãng nổ bán giày để kiếm sống, nhưng khi ông bắt đầu thu phục linh hồn, người ta gán cho ông biệt danh “Moody khùng.” Đây không phải là lần đầu tiên Phao-lô bị gọi là “*điên khùng*” (*II Cô-rinh-tô* 5:13), trong khi ông đi theo bước chân của Chủ mình (*Mác* 3:20-21; *Giăng* 10:20).

Phao-lô đang nói với vua Ạc-ríp-ba, nhưng sự ngắt lời đầy xúc động của quan tổng đốc buộc ông phải đáp lại. Ông nhắc cho Phê-tu rằng những sự kiện về chức vụ của Chúa Giê-xu Christ, bao gồm sự chết và sự sống lại của Ngài, đã được người ta biết rất nhiều vì biến cố ấy diễn ra cách công khai chứ không kín giấu. Tòa Công Luận Do Thái đã nhúng tay vào việc này, và quan tổng đốc Rô-ma, Phi-lát cũng vậy. Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét từng là một nhân vật nổi tiếng giữa công chúng ít nhất là ba năm, và đồng đảo quần chúng đã theo Ngài. Vậy làm sao quan tổng đốc có thể nói rằng không biết gì?

Phê-tu đã không cắt lời vì ông thật sự nghĩ Phao-lô mắc bệnh tâm thần. Nếu đúng vậy, ông sẽ đối xử Phao-lô nhẹ nhàng hơn và cho lính hộ tống người đến một nơi

trú ngụ yên ổn. Hơn nữa, ai lại gửi một người lãng trí điên dại đến hoàng đế để khiếu kiện! Quan tổng đốc có vẻ bị thuyết phục trước lời chứng của Phao-lô nhưng cố tìm cách chống lại lòng mình.

Nhưng Phao-lô không quên vua A-c-ríp-ba, một người Do Thái am tường về nhiều vấn đề. Khi Phao-lô hỏi A-c-ríp-ba có tin các tiên tri không, ông buộc vua đưa ra lập trường. Chắc chắn vua sẽ không chối bỏ điều mà mọi người Do Thái đã tin! Nhưng A-c-ríp-ba biết rằng nếu ông khẳng định niềm tin mình nơi các tiên tri, thì ông phải đối diện với câu hỏi: “Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét có phải là người mà các tiên tri đã viết về Ngài không?”

Phê-tu né tránh quyết định bằng cách cáo Phao-lô bị lãng trí. Vua A-c-ríp-ba lẩn tránh câu hỏi của Phao-lô với thái độ cấp trên và xem thường sự làm chứng của Phao-lô. Sự trả lời của vua trong câu 28 có thể được nói: “Phải chăng người nghĩ rằng trong một thời gian ngắn như thế với ít lời như thế, người có thể thuyết phục *ta* trở thành một Cơ Đốc nhân sao?” Có lẽ ông đã nói với một nụ cười tự mãn trên gương mặt và trong giọng nói. Thực ra, ông đã tự tuyên án tử hình cho chính mình (*Giăng* 3:18-21, 36).

Phao-lô đã lịch sự trong lời đáp của ông. “Cầu xin Đức Chúa Trời, chẳng kíp thì chầy, không những một mình vua, nhưng hết thảy mọi người nghe tôi hôm nay đều tin Chúa như tôi, chỉ trừ bỏ xiềng này thôi” (*Công Vụ* 26:29). Phê-tu và A-c-ríp-ba biết rằng tù nhân của họ rất quan tâm và thương xót họ. Nhưng họ vẫn cứng lòng, chấm dứt buổi đối chất để khỏi bận tai thêm.

Cả A-c-ríp-ba lẫn Phê-tu đã tuyên bố rằng Phao-lô vô tội về bất cứ tội lỗi đáng chết nào. Lu-ca tiếp tục thu thập những lời tuyên bố chính thức này để độc giả của ông hiểu rằng Phao-lô là người vô tội (xem *Công Vụ* 16:35-40; 18:12-17; 23:29; 25:25). Thật ra, Phao-lô có thể đã được trả tự do, nếu ông không kêu nài lên Sê-sa. Phải chăng ông dại dột trong việc thực hiện sự kêu nài của

mình? Không, ông không đại dột vì chính sự kêu nài Sê-sa cuối cùng đã chấm dứt những lời tố cáo liên tục của các chức sắc Do Thái. Họ biết mình không thể thành công trong việc chống lại Rô-ma.

Điều mà A-c-ríp-ba và Phê-tu không hiểu là Phao-lô đã làm quan án còn họ lại là những bị can trong cuộc xét xử. Họ đã được chỉ cho ánh sáng và con đường đến sự tự do, nhưng họ cố tình nhắm mắt lại và quay về với tội lỗi mình. Có lẽ họ đã cảm thấy nhẹ nhõm rằng Phao-lô sẽ đến Rô-ma và không làm phiền họ nữa. Cuộc xét xử đã xong, bản án sẽ đến với họ. Đó là điều chắc chắn.

Một điều thật kỳ diệu đó là dịp tiện để tin nhận Chúa Giê-xu và được cứu! Một điều thật khủng khiếp đó là việc lãng phí dịp tiện và có lẽ không bao giờ có dịp tiện khác.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 11

Công Vụ Các Sứ Đồ 25-26

1. Bảo vệ đức tin của mình là gì? Khi nào thì cần phải bảo vệ đức tin? Muốn bảo vệ đức tin thành công thì phải có điều kiện tiên quyết là gì?

2. Người Do Thái buộc Phao-lô vào tội gì? Họ tiến hành cuộc buộc tội như thế nào?

3. Tại sao ông kêu nài đến Sê-sa?

4. Trước khi trình với Ạc-ríp-ba, Phê-tu lưỡng lự như thế nào?

5. Tại sao có thể bảo Phao-lô là quan án còn Ạc-rip-ba và Phê-tu lại là bị cáo?

6. Tại sao người ta bảo rằng cả cuộc đời và mục vụ của Phao-lô là một "Lời Chứng"?

7. Thử tóm tắt lời biện hộ của Phao-lô.

8. Tại sao Đức Chúa Trời lại chọn một người rất thù nghịch với Đạo Chúa như Sau-lơ làm người truyền giảng Phúc Âm?

9. Phao-lô từ bỏ những gì để được sự cứu rỗi? Khi làm chứng cho những người chưa biết Chúa, chúng ta làm thế nào để đề cập đến việc phải hy sinh một số quyền lợi thế tục để được sự cứu rỗi?

10. Phao-lô nghĩ gì về Phê-tu và Ạc-rip-ba? Chúng ta nên có thái độ nào đối với người chưa tin Chúa và những người chống đối ta?

PHAO-LÔ ĐẾN LA MÃ

Công Vụ Các Sứ Đồ 27-28

“Tôi cũng phải thăm thành Rô-ma nữa!” Đó là lời của Phao-lô trong chức vụ ông ở thành Ê-phê-sô (*Công Vụ* 19:21), và ông đã không ngờ những khó khăn sẽ xảy ra trước khi ông đến kinh thành: sự bất giữ bất hợp pháp, những cuộc xét xử của người Rô-ma và người Do Thái, sự giam giữ và sự đắm tàu. Từ lâu ông muốn giảng Phúc Âm ở Rô-ma (*Rô-ma* 1:14-16) và ở Tây Ban Nha (*Rô-ma* 15:28), nhưng ông không hề nghĩ rằng mình ra đi như một tù nhân. Qua mọi việc đó, Phao-lô đã tin cậy lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ làm chứng ở Rô-ma (23:11) và Chúa đã ở cùng ông.

Tại sao Lu-ca dành một phân đoạn dài như thế để mô tả một chuyến đi biển và một vụ đắm tàu? Ông có thể viết gọn gàng hơn chứ! Lu-ca là một nhà văn lành nghề, được Thánh Linh Đức Chúa Trời thần cảm, và ông viết có chủ đích. Trước hết, sự tường thuật lý thú này quân bình những bài nói chuyện mà chúng ta đã đọc và đưa ra những sự kiện cụ thể hơn trong sự tường thuật. Cũng vậy, Lu-ca là một sử gia xác thực trình bày những sự kiện quan trọng về Phao-lô và chuyến đi biển đến Rô-ma của người.

Nhưng có lẽ mục đích của Lu-ca là giới thiệu Phao-lô như một nhà lãnh đạo can đảm, làm chủ được tình thế khó khăn trong cơn khủng hoảng lớn. Những thế hệ tương lai sẽ yêu mến và cảm kích Phao-lô hơn nữa về những việc ông đã làm trên đường đến Rô-ma.

Từ thời xa xưa, các nhà văn đã phác họa đời người như một hành trình hay một chuyến đi biển. Tác phẩm

"*Pilgrim's Progress*" (*Hành Trình Vĩnh Cửu*) của John Bunyan được dựa trên chủ đề này; tác phẩm "*Odyssey*" của Homer cũng vậy. Đôi khi chúng ta dùng phép ẩn ngữ "chuyến đi biển" trong giao tiếp hàng ngày: "thuận buồm xuôi gió!" hay "coi chừng chìm xuống!" Khi một Cơ Đốc nhân chết, chúng ta cũng nói, "bà ấy đã đến bờ bên kia." Bác sĩ Lu-ca chắc chắn không dùng lời bóng gió, nhưng ông đã sử dụng sự kiện này để cho thấy đức tin có thể biến đổi người tin và những người khác trong những cơn "bão tố của cuộc đời." Thật là một sự khích lệ cho đức tin của chúng ta!

Trong hành trình đến Rô-ma của Phao-lô, chúng ta thấy vị sứ đồ cao trọng này qua bốn vai trò quan trọng.

1. Phao-lô, Người Cố Vấn

Công Vụ Các Sứ Đồ 27:1-20

¹Khi đã định rằng chúng tôi phải đi đàng biển qua nước Y-ta-li, họ bèn giao Phao-lô và mấy tên phạm khác cho một thủy đội tên là Giu-lơ, về đội quân Âu-gu-ta. ²Chúng tôi xuống một chiếc tàu ở A-tra-mít phải trẩy đi dọc bờ biển A-si, đoạn thì ra đi. A-ri-tạc, là người Ma-xê-đoan, về thành Tê-sa-lô-ni-ca, cùng đi với chúng tôi. ³Đến ngày sau, chúng tôi tới thành Si-đôn, thì Giu-lơ đãi Phao-lô cách nhân từ, cho phép người đi thăm bạn hữu mình, và được họ lo việc mình. ⁴Đoạn, từ nơi đó, chúng tôi theo mé bờ đảo Chíp-rơ, vì bấy giờ ngược gió. ⁵Sau khi vượt qua biển Si-li-si và Bam-phi-ly, thì chúng tôi đến thành My-ra, trong xứ Ly-si. ⁶Ở đó, thủy đội thấy có một chiếc tàu ở A-léc-xan-tri sẽ đi qua Y-ta-li, bèn cho chúng tôi xuống tàu đó. ⁷Tàu chạy chậm lắm, mất nhiều ngày khó nhọc mới tới ngang thành Cơ-nít. Vì gió quá, tàu không thể ghé bến được, nên chúng tôi lại theo mé bờ đảo Cơ-rết, qua Sa-môn. ⁸Khi đã chịu khó đi dọc theo nơi đó, chúng tôi mới đến một nơi gọi là Mỹ cảng, gần thành La-sê.

⁹Trải lâu ngày, tàu chạy phải nguy hiểm (vì kỳ Kiêng ăn đã qua rồi), Phao-lô bảo trước cho những người trong tàu, ¹⁰rằng: Tôi thấy sự vượt biển này chắc sẽ phải nguy hiểm và hư hại, chẳng những cho hàng hóa và chiếc tàu mà thôi, lại đến thân chúng ta nữa. ¹¹Nhưng thủy đội tin lời người lái tàu và chủ tàu hơn

là lời Phao-lô nói. ¹²Vì cảng đó không tiện cho tàu đậu lúc mùa đông, nên phần nhiều người đều bàn rằng phải lia khỏi đó và ráng sức đến cảng Phê-nít, là cảng của đảo Cơ-rét, hướng phía tây nam và phía tây bắc, dặng qua mùa đông ở đó. ¹³Vừa có gió nam non bắt đầu thổi, họ tưởng rằng có thể tới nơi mình đã định, thì kéo neo mà đi dọc theo gấn đảo Cơ-rét.

Bị bão và chìm tàu

¹⁴Nhưng cách ít lâu có trận gió dữ tợn gọi là gió Ô-ra-qui-lôn thổi lên vạt vào đảo. ¹⁵Tàu đã phải bạt đi, chống lại gió chẳng nổi, nên chúng tôi để mặc cho theo chiều gió. ¹⁶Tàu bị bạt đến dưới một hòn đảo nhỏ kia gọi là Cơ-lô-da, chúng tôi khó nhọc lắm mới cầm được chiếc thuyền. ¹⁷Sau khi trục lên, họ dùng phương thế làm cho chắc chắn: Lấy dây ràng phía dưới chiếc tàu lại; đoạn lại sợ mắc cạn trên bãi Si-rơ-tơ, thì hạ buồm xuống, để mặc gió đưa trôi đi. ¹⁸Đến ngày mai, vì bão cứ thổi cũng mạnh như vậy luôn, họ bèn quăng hàng hóa xuống biển. ¹⁹Ngày thứ ba, chúng tôi dùng chính tay mình quăng đồ đạc trong tàu xuống biển. ²⁰Trong mấy ngày, mặt trời chẳng có, ngôi sao cũng không, mà bão thì vẫn thổi ào ào luôn, đến nỗi chúng tôi chẳng còn trông cậy được cứu nữa.

Lu-ca đã không nói về mình từ *Công Vụ* 21:18 nhưng đến đây ông đã hiệp với Phao-lô và A-ri-tạc (*Công Vụ* 19:29; 20:2, 4) trong chuyến đi đến Rô-ma. Có thể Lu-ca đi theo Phao-lô để chăm sóc sức khỏe... và A-ri-tạc đi với tư cách người hầu riêng của Phao-lô. Chắc Phao-lô đã cảm tạ Đức Chúa Trời biết bao về những người bạn trung tín của ông, những người đã hy sinh sự tự do của mình, và thậm chí đã liều mạng để giúp đỡ ông. Không có bằng chứng nào cho thấy cả hai người này đã bị bắt, nhưng Phao-lô đã nhắc đến A-ri-tạc như một “bạn tù” (*Cô-lô-se* 4:10). Điều này có thể chỉ về một sự giam cầm tự nguyện để giúp đỡ Phao-lô.

Phao-lô không phải là tù nhân duy nhất bị Giu-lơ giải đến Rô-ma, vì đã có “những tù nhân khác” cùng với họ. Các tù nhân kia chắc là đến Rô-ma để chết chứ không hầu tòa. Quả là may mắn khi họ gặp Phao-lô để được chỉ dạy cách đến Thiên đàng khi họ chết!

Thầy đội tìm được một chiếc tàu rời Sê-sa-rê, nên họ

lên tàu và đi suốt tám mươi dặm từ Sê-sa-rê đến Si-đôn trong một ngày. Ở Si-đôn, Phao-lô được phép viếng thăm bạn hữu và sắp xếp những thứ cần thiết cho chuyến đi dài. Lu-ca ghi lại sự tử tế của một quan chức Rô-ma đối với Phao-lô (*Công Vụ* 24:23), cũng như sự khích lệ của những tín hữu vô danh ở Si-đôn. Tên họ ở trong sách của Đức Chúa Trời và ngày nào đó họ sẽ được phần thưởng (*Phi-líp* 4:3).

Từ Si-đôn đến My-ra, hành trình khó khăn vì có gió tây. Tại My-ra, Giu-lơ một quan chức Rô-ma, thấy một chiếc tàu sẽ đi Y-ta-li, vì vậy ông bỏ chiếc tàu chạy chậm hơn và đưa Phao-lô cùng những người khác lên chiếc tàu lớn chở lúa thóc đến từ Ai Cập chứa 276 hành khách (*Công Vụ* 27:37-38). Rô-ma nhờ Ai Cập cung cấp lúa gạo, và chính quyền Rô-ma ưu đãi đặc biệt các thủy thủ từ Ai Cập đến.

Những cơn gió mạnh lại ngăn trở cuộc hành trình của họ nên mất “nhiều ngày” mới đi được 130 dặm từ My-ra đến Cơ-nít. Bấy giờ hoa tiêu lái đi hướng nam-tây nam đến đảo Cơ-rét, đi qua Sa-môn và cuối cùng cố gắng vào Mỹ cảng. Những khó khăn của hải trình này báo trước điều không lành sắp đến.

Thầy đội giờ đây phải quyết định hoặc trú đóng tại Mỹ cảng hoặc cố gắng đến cảng Phê-nít (Phê-ni-si-a, *Công Vụ* 27:12) ở bờ biển phía nam đảo Cơ-rét, cách khoảng bốn mươi dặm. Cách ông quyết định công việc như thế là thương tình với những ai không thăm hỏi ý muốn Đức Chúa Trời.

Phao-lô khuyên họ ở lại Mỹ cảng. Họ đã chạm trán những cơn gió ngược, vào lúc khởi đầu mùa bão. “Kỳ kiêng ăn” chỉ về Ngày Chuộc Tội, rơi vào khoảng giữa tháng Chín và Mười. Mọi thủy thủ đều biết rằng đi biển rất khó khăn từ giữa tháng Chín đến giữa tháng Mười Một, còn khoảng giữa tháng Mười Một đến tháng Hai thì không thể ra khơi được.

Công Vụ 27:10 nghe rất giống một lời tiên tri khiến

chúng ta nghĩ rằng Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô một linh cảm về sự nguy hiểm. Phao-lô đã trải qua ba nạn đắm tàu (*II Cô-rinh-tô* 11:25) nên có nhiều kinh nghiệm. Tuy nhiên, không ai lưu tâm đến lời cảnh cáo của Phao-lô, nên phải hối hận về sau.

Những yếu tố nào đã điều khiển quyết định của Giu-lơ? Trước hết, Mỹ cảng không phải là nơi tiện lợi để cập bến vì nó quá trống trải không chống chọi được những cơn bão mùa đông. Phê-lít có một bến cảng kín gió hơn. Giu-lơ cũng lắng nghe "lời khuyên chuyên môn" của hoa tiêu và thuyền trưởng ("người lái tàu và chủ tàu"). Họ khuyên rằng tàu tiến thẳng đến Phê-lít càng nhanh càng tốt. Chắc chắn họ đi bốn mươi dặm an toàn, và đã mất quá nhiều thời gian (*Công Vụ* 27:9). Khi Giu-lơ tính tổng số phiếu, ba phiếu chống một đề nghị tiếp tục hải trình. Thường thì đa số không thể sai, đặc biệt khi có nhiều người thạo việc.

Nhưng cuộc tranh luận dứt điểm khi thời tiết ụ xuống, vì gió nam bắt đầu thổi nhẹ. Khi tàu rời bến, có lẽ Giu-lơ, hoa tiêu và thuyền trưởng đã mỉm cười khoan dung đối với Phao-lô và hai người bạn của ông như thể nói rằng "Thấy không, các anh sai rồi!"

Tuy nhiên, "gió nhẹ" đã nhanh chóng trở nên bão tố. Các thủy thủ đã gọi cơn gió đặc biệt này là gió "O-ra-qui-lôn", một từ ghép tiếng Hy Lạp và La Tinh có nghĩa là "gió đông bắc." Thủy thủ đoàn đã phải để tàu trôi giạt vì họ không thể điều khiển con tàu, cơn gió làm tàu bạt đi hai mươi ba dặm về hướng nam, đến đảo Cơ-lô-đa.

Khi cơn bão trở nên dữ dội hơn, thủy thủ đoàn làm hết khả năng để giữ cho con tàu nổi. Họ ràng dây thừng quanh thân tàu để tàu không bị vỡ ra và họ hạ một số buồm xuống. Ngày thứ hai, họ bắt đầu quăng lúa thóc xuống biển, và ngày thứ ba họ vứt đồ đạc xuống biển (chú ý cách Lu-ca sử dụng "chúng tôi" trong *Công Vụ* 27:19). Vì cơn bão, họ không thể nhìn thấy mặt trời hay ngôi sao, nên không xác định được vị trí của mình. Tình cảnh

dường như vô vọng, và tất cả đã xảy ra vì một người không lắng nghe sứ giả của Đức Chúa Trời.

Nhiều khi chúng ta tự dẫn mình vào bão tố vì những lý do giống nhau: thiếu kiên nhẫn (*Công Vụ* 27:9) chấp nhận lời khuyên của người kinh nghiệm nhưng nghịch với ý Đức Chúa Trời, theo đa số và tin cậy những điều kiện lý tưởng (*Công Vụ* 27:13). “Ai tin sẽ chẳng gặp rút” (*Ê-sai* 28:16). Cần phải lắng nghe Lời Đức Chúa Trời.

2. Phao-lô, Người Khích Lệ

Công Vụ Các Sứ Đồ 27:21-44

²¹Vì họ không ăn đã lâu, nên Phao-lô đứng dậy giữa đám họ, mà nói rằng: Hỡi bạn hữu ta, chớ chi bữa trước tin lời ta mà chẳng dời khỏi đảo Cơ-rét, thì chúng ta đã chẳng mắc cơn nguy hiểm và tổn hại này. ²²Nhưng bây giờ, ta khuyên các ngươi hãy vững lòng; trong các ngươi chẳng mất ai hết, chỉ mất chiếc tàu mà thôi. ²³Vì đêm nay, một thiên sứ của Đức Chúa Trời, là Đấng ta thuộc về và hầu việc, có hiện đến cùng ta mà phán rằng: ²⁴Hỡi Phao-lô, đừng sợ chi hết; ngươi phải ứng hầu trước mặt Sê-sa; và này, Đức Chúa Trời đã ban cho ngươi hết thầy những kẻ cùng đi biển với ngươi. ²⁵Vậy, hỡi các ông, hãy vững lòng, vì ta có lòng tin cậy Đức Chúa Trời rằng sẽ xảy ra như lời Ngài đã phán vậy; ²⁶nhưng chúng ta chắc sẽ bị tấp lên một hòn đảo nào.

²⁷Đã đến đêm thứ mười bốn mà chúng tôi cứ trôi nổi trên biển A-đờ-ria-tích, lúc nửa đêm, các bạn tàu ngờ đang đến gần một đất nào. ²⁸Họ thả trái dò xuống, thì thấy sáu hai chục sải; hơi xa một ít, lại thả nữa, thì thấy mười lăm sải. ²⁹Bấy giờ, sợ đụng rạn, họ bèn từ trên đầu lái tàu quăng bốn neo xuống, và ước ao đến sáng. ³⁰Nhưng vì bạn tàu tìm phương lánh khỏi chiếc tàu và thả chiếc tam bản xuống biển, giả đồ đi thả neo đằng trước mũi, ³¹thì Phao-lô nói với thầy đội và lính rằng: Nếu những người này chẳng cứ ở trong tàu, thì các ông chẳng được cứu. ³²Bọn lính bèn cắt dây buộc tam bản, làm cho rút xuống. ³³Đoạn, trong khi đội trời sáng, Phao-lô khuyên ai nấy hãy ăn. Người nói: Hôm nay là ngày thứ mười bốn mà các ngươi đang trông đợi, nhịn đói chẳng ăn chút nào. ³⁴Vậy, ta khuyên các ngươi hãy ăn, vì thật là rất cần cho sự cứu của các ngươi và chẳng ai trong vòng các ngươi sẽ mất một sợi tóc trên đầu

mình. ³⁵Nói như vậy rồi, người bèn lấy bánh, đứng trước mặt mọi người, tạ ơn Đức Chúa Trời rồi, thì bẻ ra và ăn. ³⁶Bấy giờ ai nấy đều giục lòng, và ăn. ³⁷Vả, số chúng tôi hết thấy ở trong tàu được hai trăm bảy mươi sáu người. ³⁸Họ đã ăn vừa no nê, bèn quăng đồ lương thực xuống biển, làm cho nhẹ tàu đi.

³⁹Đến sáng ngày, họ chẳng nhận biết là đất nào, nhưng thấy có cái vịnh và bờ, bèn định đổ tàu đó mà núp, xem có thể được chăng. ⁴⁰Vậy, họ đứt dây bỏ neo xuống biển, tháo dây bánh lái; đoạn, xô buồm sau lái thuận theo gió, tìm lối chạy vào bờ. ⁴¹Song chạy nhằm chỗ hai ngọn nước biển xáp nhau, thì họ làm cho tàu bị cạn tại đó; đầu mũi cắm xuống không động đậy được, còn đầu lái bị sóng đánh dữ lắm nên nát hết. ⁴²Bấy giờ quân lính bàn định giết các tù phạm, e có người nào trong bọn họ lợi thoát khỏi chăng. ⁴³Nhưng thấy đội muốn cứu Phao-lô, nên ngăn trở nghị định đó. Người truyền cho ai biết lợi thì nhảy xuống nước trước đi mà lợi vào bờ, ⁴⁴và truyền cho những kẻ còn lại, người thì cỡi trên ván, kẻ thì cỡi trên miếng vách nát của chiếc tàu. Thế là ai nấy đều được lên bờ vô sự vậy.

Joseph Parker đã nói: “Phao-lô đã khởi đầu như một tù nhân, kết thúc như một thuyền trưởng.” Phao-lô đã “điều khiển” tình thế khi mọi người đều thúc thủ. Khủng hoảng không tạo nên con người; khủng hoảng bày tỏ bản chất của con người. Phao-lô nhẹ nhàng quở trách thầy đội, hoa tiêu và thuyền trưởng về việc không đếm xỉa đến lời cảnh cáo của ông. Chẳng bao lâu họ khám phá rằng Đức Chúa Trời đã tha thứ tất cả họ chỉ vì Phao-lô.

Hãy xem xét bốn lần Phao-lô khích lệ hành khách và thủy thủ đoàn.

Phao-lô chia sẻ Lời Đức Chúa Trời với họ (Công Vụ 27:22-26). Một sứ giả của Chúa đã viếng thăm Phao-lô và cho ông biết rằng tàu và hàng hóa sẽ bị mất, nhưng tất cả hành khách sẽ được sống và tấp lên một hòn đảo. Một lần nữa, Chúa đã ban cho ông một lời khích lệ đặc biệt đúng lúc (*Công Vụ 18:9-10; 23:11*). Ngày nay, dường như chúng ta không có những khả năng, nhưng chúng ta có những lời hứa trong Lời Ngài để khích lệ chúng ta (*Rô-ma 15:4; 41:10 và 43:1-5*). Chính vì cơ Phao-lô mà Đức

Chúa Trời đã làm điều này, chính đức tin của Phao-lô mà Đức Chúa Trời đã tôn trọng. Ông quả là một lời chứng đối với mọi người trên con tàu bị sóng gió vùi dập này!

Phao-lô cảnh cáo họ (Công Vụ 27:27-32). Suốt hai tuần ở trên biển, con tàu đã bị trôi dạt 500 dặm lạc hướng, lênh đênh trên vùng biển Adrian (hiện nay được gọi là biển Ionian, đừng nhầm lẫn với biển A-đờ-ra-tích). Thủy thủ đoàn tiến hành thăm dò độ sâu thì thấy mực nước cạn (từ 120 bộ còn 90 bộ), nghĩa là ở gần đất liền. Tiếng gầm của sóng biển báo hiệu có nhiều đá ngầm gần tàu.

Để giữ cho tàu khỏi chạm rạn, họ thả bốn chiếc neo. Nhưng những người khác trong thủy thủ đoàn đã tìm cách thoát khỏi tàu bằng chiếc tam bản đã được mang theo trên tàu (*Công Vụ 27:16*). Đây không chỉ là một hành động ích kỷ mà còn là hành động nổi loạn và vô tín. Phao-lô đã cho mọi người biết lời hứa của Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ giữ an toàn tất cả những ai đi biển với ông trong hành trình này (*Công Vụ 27:24*). Đối với thủy thủ, bỏ con tàu trốn đi là đe dọa mạng sống của người khác. Liệu quân lính có hành động khôn ngoan hay không trong việc đứt dây cho chiếc tam bản rơi xuống, thật khó xác định, nhưng trong trường hợp khẩn cấp, thì phải có những biện pháp khẩn cấp.

Phao-lô nêu gương tốt (Công Vụ 27:33-38). Khi một người có đức tin nơi Đức Chúa Trời thì hành động rất đặc biệt! Thay vì ao ước hão huyền về một thay đổi (*Công Vụ 27:29*) hoặc tìm phương trốn thoát một cách ích kỷ (*Công Vụ 27:30*), Phao-lô sẵn sàng đối phó với những khó khăn lúc rạng đông. Không khó để hiểu vì sao mọi người đã nhịn ăn hai tuần lễ, nhưng bây giờ lại nghĩ đến việc ăn. Chăm sóc sức khỏe là một phần quan trọng của đời sống Cơ Đốc, và ngay cả một sứ đồ cũng không được hành hạ thân thể mình.

Phao-lô cầm bánh cầu nguyện dâng lời cảm tạ Đức Chúa Trời. (Đây là một gương tốt cho chúng ta noi theo

khi chúng ta ăn ở những nơi công cộng). Tấm gương của ông đã khích lệ người khác tham gia với ông, và chẳng bao lâu mọi người cảm thấy dễ chịu hơn. Có những lúc một tín hữu tận tụy thay đổi toàn bộ không khí của một tình thế, bằng cách đơn giản tin cậy Đức Chúa Trời và khiến đức tin đó rõ ràng cho người ta thấy được.

Phao-lô Đã Cứu Họ (Công Vụ 27:39-44). Đến sáng, viên hoa tiêu xem xét vị trí con tàu và cố gắng hết sức để đưa tàu vào bờ. Nhưng vô hiệu; con tàu bị mắc cạn và sóng biển bắt đầu đánh tan nát đuôi tàu. Hành khách phải nhảy xuống nước và lội vào đất liền.

Đĩ nhiên, quân lính lo sợ cho tù nhân, vì nếu một tù nhân trốn thoát, người lính phải chịu trách nhiệm và có thể bị giết. Một lần nữa, chính Phao-lô là người mà sự hiện diện của ông đã cứu mạng họ. Như Chúa đã hứa, tất cả họ được bình an vào bờ, và không một ai mất mạng. Tôi có cảm giác rằng Phao-lô đã chia sẻ Phúc Âm với các bạn tàu của ông và một số người đã tin Chúa sau biến cố này. Lu-ca không trình bày chi tiết cho chúng ta, nhưng Phao-lô không thể nào không chia sẻ Phúc âm.

Trước khi rời khỏi phân đoạn lý thú này của *Công Vụ Các Sứ Đồ*, chúng ta nên chú ý một số bài học thực tiễn. Trước hết, những cơn bão tố thường đến khi chúng ta bất tuân ý muốn Đức Chúa Trời – (Giô-na là một gương đích đáng về lẽ thật này). Tuy nhiên, không phải Phao-lô là người có lỗi mà là thầy đội. Đôi lúc chúng ta chịu khổ vì sự vô tín của người khác.

Thứ hai, trong những cơn bão tố bản chất con người hiện rõ ra. Một số thủy thủ đã ích kỷ tìm cách trốn thoát, những người khác ngồi chờ thời cơ, nhưng Phao-lô tin cậy Đức Chúa Trời và vâng theo ý muốn Ngài.

Thứ ba, cả những cơn bão dữ dội nhất cũng không thể che khuất Đức Chúa Trời hay ngăn trở những mục đích của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời vẫn tiếp tục cuộc hành trình đến Rô-ma của tôi tớ Ngài.

Cuối cùng, những tai nạn có thể cho chúng ta những

dịp tiện phục vụ người khác và làm chứng cho Chúa Giê-xu. Phao-lô là người có giá trị nhất trên con tàu đó! Ông biết cách cầu nguyện, ông có đức tin nơi Đức Chúa Trời, và ông giữ mối tương giao với Đấng Toàn Năng.

3. Phao-lô, Người Giúp Đỡ

Công Vụ Các Sứ Đồ 28:1-10

¹Đã được cứu như vậy rồi, chúng tôi mới biết cù lao đó tên là Man-tơ. ²Thổ nhân đãi chúng tôi một cách nhân từ hiếm có, tiếp rước chúng tôi thay thay gần kề đồng lửa lớn đã đốt, vì đang mưa và trời lạnh lẽo. ³Phao-lô lượm được một bó củi khô quăng vào trong lửa xây có một con rắn lục từ trong bó củi bị nóng bò ra, quấn trên tay người. ⁴Thổ nhân thấy con vật đeo thòng lòng trên tay người bèn nói với nhau rằng: Thật người này là tay giết người; nên dù được cứu khỏi biển rồi, nhưng lẽ công bình chẳng khứng cho sống! ⁵Nhưng Phao-lô rảy rắn lục vào lửa, chẳng thấy hề chi hết. ⁶Họ ngờ người sẽ bị sung lên, hoặc ngã xuống chết tức thì; nhưng đã đợi lâu rồi, chẳng thấy hại chi cho người, bèn đổi ý mà nói rằng thật là một vì thần. ⁷Trong chỗ đó, có mấy đám ruộng thuộc về người tù trưởng của đảo ấy, tên là Búp-li-u; người này đãi đằng chúng tôi cách mến khách lắm trong ba ngày. ⁸Vả, cha của Búp-li-u này đương nằm trên giường đau bệnh nóng lạnh và bệnh lỵ. Phao-lô đi thăm người, cầu nguyện xong, đặt tay lên và chữa lành cho. ⁹Nhân đó, ai nấy trong đảo có bệnh, đều đến cùng Phao-lô, và được chữa lành cả. ¹⁰Họ cũng tôn trọng chúng tôi lắm, và lúc chúng tôi đi, thì sửa soạn mọi đồ cần dùng cho chúng tôi.

Đức Chúa Trời đã đưa họ đến đảo Man-tơ (có nghĩa là “nơi ẩn náu”). Tại đây thổ dân đã tiếp đón tất cả 276 người rất tử tế. Đối với người Hy Lạp, bất cứ ai không nói tiếng Hy Lạp đều là “người dã man”. Những người này đã tỏ ra tử tế và đầy thông cảm. Cơ bão đã dịu đi, nhưng thời tiết lạnh, nên thổ dân nhóm một đồng lửa.

Sau khi cứu được các hành khách, Phao-lô vẫn khiêm tốn hòa mình với mọi người, cùng nhóm lửa với họ. Không có nhiệm vụ nào quá nhỏ bé đối với đầy tớ của Đức Chúa Trời (*Phi-líp 2:1-13*).

Một ngày mưa nọ, một người đàn ông đến Northfield cùng với hai phụ nữ khác để ghi tên con gái ông vào trường của D.L. Moody dành cho thiếu nữ. Ba người cần được giúp đỡ trong việc đem hành lý của họ từ ga xe lửa đến khách sạn vì vậy người khách gọi người đàn ông ăn mặc bình thường đang ngồi trên chiếc xe ngựa, cho rằng đây là gã đánh xe thuê đang kiếm khách. “Người đánh xe ngựa” nói ông đang đợi các sinh viên; người khách ra lệnh cho ông đưa họ đến khách sạn. Xong công chuyện, người khách ngạc nhiên khi người đánh xe không lấy tiền công và ông ta càng sửng sốt hơn khi khám phá rằng “gã đánh xe ngựa” chính là D.L. Moody! Moody làm lãnh đạo bởi vì ông biết cách làm một đầy tớ.

Tình tiết về con rắn nhắc chúng ta nhớ đến kinh nghiệm của Phao-lô ở thành Lít-tơ (14:6-18). Trước tiên, dân chúng nghĩ rằng Nữ Thần Công Lý của họ đã tóm được tù nhân nổi tiếng này. Số phận của người này là phải chết. Thoát được biển cả nhưng không thoát được rắn. Khi Phao-lô không bị sưng lên và chết, họ lại nghĩ rằng ông phải là một vị thần! Đó là những lý luận của những người xét đoán bề ngoài.

Con rắn của Sa-tan có phá hỏng chương trình của Chúa không? Cơn bão của biển cả cũng không tiêu diệt được Phao-lô. Chúng ta hãy nhớ rằng Chúa luôn luôn ở gần ta để che chở ta. Hãy kêu cầu Ngài khi gặp tai họa và đừng quên vinh danh Ngài khi tai qua nạn khỏi.

Phao-lô và những người cùng đi ở lại cù lao Man-tơ ba tháng, và nhờ Phao-lô, họ được đổi đũa cách nhân từ và nhận được những món quà rời rộng. Vì họ đã mất hết mọi thứ trong nạn đắm tàu, các hành khách rất biết ơn khi được giúp đỡ. Lu-ca không nói gì về sự rao giảng Phúc Âm trên đảo, nhưng chúng ta phải tin rằng Phao-lô đã chia sẻ Phúc Âm với bất cứ ai lắng nghe. Sự kiện ông được giải cứu kỳ diệu khỏi biển cả và khỏi con rắn, cùng quyền năng chữa bệnh của ông, chắc chắn sẽ thu hút sự quan tâm của dân chúng, và Phao-lô luôn luôn

dành sự vinh hiển cho Chúa (*Ma-thi-ơ* 5:16).

4. Phao-lô, Người Rao Giảng

Công Vụ Các Sứ Đồ 28:11-31

¹¹Sau đó ba tháng, chúng tôi xuống tàu ở A-léc-xan-tri mà đi, là tàu đã qua mùa đông tại đảo đó, và có hiệu là *Đi-ốt-cua*. ¹²Tới thành *Sy-ra-cu-sơ* rồi, chúng tôi ở lại đây ba ngày. ¹³Từ nơi đó, chạy theo mé biển *Si-si-lơ*, tới thành *Rê-ghi-um*. Đến ngày mai, vì gió nam nổi lên, nên sau hai ngày nữa chúng tôi tới thành *Bu-xô-lơ*. ¹⁴Ở đó gặp anh em mời chúng tôi ở lại với bảy ngày; rồi thì đi đến thành *Rô-ma*. ¹⁵Anh em trong thành này nghe nói về chúng tôi, bèn ra đến *Phô-rum Áp-bi-u* và chỗ *Ba-Quán* mà đón rước chúng tôi. Phao-lô thấy anh em, thì cảm tạ Đức Chúa Trời và vững chí.

¹⁶Khi chúng tôi đã đến thành *Rô-ma*, Phao-lô được phép ở riêng với một người lính canh giữ. ¹⁷Sau ba ngày, người mời các trưởng lão trong dân *Giu-đa* nhóm lại; đến rồi, người nói rằng: Hỡi anh em ta, dẫu tôi chẳng từng làm điều gì nghịch cùng dân chúng hoặc cùng thói tục tổ phụ chúng ta, mà tôi còn bị bắt tại thành *Giê-ru-sa-lem* và nộp trong tay người *Rô-ma*. ¹⁸Những người này đã xét việc tôi rồi, thì muốn tha ra, vì tôi chẳng hề làm điều gì đáng chết. ¹⁹Song người *Giu-đa* chống cự điều đó, nên buộc tôi kêu nài đến *Sê-sa*, nhưng chẳng phải có ý kiện bốn quốc ta đâu. ²⁰Ấy vì cơ đó mà tôi đã xin gặp anh em và nói chuyện với, vì là bởi sự trông cậy của dân *Y-sơ-ra-ên* nên tôi mang lấy xiềng này. ²¹Các người ấy trả lời rằng: Chúng tôi chẳng tiếp thư từ xứ *Giu-đê* nói về việc anh, và chẳng ai trong anh em đã đến mách cho chúng tôi hay là nói xấu về anh nữa. ²²Dù vậy, chúng tôi muốn biết anh nghĩ làm sao; vì về phần đạo này, chúng tôi biết người ta hay chống nghịch khắp mọi nơi.

²³Họ đã hẹn ngày với người, bèn đến thăm tại nơi nhà trọ rắt đông; từ buổi sáng đến chiều, người cứ làm chứng và giảng giải với họ về nước Đức Chúa Trời, lấy luật pháp *Môi-se* và các đấng tiên tri mà gắng sức khuyên bảo họ về Đức Chúa *Giê-xu*. ²⁴Có người chịu tin lời người nói, có kẻ chẳng tin. ²⁵Bởi chung họ không đồng ý với nhau và ra về, nên Phao-lô chỉ nói thêm một lời này: Đức Thánh Linh đã phán phải lắm, khi Ngài dùng đấng tiên tri *Ê-sai* mà phán cùng tổ phụ các người rằng: ²⁶Hãy đến nơi dân này và nói rằng:

Các người lấy lỗ tai nghe mà chẳng hiểu chi;

Lấy mắt xem mà không thấy gì.

²⁷Vì lòng dân này đã nặng nề;

Họ bịt lỗ tai,

Nhắm mắt lại.

E rằng mắt mình tự thấy,

Tai mình tự nghe,

Lòng mình tự hiểu,

Và họ trở lại

Mà ta chữa cho lành được chẳng.

²⁸Vậy, hãy biết sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời này đã sai đến cho người ngoại; những người đó sẽ nghe theo vậy. (Có bản khác có câu ²⁹ rằng: Khi người nói xong, thì các người Giu-đa đi ra, cãi lầy cùng nhau dữ lắm.)

³⁰Phao-lô ở trọn hai năm tại một nhà trọ đã thuê. Người tiếp rước mọi người đến thăm mình, ³¹giảng về nước Đức Chúa Trời, và dạy dỗ về Đức Chúa Giê-xu Christ cách tự do trọn vẹn, chẳng ai ngăn cấm người hết.

Có phải tất cả 276 người đã lên con tàu ở A-léc-xan-tri, hay chỉ Giu-lơ cùng lính canh của ông và các tù nhân, chúng ta không biết. Chúng ta cũng không biết vì sao Lu-ca nói đến tên con tàu. Trong thần thoại Hy Lạp, “Castor và Pollux” là tên của hai con trai song sinh của Thần Dớt và được tôn kính như những thần bảo hộ của những người đi biển. Nhiều chiếc tàu Rô-ma đã mang hình ảnh các thần này để hộ mạng. Mất tám mươi dặm đến thành Sy-ra-cu-sơ, bảy mươi dặm nữa đến thành Rê-gi-um, và khoảng một trăm tám mươi dặm đến thành Bu-xô-lơ, cảng của thành phố Naples (Nam Italy). Thời gian này “gió nam” giúp hành trình của họ nhanh chóng và an toàn.

Ở Bu-xô-lơ Phao-lô và các bạn ông, cùng Giu-lơ và các tù nhân khác với lính canh, được các tín hữu nài nỉ ở lại và nghỉ ngơi một tuần. Giu-lơ đồng ý. Thầy đội biết rằng Phao-lô đã cứu mạng họ, và có lẽ ông cũng quan tâm đến các đề nghị của các Cơ Đốc nhân trên đảo này.

Chúng ta không biết tin Phao-lô đến Rô-ma cách nào. A-ri-tạc không đi với Phao-lô và Lu-ca trên chiếc tàu chở

lúa thóc, có lẽ ông đi đường bộ đến Rô-ma, và gặp các bạn của Phao-lô (ít nhất hai mươi sáu người được kể tên trong *Rô-ma* 16:1-27). Hoặc giả một đoàn đại diện từ Sê-sa-rê đã đi thẳng đến Rô-ma vào lúc Phao-lô kêu nài lên Sê-sa.

Giu-ơ và những người cùng đi đã theo con đường Appian nổi tiếng và đi 125 dặm từ Bu-xô-lơ đến Rô-ma. Nhóm Cơ Đốc nhân thứ nhất đã gặp Phao-lô tại Phô-rum Áp-bi-u, cách Rô-ma khoảng bốn mươi ba dặm, và nhóm thứ hai đã gặp ông tại Ba Quán gần thành hơn. Phao-lô được khích lệ vô cùng khi ông gặp họ. Giờ đây ông có thể thông công với các thánh đồ và mỗi người là một phước hạnh đối với nhau.

Mối quan tâm lớn nhất của Phao-lô là làm chứng cho dân Do Thái ở Rô-ma. Họ không nhận tin tức đặc biệt nào về Phao-lô, nhưng họ đã biết rằng “giáo phái Cơ Đốc” đang bị phản đối ở nhiều nơi (*Công Vụ* 28:21-22). Khi bạn đọc thư Phao-lô gửi cho người Rô-ma, bạn có cảm tưởng rằng dân Do Thái ở Rô-ma không hiểu một số điều dạy dỗ của ông (*Rô-ma* 3:8; 14:1-23). Vị sứ đồ đã cho biết rõ rằng sự kêu nài lên Sê-sa của ông không nên bị giải thích như một cáo trạng đối với quốc gia của ông. Thật ra, ông là một tù nhân *nhân danh* quốc gia mình và “sự hy vọng của Y-sơ-ra-ên.”

Vào ngày đã hẹn, Phao-lô dành thời gian “từ buổi sáng đến chiều” giải thích Kinh Thánh và bày tỏ Đấng Christ qua luật pháp và các tiên tri. Ông đã “đối thoại” cách này với dân Do Thái từ nhà hội này đến nhà hội khác, và giờ đây ông đang chia sẻ Lời Chúa với các lãnh đạo của nhiều nhà hội ở Rô-ma.

Kết quả? Một số người tin và một số không tin. Khi các lãnh đạo Do Thái rời khỏi nhà Phao-lô, họ vẫn tranh cãi nhau! Nhưng Phao-lô đã trung tín làm chứng cho dân Do Thái ở Rô-ma, và giờ đây ông quay sang dân ngoại.

Phao-lô đã trích dẫn lời của Ê-sai cho những người này (*Ê-sai* 6:9-10), những lời mô tả tình trạng thuộc linh

bi thảm của họ. Chúa Giê-xu đã sử dụng đoạn Kinh Thánh này nối tiếp với những ví dụ của Ngài về vương quốc (*Ma-thi-o* 13:13-15; *Mác* 4:12; *Lu-ca* 8:10). Sứ đồ Giăng trong sách Phúc Âm của ông đã áp dụng những lời ấy cho Y-sơ-ra-ên (*Giăng* 12:39-40), và Phao-lô đã trích dẫn những lời ấy trong thư tín *Rô-ma* của ông (11:7-8). *Lắng nghe* là một chuyện và *tin* theo là chuyện hoàn toàn khác. Và có một sự khác nhau giữa *hiểu* và *linh hội*. Nếu có ai có sự hiểu biết thuộc linh, đó phải là các lãnh đạo Do Thái, nhưng lòng họ cứng cõi. Thường thường những ai hưởng các đặc quyền thuộc linh nhiều nhất đều không sẵn sàng khi phải thực hiện những quyết định thuộc linh.

Nhưng sự vô tín của họ không ngăn cản được sứ mạng về Phúc Âm của Phao-lô! Ông đã tuyên bố rằng Phúc Âm mà một số người Do Thái đã chối bỏ sẽ được rao cho dân ngoại. Đây là một trong những chủ đề chính của *Công Vụ Các Sứ Đồ*, Phúc Âm đã đi từ dân Do Thái đến dân ngoại và từ Giê-ru-sa-lem đến Rô-ma. Nếu không có sách *Công Vụ Các Sứ Đồ* chúng ta sẽ tra cứu Kinh Thánh Tân Ước từ *Phúc Âm Giăng* đến thư *Rô-ma* mà vẫn không hiểu "Phúc Âm từ dân Do Thái ở Giê-ru-sa-lem đến với dân ngoại ở Rô-ma cách nào."

Phao-lô mở rộng cửa và tiếp bất cứ ai muốn thảo luận về Vương quốc của Đức Chúa Trời. Ông đã bị xích với một lính canh, mỗi 6 giờ một phiên gác. Các lính canh này buộc phải lắng nghe khi Phao-lô rao giảng, dạy dỗ và cầu nguyện. Đương nhiên một số người đã được cứu! (*Phi-líp* 1:12-14; 4:22).

Suốt hai năm ở Rô-ma, Phao-lô viết thư tín *Phi-líp*, *Ê-phê-sô*, *Cô-lô-se* và *Phi-lê-môn*. Ông mong được tha ra (*Phi-lê-môn* 1:22; *Phi-líp* 1:23-27; 2:24) và đa số các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng ông đã được tha. Suốt thời gian này, ông có Ti-mô-thê ở cùng (*Phi-líp* 1:1; 2:19; *Cô-lô-se* 1:1) cũng như Giăng Mác, Lu-ca, A-ri-tạc, Ê-pháp-ra, Giúc-tu và Đê-ma (*Cô-lô-se* 4:10-14; *Phi-lê-môn* 1:24).

Ông cũng đã gặp người đầy tớ bỏ trốn của Phi-lê-môn là Ô-nê-sim và dẫn dắt người ấy đến đức tin trong Đấng Christ (*Phi-lê-môn* 1:10-21). Ép-ba-phô-đích đã đem đến cho ông một món quà từ Hội Thánh Phi-líp và suýt chết khi giúp đỡ Phao-lô (*Phi-líp* 2:25-30; 4:18). Ti-chi-cơ, “người đưa thư” của Phao-lô đã chuyển thư Ê-phê-sô (*Ê-phê-sô* 6:21), Cô-lô-se, và *Phi-lê-môn* (*Cô-lô-se* 4:7-9).

Bác sĩ Lu-ca đã kết thúc sách trước khi vụ kiện của Phao-lô được xử, nên ông không thể trình bày cho chúng ta những kết quả của cuộc xét xử. Chúng ta có mọi lý do để tin rằng Phao-lô thật đã được tha và ông đã tiếp tục chức vụ trở lại, có thể đi đến Tây Ban Nha (*Rô-ma* 15:24, 28). Suốt giai đoạn này (năm 63-66/ 67 S.C.), ông đã viết thư cho Ti-mô-thê và Tít. Ông đã để Tít ở lại Cơ-rét (*Tít* 1:5), Trô-phi-m đang ốm ở thành Mi-lê (*II Ti-mô-thê* 4:20) và Ti-mô-thê ốm ở Ê-phê-sô (*I Ti-mô-thê* 1:3). Ông có kế hoạch thăm viếng một số người giúp đỡ ông ở thành Ni-cô-bô-li (*Tít* 3:12-13) sau khi ông đã thăm viếng một số Hội Thánh do ông thành lập. Bất cứ nơi đâu ông đến, ông tìm cách đem dân Do Thái và dân ngoại đến với đức tin trong Đấng Christ.

Ông đã bị bắt lần nữa, có thể khoảng năm 67, và lần này hoàn cảnh của ông đã thay đổi sâu xa. Ông không sống trong nhà, nhưng bị xiềng trong ngục và bị đối xử như một tội phạm (*II Ti-mô-thê* 1:16; 2:9). Mùa đông sắp đến, ông yêu cầu Ti-mô-thê đem cho ông áo choàng (*II Ti-mô-thê* 4:13). Nhưng điều buồn nhất về sự giam cầm lần thứ hai này là việc ông bị các tín hữu ở Rô-ma bỏ rơi (*II Ti-mô-thê* 4:16-17). Vị Sứ đồ cao trọng đối với dân ngoại đã bị chính dân mà ông giúp đỡ bỏ rơi.

Cả Ê-đê-ma cũng bỏ rơi ông, và chỉ có Lu-ca ở cùng ông (*II Ti-mô-thê* 4:10-11). Gia đình của Ô-nê-si-phô-rơ đã giúp đỡ ông (*II Ti-mô-thê* 1:16-18), nhưng ông mong mỏi Ti-mô-thê và Mác đến ở với ông (*II Ti-mô-thê* 1:4; 4:9, 21). Phao-lô biết rằng sự cuối cùng sắp đến (*II Ti-mô-thê* 4:6-8). Khẩu truyền cho rằng ông đã bị xử chém tại Rô-

ma vào năm 67/68 S.C.

Lu-ca đã không viết sách chỉ để ghi lại lịch sử cổ đại mà để khích lệ Hội Thánh ở mỗi thời đại trung tín với Chúa và đem Phúc Âm đến đầu cùng trái đất. Charles Spurgeon đã nói: “Công trình nào được khởi sự trong tinh thần anh hùng cao độ thì sẽ được kế tục bằng nhiệt tình nồng nàn, vì chúng ta tin chắc rằng chính Chúa toàn năng vẫn thực hiện những dự định Thiên Thượng của Ngài.”

“Này ta ở cùng các ngươi luôn.”

Đúng vậy! Hãy Can Đảm!

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 12

Công Vụ Các Sứ Đồ 27, 28

1. Phao-lô hoàn thành bốn vai trò quan trọng nào trong cuộc hành trình đến Rô-ma? Những nhiệm vụ ấy dạy gì về Cơ Đốc giáo cho những người mà Phao-lô tiếp xúc?
2. Cho biết thế nào Lời hứa của Đức Chúa Trời với Phao-lô về chuyến đi Rô-ma đã được hoàn thành tốt đẹp ngoài sự mong mỏi của Phao-lô.
3. Thái độ của Phao-lô qua cơn bão tố có nói lên được đức tin của ông không?
4. Làm sao để một tín hữu có thể giữ được đức tin trong cơn nguy biến?
5. Những chương sách này cho chúng ta biết gì về sự mạo hiểm, ý muốn, sự hiện diện, và quyền năng của Đức Chúa Trời?
6. Có khi nào chúng ta rơi vào những cơn bão tố không?
7. Phao-lô khích lệ thủy thủ và hành khách trên tàu như thế nào?
8. Tác giả cho ta những bài học cụ thể nào khi gặp những cơn bão tố trong đời sống?
9. Cho biết mối quan tâm lớn nhất của Phao-lô khi ông đến Rô-ma.
10. Tại sao Lu-ca viết sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*? Quyển sách này chấm dứt vào thời điểm nào của cuộc đời Phao-lô?

Công Vụ Các Sứ Đồ 13-28

TẠI SAO PHẢI SỐNG BÊN LỀ CUỘC ĐỜI?

Đức Chúa Trời trang bị và kêu gọi những người bình thường làm việc phi thường cho Ngài. Qua đó, Warren Wiersbe giải đáp các câu hỏi:

- Ôn kêu gọi là gì?
- Đức Chúa Trời trang bị cho đầy tớ Ngài như thế nào?
- Làm sao để biết ý muốn của Đức Chúa Trời cho đời sống?
- Đức Chúa Trời có chương trình gì cho cả thế giới?

Đừng thụ động đứng nhìn sự việc diễn ra trước mắt! Phải mạnh mẽ, nhận lấy trách nhiệm của một Cơ Đốc nhân và phục vụ ngay tại chỗ mình đang ở.

Bây giờ là thì thuận tiện. DỪNG ĐỂ MẮT CƠ HỘI.

☐ Có thêm phần câu hỏi nghiên cứu và thảo luận sau mỗi chương trong tập sách này

Warren W. Wiersbe

Tiến sĩ Warren W. Wiersbe là giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng trên các làn sóng phát thanh. Ông từng làm mục sư tại Hội Thánh Moody Church, Chicago và giáo sư về môn giảng luận tại Trường viện Grand Rapids Baptist Seminary. Ông đã viết trên 100 cuốn sách, trong đó bộ Giải Nghĩa Kinh Thánh này - BE SERIES - đã ấn hành trên 4 triệu bản.



văn phẩm nguồn sống

Vietnam Ministries, Inc.

P.O. Box 4568, Anaheim, CA 92803

(714) 758-VPNS 758-8767

Fax: (714) 535-3943